

*Vững bước*  
**TIỀN PHONG**  
Always as the pioneer



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2024**  
2024 ANNUAL GENERAL SHAREHOLDERS MEETING



## MỤC LỤC

Table of contents

05

### **Tổng quan về Tập Đoàn Tân Tạo**

Overview of Tan Tao Group

06

### **Các sự kiện nổi bật năm 2023 của Tập đoàn**

Tan Tao Group's Top Events in 2023

19

### **Những cột mốc quan trọng của Tập Đoàn Tân Tạo**

Key Milestones of Tan Tao Group

41

### **Báo cáo tình hình quản trị công ty**

Administration Report Of Itaco

78

### **Báo cáo tổng kết năm 2023 & kế hoạch 2024**

Summary report of 2023 and plan for 2024

100

### **Báo cáo của Ban Kiểm soát**

Supervisory Board Report

117

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Consolidated Financial Statement

184

### **Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024**

Draft Resolution of Annual General Shareholders Meeting 2024



# TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN TÂN TẠO

OVERVIEW OF TAN TAO GROUP



## TRIẾT LÝ KINH DOANH BUSSINESS PHILOSOPHY

THÀNH CÔNG  
CỦA CÁC BẠN LÀ  
THÀNH CÔNG  
CỦA CHÚNG TÔI  
Your Success Is Our Success

## MISSION

*To Be A Leading Pioneer In Industrial Park, Energy & Infrastructure Development whilst helping to provide a better future for the citizens of Vietnam.*

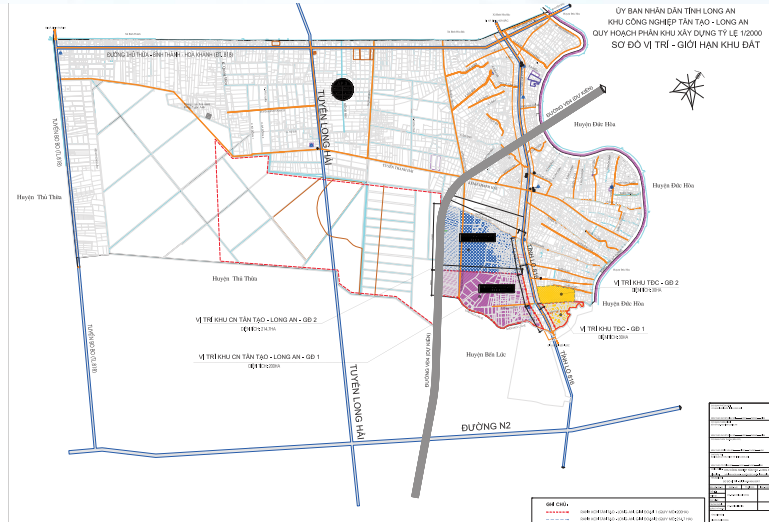
# 01

**DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH HOÀ NAM 2 DIỆN TÍCH 415 HA, DO TẬP ĐOÀN TÂN TẠO ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ TẠI HUYỆN ĐỨC HUỆ, TỈNH LONG AN ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG PHÊ DUYỆT ĐƯA VÀO QUY HOẠCH TỈNH LONG AN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050**

**THE BINH HOA NAM 2 INDUSTRIAL PARK PROJECT, COVERING AN AREA OF 415 HECTARES, REGISTERED BY TAN TAO GROUP FOR INVESTMENT IN DUC HUE DISTRICT, LONG AN PROVINCE, HAS BEEN APPROVED BY THE PRIME MINISTER FOR INCLUSION IN THE LONG AN PROVINCIAL PLAN FOR THE PERIOD 2021-2030, WITH A VISION TOWARDS 2050.**

Với kinh nghiệm gần 30 năm đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp, Tập đoàn Tân Tạo nhận định tiềm năng phát triển KCN tại huyện Đức Huệ, với lợi thế có nguồn quỹ đất tại xã Bình Hòa Nam huyện Đức Huệ, Ban Lãnh đạo Tập đoàn giao Công ty Cổ phần Đầu Tư Đô Thị Sài Gòn – Mekong nghiên cứu triển khai lập Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Dự án Khu Công nghiệp Bình Hòa Nam 2 giai đoạn 1 quy mô 200ha.

Mục tiêu xây dựng một khu công nghiệp hiện đại, sạch, chủ yếu bố trí các nhà máy, xí nghiệp thuộc loại ngành công nghiệp không ô nhiễm hoặc ít ô nhiễm môi trường. Các ngành nghề kêu gọi đầu tư gồm: Điện – điện tử, năng lượng sạch, thực phẩm, chế biến hóa mỹ phẩm, cơ khí chính xác, kho bãi logistics, viễn thông ...



*With nearly 30 years of experience in investing in and developing industrial park infrastructure, Tan Tao Group believes in the development potential of industrial parks in Duc Hue district, with the advantage of having a land fund in Binh Hoa Nam commune, Duc Hue district. The Tan Tao Group's Board of Directors has instructed Saigon - Mekong City Investment Corporation to study and implement the investment project to construct and operate infrastructure for Binh Hoa Nam 2 Industrial Park Project Phase 1 with a scale of 200 hectares. The goal is to build a modern and clean industrial park, mainly focusing on factories and enterprises in the non-polluting or low-polluting industries. The industries to be attracted for investment include: Electricity - electronics, clean energy, food, cosmetics processing, precision mechanics, logistics warehouses, telecommunications, etc.*

Ngày 13/6/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 686/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó có Dự án Khu công nghiệp Bình Hòa Nam 2 tại xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ, thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ giai đoạn 1 diện tích 200ha, giai đoạn 2 diện tích 215ha có tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh Long An được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.

On June 13, 2023, the Prime Minister issued Decision No. 686/QĐ-TTg approving the Long

*An province planning for the period 2021-2030, with a vision to 2050. This includes the Binh Hoa Nam 2 Industrial Park Project in Binh Hoa Nam commune, Duc Hue district, implemented according to the land use targets allocated in Phase 1 with an area of 200 hectares, Phase 2 with an area of 215 hectares, potentially newly established if Long An province is supplemented and adjusted with planning targets and land use plans.*

Ngày 26/7/2023, UBND tỉnh Long An đã có văn bản số 6703/UBND-KTTC về việc thống nhất danh mục đồ án quy hoạch xây dựng các Khu công nghiệp và phân khu trong khu kinh tế trong địa bàn tỉnh. Trong đó có Quy hoạch 1/2000 Khu công nghiệp Bình Hòa Nam 2.

*On July 26, 2023, the People's Committee of Long An province issued document No. 6703/UBND-KTTC agreeing on the list of construction planning projects for industrial parks and sub-zones within the economic zone in the province. This includes the 1/2000 Planning of Binh Hoa Nam 2 Industrial Park.*

Quyết định số 686/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là tín hiệu vui đối với Tập đoàn Tân Tạo, với kinh nghiệm và thực lực Tập đoàn Tân Tạo tin tưởng và cam kết sẽ triển khai thực hiện thành công Dự án tại xã Bình Hòa Nam huyện Đức Huệ nếu được Chính phủ phê duyệt.

*Decision No. 686/QĐ-TTg of the Prime Minister is a good signal for Tan Tao Group. With experience and strength, Tan Tao Group believes and commits to successfully implementing the project at Binh Hoa Nam commune, Duc Hue district if approved by the Government.*



**HOÀN THÀNH 85% CƠ SỞ HẠ TẦNG GIAI ĐOẠN 2 KHU CÔNG NGHIỆP TÂN ĐỨC**  
**85% OF THE INFRASTRUCTURE FOR PHASE 2 OF TAN DUC INDUSTRIAL PARK HAS BEEN COMPLETED.**

Trong năm 2023, KCN Tân Đức tiếp tục đẩy mạnh công tác san lấp nền tại các lô đất đường số 17, hoàn thành hệ thống đường giao thông trục chính của đường 15A-15B, hoàn thiện hệ thống cấp điện, cấp nước và thi công các tuyến đường số 10, 14, 16, 17, 19 và đường 22, nhà máy xử lý nước thải với công suất 4.500m<sup>3</sup>/ngày đã đi vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu vận hành của các nhà máy trong Khu Công nghiệp, tính đến cuối năm 2023 đã hoàn thành 85% cơ sở hạ tầng giai đoạn 2 KCN Tân Đức.

*In 2023, Tan Duc Industrial Park advanced its land leveling efforts on lots along Road No. 17, completed the primary traffic system of Roads 15A-15B, and finalized the electrical and water supply systems. Additionally, construction was carried out on Roads 10, 14, 16, 17, 19, and 22, while the wastewater treatment plant with a capacity of 4,500m<sup>3</sup>/day became operational, meeting the operational needs of the factories within the Industrial Park. By the end of 2023, 85% of the infrastructure for Phase 2 of Tan Duc Industrial Park had been completed.*

Hiện nay, KCN Tân Đức Giai đoạn 2 có quỹ đất sạch lên đến 70ha với cơ sở hạ tầng đã được hoàn thiện, sẵn sàng đáp ứng cho dự án đầu tư quy mô lớn. Đây là một trong số ít



KCN hiện nay còn quỹ đất sạch lớn, liền thửa, thuận lợi tiếp nhận các dự án của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, sử dụng công nghệ cao và các lĩnh vực sản xuất các sản phẩm có nhiều đơn vị sản xuất phụ trợ (doanh nghiệp vệ tinh) như nhóm ngành điện – thiết bị điện tử viễn thông, ngành sản xuất cơ khí – ô tô, ngành gỗ và trang trí nội thất, ngành sản xuất thực phẩm... Đồng thời KCN sẵn sàng đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô nhà máy

trong tương lai của nhà đầu tư.

*Currently, Phase 2 of Tan Duc Industrial Park has a land reserve of 70 hectares with completed infrastructure, ready to accommodate large-scale investment projects. It remains one of the few industrial parks with substantial, contiguous, clean land available, facilitating the reception of high-tech projects from both domestic and international investors. This includes sectors such as electronics, telecommunications, mechanical manufacturing, automotive, wood and furniture manufacturing, and food production. The park is also poised to meet future expansion needs of investors' manufacturing facilities.*

Kế hoạch năm 2024, Công ty Tân Đức sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư hoàn thành kết cấu hạ tầng KCN Tân Đức giai đoạn 2 để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công tác thu hút đầu tư cũng như sự hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp.

*For 2024, Tan Duc Investment Corporation plans to continue investing in and completing the infrastructure for Phase 2 of Tan Duc Industrial Park, aiming to maximize investment attraction efficiency and ensure optimal operations for secondary businesses.*

03

**TỔ CHỨC HỘI THẢO VỀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN HỒ SƠ MÔI TRƯỜNG THEO LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2020 CHO CÁC DOANH NGHIỆP TRONG KCN TÂN ĐỨC VÀ HOÀN TẤT HỒ SƠ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG THEO QUY ĐỊNH CHO KCN TÂN ĐỨC GIAI ĐOẠN 1 VÀ GIAI ĐOẠN 2**

***Organized a seminar on the guidelines for preparing environmental documentation in compliance with the Environmental Protection Law 2020 for enterprises within Tan Duc Industrial Park and completed the documentation required for obtaining environmental permits for Phase 1 and Phase 2 of Tan Duc Industrial Park.***

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, Công ty CP Đầu tư Tân Đức đã tổ chức Hội thảo về hướng dẫn thực hiện hồ sơ môi trường theo Luật Bảo vệ Môi trường 2020. Tham gia Hội thảo có đại diện Ban QL KKT tỉnh Long An, lãnh đạo Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường và hơn 100 đại diện Doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Tân Đức.

On December 20, 2023, Tan Duc Investment Corporation organized a seminar on the implementation of environmental documentation in accordance with the Environmental Protection Law 2020 for enterprises within the Tan Duc Industrial Park. The seminar was attended by representatives from the Long An Economic Zone Management Board, leaders from the Anti-Corruption, Economic Crimes, Smuggling, and Environmental Police Department, as well as over 100 business representatives from Tan Duc Industrial Park.



Tại Hội thảo, các Doanh nghiệp đã được tuyên truyền, phổ biến và phân tích những nội dung chính của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đối với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Hội thảo tập trung vào các nội dung liên quan trực tiếp đến hoạt động doanh nghiệp như: Tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thay đổi nội dung đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường; tước quyền sử dụng, thu hồi giấy phép môi trường; ứng phó sự cố môi trường...

During the seminar, participants were informed and educated about the main provisions of the Environmental Protection Law 2020 and Decree No. 45/2022/NĐ-CP dated July 7, 2022, which outlines administrative penalties in the field of environmental protection. The focus was on aspects directly affecting business operations, including environmental criteria for classifying investment projects, environmental impact assessment, modifications to environmental impact assessments, environmental permits, revocation or suspension of environmental permits, and environmental incident response.

Sau được hướng dẫn về nội dung triển khai Luật BVMT năm 2020, đại diện các doanh nghiệp và đại biểu tham dự đã trao đổi, thảo luận về những nội dung trong việc triển khai thực hiện hồ sơ môi trường theo quy định.

Following the guidance on the implementation of the Environmental Protection Law 2020, the participating businesses and representatives engaged in discussions regarding the new environmental documentation requirements.

Thông qua hội thảo, các doanh nghiệp trong KCN Tân Đức đã thực hiện các thủ tục, hồ sơ môi trường cho dự án theo quy định mới của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án và tránh các rủi ro pháp lý cho các nhà đầu tư.

Through this seminar, businesses within Tan Duc Industrial Park were able to complete their environmental procedures and documentation in compliance with the new regulations, thereby accelerating project implementation and mitigating legal risks for investors.

Cuối năm 2023, Công ty Tân Đức đã hoàn tất hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định mới của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cho KCN Tân Đức Giai đoạn 1 và 2.

*By the end of 2023, Tan Duc Investment Corporation had completed the documentation to apply for environmental permits for Phase 1 and Phase 2 of Tan Duc Industrial Park under the new Environmental Protection Law 2020.*

## 04

### **TRAO TẶNG 1.000 THẺ BHYT ĐỢT 2 VÀ THĂM KHÁM SỨC KHỎE MIỄN PHÍ CHO NGƯỜI DÂN CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN**

***Distribution of 1000 Health Insurance Cards in second batch and Free Health Checkups to disadvantaged residents***



Ngày 03/03/2023, tại Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo, UBND huyện Đức Hòa phối hợp cùng đơn vị tài trợ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức tổ chức trao thẻ Bảo hiểm y tế đợt 2 cho người dân có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.

*On March 3, 2023, at Tan Tao Medical University Hospital, the People's Committee of Duc Hoa District, in collaboration with Tan Duc Investment Corporation, organized the second phase of distributing health insurance cards to disadvantaged local*

*residents.*

Trong đợt 2, Ban Tổ chức đã trao 568 thẻ bảo hiểm y tế cho người dân thuộc các xã, thị trấn gồm thị trấn Đức Hòa, xã Đức Hòa Hạ, xã Đức Hòa Đông, xã Mỹ Hạnh Nam, xã Mỹ Hạnh Bắc, xã Đức Lập Hạ, xã Đức Lập Thượng và xã Hòa Khánh Nam.

*During this second batch, 568 health insurance cards were distributed to residents from various communes and towns, including Duc Hoa Town, Duc Hoa Ha Commune, Duc Hoa Dong Commune, My Hanh Nam Commune, My Hanh Bac Commune, Duc Lap Ha Commune, Duc Lap Thuong Commune, and Hoa Khanh Nam Commune.*

Tổng kinh phí trao tặng đợt 2 hơn 457 triệu đồng do Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức tài trợ.

*The total sponsorship for this second batch amounted to over VND 457 million, funded by Tan Duc Investment Corporation.*

Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo cũng tổ chức thăm khám sức khỏe và cấp thuốc miễn phí cho người dân được nhận thẻ bảo hiểm y tế.

*Tan Tao Medical University Hospital provided free health checkups and medication to the recipients of the health insurance cards.*

Trong năm 2023, Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo đã tổ chức 19 đoàn khám sức khỏe thiện nguyện ngoại viện và nội viện tại nhiều cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện Đức Hòa, nhằm thu hút sự quan tâm và tiếp cận các dịch vụ y tế cho người dân.

*Throughout 2023, Tan Tao Medical University Hospital organized 19 volunteer health screening teams, both on-site and off-site, in various communities within Duc Hoa District. This initiative aimed to increase access to medical services for residents.*



Bệnh viện đã phối hợp cùng UBND các Xã, Thị trấn, Liên đoàn Lao động Huyện, các Hội/Đoàn thể của Mặt trận Tổ quốc các xã tổ chức tư vấn, khám tầm soát tổng quát bệnh lý các chuyên khoa, cận lâm sàng (siêu âm, điện tâm đồ) và cấp phát thuốc miễn phí cho người cao tuổi, người có gia cảnh khó khăn, người có công với Cách mạng tại các cơ sở hành chính, công ty, tôn giáo trong các sự kiện y tế tiêu điểm của năm.

*Tan Tao Medical University Hospital collaborated with local authorities, including the People's Committees of the communes and towns, the district's Labor Union, and various socio-political organizations, to provide comprehensive health consultations and screenings. These included specialized examinations, diagnostic imaging (ultrasound, electrocardiograms), and free medication distribution for the elderly, economically disadvantaged individuals, and war veterans. These activities were conducted at administrative centers, companies, and religious establishments during key health events of the year.*

Sự kiện thu hút sự quan tâm và tham gia của gần 1,200 người dân thuộc các nhóm khách hàng tiềm năng trên địa bàn. Tổng chi phí thiện nguyện ước tính 2 tỷ đồng.

*The event attracted nearly 1,200 residents from various target groups in the area, with an estimated total expenditure of VND 2 billion for the volunteer health services.*



Trường Đại học Tân Tạo và Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo đã tham gia tổ chức “Techfest Long An 2023” diễn ra trong 02 ngày 04-05/11/2023 tại Trường Đại học Tân Tạo với mục tiêu thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong một số lĩnh vực mà Việt Nam có thế mạnh, thu hút được sự đầu tư.

*Tan Tao University and Tan Tao Medical University Hospital participated in organizing the “Techfest Long An 2023” event, it takes place over 2 days, from November 4 to 5, 2023, at Tan Tao University, with the purpose of fostering innovative startups in key sectors where Vietnam holds competitive advantages, thereby attracting significant investment.*

Là đơn vị phối hợp, chịu trách nhiệm chăm sóc sức khỏe, Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo đã làm tròn trách nhiệm trong “Techfest Long An 2023”. Chuẩn bị sẵn sàng đội ngũ y bác sĩ, dụng cụ, phương tiện y tế và các phương án hành động ứng cứu nếu có xảy ra sự cố về sức khỏe cho tất cả thành viên tham sự Ngày hội.

*As a coordinating entity responsible for healthcare services, Tan Tao Medical University Hospital effectively fulfilled its duties at “Techfest Long An 2023”. The hospital ensured the readiness of its medical team, equipment, and emergency response plans to address any health incidents for all participants.*

Là đơn vị đăng cai, Đại học Tân Tạo đã tổ chức thành công “Techfest Long An 2023”, tại phiên khai mạc Ngày hội có gần 60 gian hàng đăng ký tham gia triển lãm, trong đó có 30 doanh nghiệp có các sản phẩm khoa học và công nghệ, nhiều sản phẩm của các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo trẻ, cùng các doanh nghiệp của các tỉnh bạn và đối tác, doanh nghiệp các địa phương tham gia.

*As the host institution, Tan Tao University successfully organized “Techfest Long An 2023”, which featured nearly 60 exhibition booths at the opening session. These included 30 enterprises showcasing scientific and technological products, numerous innovative products from young startups, and participation from businesses across various provinces and partner organizations.*

Các hoạt động diễn ra sôi nổi, thu hút hàng trăm sinh viên tham dự, hoạt động ra mắt HUB các Làng: Làng HS-SV tại Long An do trường Đại học Tân Tạo làm đầu mối. Cùng với đó là sự thỏa thuận hợp tác lâu dài nhằm đẩy mạnh xây dựng và phát triển Hệ sinh thái Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Long An giữa Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Long An với các

đơn vị như: trường Đại học Tân Tạo; trường 12 Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An; Trung tâm Ươm tạo khởi nghiệp Sông Hàn; Các Làng Techfest.

*The enthusiastic event occurred and attracted the participation from hundreds of students and featured the launch of the HUB for high school and university students in Long An, led by Tan Tao University. Additionally, a long-term cooperation agreement was signed to enhance the development of the Long An Innovation Startup Ecosystem between the Long An Department of Science and Technology and several entities, including Tan Tao University, Long An Economic and Industrial University, Song Han Startup Incubator, and Techfest Villages.*

Ngoài ra, trong khuôn khổ TechFest Long An 2023, Tỉnh Long An đã trao giải thưởng cho những dự án và ý tưởng khởi nghiệp xuất sắc với những tiềm năng trong tương lai. Dự án “Hành trình xây dựng thương hiệu sản xuất tuần hoàn từ dưa lưới VietGap TTU” của Trung tâm khởi nghiệp TTU đoạt giải 3 tại Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – kiến tạo tương lai Long An 2023. Giải thưởng, góp phần động viên, khích lệ và hứa hẹn sẽ mang đến những thành tựu mới của TTU trong thời gian sắp tới.

*Furthermore, within the framework of TechFest Long An 2023, the Long An Province awarded outstanding startup projects and ideas with promising future potential. Notably, the project "Journey to Building a Circular Production Brand from VietGap TTU Melons" of the TTU Start-up Center won third place in the Long An 2023 Innovation Startup Competition. This award serves to motivate, encourage and expect new achievements of TTU in the near future.*



## **ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU ĐẠI HỌC TÂN TẠO STRENGTHENING THE BRANDING OF TAN TAO UNIVERSITY**

Trong năm học 2022-2023, Đại học Tân Tạo (TTU) đã phát động chuỗi workshop "Chọn nghề hạnh phúc" với mục đích cung cấp cho học sinh THPT những kiến thức và kỹ năng cần thiết để chuẩn bị tốt nhất cho kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia.

*In the academic year 2022-2023, Tan Tao University (TTU) launched the "Choose a Happy Career" workshop series aimed at providing high school students with essential knowledge and skills to prepare for the National High School Graduation Examination.*

Với sự tham gia của các diễn giả nổi tiếng và được đầu tư một cách kỹ lưỡng về nội dung chuyên đề, chuỗi chương trình “Chọn nghề hạnh phúc” đã giúp hơn 100,000 học sinh tại các tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre và thành phố Hồ Chí Minh hiểu rõ hơn về định hướng nghề nghiệp và phát triển bản thân. Nhờ đó, chương trình đã trở thành hành trang quý giá, góp phần chuẩn bị vững chắc cho các em bước vào kỳ thi quan trọng sắp tới.

*Featuring renowned speakers and well-curated content, the series "Choose a Happy Career" benefited over 100,000 students from Long An, Tien Giang, Ben Tre, and Ho Chi Minh City, aiding them in career orientation and personal development, thereby equipping them for the crucial upcoming exams.*

Đồng thời, vào tháng 2 năm 2023, Đại học Tân Tạo đã phối hợp với Tỉnh đoàn Long An tổ chức "Cuộc thi Tìm kiếm Tài năng Học sinh, Sinh viên tỉnh Long An 2023 - Long An's Got Tal-



ent Student 2023". Cuộc thi đã thu hút hơn 1.000 học sinh sinh viên tham gia với 150 tác phẩm dự thi, phản ánh đa dạng các chủ đề từ văn hóa, tình bạn, đến tình yêu quê hương.

*In February 2023, Tan Tao University, in collaboration with the Long An Provincial Youth Union, organized the "Long An's Got Talent Student 2023" competition. The event attracted over 1,000 students who participated in, with 150 performances cover-*

*ing diverse themes such as culture, friendship, and patriotism.*

Cuộc thi đã diễn ra thành công tốt đẹp và tiếp cận hơn 650.000 người qua các nền tảng mạng xã hội như: Facebook, Youtube,... Góp phần lan tỏa và phát huy tài năng trẻ, xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển nghệ thuật và giáo dục tại khu vực. Qua đó, khẳng định vị thế trong việc đào tạo và phát triển những công dân toàn cầu và nâng cao tinh thần sáng tạo, tự tin của học sinh, sinh viên Long An.

*The competition successfully engaged more than 650,000 people through social media platforms like Facebook and YouTube,... promoting young talent and strengthening the foundation for artistic and educational development in the region. Thereby, this initiative highlighted TTU's role in training and developing global citizens and enhancing the creativity and confidence of students in Long An.*

## 08

### NHỮNG THÀNH TỰU SINH VIÊN ĐẠI HỌC TÂN TẠO *Achievements of Tan Tao University students*

Từ ngày 05-28/07/2023, nhóm sinh viên từ Đại học Tân Tạo đã có dịp thực tập tại Trung tâm y tế St Mary (SMMC) ở Hobart và Bệnh viện Methodist (MH) ở Merrillville, Indiana.

*From July 5 to 28, 2023, a group of Tan Tao University students interned at St Mary Medical Center (SMMC) in Hobart and Methodist Hospital (MH) in Merrillville, Indiana.*

Chuyến đi không chỉ giúp sinh viên phát triển kỹ năng chuyên môn mà còn mang lại những trải nghiệm sâu sắc về cuộc sống, tư duy, và sự hiểu biết văn hóa trong bối cảnh quốc tế, từ đó chuẩn bị tốt cho họ trở thành những bác sĩ tài năng trong tương lai.

*This experience not only advanced their professional skills but also provided profound insights into international cultural contexts, preparing them to become future medical professionals.*

Từ ngày 28-30/09/2023, sinh viên Khoa Y TTU - Đinh Vũ Nhật Xuân đã tham gia và trình bày nghiên cứu tại Hội nghị ACC Asia 2023 ở Manila, Philippines.

*From September 28 to 30, 2023, TTU Medical School student Dinh Vu Nhat Xuan took part in and presented research at the ACC Asia 2023 conference in Manila, Philippines*

Hội nghị này được tổ chức chung bởi Trường môn Tim mạch học Hoa Kỳ và Hội Tim mạch Philippines. Trong sự kiện này, Nhật Xuân và bác sĩ Vũ Trí Lộc (Khoa Y Đại học Tân Tạo) đã báo cáo 4 bài nghiên cứu tập trung vào chẩn đoán điều trị và theo dõi bệnh nhân sau xuất viện ở những bệnh nhân bị nhồi máu cơ tim trên 80 tuổi và báo cáo các nghiên cứu về phục hồi dòng chảy sau can thiệp động mạch vành qua da ở bệnh nhân bị hội chứng vành cấp.



*This conference organized by the American College of Cardiology and the Philippine Heart Association. During this event, Nhat Xuan and Dr. Vu Tri Loc (TTU Medical School) presented four studies focusing on the diagnosis, treatment, and post-discharge follow-up of patients over 80 with myocardial infarction, as well as research on reperfusion strategies after percutaneous coronary intervention in acute coronary syndrome patients.*

Bên cạnh đó, sinh viên của Khoa Y Đại học Tân Tạo cũng đã có cơ hội trình bày nghiên cứu bằng tiếng Anh tại hội Tim Mạch và Lão Khoa hàng năm tại Bệnh viện Thống Nhất TP.HCM vào tháng 10 các năm 2022 và 2023, đạt được nhiều giải thưởng khích lệ tinh thần học tập và nghiên cứu khoa học.

*Besides, TTU Medical School students presented research in English at the Annual Cardiology and Geriatrics Conference at Thong Nhat Hospital in Ho Chi Minh City in October 2022 and 2023, earning several awards that encouraged their academic and scientific research endeavors.*

09

## **LỄ TỐT NGHIỆP, VINH DANH NHỮNG CỬ NHÂN TÀI NĂNG GRADUATION CEREMONY, HONORING TALENTED GRADUATES**

Với triết lý giáo dục, tiêu chuẩn và thực tiễn dựa trên mô hình giáo dục đại học của Mỹ, Đại học Tân Tạo cam kết tạo môi trường học tập hiện đại và trải nghiệm thực tế thông qua hoạt động kiến tập, thực hành tham quan doanh nghiệp từ những năm học đầu tiên sẽ đào tạo nên những con người có tính sáng tạo, tư duy logic, học tập suốt đời, trung thực, có trách nhiệm với đất nước và có khả năng lãnh đạo. Đại học Tân Tạo luôn khuyến khích sinh viên suy nghĩ độc lập, rèn luyện phẩm chất kiên trì, tôn trọng sự đa dạng và ngôn ngữ do vậy hàng trăm sinh viên tốt nghiệp từ Đại học Tân Tạo những năm qua luôn đạt thành tích cao, có việc



làm ngay, mức lương khởi điểm đạt từ 10-20 triệu/tháng, trong đó có nhiều sinh viên được nhận vào làm việc ở các vị trí trọng yếu tại các tập đoàn đa quốc gia như: Unilever, LG, PWC Vietnam, Pepsi, Wall street English center, Odyssey Resources Vietnam...

*With an educational philosophy and practical standards modeled after the American higher education system, Tan Tao University is committed to creating a modern learning environment*

*and providing practical experiences through internships and corporate visits from the early years of study. This approach aims to cultivate individuals with creativity, logical thinking, life-long learning, integrity, national responsibility, and leadership capabilities. Tan Tao University encourages students to think independently, develop perseverance, respect diversity, and master languages. Consequently, hundreds of graduates from Tan Tao University have consistently achieved high performance, securing immediate employment with starting salaries ranging from VND 10-20 million per month. Many have been recruited for key positions in multinational corporations such as Unilever, LG, PWC Vietnam, Pepsi, Wall Street English Center, and Odyssey Resources Vietnam.*

Tiếp tục hành trình đào tạo nhân tài, năm học 2023, Trường Đại học Tân Tạo đã chính thức công nhận tốt nghiệp cho 61 sinh viên tốt nghiệp, có 14 tân cử nhân tốt nghiệp loại giỏi, 20 tân cử nhân đạt loại khá. Ngoài ra, có 2 bạn sinh viên tốt nghiệp đợt này nhưng đang tham gia học tập, nghiên cứu tại Phần Lan và Úc. Điểm nhấn của buổi lễ là việc trao Giải thưởng TTU President's Honor Award, trị giá 100 triệu đồng cho Tân Cử nhân Vương Thảo Nguyên (cựu sinh viên Khoa Công nghệ thông tin), nhằm vinh danh những sinh viên có thành tích xuất sắc và sự năng động trong các hoạt động của Trường.

*Continuing its mission of nurturing talent, in the academic year 2023, Tan Tao University officially recognized 61 students graduated, including 14 graduates with classification "Excellent" and 20 with classification "Good". Additionally, two graduates are currently studying and conducting research in Finland and Australia. A highlight of the ceremony was the awarding of the TTU President's Honor Award, worth VND 100 million, to new graduate Vuong Thao Nguyen (an alumnus of the School of Information Technology), recognizing outstanding academic achievements and active participation in university activities.*

Ngoài ra, trong sự kiện này, Giáo sư Peter Singer cũng đã trao tặng Giấy chứng nhận kèm theo giải thưởng 1000USD cho 3 sinh viên đạt thành tích học tập xuất sắc trong học tập và nghiên cứu.

*Furthermore, Professor Peter Singer awarded certificates and a prize of USD 1,000 to three students for their exceptional academic and research performance.*

Lễ tốt nghiệp mỗi năm của Đại học Tân Tạo không chỉ đánh dấu kết thúc quá trình đào tạo đại học cho sinh viên mà còn là mở ra cánh cửa mới cho sinh viên trong hành trình chinh phục những thử thách mới trong sự nghiệp và cuộc sống.

The annual graduation ceremony at Tan Tao University not only marks the completion of undergraduate education but also opens new doors for graduates as they embark on their careers and life journeys.

10

## SỰ KIỆN "KẾT DOANH NGHIỆP - NÓI THÀNH CÔNG, CHÀO ĐÓN NĂM MỚI 2024"

Event "Ket Doanh nghiệp - Noi thanh cong, Welcoming new year 2024"

Với mục đích tri ân Lãnh đạo Thành phố, chính quyền địa phương, đối tác, các doanh nghiệp đã và đang gắn bó tại Khu Công nghiệp Tân Tạo, ngày 22/12/2023 Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo đã long trọng tổ chức Sự kiện "Kết Doanh nghiệp - Nói thành công, chào đón năm mới 2024". Qua Sự kiện, Tập đoàn Tân Tạo mong muốn sẽ thắt chặt mối quan hệ gắn kết hơn nữa với các Doanh nghiệp, các Ban ngành Thành phố và địa phương, cùng nhau quyết tâm phấn đấu đưa Khu Công nghiệp Tân Tạo phát triển ngày càng mạnh mẽ.



To express gratitude to Ho Chi Minh City's leaders, local authorities, partners, and enterprises associated with Tan Tao Industrial Park, on December 22, 2023, Tan Tao Investment and Industry Corporation held the "Ket Doanh nghiệp - Noi thanh cong, Welcoming new year 2024" event. Through the event, Tan Tao Group hopes to strengthen the relationships with businesses, Ho Chi Minh City and local departments, fostering collective efforts to drive the robust development of Tan Tao Industrial Park.

Với ý nghĩa ý trên, Sự kiện "Kết Doanh nghiệp - Nói thành công, chào đón năm mới 2024" được Ban Giám đốc các Doanh nghiệp ủng hộ, tham gia nhiệt tình, đã có 260 Doanh nghiệp tham dự và 10 Doanh nghiệp đã gửi đến 130 sản phẩm của chính Doanh nghiệp sản xuất dùng làm tặng phẩm cho Quý Quan khách tham gia Sự kiện thông qua Chương trình bốc thăm may mắn của Sự kiện.

With these meanings above, The "Ket Doanh nghiệp - Noi thanh cong, Welcoming new year 2024" event is supported and actively participated in by Businesses' Board of Directors, there were 260 businesses joined in and 10 Business contributed 130 products of their own as gifts for guests through the event's lucky draw program.

Sự kiện đã diễn ra thành công tốt đẹp trong không khí vui tươi, ấm áp, và Ban Lãnh đạo Tân Tạo cũng đã nhận được những góp ý chân tình cho những điểm còn thiếu sót trong phục vụ doanh nghiệp của KCN Tân Tạo từ Lãnh đạo HBA, Lãnh đạo các Doanh nghiệp tham dự Sự kiện để cùng nhau xây dựng KCN Tân Tạo ngày một tốt hơn, nhằm thực hiện đúng phương châm "Sự thành công của quý Doanh nghiệp cũng chính là sự thành công của Tập đoàn Tân Tạo".

The event concluded successfully in a joyful and warm atmosphere. The Tan Tao Group's Board of General Directors also received sincere feedback for shortcomings in business service of Tan Tao Industrial Park from HBA leaders and other business leader attending this event to work together to build Tan Tao Industrial Park better and better, with the purpose of implementing properly the motto that "The success of the businesses is also the success of Tan Tao Group."



NHỮNG CỘT MỐC QUAN TRỌNG CỦA

**TẬP ĐOÀN**

KEY MILESTONES OF TAN TAO GROUP

## 2023

Ngày 10/3/2023, Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo tổ chức Lễ khai trương nâng cấp bệnh viện và triển khai các dịch vụ phẫu thuật kỹ thuật cao, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân với chất lượng ngày càng cao. Bệnh viện được nâng cấp và mở rộng các khu chức năng với nhiều chuyên khoa bao gồm: Khoa Khám bệnh – Cấp cứu, Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng, Phẫu thuật – Gây mê Hồi sức, Xét nghiệm, Sản – Phụ, Nội – Nhi, Khoa Ngoại – Liên chuyên khoa.

*On March 10, 2023, Tan Tao Medical University Hospital held the grand opening ceremony for the upgraded hospital and implementation of high-tech surgical services, meeting the increasing demand for high-quality healthcare services among the people. The Hospital has been upgraded and expanded functional areas with many specialties, including Department of Medical Examination – Emergency, Diagnostic Imaging – Functional Exploration, Surgery – Anesthesia and Resuscitation, Laboratory Testing, Obstetrics-Gynecology, Internal Medicine-Pediatrics, and Department of Surgery-Interspecialties.*

## 2022

Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo đã ký kết thỏa thuận cùng trường Đại học Tân Tạo về quy chế thỏa thuận hợp tác trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo là cơ sở thực hành của Trường Đại học Tân Tạo. Sinh viên của trường sẽ được đào tạo và tham gia thực hành lâm sàng, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao

*Tan Tao Medical University Hospital signed an agreement with Tan Tao University about regulations on cooperation in training for the health sector.*

*As part of its vision, Tan Tao Medical University Hospital is the practical training facility for*

Tan Tao University. Tan Tao University students will be trained and participated in clinical clerkships, meeting the demand for high-quality healthcare human resources training.

Tập đoàn Tân Tạo trao tặng 02 căn nhà tình nghĩa cho người có công với Cách mạng đang gặp khó khăn về nhà ở với tổng số tiền là 120 triệu đồng tại huyện Đức Huệ và trao tặng 1.000 thẻ Bảo hiểm Y tế (BHYT) trị giá 805 triệu đồng cho người dân có hoàn cảnh khó khăn của huyện Đức Hòa, Long An.

*Tan Tao Group presented 02 gratitude houses to people with meritorious services to the Revolution who are having difficulty in housing with a total amount of VND 120 million in Duc Hue district and awarded donated 1,000 Health Insurance (HI) cards worth 805 million VND to disadvantaged people in Duc Hoa district, Long An.*

## 2020

- Khu Thịnh Vượng thuộc Khu đô thị Ecity Tân Đức diện tích 124,29 ha, được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500.

*Prosperity Area in Tan Duc Ecity with an area of 124,29 ha has been approved for adjustment of detailed planning 1/500.*

- KCN Tân Đức đã hoàn thành cơ sở hạ tầng cơ bản (san lấp mặt bằng, nền đường và bó vỉa hè, hệ thống thoát nước, cấp nước) tại các tuyến đường 15, 15A, 15B, đường 17, đường 12, Đường Tân Đức, tại KCN Tân Đức giai đoạn 2 và hoàn thành hạ tầng chung quanh dự án của Tập đoàn Masan (20ha) để phục vụ nhà đầu tư. Năm 2020 Tân Đức thu hút 8 nhà đầu tư (3 nhà đầu tư trong nước và 5 nhà đầu tư nước ngoài) với tổng số vốn 1.176 tỷ đồng tương đương 51,1 triệu USD với diện tích hơn 22,63ha. Nâng tổng số nhà đầu tư đang hoạt động là 128 nhà đầu tư với 143 dự án, tổng số vốn đầu tư trong nước là hơn 7.501,54 tỷ đồng và doanh nghiệp nước ngoài là 416,36 triệu USD.

*Tan Duc Industrial Park has completed the basic infrastructure (ground leveling, road foundation and pavement bundles, drainage systems, water supply) at roads 15, 15A, 15B, road 17, road 12, Tan Duc Street, at Tan Duc Industrial Park phase 2 and completed the infrastructure around the project of Masan Group (20ha) to serve the investor. In 2020, Tan Duc attracts 8 investors (3 domestic investors and 5 foreign investors) with a total capital of 1,176 billion VND, equivalent to 51.1 million USD with an area of more than 22.63 ha. Raising the total number of active investors is 128 investors with 143 projects, the total domestic investment capital is more than 7,501.54 billion VND and foreign enterprises is 416.36 million USD.*

- Khánh thành trường Tiểu học và Trung học cơ sở tư thục Tân Tạo với tổng diện tích 24.300 m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 8.120m<sup>2</sup>, quy mô xây dựng 5 tầng lầu với 56 phòng học và các phòng chức năng như thư viện, phòng Y tế, phòng Lab, phòng thí nghiệm.

*The Inauguration Ceremony of Tan Tao Primary and Middle School with a total area of 24,300 m<sup>2</sup>, construction area of 8,120m<sup>2</sup>, construction scale of 5 floors with 56 classrooms and functional rooms such as libraries, medical room, laboratory.*

## 2019

Khu công nghiệp Tân Tạo cải tiến công nghệ xử lý nước thải hiện đại tại Nhà máy xử lý nước thải KCN hiện hữu với công suất 4.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Cải tạo, nâng cấp nhà máy xử lý nước thải KCN mở rộng tăng công suất từ 3.000 lên 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

*Tan Tao Industrial Park improved modern technology for wastewater treatment at the existing IP wastewater treatment plant with a capacity of 4,500m<sup>3</sup>/day. At the same time, Tan Tao IP renovated and upgraded an expanded IP wastewater treatment plant in order to increase the wastewater treatment capacity from 3,000 to 6,000m<sup>3</sup>/day.*

Khu công nghiệp Tân Đức hoàn thành việc cải tạo nâng công suất Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 1 từ 6.000 lên 9.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

*Tan Duc Industrial Park completed the renovation, raising the capacity of Tan Duc IP wastewater treatment plant from 6.000 to 9.000 m<sup>3</sup>/day for Phase 1.*

Trường Đại học Tân Tạo tổ chức Lễ trao bằng tốt nghiệp cho sinh viên Y Khoa khóa đầu tiên cho 19 tân bác sĩ đa khoa. Các sinh viên đều tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc.

*Tan Tao University (TTU) held a graduation ceremony and awarded the University diploma to the first class of 19 medical students. All new graduate doctors graduated with flying colors.*

Thành lập trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tư thực Tân Tạo, theo Quyết định số 3168/QĐ-UBND, ngày 14/05/2019, của UBND Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

*Established Tan Tao Private Primary and Middle School, according to Decision No. 3168/QĐ-UBND, dated May 14, 2019, of the People's Committee of Duc Hoa District, Long An Province.*

## 2018

- TADICO đã thu hút được 158 doanh nghiệp đầu tư vào Khu Công Nghiệp Tân Đức, tạo việc làm cho hơn 30.000 lao động tại địa phương và vùng lân cận.

*TADICO has attracted 158 enterprises to invest in Tan Duc Industrial Park, creating jobs for more than 30,000 local and neighboring workers.*

- Khu An Khang thuộc Khu đô thị Ecity Tân Đức, được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch với diện tích 124,298,7ha.

*An Khang development area of E-city Tan Duc has been approved for an adjusted plan for an area made up of 124,298, 7 ha.*

- Tập đoàn Tân Tạo trao giải Hoa Trạng Nguyên lần thứ 11 cho 310 sinh viên, học sinh giỏi trên cả nước.

*Tan Tao Group granted the 11th Hoa Trang Nguyen Award to 310 students nationwide.*

- Trường Trung học Phổ thông Năng khiếu Đại học Tân Tạo, học sinh đạt tỷ lệ tuyệt đối về tốt nghiệp THPT và thi đỗ vào đại học.

*Tan Tao High School for the Gifted of Tan Tao University achieved 100% of high school graduation and university matriculation*

- Trường Đại học Tân Tạo ký kết hợp tác với các doanh nghiệp trong Câu lạc bộ Doanh Nhân Sài Gòn trong Chương trình “Kết nối doanh nghiệp và Tập đoàn Tân Tạo”.

*Tan Tao University signed an MOU with enterprises from SaiGon Entrepreneurs Club in the ‘Connecting Enterprises with Tan Tao Group’ program.*

- Công ty CP Đầu tư - Nghiên cứu và Xuất khẩu gạo thơm ITA-RICE là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam đạt chứng nhận Golden AGROW.

*ITA-RICE Fragrant Rice Investment, Research and Export Joint Stock Company is the only enterprise in Vietnam to achieve Golden AGROW certificate.*

## 2017

- Công ty CP Đầu tư Tân Đức nhận danh hiệu Thương hiệu xuất sắc - Excellent Brand 2017 (12/2017)  
*Tan Duc Investment Corporation received the Excellent Brand Award 2017 (December 2017)*
- Trường phổ thông Năng khiếu Đại học Tân Tạo vui mừng báo cáo thành tích năm học 2016-2017  
*Tan Tao Talented High School reported good achievement of the 2016-2017 school year*
- TTG long trọng tổ chức nhiều hoạt động chăm lo cộng đồng nhân dịp Đại lễ Phật đản 2017  
*TTG solemnly organized community activities on the occasion of the 2017 Buddha's Birthday*
- Bệnh Viện Đại học Y Tân Tạo cùng Khoa Y Đại học Tân Tạo phối hợp với VN Hope khám chữa bệnh miễn phí cho gần 3.000 người dân (6/2017).  
*Tan Tao Medical University Hospital and TTU's School of Medicine collaborated with VN Hope to provide free medical examination and treatment for nearly 3,000 people (June 2017).*

## 2016

Ngày 15-02-2016 Công ty CP Đầu tư Tân Đức (Tadico) ký hợp đồng với Công ty Trillions cho thuê đất với diện tích 56.717,7 m<sup>2</sup>.

*On Feb 15, 2016, Tadico signed a land lease Agreement with Trillion Enterprise for an area of 56,717.7 m<sup>2</sup>.*

Từ ngày 23/6-28/6, Bệnh viện Tân Tạo phối hợp với khoa Y – Đại học Tân Tạo (TTU) khám chữa bệnh miễn phí cho gần 3.000 người dân.

*From June 23 to 28, Tan Tao Hospital coordinated with the School of Medicine of Tan Tao University (TTU) to offer free health examination and treatment for nearly 3000 people.*

Công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo (Itaco) được vinh danh “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển và Thương hiệu uy tín”

*Tan Tao Investment and Industry Corporation (Itaco) honored as the Enterprise of integration and Growth and the Trusted Brand for 2016.*

Đại học Tân Tạo khánh thành toà nhà khoa Kỹ thuật và đặt tên cho 02 toà nhà Gillis Hall; Levy Hall.

*Tan Tao University (TTU) held the inauguration of two buildings of the school of Engineering namely Gillis and Levy Hall*

Bà Đặng Thị Hoàng Yến – Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Tân Tạo nhận giải “Giải thưởng Top 100 nhà lãnh đạo tài đức ASEAN năm 2016” tại Diễn đàn Mekong thường niên lần thứ VII.

*Mme. Maya Dangelas – Chairwoman of Tan Tao Group received the Top 100 ASEAN Talent and Virtuous Leader 2016 at the 7<sup>th</sup> Annual Mekong Forum.*

*Tháng 12/2016, Công ty CP Đầu tư Tân Đức nhận danh hiệu Doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2016  
In December 2016, Tan Duc Investment Corp received the Sustainable Enterprise Award 2016*

*Tháng 12/2016, Gạo sạch Itarice được vinh danh “Thương hiệu danh tiếng Đông Nam Á”  
In December 2016, the ITA-Rice Corp was honored the ASEAN Prestigious Brand Award.*

## 2015

• Bà Đặng Thị Hoàng Yến nhận giải Nhà lãnh đạo giỏi ASEAN và được trao giải thưởng Top 100 gương mặt lao động xuất sắc nhất năm 2015.

*Chairwoman of the Board of Management Mme. Maya Dangelas was granted the ASEAN Excellent Business Leaders Award and the Top 100 Excellent Entrepreneurs Award 2015.*

• Ngày 10/5/2015 ITA nhận danh hiệu “Thương hiệu xuất sắc tiêu biểu Việt Nam 2015”

*On May 10, 2015, ITA Group awarded “Vietnam Excellent Brand 2015”*

• Ngày 6/8/2015 Bệnh viện Đa khoa Tân Tạo ra mắt và công bố chính thức đi vào hoạt động

*On August 6, 2015, Tan Tao General Hospital was formally put into operation*

• Đại học Tân Tạo trao bằng tốt nghiệp cho các sinh viên khóa đầu tiên

*Tan Tao University holds its first Commencement Ceremony*

• Ngày 11 tháng 12 năm 2015, tại Hà Nội, Tổng Cục Năng lượng - Bộ Công Thương và CTy CP Phát triển Năng Lượng Tân Tạo đã ký Biên bản ghi nhớ phát triển dự án BOT Nhà máy điện Kiên Lương 1.

*On December 11, 2015, in Hanoi, General Department of Energy (Ministry of Industry and Trade) and Tan Tao Energy Corporation (TEC), a subsidiary of Tan Tao Group, signed the Memorandum of Understanding for development of the Kien Luong 1 Thermal Power Plant BOT Project.*

• Ngày 19/12/2015 Cty CP Đầu tư Tân Đức-Tadico nhận giải thưởng Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững năm 2015.

*On December 19, 2015, Tadico awarded 2015 Sustainable Business Award.*

Ngày 6/8/2015 Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo chính thức đi vào hoạt động, theo Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 173/BYT-GPHĐ, ngày 21/07/2015 của Bộ Y Tế, kèm Quyết định phê duyệt danh mục kỹ thuật số 3037/QĐ-BYT ngày 21/07/2015.

*On August 6, 2015, Tan Tao Medical University Hospital officially put into operation, according to the License for Medical Examination and Treatment No. 173/BYT-GPHĐ, dated July 21, 2015 of the Ministry of Health, together with Decision No. Decision approving digital catalog 3037/QĐ-BYT dated 21/07/2015.*

## 2014

• Ngày 7/ 3/ 2014, Bộ Công thương đã có Văn bản số 230/TCNL-BOT thông báo ý kiến của Văn phòng Chính phủ đồng ý cho Tân Tạo chuyển hình thức đầu tư Dự án Kiên Lương 1 từ BOO sang BOT./ *On March 7, Ministry of Industry and Trade issued Document No. 230/TCNL-BOT notifying the decision of the Government Office approving Tao Tao Energy Corporation to change investment form of Kien Luong 1 project from BOO to BOT.*

• Ngày 27/4/2014, lễ trao giải thưởng “Nhà quản lý xuất sắc thời đại Hồ Chí Minh” được sự chỉ đạo và bảo trợ của Ban Tuyên giáo TW đã long trọng diễn ra tại Nhà hát lớn Hà Nội. Bà Đặng Thị Hoàng Yến, Chủ tịch Trường Đại học Tân Tạo và Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Tân Tạo đã được vinh danh là “Nhà quản lý xuất sắc thời đại Hồ Chí Minh”. / *On April 27, 2014, the "Outstanding Leaders in Ho Chi Minh Era" award ceremony under the direction and sponsorship of the Central Popularization Committee was held at the Hanoi Opera House. Mme. Maya Dangelas, Chairwoman of Tan Tao University and Tan Tao Group was presented the "Outstanding Leader in Ho Chi Minh Era " Award.*

• Ngày 20/12/2014, Công ty Cổ phần Đầu tư và Công Nghiệp Tân Tạo đã vinh dự đón nhận biểu trưng Chỉ số tín nhiệm Doanh nghiệp Phát triển Bền vững 2014 tại ‘Hội nghị công bố chỉ số tín nhiệm và trao chỉ số tín nhiệm doanh nghiệp phát triển bền vững 2014’ do Viện Doanh Nghiệp Việt Nam, phối hợp Bộ Công Thương tổ chức. / *On December 20, 2014, the Trusted and Sustainable Index 2014 award ceremony was held by the Vietnam Enterprise Institute and by Ministry of Industry and Trade at the T-78 Convention Center – Central Office (Politburo), Ho Chi Minh City. Ms. Nguyen Thi Ngoc Trang, Vice Chief of Southern Mission Agency of Ministry of Industry and Trade granted the Trusted Brand Award to ITACO represented by Mr. Thai Van Men, COO of ITACO.*

Thành lập Trường Mầm non Mặt Trời đỏ, theo Quyết định thành lập số 13438/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND huyện Bình Chánh, TP.HCM.

*Established Red Sun Kindergarten, according to the Establishment Decision No. 13438/QĐ-UBND dated October 20, 2014 of the People's Committee of Binh Chanh District, Ho Chi Minh City.*

## 2013

• Đại học Tân Tạo được cấp giấy phép đào tạo ngành Bác sĩ Y khoa và Công nghệ sinh học / *Tan Tao University obtained approval of offering Doctor of Medicine and Biotechnology programs.*

• Chính thức đưa các sản phẩm gạo sạch mang nhãn hiệu nàng Yến, nếp sạch Vua Liêu ra thị trường / *Launch of Nang Yen and Vua Lieu organic rice brands on the market*

• Chủ tịch Đặng Thị Hoàng Yến được trao Danh hiệu Trí thức tiêu biểu Việt Nam trên mặt trận kinh tế xã hội 2013 / *Chairwoman Maya Dangelas was honored Top 100 Vietnamese Intellectuals of 2013 for significant achievements on economic and social fronts.*

## 2012

• Phối hợp với Đại học Tân Tạo thực hiện thành công thí điểm mô hình trồng gạo sạch đạt tiêu chuẩn Global G.A.P. / *ITACO in collaboration with Tan Tao University to successfully conduct a pilot organic rice production model in accordance with the Global G.A.P Certification.*

• Đã vượt qua mọi khủng hoảng, trong khi hàng trăm doanh nghiệp phải đóng cửa, nhiều doanh nghiệp bị phá sản, Tập đoàn Tân Tạo đã vững vàng vượt qua sóng gió, tiếp tục kinh doanh có lãi và khẳng định bản lĩnh của mình trên thương trường và thực sự là một trong những cánh chim đầu đàn của doanh nghiệp ngoài quốc doanh / *Overcoming the recession period when hundreds of companies went into bankruptcy and others acquired, Tan Tao Group stayed firm to overcome storms to continue to make profits and confirmed its high standing on the market as a lead bird of non-state companies.*

• Thành lập Trường Mầm non tư thục Tân Đức, theo Quyết định thành lập số 2979/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 của UBND huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

*Established Tan Duc Private Kindergarten, according to the Establishment Decision No. 2979/QĐ-UBND dated May 30, 2012 of the People's Committee of Duc Hoa district, Long An province.*

## 2011

• Là một trong 9 công ty hàng đầu Việt Nam được lựa chọn tính chỉ số Russell Vietnam Index  
*One of nine leading Vietnamese companies included into the Russell Vietnam Index.*

• Là một trong 10 công ty Việt Nam có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao nhất được lựa chọn tính chỉ số S&P Vietnam 10 Index / *One of 10 Vietnamese Companies with the largest market capitalization and highest liquidity included into S&P Vietnam 10 Index.*

• Đứng thứ 35 trong số 200 doanh nghiệp tư nhân hàng đầu Việt Nam đóng góp thuế thu nhập lớn nhất / *Ranking 35th among Vietnam's Top 200 Private Companies with highest income corporate tax contribution.*

• Trường Đại học Tân Tạo-TTU tuyển sinh và khai giảng khóa đầu tiên ngày 19/10/2011.

Ngày 25/02/2011, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 784/QĐ-BGDĐT về việc giao cho Trường Đại học Tân Tạo đào tạo hệ chính quy trình độ đại học với 08 mã ngành. Chương trình đào tạo được xây dựng theo chương trình gốc của Đại học Duke (Hoa Kỳ).

• *Tan Tao University-TTU enrolled and opened the first cohort on October 19, 2011.*

*On February 25, 2011, the Ministry of Education and Training signed Decision No. 784/QĐ-BGDĐT on assigning Tan Tao University to train the full-time system at university level with 08 majors. The training program is built according to the original program of Duke University (USA).*

Thành lập Trường TH Phổ thông Năng khiếu Đại học Tân Tạo, theo quyết định thành lập số 3854/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND tỉnh Long An.

*Established Tan Tao Talented Highschool, according to the establishment decision No. 3854/QĐ-UBND dated November 29, 2011 of the People's Committee of Long An province.*

## 2010

Thành lập Trường Đại học Tân Tạo-TTU, theo Quyết định thành lập số 2154/QĐ-TTg, ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Đây sẽ là Trường Đại học tư thực phi lợi nhuận, đào tạo theo mô hình khai phóng của Hoa Kỳ đầu tiên tại Việt Nam.

*Established Tan Tao University-TTU, according to the Establishment Decision No. 2154/QĐ-TTg, dated November 25, 2010 of the Prime Minister. This will be the first private non-profit University in Vietnam training according to the liberal arts model of the United States.*

## 2009

- Lễ khởi công Đại học Tân Tạo / Ground breaking ceremony of Tan Tao University.
- Khởi công xây dựng hạ tầng cho Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương có công suất 4,400 MW  
Launch of Infrastructure Construction for the 4,400 MW Kien Luong Thermal Power Complex.
- Lễ khởi công nhà máy thủy điện DakMi 1 / Ground breaking ceremony for DakMi 1 Hydro Power Plant.
- Khởi công xây dựng Tân Đức Plaza và Tân Tạo Plaza cung cấp nhà ở cho công nhân / Launch of construction of Tan Duc Plaza and Tan Tao Plaza to provide housing for workers.
- Đón nhận Huân chương lao động hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng / Receiving the Third-class Labor Medal of the Government awarded by the State President.

## 2006

- Là công ty phát triển khu công nghiệp đầu tiên được niêm yết trên sàn chứng khoán Tp. HCM vào ngày 15 tháng 11 năm 2006 / The first industrial park developer listed on the HOSE on November 15, 2006.
- Khởi công Khu công nghiệp Nhơn Hội / Launch of Nhon Hoi Industrial Park.
- Được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng II vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2001-2005 / The Second-Class Labor Medal granted by the State President for excellent achievements during the 2001-2005 period.

## 2005

- Khởi công Khu công nghiệp Tân Đức – Giai đoạn 1./ *Launch of Tan Duc Industrial Park - Phase One.*

## 2004

- Khởi công Khu công nghiệp Tân Tạo – Giai đoạn 2 / *Launch of Tan Tao Industrial Park - Phase Two.*
- Giấy chứng nhận kiểm soát môi trường ISO 14001:1996 và 14001:2004 / *Environmental Control Certificate ISO 14001:1996 and updated version 14001:2004.*

## 2003

- Được Chủ tịch Nước tặng Huân chương Lao động Hạng III / *The Third-Class Labor Medal Award granted by the State President*
- Khởi công Khu công nghiệp Nhơn Trạch / *Launch of Nhon Trach Industrial Park.*
- Giấy chứng nhận kiểm soát chất lượng ISO 9001:2000 / *Quality Control Certificate ISO 9001:2000.*

## 1997

- Khởi công Khu công nghiệp Tân Tạo – Giai đoạn 1 / *Launch of Tan Tao Industrial Park - Phase One.*

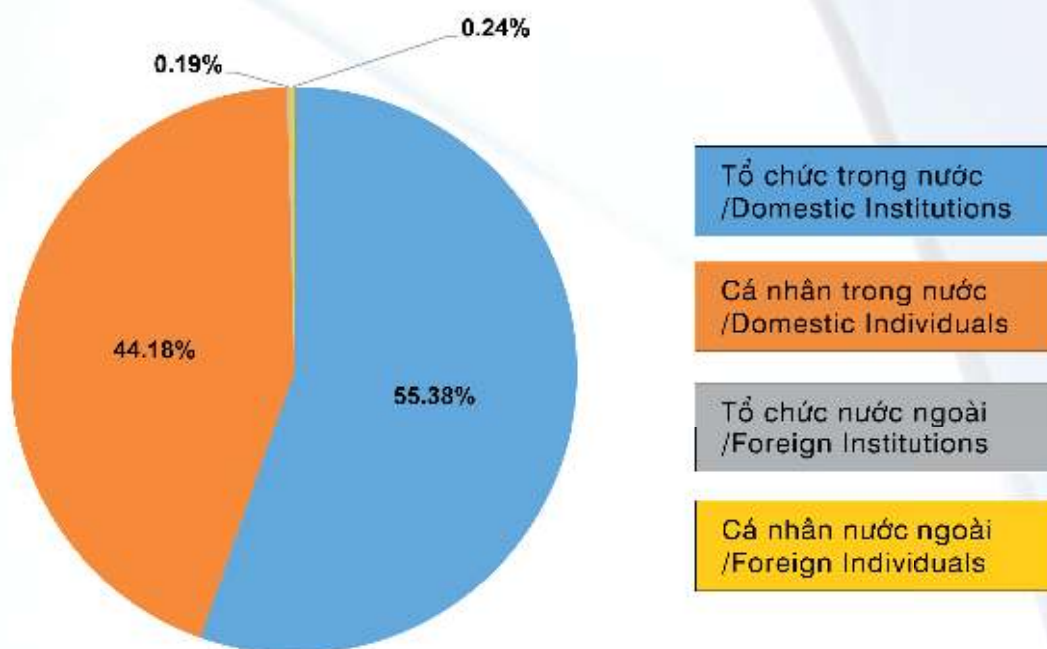
## 1996

- Doanh nghiệp tư nhân đầu tiên của Việt Nam được cấp đất phát triển Khu công nghiệp.  
*The first Vietnamese private company granted land for industrial park development in Vietnam*

**Cổ phần: Tính đến ngày 31/12/2023, vốn điều lệ của Công ty như sau:**  
**Shares: To December 31, 2023, capital share of the company as follows:**

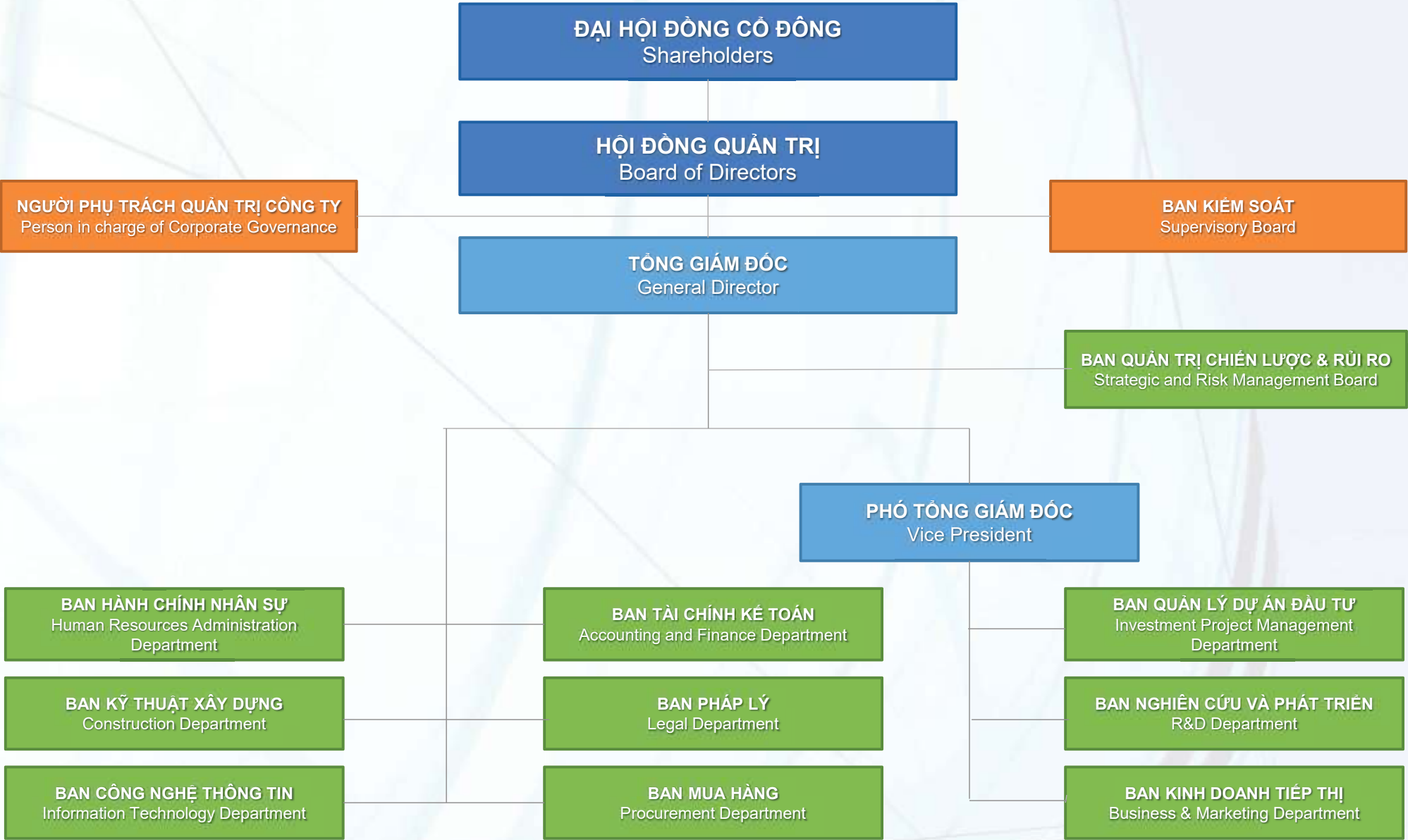
- Vốn điều lệ của Công ty/Capital share : 9.384.636.070.000 đồng
- Mệnh giá 1 cổ phiếu/Face value: 10.000 đồng
- Khối lượng cổ phiếu niêm yết/Issued shares: 938.463.607 cổ phiếu/shares
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành/Shares in circulation: 938.321.575 cổ phiếu/shares
- Cổ phiếu quỹ/Treasury shares: 142.032 cổ phiếu/shares

**Cơ cấu cổ đông/ Shareholders structure:**



| Nội dung<br>Content                                 | Số lượng cổ đông<br>Number of shareholders | Số lượng cổ phiếu<br>Number of shares | % vốn điều lệ<br>% capital share |
|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|
| Cổ phiếu lưu hành Total                             | 39,224                                     | 938,321,575                           | 99.98%                           |
| Cổ phiếu quỹ<br>Treasury shares                     | 1                                          | 142,032                               | 0.02%                            |
| <b>Tổng</b>                                         | <b>39,225</b>                              | <b>938,303,607</b>                    | <b>100.00%</b>                   |
| Trong đó/Including                                  |                                            |                                       |                                  |
| <b>Cổ đông trong nước<br/>Domestic shareholders</b> | <b>38,759</b>                              | <b>934,303,305</b>                    | <b>99.56%</b>                    |
| Tổ chức/Institution                                 | 74                                         | 519,714,066                           | 55.38%                           |
| Cá nhân/ Individual                                 | 38,685                                     | 414,589,239                           | 44.18%                           |
| <b>Cổ đông nước ngoài<br/>Foreign shareholders</b>  | <b>465</b>                                 | <b>4,018,270</b>                      | <b>0.43%</b>                     |
| Tổ chức/Institution                                 | 31                                         | 1,794,191                             | 0.19%                            |
| Cá nhân/ Individual                                 | 434                                        | 2,224,079                             | 0.24%                            |

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC  
Organization chart



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2023 -2023**  
**BOARD OF MANAGEMENT 2022 -2023**



**ÔNG. ĐẶNG QUANG HẠNH**  
*Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT*  
*Vice President of the Board of Directors*



**DR. MAYA DANGELAS**  
*Chủ Tịch HĐQT*  
*Chairwoman*



**ÔNG. HUỖNH HỒ**  
*Ủy viên độc lập HĐQT*  
*Independent Member*

**NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**PERSON IN CHARGE OF CORPORATE GOVERNANCE**



**ÔNG. NGUYỄN TRỌNG DŨNG**  
*Người Quản Trị Công Ty*  
*Corporate Administrator*

**BAN KIỂM SOÁT/ SUPERVISORY BOARD**



**BÀ. LÊ THỊ PHƯƠNG CHI**  
*Ủy viên BKS*  
*Member*



**BÀ. NGUYỄN THỊ NGỌC MAI**  
*Trưởng BKS*  
*Head of SB*



**BÀ. ĐINH THỊ MAI**  
*Ủy viên BKS*  
*Member*

## BAN ĐIỀU HÀNH / BOARD OF DIRECTORS



**ÔNG. NGUYỄN THANH PHONG**  
Tổng Giám đốc  
*General director*



**BÀ. PHAN THỊ HIỆP**  
Phó Tổng Giám đốc  
*Vice President*



**BÀ. PHẠM THỊ NGỌC DUYÊN**  
GD HC-NS  
*Admin-HR Director*



**BÀ. BUI THỊ PHƯƠNG**  
Kế toán trưởng  
*Chief Accountant*



**ÔNG. LÊ PHONG ĐĂNG KHOA**  
GD BQL Dự Án Đầu tư  
*Director of Investment Project  
Management Board*



**ÔNG. ĐOÀN NGỌC NHẬT MINH**  
Giám đốc ban công nghệ thông tin  
*Director of Information Technology  
Department*



**BÀ. NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**  
PGĐ ban KDTT  
*Vice Director of Sales Department*

**DR. MAYA DANGELAS**  
**Chủ Tịch HĐQT/Chairwoman**

Mme. Maya Dangelas là người sáng lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ITACO. Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Tân Tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Tạo. Nguyên Chủ tịch Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam - Hoa Kỳ; Nguyên thành viên Hội đồng tư vấn kinh doanh Ủy ban Kinh tế Xã hội khu vực châu Á-Thái Bình Dương (ESCAP); Nguyên thành viên Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN (ASEAN-BAC); Nguyên thành viên của Chương trình nghị sự toàn cầu Khu vực Đông Nam Á của Diễn đàn kinh tế thế giới.

*Mme. Maya Dangelas is the Founder, Chairwoman of the Board of Management of ITACO. In addition, she is the President of University Council and Provost of Tan Tao University, Former Chair of the Vietnam-US Business Forum, Former Member of ESCAP Business Advisory Council, Former Member of ASEAN Business Advisory Council (ASEAN-BAC), and Former Member of World Economic Forum's Global Agenda Council on Southeast Asia.*

Mme. Maya Dangelas tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, có bằng Thạc sĩ về chiến lược tại Hoa Kỳ, tiến sĩ về Quản trị lãnh đạo trong giáo dục đại học (Leadership in Higher Education). Sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, bà công tác tại cơ quan Nhà nước 13 năm. Năm 1993, Bà quyết định tạo dựng con đường đi cho riêng mình khi thành lập Công ty TNHH Hoàng Yến, tiền thân của Tập đoàn Tân Tạo ngày nay. Tập đoàn Tân Tạo đã phát triển trở thành doanh nghiệp phát triển hạ tầng và khu công nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và tạo ra hàng trăm ngàn việc làm trong nước. Hiện nay Tập đoàn Tân Tạo có trên 30 công ty con hoạt động trên nhiều lĩnh vực như phát triển hạ tầng, xây dựng, năng lượng và truyền thông.

*Graduated from the Ho Chi Minh City University of Economics, obtained a Master's degree in strategy in the US, PhD in Leadership in Higher Education. After graduation from Ho Chi Minh City University of Economics, she worked for the Vietnamese Government for 13 years. She started up her own company Hoang Yen Company Ltd. in 1993, which is the precursor of Tan Tao Group. The Tan Tao Group has become a leading industrial park and infra-structure developer in Vietnam and has created thousands of jobs across Vietnam. The Tan Tao Group has 30 subsidiaries across multiple sectors, including infrastructure development, construction, and media.*

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo - ITACO, đã trở thành một trong 9 cổ phiếu blue-chip được chọn gia nhập chỉ số chứng khoán Russell Global Index và là 1 trong 10 công ty có giá trị vốn hóa lớn và tính thanh khoản tốt nhất Việt Nam hiện nay được lựa chọn tính toán trong chỉ số S&P Vietnam 10 Index. Theo bảng xếp hạng 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2011 được Công ty Vietnam Report phối hợp với báo VietNamNet và tạp chí Thuế công bố, Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo xếp thứ 129 và xếp thứ 35 trong danh sách 200 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế thu nhập lớn nhất 2011.

*Tan Tao Investment and Industry Corporation - ITACO, has become one of 9 blue-chip stocks selected to join the Russell Global Index and one of 10 compa-*

*nies with the largest market capitalization and best liquidity in Vietnam is currently selected for calculation in the S&P Vietnam 10 Index. According to the 2011 ranking of Vietnam's top 1000 companies with the highest corporate income tax contribution conducted by the Vietnam Report Company in coordination with VietnamNet and Tax magazine of the General Department of Taxation, ITACO is ranked 129th and 35th among Vietnam's top 200 private companies with the highest corporate income tax contribution.*

Năm 2002, Bà sang Hoa Kỳ để bắt đầu công việc kinh doanh của mình tại đây. Bà đã thành lập Công ty TNHH US Southern Homes, hoạt động trong lĩnh vực phát triển nhà và Công ty Cổ phần US Southern hoạt động trong lĩnh vực phát triển đất đai.

*In 2002, Mme. Maya Dangelas travelled to the United States to develop her business in real estate. At that time, she founded US Southern Homes LP in residential development and US Southern Corporation in land development.*

Năm 2007, Tập đoàn Tân Tạo đã thành lập Quỹ ITA vì tương lai, Quỹ ITA chiến thắng bệnh tật, Quỹ ITA hàn gắn vết thương nhằm hỗ trợ việc học, y tế và vật chất cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm, hàng ngàn học bổng của Tập đoàn được trao tặng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc trên khắp cả nước. Ngoài ra, bà đã tài trợ và sáng lập Trường Đại học Tân Tạo, trường đại học được xây dựng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ giúp sinh viên có cơ hội học năm thứ ba tại Hoa Kỳ. Sinh viên tốt nghiệp của trường sẽ có thể theo học sau đại học tại các trường đại học trên toàn thế giới.

*In 2007, Mme. Maya Dangelas returned to Vietnam and founded ITA Scholarship, ITA Medical Aid and ITA Veterans Assistance for the purpose of providing education, medical support, and financial assistance to the needy of Vietnam. Annually, thousands of these scholarships are awarded to outstanding students nationwide. Simultaneously, she donated and founded Tan Tao University (TTU), the country's first Vietnam-American University, whose accreditation according to US Education standards, will help facilitate qualified students to spend the duration of their third year studying in the US as part of an exchange program. Graduates from TTU will likewise qualify to matriculate in international post-graduate programs.*

Mme. Maya Dangelas đã được nhận nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế như Giải thưởng Top 100 nhà lãnh đạo tài đức ASEAN năm 2016, được vinh danh Nhà Lãnh đạo giỏi ASEAN năm 2015, Giải thưởng Top 100 Nhà quản lý xuất sắc khu vực ASEAN năm 2014, Giải thưởng Chu Văn An vì sự phát triển Văn hóa Giáo dục Việt Nam của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (2014); Bảng Vinh danh Nhà Quản Lý Xuất Sắc Thời Đại Hồ Chí Minh (2014); Giải thưởng nhân văn 2011 của Ủy ban hữu nghị thành phố San Francisco và thành phố Hồ Chí Minh, Giải thưởng doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2008 và 2009, Giải thưởng Bông hồng vàng năm 2008 dành cho các nữ doanh nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước cũng như sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, Giải thưởng Siêu sao kinh doanh năm 2007 dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu nhất của Việt Nam trong quá trình hội nhập và cạnh

tranh quốc tế và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Long An và UBND Tp.HCM.

*Mme. Maya Dangelas has been awarded with numerous international and national prestigious prizes and merits, including the Top 100 ASEAN Talent and Virtuous Leader 2016, the ASEAN Excellent CEO Award 2015, the Top 100 ASEAN Excellent CEO Award 2014, the Chu Van An Award for the Development of Vietnamese Culture and Education from the Union of Science and Technology Association of Vietnam 2014; the Certificate of Honor for the Outstanding Manager of the Ho Chi Minh Era 2014; the Humanitarian Award 2011 by San Francisco – Ho Chi Minh City Sister City Committee, the Typical Vietnamese Entrepreneur Award (2008, 2009); the 2008 Golden Rose Award for outstanding business women with significant contribution to the national socio-economic development as well as the development of Vietnamese business community, the 2007 Business Super Star Award for Vietnam's outstanding entrepreneurs in international integration and competition, and many other Certificates of Merit granted by Government Prime Minister, Ho Chi Minh City People's Committee and Long An Province People's Committee.*

---

#### **ÔNG ĐẶNG QUANG HẠNH**

*Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT  
Permanent Vice Chairman of the Board  
of Management*

---

Ông Đặng Quang Hạnh - Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị, đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Tân Tạo, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo.

*Mr. Dang Quang Hanh - Permanent Vice Chairman of the Board of Management, a.k.a Tan Tao University's Vice Chairman of the Board of Trustees of, and Tan Tao Medical University Hospital's Chairman of the Board of Management.*

Ông Đặng Quang Hạnh tốt nghiệp Kỹ sư Kinh tế vận tải biển tại trường Đại học Hàng Hải và sau đó Ông đã nhận bằng Kỹ sư Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng của trường đại học Bách Khoa vào năm 2000.

*Mr. Dang Quang Hanh graduated with a Degree of Engineering in Economics of Sea Transport from Maritime University and subsequently obtained a Degree of Engineering in Civil and Industrial Construction from University of Technology in 2000.*

Là một trong những người đặt nền móng xây dựng Khu Công nghiệp Tân Tạo, Ông đã đầu tư rất nhiều tâm huyết, sức lực, góp phần xây dựng và phát triển Khu Công nghiệp Tân Tạo, thành lập Tập đoàn Tân Tạo đến nay với hơn 30 công ty thành viên hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng, phát triển hạ tầng, dịch vụ logistics, y tế, giáo dục....

*As one of the pioneers in the establishment of Tan Tao Industrial Park, Mr. Dang Quang Hanh has invested substantial effort and dedication to its development. Mr. Dang Quang Hanh's contributions have been instrumental in establishing Tan Tao Group, which now comprises over 30 subsidiary companies operating across various sectors including construction, infrastructure development, logistics services, healthcare, and education.*

Những thành công của Tập đoàn Tân Tạo luôn có sự tham gia góp sức của Ông, bắt đầu từ năm 1998 với cương vị là Phó Giám đốc Kỹ thuật - Xây dựng

Công ty TNHH Tân Tạo (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo). Ông hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty, hoạch định chỉ tiêu, thực hiện tốt các chiến lược đầu tư xây dựng và giám sát các Ban Hành chính - Nhân sự, Quản lý chất lượng kỹ thuật, Xây dựng và Giải phóng mặt bằng. Với vai trò Phó Tổng Giám đốc rồi Tổng Giám đốc Ông đã lãnh đạo các Phòng/Ban Chuyên môn thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, điều hành hoạt động Tập đoàn kịp thời, phù hợp tình hình thực tế, vượt qua qua khó khăn vực dậy các công trình kéo dài nhiều năm chưa hoàn thành, đưa những dự án nhiều năm hoạt động hiệu quả kém như: Hoàn thiện công tác xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án E.City, đưa Bệnh viện Tân Tạo đi vào hoạt động ổn định và nâng cấp và mở rộng các khu chức năng với nhiều chuyên khoa bao gồm: Khoa Khám bệnh – Cấp cứu, Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng, Phẫu thuật – Gây mê Hồi sức, Xét nghiệm, Sản – Phụ, Nội – Nhi, Khoa Ngoại – Liên chuyên khoa.

*The success of Tan Tao Group has consistently involved Mr. Dang Quang Hanh's contributions, beginning in 1998 when Mr. Dang Quang Hanh served as Deputy Director of Engineering and Construction at Tan Tao Co., Ltd. (now Tan Tao Investment and Industry Corporation). Mr. Dang Quang Hanh supported the General Director in managing company operations, setting targets, executing effective construction investment strategies, and overseeing the Administration-Human Resources, Quality Management, Construction, and Land Clearance Departments. In the roles as Deputy General Director and later General Director, Mr. Dang Quang Hanh led the specialized departments to perform their functions and duties accurately. Mr. Dang Quang Hanh managed the Group's activities promptly and in accordance with real-world conditions, overcoming prolonged project delays and revitalizing underperforming ventures. Mr. Dang Quang Hanh's achievements include completing the infrastructure development of the E.City project, stabilizing Tan Tao Hospital's operations, and upgrading and expanding its functional areas to encompass numerous specialties, including Emergency – Outpatient Services, Diagnostic Imaging – Functional Exploration, Surgery – Anesthesia and Resuscitation, Laboratory, Obstetrics – Gynecology, Internal Medicine – Pediatrics, and Multi-specialty Surgery.*

Từ năm 2023, với vai trò Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT, Ông tiếp tục dẫn dắt Tập đoàn Tân Tạo vượt qua khó khăn, ổn định hoạt động, đẩy mạnh đầu tư và đạt được những thành công nhất định trong lĩnh vực giáo dục, y tế.

*Since 2023, as the Permanent Vice Chairman of the Board of Management, Mr. Dang Quang Hanh has continued to lead Tan Tao Group through challenges, stabilizing operations, accelerating investment, and achieving certain successes in education and healthcare.*

Ngoài việc đóng góp công sức cho sự phát triển của Tập đoàn, Ông cũng là người tiên phong tham gia các hoạt động công tác từ thiện xã hội, bằng chính thu nhập của cá nhân mình, Ông đã tặng 2.800.000 cổ phiếu ITA cho ba quỹ từ thiện ITA để làm từ thiện và trao tặng học bổng cho sinh viên học sinh. Và chỉ đạo các Công ty Thành viên Tập đoàn Tân Tạo luôn duy trì các hoạt động từ thiện xã hội, góp phần giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Long An như: hàng năm tài trợ học bổng Quỹ ITA cho các em HSSV;

thường xuyên tổ chức chương trình Khám sức khỏe thiện nguyện, tầm soát bệnh lý nguy cơ tại các cộng đồng, cơ sở tôn giáo; tặng thẻ bảo hiểm y tế; xây nhà tình nghĩa cho người có công Cách mạng, ...

*Beyond his contributions to the Tan Tao Group's growth, Mr. Dang Quang Hanh is a pioneer in social philanthropy. Mr. Dang Quang Hanh has donated 2,800,000 ITA shares from his personal income to three ITA charitable funds for philanthropy and scholarships for students. Mr. Dang Quang Hanh also directs Tan Tao Group's subsidiaries to consistently engage in charitable activities, supporting disadvantaged communities in Long An province. These activities include annual ITA scholarship awards for students, regular free health check-ups and screenings, health insurance donations, and building gratitude houses for veterans.*

---

### **ÔNG HUỖNH HỒ**

**Ủy viên độc lập HĐQT**  
**Independent Member**

---

Ông Huỳnh Hồ tốt nghiệp Đại học Sư phạm; học cao học chuyên ngành Toán học; Trung - Cao cấp quản lý Nhà Nước; Cao cấp chính trị. Sau đó, Ông nhận bằng Thạc sĩ Quản lý giáo dục và là Chuyên viên cao cấp của Việt Nam. Thạc sỹ Huỳnh Hồ đã có hơn 40 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành giáo dục và đào tạo từ năm 1972, đặc biệt là trong quản lý giáo dục cấp trường và cấp tỉnh. Từ năm 1975 đến 2008, Ông được bổ nhiệm các chức vụ quan trọng trong lĩnh vực quản lý giáo dục ở nhiều đơn vị, như: Hiệu trưởng trường Trung học Phước Hiệp, Củ Chi, tỉnh Gia Định (1975), Phó Hiệu trưởng trường Trung Học Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (8/1975-1977), Hiệu trưởng trường Trung học phổ thông Càng Long, tỉnh Cửu Long (8/1977-1990), Trưởng Phòng Chuyên môn - Nghiệp vụ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cửu Long (1990-1992), Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Trà Vinh (1992-1996), Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh (1996-2008). Tháng 4/2008, Ban thường vụ tỉnh ủy Trà Vinh quyết định bổ nhiệm Ông làm Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trong 3 tháng trước khi Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm giữ chức Phó Hiệu trưởng trường Cán bộ quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh (8/2008 đến 4/2011).

*Mr. Huynh Ho graduated from the University of Pedagogy, Major in Mathematics. He later obtained a Master's Degree in Educational Administration. He is considered by many as a Senior Executive of Vietnam.*

*Mr. Huynh Ho has had 40 years of service in the education system, especially in the management of local and provincial education. He was appointed as Principal of Phuoc Hiep Middle School, Cu Chi, Gia Dinh (1975). Vice Principal of Vung Liem High School, Vinh Long Province (1975-1977). Principal of Cang Long High School, Cuu Long Province (1977-1990). Head of the Functional Department of the Department of Education and Training of Cuu Long Province (1990-1992). Vice Director of the Department of Education and Training of Tra Vinh Province (1992- 1996). Lastly, Director of the Department of Education and Training of Tra Vinh Province (1996-2008). He also served for three months as Deputy of the Department of Propaganda and Training of the Party's Committee of Tra Vinh Province before moving to Ho Chi Minh City to hold the position of Vice Principal of Ho Chi Minh City Institute of Educational Managers (August 2008 - 2011).*

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/ THE BOARD OF DIRECTORS

### **ÔNG NGUYỄN THANH PHONG** **Mr. Nguyen Thanh Phong**

Ông Nguyễn Thanh Phong – Tổng Giám đốc, Ông tốt nghiệp đại học Bách khoa chuyên ngành Kỹ thuật công trình vào năm 1999 và nhận bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh năm 2005.

*Mr. Nguyen Thanh Phong – the General Director, graduated from the University of Technology with a major in Construction Engineering in 1999 and received a Master's degree in Business Administration in 2005.*

Hơn 25 năm qua, Ông Nguyễn Thanh Phong đã góp phần cùng Ban Lãnh đạo Tập đoàn từng bước xây dựng, phát triển Tập đoàn Tân Tạo như hôm nay. Từ tháng 04 năm 1999 đến nay, Ông giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Tập đoàn Tân Tạo như:

*Over the past 25 years, Mr. Nguyen Thanh Phong has contributed significantly to the Board of Directors in gradually building and developing Tan Tao Group to its current stature. Since April 1999, he has held many important positions within Tan Tao Group, including:*

+ Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần và Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo từ năm 2006 đến năm 2019;

*Independent Member of the Board of Management of Tan Tao Investment and Industry Corporation from 2006 to 2019;*

+ Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo từ tháng 4 năm 2019;

*Deputy General Director, General Director of Tan Tao Investment and Industry Corporation since April 2019;*

+ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức từ năm 2019 đến năm 2021.  
*General Director of Tan Duc Investment Corporation from 2019 to 2021.*

+ Ngoài ra, tại Công ty Cổ phần Đầu tư – Tin học & Tư vấn xây dựng Phương Nam, Ông đã đảm nhiệm chức vụ chuyên môn như Kỹ sư, Phó Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc.

*In addition, at Southern Engineering & Informatics – Investment Corporation, he held specialized positions such as Engineer, Deputy Director, Deputy General Director, General Director.*

Với những kiến thức, kinh nghiệm tích lũy qua quá trình công tác trong lĩnh vực kiến trúc và công nghệ thông tin, xây dựng hạ tầng, phát triển Khu công nghiệp..., Ông đã quản lý, điều hành hoạt động của Công ty Tân Tạo, Tân Đức, Phương Nam đảm bảo hoạt động ổn định, hoàn thành nhiệm vụ HĐQT đã giao, hoàn thành Nghị quyết Đại hội Cổ đông hàng năm.

*With his extensive knowledge and experience gained through many years working in the fields of architecture, information technology, infrastructure development, and industrial park development,... he has successfully managed*

*and operated the Tan Tao Investment and Industry Corporation, Tan Duc Investment Corporation, Southern Engineering & Informatics – Investment Corporation, ensuring stable operations and fulfilling all tasks assigned by the Board of Management and Annual General Shareholders' Meeting resolutions.*

---

**MS. PHAN THỊ HIỆP**  
**Ms. Phan Thi Hiep**

---

Năm 2004, Bà tốt nghiệp khoa Quản trị kinh doanh trường đại học Kinh Tế, đồng thời tốt nghiệp cử nhân Luật Kinh doanh năm 2011; Và sau đó Bà hoàn tất chương trình Đào tạo Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh năm 2017 của Đại học Soongsil Hàn Quốc. Ngoài ra, Bà còn tham gia nhiều khóa học đào tạo, nâng cao nghiệp vụ như: đào tạo Giám đốc Điều hành, Giám đốc nhân sự, Quản trị doanh nghiệp, Tự động hóa doanh nghiệp, Quản trị cuộc đời của trường doanh nhân Pace, Tâm lý học, Quản trị chất lượng, chứng chỉ GCI tiêu chuẩn của Mỹ.

*In 2004, Ms. Phan Thi Hiep graduated from the Business Administration faculty of the University of Economics, and Ms. Phan Thi Hiep also earned a Bachelor's degree in Business Law in 2011. Subsequently, Ms. Phan Thi Hiep completed the Master of Business Administration program at Soongsil University, South Korea, in 2017. Additionally, Ms. Phan Thi Hiep has participated in various advanced training courses such as Executive Director, Human Resources Director, Corporate Governance, Business Automation, Life Management at Pace Business School, Psychology, Quality Management training course, and the American standard GCI certification.*

Bà đã từng đảm nhiệm các vị trí Giám đốc nhân sự, Giám đốc chiến lược và phát triển dự án, Giám đốc quản trị vận hành Bệnh viện. Từ 2017 đến 2020 Bà giữ chức Tổng Giám đốc Bệnh viện thuộc Tập đoàn Y Khoa Hoàn Mỹ. Tháng 12/2021 được điều chuyển và bổ nhiệm làm Giám đốc Đối ngoại của Tập đoàn Y khoa Hoàn Mỹ.

*Ms. Phan Thi Hiep has previously held positions such as Human Resources Director, Strategy and Project Development Director, and Hospital Operations Management Director. From 2017 to 2020, she served as the General Director of a hospital within the Hoan My Medical Corporation. In December 2021, she was transferred and appointed as the External Affairs Director of Hoan My Medical Corporation.*

Với bề dày kinh nghiệm trong việc phát triển các dự án, kêu gọi đầu tư, hiện nay Bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, phụ trách công tác Nghiên cứu phát triển, quản lý dự án đầu tư và Kinh doanh Tập đoàn Tân Tạo.

*With extensive experience in project development and investment solicitation, Ms. Phan Thi Hiep currently holds the position of Deputy General Director, responsible for research and development, investment project management, and business operations at Tan Tao Group.*

## BAN KIỂM SOÁT / SUPERVISORY BOARD

### BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC MAI

*Mrs. Nguyen Thi Ngoc Mai*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai tham gia với vai trò Thành viên Ban Kiểm soát của ITACO từ năm 2020. Năm 2023, Bà được tín nhiệm bầu giữ vị trí Trưởng Ban Kiểm soát đến nay.

*Mrs. Nguyen Thi Ngoc Mai has served as a Member of the Supervisory Board of ITACO since 2020. In 2023, Mrs. Nguyen Thi Ngoc Mai was elected and trusted to hold the position of Head of the Supervisory Board, a role Mrs. Nguyen Thi Ngoc Mai continues to fulfill to date.*

Bà đã tốt nghiệp đại học Kinh tế, ngành Tài chính doanh nghiệp và có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán. Bà đã đảm nhận chức vụ Kế toán Trưởng các Công ty: Đại học Tân Tạo, Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo, TADICO.

*Mrs. Nguyen Thi Ngoc Mai graduated from the University of Economics, majoring in Corporate Finance, and possesses over 15 years of experience in accounting. Mrs. Nguyen Thi Ngoc Mai has held the position of Chief Accountant at several companies, including Tan Tao University, Tan Tao Medical University Hospital, and TADICO.*

### BÀ LÊ THỊ PHƯƠNG CHI

*Mrs. Le Thi Phuong Chi*

Bà Lê Thị Phương Chi là thành viên Ban Kiểm soát của ITACO từ năm 2010, Bà đã tốt nghiệp đại học Kinh tế, chuyên ngành Kế toán – Tài chính vào năm 2000.

*Mrs. Le Thi Phuong Chi has been a member of the Supervisory Board of ITACO since 2010. Mrs. Le Thi Phuong Chi graduated from the University of Economics with a major in Accounting and Finance in 2000.*

Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, đã đảm nhận chức vụ Kế Toán Trưởng của Công ty: Phương Nam, ITATRANS và TASERCO.

*With over 20 years of experience in financial accounting, Mrs. Le Thi Phuong Chi has held the position of Chief Accountant at companies such as S.E.I, ITATRANS, and TASERCO.*

### BÀ ĐÌNH THỊ MAI

*Mrs. Dinh Thi Mai*

Bà Đình Thị Mai tham gia Ban Kiểm soát của ITACO năm 2023. Vào năm 2006, Bà đã tốt nghiệp ngành Kế toán Ngân hàng tại đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, đến nay có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán. Bà đã giữ chức vụ Kế toán Trưởng tại các Công ty như Công ty CP TBCN Việt Nam, ITATRANS, ITAWATER.

*Mrs. Dinh Thi Mai joined the Supervisory Board of ITACO in 2023. Mrs. Dinh Thi Mai graduated in 2006 from the University of Economics in Ho Chi Minh City with a degree in Banking Accounting. With more than 15 years of experience in accounting, Mrs. Dinh Thi Mai has held the position of Chief Accountant at companies such as TBCN VIET NAM JSC, ITATRANS, and ITAWATER.*

A conceptual image showing a hand holding a pen, poised to write on a transparent surface that reflects a city skyline. The image is used as a background for the report cover.

# **BÁO CÁO QUẢN TRỊ** **CÔNG TY**

ADMINISTRATION REPORT OF ITACO

TẬP ĐOÀN TÂN TẠO  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO

TAN TAO GROUP  
TAN TAO INVESTMENT AND  
INDUSTRY CORPORATION

Số: 05 /TB-ITACO 24

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

TP.HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  
To: The State Securities Commission/ Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Đầu Tư và Công Nghiệp Tân Tạo / Tan Tao Investment and Industry Corporation.
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: ITA
  - Địa chỉ/*Address*: Lô 16, Đường số 2, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp.HCM / Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City.
  - Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 028 37508235 – 028 37508236
  - Fax: 028 37508237
  - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: NGUYỄN THANH PHONG
  - Chức vụ/ *Position*: Tổng giám đốc/General Director

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Công Nghiệp Tân Tạo công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/01/2024 tại đường dẫn/*This information was published on the company's website on 30/01/2024 (date), as in the link:*

[http://itaexpress.com.vn/tin\\_ita/ch\\_ng\\_khoan\\_ita/cong\\_b\\_thong\\_tin](http://itaexpress.com.vn/tin_ita/ch_ng_khoan_ita/cong_b_thong_tin)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

*Tài liệu đính kèm/Attached documents:*

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Nguyễn Thanh Phong

**Phụ lục V**

**Appendix V**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO  
TAN TAO INVESTMENT AND  
INDUSTRY CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 01/BC-ITACO 24

No: 01/BC-ITACO 24

TP.HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2024

HCM.C, day 30 month 01 year 2024

**BÁO CÁO**

**Tình hình quản trị công ty**

**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**(năm 2023)**

**(year 2023)**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán

To: - The State Securities Commission

- The Stock Exchange

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO.
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Lô 16, Đường số 2, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP.HCM.
- Điện thoại/ Telephone: (028) 3750.8235 Fax: (028) 3750.8237 Email:
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 9.384.636.070.000 đồng (Chín ngàn ba trăm tám mươi bốn tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).
- Mã chứng khoán/ Securities code: ITA
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:
  - Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc /General Shareholders' Meeting, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/The implementation of internal audit: Đã thực hiện.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ Activities of the General Shareholders' Meeting**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Shareholders' Meeting (including the resolutions of the General Shareholders' Meeting approved in the form of written comments):

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                    |
|------------|-----------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------|
| 1          | Biên bản họp                                        | 28/04/2023   | Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 |
| 2          | Nghị quyết                                          | 28/04/2023   | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023   |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/ Board of Directors (Annual report):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/Information about the members of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members                                                       | Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập<br>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors |                                      |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                                                                                    |                                                                                                                                                                       | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment                                                                                            | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1          | Bà Đặng Thị Hoàng Yến<br>(a.k.a) Maya Dangelas<br>Mme. Dang Thi Hoang Yen<br>(a.k.a) Maya Dangelas | Chủ tịch<br>Chairwoman                                                                                                                                                |                                                                                                                                 |                                      |
| 2          | Ông Đặng Quang Hạnh<br>Mr. Dang Quang Hanh                                                         | Phó chủ tịch thường trực<br>Permanent Deputy Chairman                                                                                                                 | 28/04/2023                                                                                                                      |                                      |
| 3          | Ông Huỳnh Hồ<br>Mr. Huynh Ho                                                                       | Thành viên độc lập<br>Independent member                                                                                                                              | 28/06/2019                                                                                                                      |                                      |

### 2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ Board of Director' member                                                         | Số buổi họp HĐQT tham dự/<br>Number of meetings attended by Board of Directors | Tỷ lệ tham dự họp/<br>Attendance rate | Lý do không tham dự họp/Reasons for absence |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1          | Bà Đặng Thị Hoàng Yến<br>(a.k.a) Maya Dangelas<br>Mme. Dang Thi Hoang Yen<br>(a.k.a) Maya Dangelas | 12                                                                             | 100%                                  |                                             |
| 2          | Ông Đặng Quang Hạnh<br>Mr. Dang Quang Hanh                                                         | 12                                                                             | 100%                                  |                                             |
| 3          | Ông Huỳnh Hồ<br>Mr. Huynh Ho                                                                       | 12                                                                             | 100%                                  |                                             |

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

HĐQT thường xuyên theo dõi giám sát những hoạt động của Ban Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban Kiểm soát công ty kiểm tra các nội dung sau:

*The Board of Management regularly monitors and supervises the activities of the Board of General Directors, other managers, and other management and administration tasks, and coordinates with the Supervisory Board to check the following contents:*

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và HĐQT đã đề ra.

*Execute the targets that were set by the Board of Management and the Annual General Shareholders' Meeting in 2023.*

- HĐQT thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ Ban Kiểm soát, cũng như đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế đề kịp thời có các biện pháp chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, cán bộ lãnh đạo, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực tài chính và nhân sự cho các hoạt động của Công ty.

*The Board of Management regularly inspects and supervises through the review and processing of information from the Supervisory Board, as well as evaluates the implementation of the business plan and economic targets to promptly have measures to direct the Board of General Directors, leaders, to satisfy the requirements of financial and human resources for the ITACO's activities.*

- HĐQT xem xét giám sát các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của các quý trong năm 2023, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.

*The Board of Management examines and oversees the reports on the ITACO's operations and production for the quarters in 2023, and regularly inspects the implementation and compliance with the Enterprise Law, the rules of the company, and current provisions of the law.*

- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Ban Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của các cán bộ quản lý.

*Appointing and dismissing managers of ITACO at the request of the Board of General Directors and deciding the salaries of managers.*

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.

*Decide on the organizational structure of ITACO.*

- Ban Tổng Giám đốc của Công ty phải báo cáo tình hình hoạt động mỗi tháng của Công ty cho HĐQT, từng thành viên Ban Tổng giám đốc, cán bộ lãnh đạo, phải báo cáo công việc đã thực hiện trong tuần, tháng và kế hoạch của tháng sau cho HĐQT.

*The Board of General Directors has to report the monthly operation of ITACO to the Board of Management, each member of the Board of General Directors, leaders have to report the work done in the week, month and next month's plan for the Board of Management.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

| Số No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                       | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate |
|--------|------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1      | 01/NQ-ITACO-23                                       | 01/02/2023   | Thông qua việc điều chuyển tiền giữa Công ty với các bên liên quan từ ngày 01/02/2023<br><i>Approving fund transfers between ITACO and related parties from 01/02/2023</i>                                | 100%                             |
| 2      | 02/NQ-HĐQT-ITACO 23                                  | 20/02/2023   | Thông qua kế hoạch tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023<br><i>Approving the plan to organize the Annual General Shareholders' Meeting in 2023</i>                                            | 100%                             |
| 3      | 03/QĐ-HĐQT-ITACO 23                                  | 01/04/2023   | Thông qua việc miễn nhiệm ông Đặng Quang Hạnh giữ chức vụ Tổng Giám Đốc từ ngày 01/04/2023<br><i>Approving the dismissal of Mr. Dang Quang Hanh from the position of General Director from 01/04/2023</i> | 100%                             |

|    |                      |            |                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|----|----------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4  | 04/QĐ-IHĐQT-ITACO 23 | 01/04/2023 | Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Phong giữ chức vụ Tổng Giám Đốc từ ngày 01/04/2023<br><i>Approving the appointment of Mr. Nguyen Thanh Phong as General Director from 01/04/2023</i>                                                    | 100% |
| 5  | 05/QĐ-HĐQT-23        | 01/04/2023 | Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty<br><i>Approving the change of ITACO's legal representative</i>                                                                                                                 | 100% |
| 6  | 06/NQ-HĐQT-2023      | 02/06/2023 | Thông qua phương án tăng hạn mức tín dụng vay vốn tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam<br><i>Approving the plan to increase the credit limit for borrowing at Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development</i>       | 100% |
| 7  | 07/QĐ-IHĐQT-ITACO 23 | 21/06/2023 | Thông qua việc miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Hoa giữ chức vụ Kế toán Trưởng từ ngày 21/06/2023<br><i>Approving the dismissal of Ms. Nguyen Thi Hoa from the position of Chief Accountant from 21/06/2023</i>                                          | 100% |
| 8  | 08/QĐ-HĐQT-ITACO 23  | 21/06/2023 | Thông qua việc bổ nhiệm bà Bùi Thị Phương giữ chức vụ Kế toán Trưởng từ ngày 21/06/2023<br><i>Approving the appointment of Ms. Bui Thi Phuong as Chief Accountant from 21/06/2023</i>                                                            | 100% |
| 9  | 10/NQ-HĐQT-ITACO 23  | 30/08/2023 | Thông qua việc thoái vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo tại Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo 2<br><i>Approving the divestment of Tan Tao Investment and Industry Corporation in Tan Tao 2 Energy Corporation</i>            | 100% |
| 10 | 10/NQ-HĐQT-ITACO 23  | 21/09/2023 | Thông qua các nội dung xin miễn giảm lãi vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)<br><i>Approving the request to reduce loan interest at the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV)</i> | 100% |
| 11 | 12/QĐ-HĐQT-ITACO 23  | 30/10/2023 | Thông qua việc phân công nhiệm vụ vị trí Phó Tổng Giám đốc của bà Phan Thị Hiệp<br><i>Approving the assignment of the Deputy General Director position to Ms. Phan Thi Hiep</i>                                                                  | 100% |
| 12 | 15/NQ-HĐQT-2023      | 28/12/2023 | Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam năm 2024                                                                                                                                                  | 100% |

|  |  |  |                                                                                                        |  |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  | Approving the plan to borrow capital at the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development in 2024 |  |
|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

**III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):**

**1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:**

| Stt No. | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán<br><i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                        | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán<br><i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i> |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1       | Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai<br><i>Ms. Nguyen Thi Ngoc Mai</i>                                    | Trưởng BKS<br><i>Head of Board of Supervisors</i> | Bổ nhiệm chức vụ Trưởng BKS từ ngày 28/04/2023<br><i>Appointed as Head from 28/04/2023</i>                                                                   | Đại học<br><i>Bachelor</i>                  |
| 2       | Bà Bùi Thị Phương<br><i>Ms. Bui Thi Phuong</i>                                              | Trưởng BKS<br><i>Head of Board of Supervisors</i> | Miễn nhiệm chức vụ Trưởng BKS từ ngày 28/04/2023<br><i>Dismissed as Head from 28/04/2023</i>                                                                 | Đại học<br><i>Bachelor</i>                  |
| 3       | Bà Lê Thị Phương Chi<br><i>Ms. Le Thi Phuong Chi</i>                                        | Thành viên<br><i>Member</i>                       |                                                                                                                                                              | Đại học<br><i>Bachelor</i>                  |
| 4       | Bà Đinh Thị Mai<br><i>Ms. Dinh Thi Mai</i>                                                  | Thành viên<br><i>Member</i>                       | Bổ nhiệm chức vụ thành viên BKS từ ngày 28/04/2023<br><i>Appointed as member from 28/04/2023</i>                                                             | Đại học<br><i>Bachelor</i>                  |

**2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee**

| Stt No. | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán<br><i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Số buổi họp tham dự<br><i>Number of meetings attended</i> | Tỷ lệ tham dự họp<br><i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không tham dự họp<br><i>Reasons for absence</i> |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1       | Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai<br><i>Ms. Nguyen Thi Ngoc Mai</i>                                    | 3                                                         | 100%                                        | 100%                                   |                                                       |
| 2       | Bà Bùi Thị Phương<br><i>Ms. Bui Thi Phuong</i>                                              | 1                                                         | 50%                                         | 100%                                   | Miễn nhiệm<br><i>Dismissed</i>                        |
| 3       | Bà Lê Thị Phương Chi<br><i>Ms. Le Thi Phuong Chi</i>                                        | 3                                                         | 100%                                        | 100%                                   |                                                       |
| 4       | Bà Đinh Thị Mai<br><i>Ms. Dinh Thi Mai</i>                                                  | 2                                                         | 50%                                         | 100%                                   | Mới bổ nhiệm<br><i>Recently appointed</i>             |

**3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:**

- Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kiểm tra và thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty.

*Inspect and supervise to ensure that ITACO follows the Enterprise Law, the charters, and the General Shareholders' Meeting Resolution. Examine and evaluate the financial report of ITACO.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

- Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty. Thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.

*The Supervisory Board actively coordinated closely with the Board of Management and Board of General Directors in inspecting and supervising all production and business activities of ITACO. Regularly exchange relevant information and documents.*

- Ban kiểm soát cũng có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch Sản xuất kinh doanh, cũng như công tác kế toán.

*The Supervisory Board also gave many comments to the Board of Management and Board of General Directors on the implementation of the Business plan, as well as the accounting operations.*

- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty.

*The Board of Management and the Board of General Directors regularly create favorable conditions for the Supervisory Board in collecting information and documents related to ITACO's production and business activities.*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

**IV. Ban điều hành/Board of Management**

| STT<br><i>No.</i> | Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>                                        | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br><i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i> |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                 | Bà Đặng Thị Hoàng Yến<br>(a.k.a) Maya Dangelas<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen (a.k.a) Maya Dangelas</i> | 01/06/1959                                  | Tiến sĩ<br><i>Doctor of Philosophy</i>      | Bổ nhiệm ngày 04/08/2017<br><i>Appointed on 04/08/2017</i>                                                                            |
| 2                 | Ông Đặng Quang Hạnh<br><i>Mr. Dang Quang Hanh</i>                                                      | 05/11/1961                                  | Kỹ sư<br><i>Engineer</i>                    | Bổ nhiệm ngày 04/05/2022<br><i>Appointed on 04/05/2022</i>                                                                            |
| 3                 | Ông Nguyễn Thanh Phong<br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong</i>                                                | 21/07/1976                                  | Thạc sĩ<br><i>Master</i>                    | Bổ nhiệm ngày 08/04/2019<br><i>Appointed on 08/04/2019</i>                                                                            |
| 4                 | Bà Phan Thị Hiệp<br><i>Ms. Phan Thi Hiep</i>                                                           | 20/11/1980                                  | Thạc sĩ<br><i>Master</i>                    | Bổ nhiệm ngày 12/01/2022<br><i>Appointed on 12/01/2022</i>                                                                            |

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| Họ và tên<br><i>Name</i> | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br><i>Date of appointment/ dismissal</i> |
|--------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Bà Bùi Thị Phương        | 10/11/1986                                  | Đại học<br><i>Bachelor</i>                            | Bổ nhiệm ngày 21/06/2023<br><i>Appointed on 21/06/2023</i>         |

|                   |            |                            |                                                              |
|-------------------|------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Hoa | 08/12/1987 | Dại học<br><i>Bachelor</i> | Miễn nhiệm ngày 21/06/2023<br><i>Dismissed on 21/06/2023</i> |
|-------------------|------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------|

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of ITACO)**

**1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of ITACO)**

| STT<br>No.                                                                    | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i>                                                        | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i>   | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| <b>THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)<br/>MEMBERS OF BOARD OF MANAGEMENT</b> |                                                                                                                      |                                                                                       |                                                                         |                                                                                    |                                                         |                                                                                            |                                                                                            |                           |                                                                            |
| <b>1</b>                                                                      | <b>Bà Đặng Thị Hoàng Yến</b><br><b>(a.k.a Maya Dangelas)</b><br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen (a.k.a) Maya Dangelas</i> |                                                                                       | <b>Chủ tịch HĐQT</b><br><b>Chairwoman</b>                               |                                                                                    |                                                         |                                                                                            |                                                                                            |                           |                                                                            |
| 1.1                                                                           | Ông Đặng Văn Được<br><i>Mr. Dang Van Duoc</i>                                                                        |                                                                                       |                                                                         |                                                                                    |                                                         |                                                                                            | 08/01/2023                                                                                 | Đã mất<br><i>Deceased</i> | Cha<br><i>Father</i>                                                       |
| 1.2                                                                           | Bà Hoàng Thị Kim Tuyền<br><i>Ms. Hoang Thi Kim Tuyen</i>                                                             |                                                                                       |                                                                         |                                                                                    |                                                         |                                                                                            | 22/06/2023                                                                                 | Đã mất<br><i>Deceased</i> | Mẹ<br><i>Mother</i>                                                        |
| 1.3                                                                           | Ông Đặng Quang Hạnh<br><i>Mr. Dang Quang Hanh</i>                                                                    |                                                                                       |                                                                         |                                                                                    |                                                         |                                                                                            |                                                                                            |                           | Em<br><i>Younger brother</i>                                               |
| 1.4                                                                           | Ông Đặng Thành Tâm<br><i>Mr. Dang Thanh Tam</i>                                                                      |                                                                                       |                                                                         |                                                                                    |                                                         |                                                                                            |                                                                                            |                           | Em<br><i>Younger brother</i>                                               |
| 1.5                                                                           | Bà Đặng Thị Hoàng Phương<br><i>Ms. Dang Thi Hoang Phuong</i>                                                         |                                                                                       |                                                                         |                                                                                    |                                                         |                                                                                            |                                                                                            |                           | Em<br><i>Younger sister</i>                                                |

|      |                                                                                  |  |  |  |  |  |  |                                                                                                                             |
|------|----------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.6  | Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Tạo<br><i>Tan Tao Corp</i>                          |  |  |  |  |  |  | Bà Đặng Thị Hoàng Yến là chủ tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen is chairwoman and General Director</i> |
| 1.7  | Công ty cổ phần Năng Lượng Tân Tạo<br><i>Tan Tao Energy Corporation</i>          |  |  |  |  |  |  | Bà Đặng Thị Hoàng Yến là chủ                                                                                                |
|      |                                                                                  |  |  |  |  |  |  | tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen is chairwoman and General Director</i>                              |
| 1.8  | Công ty cổ phần Năng Lượng Tân Tạo 2<br><i>Tan Tao 2 Energy Corporation</i>      |  |  |  |  |  |  | Bà Đặng Thị Hoàng Yến là chủ tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen is chairwoman and General Director</i> |
| 1.9  | Công ty cổ phần Đại học Tân Tạo<br><i>Tan Tao University Corporation</i>         |  |  |  |  |  |  | Bà Đặng Thị Hoàng Yến là chủ tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen is chairwoman and General Director</i> |
| 1.10 | Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Tân Tạo<br><i>Tan Tao Infrastructure Corp</i> |  |  |  |  |  |  | Bà Đặng Thị Hoàng Yến là Tổng Giám Đốc<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen is General Director</i>                                |

|      |                                                                                                                                          |  |                                                                 |  |  |            |                              |                                                                                                                                                                            |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.11 | Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Sài Gòn - Mekong<br><i>Sai Gon-Mekong City Investment Corporation</i>                                      |  |                                                                 |  |  | 13/10/2023 |                              | Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a Maya Dangelas) là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen (a.k.a Maya Dangelas) is chairwoman and General Director</i> |
| 1.12 | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Đông Phương<br><i>Investment - Construction and Development of New Orient co., Ltd</i> |  |                                                                 |  |  | 16/10/2023 |                              | Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a Maya Dangelas) là Tổng giám đốc<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen (a.k.a Maya Dangelas) is General Director</i>                                   |
| 2    | Ông Đặng Quang Hạnh<br><i>Mr. Dang Quang Hanh</i>                                                                                        |  | Phó chủ tịch thường trực HĐQT<br><i>Permanent Vice Chairman</i> |  |  | 28/04/2023 | Bổ nhiệm<br><i>Appointed</i> |                                                                                                                                                                            |
| 2.1  | Ông Đặng Văn Được<br><i>Mr. Dang Van Duoc</i>                                                                                            |  |                                                                 |  |  | 08/01/2023 | Đã mất<br><i>Deceased</i>    | Cha<br><i>Father</i>                                                                                                                                                       |
| 2.2  | Bà Hoàng Thị Kim Tuyền<br><i>Ms. Hoang Thi Kim Tuyen</i>                                                                                 |  |                                                                 |  |  | 22/06/2023 | Đã mất<br><i>Deceased</i>    | Mẹ<br><i>Mother</i>                                                                                                                                                        |
| 2.3  | Bà Đặng Thị Hoàng Yến (a.k.a Maya Dangelas)<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen (a.k.a Maya Dangelas)</i>                                      |  |                                                                 |  |  |            |                              | Chị<br><i>Elder sister</i>                                                                                                                                                 |
| 2.4  | Ông Đặng Thành Tâm<br><i>Mr. Dang Thanh Tam</i>                                                                                          |  |                                                                 |  |  |            |                              | Em<br><i>Younger brother</i>                                                                                                                                               |
| 2.5  | Bà Đặng Thị Hoàng Phương<br><i>Ms. Dang Thi Hoang Phuong</i>                                                                             |  |                                                                 |  |  |            |                              | Em<br><i>Younger sister</i>                                                                                                                                                |

|      |                                                                                                                                                                                         |  |                                                                                |  |  |            |  |                                            |                                                                                                     |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|--|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.6  | Đặng Nguyễn<br>Hoàng Anh<br><i>Dang Nguyen<br/>Hoang Anh</i>                                                                                                                            |  |                                                                                |  |  |            |  |                                            | Con<br><i>Daughter</i>                                                                              |
| 2.7  | Đặng Hoàng<br>Vân Anh<br><i>Dang Hoang<br/>Van Anh</i>                                                                                                                                  |  |                                                                                |  |  |            |  |                                            | Con<br><i>Daughter</i>                                                                              |
| 2.8  | Bà Nguyễn Thị<br>Mỹ Hạnh<br><i>Nguyen Thi My<br/>Hanh</i>                                                                                                                               |  |                                                                                |  |  |            |  |                                            | Vợ<br><i>Wife</i>                                                                                   |
| 2.9  | Công ty cổ phần<br>Đầu tư Tân Đức<br><i>Tan Duc<br/>Investment<br/>Corporation</i>                                                                                                      |  |                                                                                |  |  |            |  |                                            | Ông Đặng<br>Quang<br>Hạnh là chủ<br>tịch HĐQT<br><i>Mr. Dang<br/>Quang<br/>Hanh is<br/>Chairman</i> |
| 2.10 | Công ty cổ phần<br>Đầu tư - Khai<br>thác - Sản xuất<br>và cung cấp<br>nước sạch ITA<br><i>ITA water<br/>Investment<br/>Exploitation<br/>Production &amp;<br/>Supply<br/>Corporation</i> |  |                                                                                |  |  |            |  |                                            | Ông Đặng<br>Quang<br>Hạnh là chủ<br>tịch HĐQT<br><i>Mr. Dang<br/>Quang<br/>Hanh is<br/>Chairman</i> |
| 2.11 | Công ty Cổ<br>phần<br>Bệnh viện Đại<br>học Y Tân Tạo<br><i>Tan Tao<br/>Medical<br/>University<br/>Hospital Joint<br/>Stock company</i>                                                  |  |                                                                                |  |  |            |  |                                            | Ông Đặng<br>Quang<br>Hạnh là chủ<br>tịch HĐQT<br><i>Mr. Dang<br/>Quang<br/>Hanh is<br/>Chairman</i> |
| 2.12 | Công ty cổ phần<br>Khai thác và<br>Phát triển kho<br>vận Tân Tạo<br><i>Tan Tao<br/>Forwarding and<br/>Warehousing<br/>Corporation</i>                                                   |  |                                                                                |  |  |            |  |                                            | Ông Đặng<br>Quang<br>Hạnh là chủ<br>tịch HĐQT<br><i>Mr. Dang<br/>Quang<br/>Hanh is<br/>Chairman</i> |
| 3    | <b>Ông Huỳnh Hồ</b><br><b><i>Mr. Huynh Ho</i></b>                                                                                                                                       |  | <b>Thành<br/>viên độc<br/>lập HĐQT</b><br><b><i>Independent<br/>member</i></b> |  |  | 28/06/2019 |  | <b>Bổ nhiệm</b><br><b><i>Appointed</i></b> |                                                                                                     |
| 3.1  | Bà Đặng Thùy<br>Oanh<br><i>Ms. Dang Thuy<br/>Anh</i>                                                                                                                                    |  |                                                                                |  |  |            |  |                                            | Vợ<br><i>Wife</i>                                                                                   |
| 3.2  | Huỳnh Đặng<br>Thanh Bình<br><i>Huynh Dang<br/>Thanh Binh</i>                                                                                                                            |  |                                                                                |  |  |            |  |                                            | Con ruột<br><i>Daughter</i>                                                                         |
| 3.3  | Huỳnh Vĩnh<br>Phúc<br><i>Huynh Vinh<br/>Phuc</i>                                                                                                                                        |  |                                                                                |  |  |            |  |                                            | Con ruột<br><i>Son</i>                                                                              |

|      |                                                                 |  |                                                              |  |  |            |            |                                   |                                       |
|------|-----------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------|--|--|------------|------------|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 3.4  | Huỳnh Đăng<br>Thanh Sơn<br><i>Huynh Dang<br/>Thanh Son</i>      |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Con ruột<br><i>Son</i>                |
| 3.5  | Huỳnh Văn<br>Đông<br><i>Huynh Van<br/>Dong</i>                  |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Em ruột<br><i>Younger<br/>brother</i> |
| 3.6  | Nguyễn Trung<br>Thành<br><i>Nguyen Thanh<br/>Trung</i>          |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Con rể<br><i>Son-in-law</i>           |
| 4    | Bà Nguyễn Thị<br>Ngọc Mai<br><i>Ms. Nguyen<br/>Thi Ngoc Mai</i> |  | Trưởng<br>BKS<br><i>Head of<br/>Board of<br/>Supervisors</i> |  |  | 28/04/2023 |            | Bổ nhiệm<br><i>Appointed</i>      |                                       |
| 4.1  | Nguyễn Kim<br>Loán<br><i>Nguyen Kim<br/>Loan</i>                |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Mẹ<br><i>Mother</i>                   |
| 4.2  | Nguyễn Hải<br>Triệu<br><i>Nguyen Hai<br/>Trieu</i>              |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Anh ruột<br><i>Elder brother</i>      |
| 4.3  | Nguyễn Tiến<br>Chinh<br><i>Nguyen Tien<br/>Chinh</i>            |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Anh ruột<br><i>Elder<br/>brother</i>  |
| 4.4  | Nguyễn Tiến<br>Sang<br><i>Nguyen Tien<br/>Sang</i>              |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Anh ruột<br><i>Elder<br/>brother</i>  |
| 4.5  | Nguyễn Thị<br>Hằng Mai<br><i>Nguyen Thi<br/>Hang Mai</i>        |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Em ruột<br><i>Younger<br/>sister</i>  |
| 4.6  | Nguyễn Phương<br>Thùy<br><i>Nguyen Phuong<br/>Thuy</i>          |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Chị dâu<br><i>Sister-in -law</i>      |
| 4.7  | Lê Huy Du<br><i>Le Huy Du</i>                                   |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Em rể<br><i>Brother-in-<br/>law</i>   |
| 4.8  | Lâm Thị Tuyết<br>Nhung<br><i>Lam Thi Tuyen<br/>Nhung</i>        |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Chị dâu<br><i>Sister-in -law</i>      |
| 4.9  | Nguyễn Thịnh<br>Anh<br><i>Nguyen Thinh<br/>Anh</i>              |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Chồng<br><i>Husband</i>               |
| 4.10 | Nguyễn Phúc<br>Khang<br><i>Nguyen Phuc<br/>Khang</i>            |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Con<br><i>Son</i>                     |
| 4.11 | Nguyễn Minh<br>Khang<br><i>Nguyen Minh<br/>Khang</i>            |  |                                                              |  |  |            |            |                                   | Con<br><i>Son</i>                     |
| 5    | Bà Bùi Thị<br>Phương<br><i>Ms. Bui Thi<br/>Phuong</i>           |  | Trưởng<br>BKS                                                |  |  |            | 28/04/2023 | Miễn<br>nhiệm<br><i>Dismissed</i> |                                       |

|     |                                                                       |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     |                                       |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|--|-------------------------------------|---------------------------------------|
|     |                                                                       |  | <i>Head of<br/>Board of<br/>Supervisors</i>                                |  |  |            |  |                                     |                                       |
| 6   | <b>Bà Lê Thị<br/>Phương Chi</b><br><i>Ms. Le Thi<br/>Phuong Chi</i>   |  | <b>Thành<br/>viên BKS</b><br><i>Member of<br/>Board of<br/>Supervisors</i> |  |  |            |  |                                     |                                       |
| 6.1 | Ông Lê Văn<br>Bây<br><i>Mr. Le Van Bay</i>                            |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Bố<br><i>Father</i>                   |
| 6.2 | Bà Ngô Thị<br>Châu<br><i>Ms. Ngo Thi<br/>Chau</i>                     |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Mẹ<br><i>Mother</i>                   |
| 6.3 | Ông Trịnh<br>Quốc Huy<br>Phong<br><i>Mr. Trinh Quoc<br/>Huy Phong</i> |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Chồng<br><i>Husband</i>               |
| 6.4 | Trịnh Lê Huy<br>Hoàng<br><i>Trinh Le Huy<br/>Hoang</i>                |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Con<br><i>Son</i>                     |
| 6.5 | Bà Lê Thị Hồng<br>Cầm<br><i>Ms. Le Thi<br/>Hong Cam</i>               |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Chị<br><i>Elder sister</i>            |
| 6.6 | Ông Lê Tuấn<br>Bảo<br><i>Mr. Le Tuan<br/>Bao</i>                      |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Anh ruột<br><i>Elder<br/>brother</i>  |
| 6.7 | Hà Huy Thức<br><i>Ha Huy Thuc</i>                                     |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Anh rể<br><i>Brother-in-<br/>law</i>  |
| 6.8 | Đoàn Thị Diễm<br>Phương<br><i>Doan Thi Diem<br/>Phuong</i>            |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Chị Dâu<br><i>Sister-in-<br/>law</i>  |
| 6.9 | Nguyễn Thị<br>Dung<br><i>Nguyen Thi<br/>Dung</i>                      |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Mẹ chồng<br><i>Mother-in-<br/>law</i> |
| 7   | <b>Bà Đinh Thị<br/>Mai</b><br><i>Ms. Dinh Thi<br/>Mai</i>             |  | <b>Thành<br/>viên BKS</b><br><i>Member of<br/>Board of<br/>Supervisors</i> |  |  | 28/04/2023 |  | <b>Bổ nhiệm</b><br><i>Appointed</i> |                                       |
| 7.1 | Thân Ngọc<br>Bằng<br><i>Than Ngoc<br/>Bang</i>                        |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Chồng<br><i>Husband</i>               |
| 7.2 | Thân Ngọc Tân<br>Hoàng<br><i>Than Ngoc Tan<br/>Hoang</i>              |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Con<br><i>Son</i>                     |
| 7.3 | Thân Ngọc<br>Minh Thư<br><i>Than Ngoc<br/>Minh Thu</i>                |  |                                                                            |  |  |            |  |                                     | Con<br><i>Daughter</i>                |

|                                                                                               |                                                                         |  |                                                 |  |  |            |  |                                                                                                               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------|--|--|------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7.4                                                                                           | Thân Ngọc Tấn Phát<br><i>Than Ngoc Tan Phat</i>                         |  |                                                 |  |  |            |  | Con<br><i>Son</i>                                                                                             |
| 7.5                                                                                           | Đình Quang Mão<br><i>Dinh Quang Mao</i>                                 |  |                                                 |  |  |            |  | Bố ruột<br><i>Father</i>                                                                                      |
| 7.6                                                                                           | Hoàng Thị Quy<br><i>Hoang Thi Quy</i>                                   |  |                                                 |  |  |            |  | Mẹ ruột<br><i>Mother</i>                                                                                      |
| 7.7                                                                                           | Thân Ngọc Luyện<br><i>Than Ngoc Luyen</i>                               |  |                                                 |  |  |            |  | Bố chồng<br><i>Father-in-law</i>                                                                              |
| <b>THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TGĐ)</b><br><b>MEMBERS OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS</b> |                                                                         |  |                                                 |  |  |            |  |                                                                                                               |
| 8                                                                                             | <b>Ông Nguyễn Thanh Phong</b><br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong</i>          |  | <b>Tổng giám đốc</b><br><i>General director</i> |  |  | 01/04/2023 |  | <b>Bổ nhiệm</b><br><i>Appointed</i>                                                                           |
| 8.1                                                                                           | Trương Thanh Nhân<br><i>Truong Thanh Nhan</i>                           |  |                                                 |  |  |            |  | Mẹ<br><i>Mother</i>                                                                                           |
| 8.2                                                                                           | Nguyễn Thành Nam<br><i>Nguyen Thanh Nam</i>                             |  |                                                 |  |  |            |  | Em<br><i>Younger brother</i>                                                                                  |
| 8.3                                                                                           | Lê Thị Hiền<br><i>Le Thi Hien</i>                                       |  |                                                 |  |  |            |  | Vợ<br><i>Wife</i>                                                                                             |
| 8.4                                                                                           | Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Tạo<br><i>Tan Tao Corp</i>                 |  |                                                 |  |  |            |  | Ông Nguyễn Thanh Phong là Phó Tổng Giám Đốc<br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong is Deputy General Director</i>       |
| 8.5                                                                                           | Công ty cổ phần Đầu tư Tân Đức<br><i>Tan Duc Investment Corporation</i> |  |                                                 |  |  |            |  | Ông Nguyễn Thanh Phong là thành viên HĐQT<br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong is a member of Board of Management</i> |

|      |                                                                                                                                                 |  |                                                     |  |  |            |                              |                                                                                                                           |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------|--|--|------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.6  | Công ty cổ phần Đầu tư-Tin học và Tư vấn xây dựng Phương Nam<br><i>Phuong Nam Southern Engineering &amp; Informatics Investment Corporation</i> |  |                                                     |  |  |            |                              | Ông Nguyễn Thanh Phong là chủ tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc<br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong is Chairman and General Director</i> |
| 8.7  | Công ty cổ phần Khai thác và Phát triển kho vận Tân Tạo<br><i>Tan Tao Forwarding and Warehousing Corporation</i>                                |  |                                                     |  |  |            |                              | Ông Nguyễn Thanh Phong là thành viên HĐQT<br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong is a member of Board of Management</i>             |
| 8.8  | Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Đông Phương<br><i>Investment Construction and Development of New Orient co., LTD</i>          |  |                                                     |  |  |            |                              | Ông Nguyễn Thanh Phong là Phó Tổng Giám Đốc<br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong is Deputy General Director</i>                   |
| 8.9  | Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo<br><i>Tan Tao Energy Development Corporation</i>                                                  |  |                                                     |  |  |            |                              | Ông Nguyễn Thanh Phong là Phó Tổng Giám Đốc<br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong is Deputy General Director</i>                   |
| 8.10 | Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Sài Gòn - Mekong<br><i>Sai Gon-Mekong City Investment Corporation</i>                                             |  |                                                     |  |  | 13/10/2023 |                              | Ông Nguyễn Thanh Phong là Phó Tổng giám đốc<br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong is Deputy General Director</i>                   |
| 9    | Bà Phan Thị Hiệp<br><i>Ms. Phan Thi Hiep</i>                                                                                                    |  | Phó Tổng Giám đốc<br><i>Deputy General Director</i> |  |  | 30/10/2023 | Bổ nhiệm<br><i>Appointed</i> |                                                                                                                           |

|      |                                                                                                                                                         |  |  |  |  |            |  |                                                                                                    |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.1  | Phan Thị Sáng<br><i>Phan Thi Sang</i>                                                                                                                   |  |  |  |  |            |  | Mẹ ruột<br><i>Mother</i>                                                                           |
| 9.2  | Phan Minh Ánh<br><i>Phan Minh Anh</i>                                                                                                                   |  |  |  |  |            |  | Anh trai<br><i>Elder brother</i>                                                                   |
| 9.3  | Phan Minh Hòa<br><i>Phan Minh Hoa</i>                                                                                                                   |  |  |  |  |            |  | Em ruột<br><i>Younger sister</i>                                                                   |
| 9.4  | Nguyễn Thị Kim Thoa<br><i>Nguyen Thi Kim Thoa</i>                                                                                                       |  |  |  |  |            |  | Em dâu<br><i>Sister-in-law</i>                                                                     |
| 9.5  | Phan Thị Liên<br><i>Phan Thi Lien</i>                                                                                                                   |  |  |  |  |            |  | Chị gái<br><i>Elder sister</i>                                                                     |
| 9.6  | Hồ Đắc Hà<br><i>Ho Dac Ha</i>                                                                                                                           |  |  |  |  |            |  | Anh rể<br><i>Brother-in-law</i>                                                                    |
| 9.7  | Phan Thị Thủy<br><i>Phan Thi Thuy</i>                                                                                                                   |  |  |  |  |            |  | Chị gái<br><i>Elder sister</i>                                                                     |
| 9.8  | Nguyễn Văn Tân<br><i>Nguyen Van Tan</i>                                                                                                                 |  |  |  |  |            |  | Anh rể<br><i>Brother-in-law</i>                                                                    |
| 9.9  | Phan Minh Hùng<br><i>Phan Minh Hung</i>                                                                                                                 |  |  |  |  |            |  | Anh trai<br><i>Elder brother</i>                                                                   |
| 9.10 | Nguyễn Thị Kim Ty<br><i>Nguyen Thi Kim Ty</i>                                                                                                           |  |  |  |  |            |  | Chị dâu<br><i>Sister-in-law</i>                                                                    |
| 9.11 | Phan Thị Hằng<br><i>Phan Thi Hang</i>                                                                                                                   |  |  |  |  |            |  | Chị gái<br><i>Elder sister</i>                                                                     |
| 9.12 | Nguyễn Nghĩa<br><i>Nguyen Nghia</i>                                                                                                                     |  |  |  |  |            |  | Anh rể<br><i>Brother-in-law</i>                                                                    |
| 9.13 | Lê Uyên Nhi<br><i>Le Uyen Nhi</i>                                                                                                                       |  |  |  |  |            |  | Con gái<br><i>Daughter</i>                                                                         |
| 9.14 | Lê Xuân Mai<br><i>Le Xuan Mai</i>                                                                                                                       |  |  |  |  |            |  | Con gái<br><i>Daughter</i>                                                                         |
| 9.15 | Công ty cổ phần Đầu tư - Khai thác - Sản xuất và cung cấp nước sạch ITA<br><i>ITA water Investment Exploitation Production &amp; Supply Corporation</i> |  |  |  |  | 26/11/2023 |  | Bà Phan Thị Hiệp là thành viên HĐQT<br><i>Ms. Phan Thi Hiep is a member of Board of Management</i> |
| 9.16 | Công ty cổ phần Bệnh viện Đại Học Y Tân Tạo<br><i>Tan Tao Medical University</i>                                                                        |  |  |  |  | 30/10/2023 |  | Bà Phan Thị Hiệp là Tổng Giám Đốc<br><i>Ms. Phan Thi Hiep is</i>                                   |

|                                                                                              |                                                                                                                                                         |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  |                                                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|-------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                              | Hospital Joint<br>Stock company                                                                                                                         |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | General<br>Director                                                                              |
| <b>NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</b><br><b>PERSON IN CHARGE OF COMPANY ADMINISTRATION</b> |                                                                                                                                                         |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  |                                                                                                  |
| 10                                                                                           | <b>Ông Nguyễn<br/>Trọng Dũng</b><br><i>Mr. Nguyen<br/>Trong Dung</i>                                                                                    |  | <b>Người phụ<br/>trách quản trị</b><br><i>Person in<br/>charge of<br/>Company<br/>Administration</i> |  |  |  | <b>20/09/2022</b> |  | <b>Bổ nhiệm</b><br><i>Appointed</i>                                                              |
| 10.1                                                                                         | Nguyễn Trọng<br>Vân<br><i>Nguyen Trong<br/>Van</i>                                                                                                      |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Cha<br><i>Father</i>                                                                             |
| 10.2                                                                                         | Hoàng Thị Thái<br>Thanh<br><i>Hoang Thi Thai<br/>Thanh</i>                                                                                              |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Vợ<br><i>Wife</i>                                                                                |
| 10.3                                                                                         | Nguyễn Trọng<br>Phước<br><i>Nguyen Trong<br/>Phuoc</i>                                                                                                  |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Con<br><i>Son</i>                                                                                |
| 10.4                                                                                         | Nguyễn Trọng<br>Hùng<br><i>Nguyen Trong<br/>Hung</i>                                                                                                    |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Con<br><i>Son</i>                                                                                |
| 10.5                                                                                         | Nguyễn Trọng<br>Lâm<br><i>Nguyen Trong<br/>Lam</i>                                                                                                      |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Anh<br><i>Elder<br/>brother</i>                                                                  |
| 10.6                                                                                         | Nguyễn Thị<br>Thanh Hương<br><i>Nguyen Thi<br/>Thanh Huong</i>                                                                                          |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Chị Dâu<br><i>Sister-in-<br/>law</i>                                                             |
| 10.7                                                                                         | Nguyễn Trọng<br>Sơn<br><i>Nguyen Trong<br/>Son</i>                                                                                                      |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Anh<br><i>Elder<br/>brother</i>                                                                  |
| 10.8                                                                                         | Nguyễn Thị<br>Kim Quyên<br><i>Nguyen Thi Kim<br/>Quyên</i>                                                                                              |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Chị Dâu<br><i>Sister-in-<br/>law</i>                                                             |
| 10.9                                                                                         | Nguyễn Trọng<br>Chí<br><i>Nguyen Trong<br/>Chi</i>                                                                                                      |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Em<br><i>Younger<br/>brother</i>                                                                 |
| 10.10                                                                                        | Nguyễn Trọng<br>Anh<br><i>Nguyen Trong<br/>Anh</i>                                                                                                      |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Em<br><i>Younger<br/>brother</i>                                                                 |
| 10.11                                                                                        | Nguyễn Thị Mỹ<br>Phương<br><i>Nguyen Thi My<br/>Phuong</i>                                                                                              |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Em<br><i>Younger<br/>sister</i>                                                                  |
| 10.12                                                                                        | Công ty Cổ phần<br>Truyền thông –<br>Giải trí và Sản<br>xuất Media Ban<br>Mai<br><i>Twilight<br/>Communications<br/>– Entertainment<br/>&amp; Media</i> |  |                                                                                                      |  |  |  |                   |  | Ông<br>Nguyễn<br>Trọng<br>Dũng là<br>Tổng giám<br>đốc<br><i>Mr. Nguyen<br/>Trong<br/>Dung is</i> |

|                                            |                                                                                                                                                     |  |                                                  |  |  |            |            |                                       |                                                                                                                             |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------|--|--|------------|------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                            | <i>Production Corporation</i>                                                                                                                       |  |                                                  |  |  |            |            |                                       | <i>General Director</i>                                                                                                     |
| 10.13                                      | Công ty Cổ phần Đầu tư – Nghiên cứu và Xuất khẩu Gạo thơm<br><i>ITA-RICE<br/>Fragrant Rice Investment, Research, and Export Joint Stock Company</i> |  |                                                  |  |  |            |            |                                       | Ông Nguyễn Trọng Dũng là thành viên Hội đồng quản trị<br><i>Mr. Nguyen Trong Dung is a member of the Board of Directors</i> |
| <b>KẾ TOÁN TRƯỞNG<br/>CHIEF ACCOUNTANT</b> |                                                                                                                                                     |  |                                                  |  |  |            |            |                                       |                                                                                                                             |
| 11                                         | <b>Bà Bùi Thị Phương</b><br><i>Ms. Bui Thi Phuong</i>                                                                                               |  | <b>Kế toán trưởng</b><br><i>Chief Accountant</i> |  |  | 21/06/2023 |            | <b>Bổ nhiệm</b><br><i>Appointed</i>   |                                                                                                                             |
| 11.1                                       | Phạm Thị Xuyên<br><i>Pham Thi Xuyen</i>                                                                                                             |  |                                                  |  |  |            |            |                                       | Mẹ đẻ<br><i>Mother</i>                                                                                                      |
| 11.2                                       | Bùi Thị Lan Phương<br><i>Bui Thi Lan Phuong</i>                                                                                                     |  |                                                  |  |  |            |            |                                       | Chị ruột<br><i>Elder sister</i>                                                                                             |
| 11.3                                       | Nguyễn Văn Thái<br><i>Nguyen Van Thai</i>                                                                                                           |  |                                                  |  |  |            |            |                                       | Chồng<br><i>Husband</i>                                                                                                     |
| 11.4                                       | Nguyễn Phương An<br><i>Nguyen Phuong An</i>                                                                                                         |  |                                                  |  |  |            |            |                                       | Con đẻ<br><i>Daughter</i>                                                                                                   |
| 11.5                                       | Nguyễn Phương Linh<br><i>Nguyen Phuong Linh</i>                                                                                                     |  |                                                  |  |  |            |            |                                       | Con đẻ<br><i>Daughter</i>                                                                                                   |
| 11.6                                       | Phùng Mạnh Tường<br><i>Phung Manh Tuong</i>                                                                                                         |  |                                                  |  |  |            |            |                                       | Anh rể<br><i>Brother-in-law</i>                                                                                             |
| 11.7                                       | Nguyễn Thị Mai<br><i>Nguyen Thi Mai</i>                                                                                                             |  |                                                  |  |  |            |            |                                       | Mẹ Chồng<br><i>Mother-in-law</i>                                                                                            |
| 12                                         | <b>Bà Nguyễn Thị Hoa</b><br><i>Ms. Nguyen Thi Hoa</i>                                                                                               |  | <b>Kế toán trưởng</b><br><i>Chief Accountant</i> |  |  |            | 21/06/2023 | <b>Miễn nhiệm</b><br><i>Dismissed</i> |                                                                                                                             |

|       |                                                                                  |  |  |  |  |  |  |  |                                                                                                         |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12.1  | Nguyễn Thanh Hữu<br><i>Nguyen Thanh Huu</i>                                      |  |  |  |  |  |  |  | Cha ruột<br><i>Father</i>                                                                               |
| 12.2  | Trần Thị Thương<br><i>Tran Thi Thuong</i>                                        |  |  |  |  |  |  |  | Mẹ ruột<br><i>Mother</i>                                                                                |
| 12.3  | Hoàng Thái Dương<br><i>Hoang Thai Duong</i>                                      |  |  |  |  |  |  |  | Cha chồng<br><i>Father-in-law</i>                                                                       |
| 12.4  | Đào Thị Tình<br><i>Dao Thi Tinh</i>                                              |  |  |  |  |  |  |  | Mẹ Chồng<br><i>Mother-in-law</i>                                                                        |
| 12.5  | Nguyễn Thị Bích Hồng<br><i>Nguyen Thi Bich Hong</i>                              |  |  |  |  |  |  |  | Em ruột<br><i>Younger sister</i>                                                                        |
| 12.6  | Nguyễn Thị Bích Hà<br><i>Nguyen Thi Bich Ha</i>                                  |  |  |  |  |  |  |  | Em ruột<br><i>Younger sister</i>                                                                        |
| 12.7  | Hoàng Minh Hương<br><i>Hoang Minh Huong</i>                                      |  |  |  |  |  |  |  | Chồng<br><i>husband</i>                                                                                 |
| 12.8  | Hoàng Nguyễn Quốc An<br><i>Hoang Nguyen Quoc An</i>                              |  |  |  |  |  |  |  | Con<br><i>Son</i>                                                                                       |
| 12.9  | Hoàng Nguyễn Quốc Bảo<br><i>Hoang Nguyen Quoc Bao</i>                            |  |  |  |  |  |  |  | Con<br><i>Son</i>                                                                                       |
| 12.10 | Công ty cổ phần Đầu tư Tân Đức<br><i>Tan Duc Investment Corporation</i>          |  |  |  |  |  |  |  | Bà Nguyễn Thị Hoa là thành viên HĐQT<br><i>Ms. Nguyen Thi Hoa is a member of the Board of Directors</i> |
| 12.11 | Công ty cổ phần Năng Lượng Tân Tạo 2<br><i>Tan Tao 2 Energy Corporation</i>      |  |  |  |  |  |  |  | Bà Nguyễn Thị Hoa là thành viên HĐQT<br><i>Ms. Nguyen Thi Hoa is a member of the Board of Directors</i> |
| 12.12 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo<br><i>Tan Tao Medical University</i> |  |  |  |  |  |  |  | Bà Nguyễn Thị Hoa là thành viên HĐQT<br><i>Ms. Nguyen Thi Hoa is a member</i>                           |

|       |                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |  |                                                                                                  |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       | Hospital Joint Stock company                                                                              |  |  |  |  |  |  |  | of the Board of Directors                                                                        |
| 12.13 | Công ty cổ phần Đại học Tân Tạo<br>Tan Tao University Corporation                                         |  |  |  |  |  |  |  | Bà Nguyễn Thị Hoa là Phó Tổng Giám Đốc<br>Ms. Nguyen Thi Hoa is the Deputy General Director      |
| 12.14 | Công ty cổ phần Khai thác và Phát triển kho vận Tân Tạo<br>Tan Tao Forwarding and Warehousing Corporation |  |  |  |  |  |  |  | Bà Nguyễn Thị Hoa là thành viên HĐQT<br>Ms. Nguyen Thi Hoa is a member of the Board of Directors |

*Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*; số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between ITACO and its affiliated persons or between ITACO and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual            | Mối quan hệ với công ty<br>Relationship with the Company | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No.* date of issue, place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address                                       | Số Nghị quyết/<br>Quyết định của ĐHĐCĐ/<br>HĐQT...<br>thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue) | Ngày (Date) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br>Content, quantity, total value of transaction | Ghi chú<br>Note |
|---------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1       | Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo<br>Tan Tao University Corporation | Cổ đông lớn<br>Blockholder                               | 1100757733                                                                | KCN Tân Đức, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Long An<br>Tan Duc Industrial Park, Duc Hoa Ha | 01/NQITACO-23                                                                                                                                                                                                                       | 01/02/2023  | Chi tạm ứng<br>213.029.805.000 đồng<br>Pay Advance<br>213.029.805.000 VND                    |                 |

|   |                                                                                                                                         |                                                                      |            |                                                                                                                                                                                    |               |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                             |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                                         |                                                                      |            | <i>Commune, Duc Hoa District, Long An Province</i>                                                                                                                                 |               |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                             |
| 2 | Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo<br><i>Tan Tao Energy Corporation</i>                                                                 | Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br><i>Key management co-members</i> | 1701339240 | Tổ 9 khu phố Hòa Lập, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang<br><i>Group 9, Hoa Lap Quarter, Kien Luong Town, Kien Luong District, Kien Giang Province</i>         | 01/NQITACO-23 | 01/02/2023 | Chi tạm ứng<br>126.534.000.000 đồng<br><i>Pay Advance 126.534.000.000 VND</i>                                                                                                                                                                                                             | Bà Đặng Thị Hoàng Yến là chủ tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen is chairwoman and General Director</i> |
| 3 | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương<br><i>Investment - Construction and Development of New Orient co., Ltd</i> | Cổ đông lớn<br><i>Block-holder</i>                                   | 4103011579 | Lô 2-4-6 đường C KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. HCM<br><i>Lot 2-4-6, C Street, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City</i> | 01/NQITACO-23 | 01/02/2023 | Thu hồi công nợ<br>28.125.814.321 đồng<br><i>Debt recovery 28.125.814.321 VND</i><br>Chi tạm ứng<br>60.000.000.000 đồng<br><i>Pay Advance 60.000.000.000 VND</i>                                                                                                                          |                                                                                                                             |
| 4 | Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây dựng Phương Nam<br><i>Southern Engineering &amp; Informatics - Investment Corporation</i>   | Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br><i>Key management co-members</i> | 0301419852 | Lô 2-4-6 đường C KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, tp HCM<br><i>Lot 2-4-6, C Street, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District,</i>                   | 01/NQITACO-23 | 01/02/2023 | Doanh thu cho thuê văn phòng<br>1.112.730.000 đồng<br><i>Office rental revenue 1.112.730.000 VND</i><br>Nhận cung cấp dịch vụ<br>1.223.995.410 đồng<br><i>Receive Service Supply 1.223.995.410 VND</i><br>Cần trừ công nợ<br>1.223.995.410 đồng<br><i>Clearing debt 1.223.995.410 VND</i> | Ông Nguyễn Thanh Phong là chủ tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc<br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong is chairman and General Director</i>   |

|   |                                                                                                                                                      |                                                                      |            |                                                                                                                                                                |               |            |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                             |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                                                      |                                                                      |            | <i>Hồ Chí Minh City</i>                                                                                                                                        |               |            | Thu hoàn tạm ứng<br>16.200.000.000 đồng<br><i>Recovery of advance payment</i><br>16.200.000.000 VND<br>Cung cấp dịch vụ<br>156.325.000 đồng<br><i>Service Supply</i><br>156.325.000 VND                                                              |                                                                                             |
| 5 | Công ty Cổ phần Truyền thông – Giải trí và Sản xuất Media Ban Mai<br><i>Twilight Communications Entertainment &amp; Media Production Corporation</i> | Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br><i>Key management co-members</i> | 1100814558 | Khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.<br><i>Tan Duc Industrial Park, Duc Hoa Ha Commune, Duc Hoa District, Long An Province</i> | 01/NQITACO-23 | 01/02/2023 | Chi tạm ứng<br>3.000.000 đồng<br><i>Pay Advance</i><br>3.000.000 VND                                                                                                                                                                                 | Ông Nguyễn Trọng Dũng là Tổng giám đốc<br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong is General Director</i> |
| 6 | Trường Đại học Tân Tạo<br><i>Tan Tao University</i>                                                                                                  | Cổ đông lớn<br><i>Block-holder</i>                                   | 2154/QĐTTg | Khu đô thị E.City Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An<br><i>Tan Duc E.City, Duc Hoa District, Long An Province</i>                                            | 01/NQITACO-23 | 01/02/2023 | Chi tạm ứng<br>16.350.000.000 đồng<br><i>Pay Advance</i><br>16.350.000.000 VND<br>Cung cấp dịch vụ<br>447.010.552 đồng<br><i>Service Supply</i><br>447.010.552 VND<br>Thu hồi công nợ<br>644.515.496 đồng<br><i>Debt recovery</i><br>644.515.496 VND |                                                                                             |

|   |                                                                                                                         |                                                                      |            |                                                                                                                                                                                                       |                |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                         |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7 | Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Đô thị Tân Tạo Mê Kông<br><i>Tan Tao Mekong Urban Business Investment Corporation</i> | Công ty con<br><i>Subsidiary company</i>                             | 4103010034 | 4/6 Đường Nguyễn Văn Lương, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP.HCM<br><i>4/6 Nguyen Van Luong Street, Ward 16, Go Vap District, Ho Chi Minh City</i>                                                          | 01/NQITA CO-23 | 01/02/2023 | Chi tạm ứng<br>3.000.000 đồng<br><i>Pay Advance</i><br>3.000.000 VND                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                         |
| 8 | Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo<br><i>Tan Tao Energy Corporation</i>                                      | Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br><i>Key management co-members</i> | 1100842379 | Khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.<br><i>Tan Duc Industrial Park, Duc Hoa Ha Commune, Duc Hoa District, Long An Province</i>                                        | 01/NQITA CO-23 | 01/02/2023 | Thu hoàn tạm ứng<br>167.876.500.000 đồng<br><i>Recovery of advance payment</i><br>167.876.500.000 VND                                                                                                                                                                                  | Ông Nguyễn Thanh Phong là Phó Tổng giám đốc<br><i>Mr. Nguyen Thanh Phong is Deputy General Director</i> |
| 9 | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo<br><i>Tan Tao Medical University Hospital Joint Stock company</i>           | Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br><i>Key management co-members</i> | 1101381089 | Lô 10, Đường Đức Hòa Hạ, KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An<br><i>Loi 10, Duc Hoa Ha Street, Tan Duc Industrial Park, Duc Hoa Ha Commune, Duc Hoa District, Long An Province</i> | 01/NQITA CO-23 | 01/02/2023 | Thu hoàn tạm ứng<br>20.300.000.000 đồng<br><i>Recovery of advance payment</i><br>20.300.000.000 VND<br>Cung cấp dịch vụ<br>711.254.000 đồng<br><i>Service supply</i><br>711.254.000 VND<br>Nhận cung cấp dịch vụ<br>54.533.000 đồng<br><i>Receive service supply</i><br>54.533.000 VND | Ông Đặng Quang Hạnh là chủ tịch HĐQT<br><i>Mr. Dang Quang Hanh is Chairman</i>                          |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of ITACO, affiliated persons of internal persons and ITACO's subsidiaries in which ITACO takes controlling power.*
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between ITACO and other objects*
  - 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between ITACO and ITACO that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*
  - 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between ITACO and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*
  - 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of ITACO (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

| stt No. | Họ tên<br><i>Name</i>                                                                                  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the company (if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp<br><i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1       | Bà Đặng Thị Hoàng Yến<br>(a.k.a Maya Dangclas)<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen (a.k.a) Maya Dangelus</i> |                                                                                        | Chủ tịch HĐQT<br><i>Chairwoman of Board of Management</i>               |                                                                                                        |                                   | 54.349.633                                                                           | 5,79%                                                                                          |                        |
| 1.1     | Ông Đặng Văn Đức<br><i>Mr. Dang Van Duoc</i>                                                           |                                                                                        |                                                                         |                                                                                                        |                                   | 2.744                                                                                | 0,00%                                                                                          |                        |
| 1.2     | Bà Hoàng Thị Kim Tuyền<br><i>Ms. Hoang Thi Kim Tuyen</i>                                               |                                                                                        |                                                                         |                                                                                                        |                                   | 0                                                                                    | 0,00%                                                                                          |                        |

|      |                                                                                                                                                                          |  |  |  |  |             |        |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|-------------|--------|--|
| 1.3  | Ông Đặng<br>Quang Hạnh<br><i>Mr. Dang<br/>Quang Hanh</i>                                                                                                                 |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 1.4  | Ông Đặng<br>Thánh Tâm<br><i>Mr. Dang<br/>Thanh Tam</i>                                                                                                                   |  |  |  |  | 29.063.039  | 3,10%  |  |
| 1.5  | Bà Đặng Thị<br>Hoàng Phương<br><i>Ms. Dang Thi<br/>Hoang Phuong</i>                                                                                                      |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 1.6  | Công ty cổ<br>phần Tập đoàn<br>Tân Tạo<br><i>Tan Tao Corp</i>                                                                                                            |  |  |  |  | 184.914.282 | 19,70% |  |
| 1.7  | Công ty cổ<br>phần Năng<br>Lượng Tân Tạo<br><i>Tan Tao<br/>Energy<br/>Corporation</i>                                                                                    |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 1.8  | Công ty cổ<br>phần Năng<br>Lượng Tân Tạo<br>2<br><i>Tan Tao 2<br/>Energy<br/>Corporation</i>                                                                             |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 1.9  | Công ty cổ<br>phần Đại học<br>Tân Tạo<br><i>Tan Tao<br/>University<br/>Corporation</i>                                                                                   |  |  |  |  | 166.463.585 | 17,74% |  |
| 1.10 | Công ty cổ<br>phần Phát triển<br>Hạ tầng Tân<br>Tạo<br><i>Tan Tao<br/>Infrastructure<br/>Corp</i>                                                                        |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 1.11 | Công ty Cổ<br>phần Đầu tư<br>Đô Thị Sài<br>Gòn – Mekong<br><i>Sai Gon-<br/>Mekong City<br/>Investment<br/>Corporation</i>                                                |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 1.12 | Công ty Cổ<br>phần Đầu tư<br>Xây dựng và<br>Phát triển Tân<br>Đông Phương<br><i>Investment -<br/>Construction<br/>and<br/>Development of<br/>New Orient<br/>co., Ltd</i> |  |  |  |  | 73.113.598  | 7,79%  |  |

|      |                                                                                                                                                         |  |                                                                                        |  |  |            |       |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|-------|--|
| 2    | Ông Đặng Quang Hạnh<br><i>Mr. Dang Quang Hanh</i>                                                                                                       |  | Phó chủ tịch thường trực HĐQT<br><i>Permanent Vice Chairman of Board of Management</i> |  |  | 0          | 0,00% |  |
| 2.1  | Ông Đặng Văn Được<br><i>Mr. Dang Van Duoc</i>                                                                                                           |  |                                                                                        |  |  | 2.744      | 0,00% |  |
| 2.2  | Bà Hoàng Thị Kim Tuyền<br><i>Ms. Hoang Thi Kim Tuyen</i>                                                                                                |  |                                                                                        |  |  | 0          | 0,00% |  |
| 2.3  | Bà Đặng Thị Hoàng Yến<br>(a.k.a Maya Dangelas)<br><i>Mme. Dang Thi Hoang Yen (a.k.a) Maya Dangelas</i>                                                  |  |                                                                                        |  |  | 54.349.633 | 5,79% |  |
| 2.4  | Ông Đặng Thành Tâm<br><i>Mr. Dang Thanh Tam</i>                                                                                                         |  |                                                                                        |  |  | 29.063.039 | 3,10% |  |
| 2.5  | Bà Đặng Thị Hoàng Phương<br><i>Ms. Dang Thi Hoang Phuong</i>                                                                                            |  |                                                                                        |  |  | 0          | 0,00% |  |
| 2.6  | Đặng Nguyễn Hoàng Anh<br><i>Dang Nguyen Hoang Anh</i>                                                                                                   |  |                                                                                        |  |  | 0          | 0,00% |  |
| 2.7  | Đặng Hoàng Văn Anh<br><i>Dang Hoang Van Anh</i>                                                                                                         |  |                                                                                        |  |  | 0          | 0,00% |  |
| 2.8  | Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh<br><i>Nguyen Thi My Hanh</i>                                                                                                      |  |                                                                                        |  |  | 0          | 0,00% |  |
| 2.9  | Công ty cổ phần Đầu tư Tân Đức<br><i>Tan Duc Investment Corporation</i>                                                                                 |  |                                                                                        |  |  | 0          | 0,00% |  |
| 2.10 | Công ty cổ phần Đầu tư - Khai thác - Sản xuất và cung cấp nước sạch ITA<br><i>ITA water Investment Exploitation Production &amp; Supply Corporation</i> |  |                                                                                        |  |  | 0          | 0,00% |  |

|      |                                                                                                                                              |  |                                                                          |  |  |                |              |  |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------|--------------|--|
| 2.11 | Công ty Cổ<br>phần Bệnh viện<br>Đại học Y Tân<br>Tào<br><i>Tan Tao<br/>Medical<br/>University<br/>Hospital Joint<br/>Stock company</i>       |  |                                                                          |  |  | 0              | 0,00%        |  |
| 2.12 | Công ty cổ<br>phần Khai thác<br>và Phát triển<br>kho vận Tân<br>Tào<br><i>Tan Tao<br/>Forwarding<br/>and<br/>Warehousing<br/>Corporation</i> |  |                                                                          |  |  | 0              | 0,00%        |  |
| 3    | <b>Ông Huỳnh<br/>Hồ</b><br><i>Mr. Huynh Ho</i>                                                                                               |  | <b>Thành viên<br/>độc lập<br/>IIDQT</b><br><i>Independent<br/>member</i> |  |  | <b>32.000</b>  | <b>0,00%</b> |  |
| 3.1  | Đặng Thủy<br>Oanh<br><i>Dang Thuy<br/>Oanh</i>                                                                                               |  |                                                                          |  |  | 0              | 0,00%        |  |
| 3.2  | Huỳnh Đặng<br>Thanh Bình<br><i>Huynh Dang<br/>Thanh Binh</i>                                                                                 |  |                                                                          |  |  | 0              | 0,00%        |  |
| 3.3  | Huỳnh Vĩnh<br>Phúc<br><i>Huynh Vinh<br/>Phuc</i>                                                                                             |  |                                                                          |  |  | 0              | 0,00%        |  |
| 3.4  | Huỳnh Đặng<br>Thanh Sơn<br><i>Huynh Dang<br/>Thanh Son</i>                                                                                   |  |                                                                          |  |  | 0              | 0,00%        |  |
| 3.5  | Huỳnh Văn<br>Đông<br><i>Huynh Van<br/>Dong</i>                                                                                               |  |                                                                          |  |  | 0              | 0,00%        |  |
| 3.6  | Nguyễn Trung<br>Thành<br><i>Nguyen Trung<br/>Thanh</i>                                                                                       |  |                                                                          |  |  | 0              | 0,00%        |  |
| 4    | <b>Ông Nguyễn<br/>Thanh Phong</b><br><i>Mr. Nguyen<br/>Thanh Phong</i>                                                                       |  | <b>Tổng giám<br/>đốc</b><br><i>General<br/>Director</i>                  |  |  | <b>291.859</b> | <b>0,03%</b> |  |
| 4.1  | Trương Thanh<br>Nhân<br><i>Truong Thanh<br/>Nhan</i>                                                                                         |  |                                                                          |  |  | 0              | 0,00%        |  |
| 4.2  | Nguyễn Thành<br>Nam<br><i>Nguyen Thanh<br/>Nam</i>                                                                                           |  |                                                                          |  |  | 0              | 0,00%        |  |
| 4.3  | Lê Thị Hiền<br><i>Le Thi Hien</i>                                                                                                            |  |                                                                          |  |  | 0              | 0,00%        |  |

|      |                                                                                                                                                 |  |                                                            |  |  |             |        |  |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------|--|--|-------------|--------|--|
| 4.4  | Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Tạo<br><i>Tan Tao Corp</i>                                                                                         |  |                                                            |  |  | 184.914.282 | 19,70% |  |
| 4.5  | Công ty cổ phần Đầu tư Tân Đức<br><i>Tan Duc Investment Corporation</i>                                                                         |  |                                                            |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 4.6  | Công ty cổ phần Đầu tư Tin học và Tư vấn xây dựng Phương Nam<br><i>Phuong Nam Southern Engineering &amp; Informatics Investment Corporation</i> |  |                                                            |  |  | 250.000     | 0,03%  |  |
| 4.7  | Công ty cổ phần Khai thác và Phát triển kho vận Tân Tạo<br><i>Tan Tao Forwarding and Warehousing Corporation</i>                                |  |                                                            |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 4.8  | Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Đông Phương<br><i>Investment - Construction and Development of New Orient co., Ltd</i>        |  |                                                            |  |  | 73.113.598  | 7,79%  |  |
| 4.9  | Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo<br><i>Tan Tao Energy Development Corporation</i>                                                  |  |                                                            |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 4.10 | Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Sài Gòn – Mekong<br><i>Sai Gon-Mekong City Investment Corporation</i>                                             |  |                                                            |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 5    | <b>Phan Thị Hiệp</b><br><i>Phan Thi Hiep</i>                                                                                                    |  | <b>Phó Tổng Giám đốc</b><br><i>Deputy General Director</i> |  |  | 0           | 0,00%  |  |

|      |                                                                                                                                                                                            |  |  |  |  |   |       |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|---|-------|--|
| 5.1  | Phan Thị Sáng<br><i>Phan Thi Sang</i>                                                                                                                                                      |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.2  | Phan Minh<br>Ánh<br><i>Phan Minh Anh</i>                                                                                                                                                   |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.3  | Phan Minh<br>Hòa<br><i>Phan Minh Hoa</i>                                                                                                                                                   |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.4  | Nguyễn Thị<br>Kim Thoa<br><i>Nguyen Thi Kim Thoa</i>                                                                                                                                       |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.5  | Phan Thị Liên<br><i>Phan Thi Lien</i>                                                                                                                                                      |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.6  | Hồ Dắc Hà<br><i>Ho Dac Ha</i>                                                                                                                                                              |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.7  | Phan Thị Thủy<br><i>Phan Thi Thuy</i>                                                                                                                                                      |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.8  | Nguyễn Văn<br>Tân<br><i>Nguyen Van Tan</i>                                                                                                                                                 |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.9  | Phan Minh<br>Hùng<br><i>Phan Minh Hung</i>                                                                                                                                                 |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.10 | Nguyễn Thị<br>Kim Ty<br><i>Nguyen Thi Kim Ty</i>                                                                                                                                           |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.11 | Phan Thị Hằng<br><i>Phan Thi Hang</i>                                                                                                                                                      |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.12 | Nguyễn Nghĩa<br><i>Nguyen Nghia</i>                                                                                                                                                        |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.13 | Lê Uyên Nhi<br><i>Le Uyen Nhi</i>                                                                                                                                                          |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.14 | Lê Xuân Mai<br><i>Le Xuan Mai</i>                                                                                                                                                          |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.15 | Công ty cổ<br>phần Đầu tư -<br>Khai thác - Sản<br>xuất và cung<br>cấp nước sạch<br>ITA<br><i>ITA water<br/>Investment<br/>Exploitation<br/>Production &amp;<br/>Supply<br/>Corporation</i> |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 5.16 | Công ty cổ<br>phần Bệnh viện<br>Đại Học Y Tân<br>Tạo                                                                                                                                       |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |

|      |                                                         |  |                                                  |  |  |       |       |  |
|------|---------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------|--|--|-------|-------|--|
|      | Tan Tao Medical University Hospital Joint Stock company |  |                                                  |  |  |       |       |  |
| 6    | Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai<br>Ms. Nguyen Thi Ngoc Mai       |  | Trưởng BKS<br>Head of Board of Supervisors       |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 6.1  | Nguyễn Kim Loan<br>Nguyen Kim Loan                      |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 6.2  | Nguyễn Hải Triều<br>Nguyen Hai Trieu                    |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 6.3  | Nguyễn Tiến Chính<br>Nguyen Tien Chinh                  |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 6.4  | Nguyễn Tiến Sang<br>Nguyen Tien Sang                    |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 6.5  | Nguyễn Thị Hằng Mai<br>Nguyen Thi Hang Mai              |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 6.6  | Nguyễn Phương Thủy<br>Nguyen Phuong Thuy                |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 6.7  | Lê Huy Du<br>Le Huy Du                                  |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 6.8  | Lâm Thị Tuyết Nhung<br>Lam Thi Tuyen Nhung              |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 6.9  | Nguyễn Thịnh Linh<br>Nguyen Thinh Linh                  |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 6.10 | Nguyễn Phúc Khang<br>Nguyen Phuc Khang                  |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 6.11 | Nguyễn Minh Khang<br>Nguyen Minh Khang                  |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 7    | Bà Lê Thị Phương Chi<br>Ms. Le Thi Phuong Chi           |  | Thành viên BKS<br>Member of Board of Supervisors |  |  | 8,910 | 0,00% |  |
| 7.1  | Ông Lê Văn Bảy<br>Mr. Le Van Bay                        |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 7.2  | Bà Ngô Thị Châu                                         |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |

|     |                                                         |  |                                                  |  |  |       |       |  |
|-----|---------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------|--|--|-------|-------|--|
|     | Ms. Ngo Thi Chau                                        |  |                                                  |  |  |       |       |  |
| 7.3 | Ông Trịnh Quốc Huy<br>Phong<br>Mr. Trinh Quoc Huy Phong |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 7.4 | Trịnh Lê Huy Hoàng<br>Trinh Le Huy Hoang                |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 7.5 | Bà Lê Thị Hồng Cẩm<br>Le Thi Hong Cam                   |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 7.6 | Ông Lê Tuấn Bảo<br>Mr. Le Bao Tuan                      |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 7.7 | Hà Huy Thúc<br>Ha Huy Thuc                              |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 7.8 | Đoàn Thị Diễm Phương<br>Doan Thi Diem Phuong            |  |                                                  |  |  | 3.000 | 0,00% |  |
| 7.9 | Nguyễn Thị Dung<br>Nguyen Thi Dung                      |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 8   | Bà Đinh Thị Mai<br>Ms. Dinh Thi Mai                     |  | Thành viên BKS<br>Member of Board of Supervisors |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 8.1 | Thân Ngọc Bằng<br>Than Ngoc Bang                        |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 8.2 | Thân Ngọc Tân Hoàng<br>Than Ngoc Tan Hoang              |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 8.3 | Thân Ngọc Minh Thư<br>Than Ngoc Minh Thu                |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 8.4 | Thân Ngọc Tấn Phát<br>Than Ngoc Tan Phat                |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 8.5 | Đinh Quang Mão<br>Dinh Quang Mao                        |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |
| 8.6 | Hoàng Thị Quy<br>Hoang Thi Quy                          |  |                                                  |  |  | 0     | 0,00% |  |

|      |                                                                                                                                                         |  |                                                                                                          |  |  |   |       |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---|-------|--|
| 8.7  | Thân Ngọc<br>Luyện<br><i>Than Ngoc<br/>Luyen</i>                                                                                                        |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9    | <b>Ông Nguyễn<br/>Trọng Dũng</b><br><i>Mr. Nguyen<br/>Trong Dung</i>                                                                                    |  | <b>Người phụ<br/>trách quản<br/>trị</b><br><i>Person in<br/>charge of<br/>Company<br/>Administration</i> |  |  | 3 | 0,00% |  |
| 9.1  | Nguyễn Trọng<br>Vân<br><i>Nguyen Trong<br/>Van</i>                                                                                                      |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9.2  | Hoàng Thị<br>Thái Thanh<br><i>Hoai Thi Thai<br/>Thanh</i>                                                                                               |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9.3  | Nguyễn Trọng<br>Phước<br><i>Nguyen Trong<br/>Phuoc</i>                                                                                                  |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9.4  | Nguyễn Trọng<br>Hưng<br><i>Nguyen Trong<br/>Hung</i>                                                                                                    |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9.5  | Nguyễn Trọng<br>Lâm<br><i>Nguyen Trong<br/>Lam</i>                                                                                                      |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9.6  | Nguyễn Thị<br>Thanh Hương<br><i>Nguyen Thi<br/>Thanh Huong</i>                                                                                          |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9.7  | Nguyễn Trọng<br>Sơn<br><i>Nguyen Trong<br/>Son</i>                                                                                                      |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9.8  | Nguyễn Thị<br>Kim Quyên<br><i>Nguyen Thi Kim<br/>Quyên</i>                                                                                              |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9.9  | Nguyễn Trọng<br>Chí<br><i>Nguyen Trong<br/>Chi</i>                                                                                                      |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9.10 | Nguyễn Trọng<br>Anh<br><i>Nguyen Trong<br/>Anh</i>                                                                                                      |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9.11 | Nguyễn Thị<br>Mỹ Phương<br><i>Nguyen Thi My<br/>Phuong</i>                                                                                              |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |
| 9.12 | Công ty Cổ<br>phần Truyền<br>thông – Giải trí<br>và Sản xuất<br>Media Ban Mai<br><i>Twilight<br/>Communications<br/>– Entertainment<br/>&amp; Media</i> |  |                                                                                                          |  |  | 0 | 0,00% |  |

|      |                                                                                                                                                         |  |                                                  |  |  |   |       |                                       |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------|--|--|---|-------|---------------------------------------|
|      | <i>Production Corporation</i>                                                                                                                           |  |                                                  |  |  |   |       |                                       |
| 9.13 | Công ty Cổ phần Đầu tư Nghiên cứu và Xuất khẩu Gạo thơm Ita-Rice<br><i>ITA-RICE: Fragrant Rice Investment, Research, and Export Joint Stock Company</i> |  |                                                  |  |  | 0 | 0,00% |                                       |
| 10   | <b>Bà Bùi Thị Phương</b><br><i>Ms. Bui Thi Phuong</i>                                                                                                   |  | <b>Kế toán trưởng</b><br><i>Chief Accountant</i> |  |  | 0 | 0,00% | <b>Bổ nhiệm</b><br><i>Appointed</i>   |
| 10.1 | Phạm Thị Xuyên<br><i>Pham Thi Xuyen</i>                                                                                                                 |  |                                                  |  |  | 0 | 0,00% |                                       |
| 10.2 | Bùi Thị Lan Phương<br><i>Bui Thi Lan Phuong</i>                                                                                                         |  |                                                  |  |  | 0 | 0,00% |                                       |
| 10.3 | Nguyễn Văn Thái<br><i>Nguyen Van Thai</i>                                                                                                               |  |                                                  |  |  | 0 | 0,00% |                                       |
| 10.4 | Nguyễn Phương An<br><i>Nguyen Phuong An</i>                                                                                                             |  |                                                  |  |  | 0 | 0,00% |                                       |
| 10.5 | Nguyễn Phương Linh<br><i>Nguyen Phuong Linh</i>                                                                                                         |  |                                                  |  |  | 0 | 0,00% |                                       |
| 10.6 | Phùng Mạnh Tường<br><i>Phung Manh Tuong</i>                                                                                                             |  |                                                  |  |  | 0 | 0,00% |                                       |
| 10.7 | Nguyễn Thị Mai<br><i>Nguyen Thi Mai</i>                                                                                                                 |  |                                                  |  |  | 0 | 0,00% |                                       |
| 11   | <b>Bà Nguyễn Thị Hoa</b><br><i>Ms. Nguyen Thi Hoa</i>                                                                                                   |  | <b>Kế toán trưởng</b><br><i>Chief Accountant</i> |  |  | 0 | 0,00% | <b>Miễn nhiệm</b><br><i>Dismissed</i> |
| 11.1 | Nguyễn Thanh Hữu<br><i>Nguyen Thanh Huu</i>                                                                                                             |  |                                                  |  |  | 0 | 0,00% |                                       |
| 11.2 | Trần Thị Thương<br><i>Tran Thi Thuong</i>                                                                                                               |  |                                                  |  |  | 0 | 0,00% |                                       |

|       |                                                                                                                                        |  |  |  |  |             |        |  |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|-------------|--------|--|
| 11.3  | Hoàng Thái<br>Dương<br><i>Hoang Thai<br/>Duong</i>                                                                                     |  |  |  |  | 11.445      | 0,00%  |  |
| 11.4  | Đào Thị Tinh<br><i>Dao Thi Tinh</i>                                                                                                    |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 11.5  | Nguyễn Thị<br>Bích Hồng<br><i>Nguyen Thi<br/>Bich Hong</i>                                                                             |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 11.6  | Nguyễn Thị<br>Bích Hà<br><i>Nguyen Thi<br/>Bich Ha</i>                                                                                 |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 11.7  | Hoàng Minh<br>Hương<br><i>Hoang Minh<br/>Huong</i>                                                                                     |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 11.8  | Hoàng Nguyễn<br>Quốc An<br><i>Hoang Nguyen<br/>Quoc An</i>                                                                             |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 11.9  | Hoàng Nguyễn<br>Quốc Bảo<br><i>Hoang Nguyen<br/>Quoc Bao</i>                                                                           |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 11.10 | Công ty cổ<br>phần Đầu tư<br>Tân Đức<br><i>Tan Duc<br/>Investment<br/>Corporation</i>                                                  |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 11.11 | Công ty cổ<br>phần Năng<br>lượng Tân<br>Tạo 2<br><i>Tan Tao 2<br/>Energy<br/>Corporation</i>                                           |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 11.12 | Công ty Cổ<br>phần Bệnh viện<br>Đại học Y Tân<br>Tạo<br><i>Tan Tao<br/>Medical<br/>University<br/>Hospital Joint<br/>Stock company</i> |  |  |  |  | 0           | 0,00%  |  |
| 11.13 | Công ty cổ<br>phần Đại học<br>Tân Tạo<br><i>Tan Tao<br/>University<br/>Corporation</i>                                                 |  |  |  |  | 166.463.585 | 17,74% |  |

|       |                                                                                                                  |  |  |  |  |   |       |  |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|---|-------|--|
| 11.14 | Công ty cổ phần Khai thác và Phát triển kho vận Tân Tạo<br><i>Tan Tao Forwarding and Warehousing Corporation</i> |  |  |  |  | 0 | 0,00% |  |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|---|-------|--|

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of ITACO*

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch<br><i>Transaction executor</i>                                                                                       | Quan hệ với người nội bộ<br><i>Relationship with internal persons</i>                          | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ<br><i>Number of shares owned at the beginning of the period</i> |                            | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> |                            | Lý do tăng, giảm<br>(mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)<br><i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i> |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                                                                                                                                                |                                                                                                | Số cổ phiếu<br><i>Number of shares</i>                                                    | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> | Số cổ phiếu<br><i>Number of shares</i>                                               | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> |                                                                                                                                                   |
| 1       | Cty Cổ Phần Đầu Tư Tin học và Tư vấn xây dựng<br>Phương Nam<br><i>Phuong Nam Southern Engineering &amp; Informatics Investment Corporation</i> | Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br><i>Key management co-members</i>                           | 3,025,000                                                                                 | 0,32%                      | 250,000                                                                              | 0,03%                      | Giảm tỷ lệ sở hữu<br><i>Decrease ownership rate</i>                                                                                               |
| 2       | Công Ty Cổ Phần Đại Học Tân Tạo<br><i>Tan Tao University Corporation</i>                                                                       | Cô đồng lớn/Cùng thành viên quản lý chủ chốt<br><i>Block-holder/ Key management co-members</i> | 137.108.356                                                                               | 14,61%                     | 166.463.585                                                                          | 17,74%                     | Tăng tỷ lệ sở hữu<br><i>Increase ownership rate</i>                                                                                               |
| 3       | Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Đông Phương<br><i>Investment - Construction and Development of New Orient co., Ltd</i>       | Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br><i>Key management co-members</i>                           | 41.226.868                                                                                | 4,39%                      | 73.113.598                                                                           | 7,79%                      | Tăng tỷ lệ sở hữu<br><i>Increase ownership rate</i>                                                                                               |

|   |                                                                                                                                                       |                                                                   |            |       |   |       |                                                  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|-------|---|-------|--------------------------------------------------|
| 4 | Công ty Cổ phần truyền thông - giải trí và sản xuất Media Ban Mai <i>Twilight Communications Entertainment &amp; Media Production Corporation</i>     | Đồng thành viên quản lý chủ chốt <i>Key management co-members</i> | 25.580.229 | 2,73% | 0 | 0,00% | Giảm tỷ lệ sở hữu <i>Decrease ownership rate</i> |
| 5 | Công ty Cổ phần Đầu Tư - Nghiên Cứu và Xuất Khẩu Gạo Thơm ITA-RICE <i>ITA-RICE Fragrant Rice Investment, Research, and Export Joint Stock Company</i> | Đồng thành viên quản lý chủ chốt <i>Key management co-members</i> | 1.000.000  | 0,11% | 0 | 0,00% | Giảm tỷ lệ sở hữu <i>Decrease ownership rate</i> |
| 6 | Công ty cổ phần Đầu tư Đô thị Sài Gòn - Mekong <i>Sai Gon-Mekong City Investment Corporation</i>                                                      | Đồng thành viên quản lý chủ chốt <i>Key management co-members</i> | 31.886.730 | 3,40% | 0 | 0,00% | Giảm tỷ lệ sở hữu <i>Decrease ownership rate</i> |

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues:**

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- Như trên;  
*Like mentioned;*
- Lưu: HCNS, TC-KT.  
*Archive;*

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**CHAIRMAN OF THE BOD**



**ĐẶNG THỊ HOÀNG YÊN**  
**(a.k.a) MAYA DANGELAS**



**BÁO CÁO TỔNG KẾT 2023**

**KẾ HOẠCH**

**2024**

SUMMARY REPORT OF 2023 AND PLAN FOR 2024

## BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH 2024 2023 ACTIVITY REPORT AND ACTION PLAN FOR 2024

### I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2023 BUSINESS RESULTS EVALUATION 2023

#### 1. Bối cảnh chung về Kinh tế - Xã hội:

##### *General Socio-Economic Context:*

Năm 2023 là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột chính trị và phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan và dịch bệnh diện rộng, xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sụt giảm lượng đơn hàng xuất khẩu; những vấn đề về cơ cấu kinh tế và sự suy giảm mạnh thị trường bất động sản, giá năng lượng cao và tăng lãi suất cùng với hoạt động kinh tế chậm lại ở các nền kinh tế phát triển có thể dẫn đến gia tăng các khoản nợ xấu, làm giảm giá trị tài sản dài hạn...

*2023 is an overall difficult year for the world economy, with a decline in both global GDP growth, trade and investment; bad debt increased and inflation remained high, associated with stressful developments in political conflicts and technological fragmentation, extreme weather and widespread epidemics, the trend of shrinking consumption and a decrease in export orders; structural economic problems and sharp declines in real estate markets, high energy prices and rising interest rates along with slowing economic activity in developed economies could lead to increased bad debt, reducing the value of long-term assets ...*

Tuy có nhiều khó khăn nhưng Việt Nam bước vào năm 2023 với những thuận lợi cơ bản từ đà phục hồi kinh tế ấn tượng của năm 2022, là điểm sáng của tăng trưởng kinh tế sau đại dịch Covid-19 nhờ cách tiếp cận toàn diện về quản lý kinh tế vĩ mô, giúp đưa nền kinh tế vượt qua các thách thức của bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay. Chính phủ tiếp tục Chương trình phục hồi và các chương trình mục tiêu quốc gia, kiểm soát được sự ổn định vĩ mô, sự tăng trưởng cao của thị trường trong nước, duy trì được các cân đối lớn của nền kinh tế, kiểm soát an toàn lạm phát, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài, bội chi ngân sách nhà nước. Tăng trưởng kinh tế từng bước được phục hồi, quý sau cao hơn quý trước, nhiều bứt phá trong cải thiện cơ cấu kinh tế. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tăng trưởng GDP năm 2023 của cả nước ước đạt trên 5%, mặc dù thấp hơn chỉ tiêu đề ra (khoảng 6,5%) nhưng vẫn cao hơn gấp đôi mức tăng GDP trung bình thế giới và thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2023.

*Despite many difficulties, Vietnam enters 2023 with basic advantages from the impressive economic recovery of 2022, being a bright spot of economic growth after the Covid-19 pandemic thanks to a comprehensive approach on macroeconomic management, helping the economy overcome the challenges of the current international and regional context. The Government continues the Recovery Program and national target programs, controlling macroeconomic stability, high growth of the domestic market, maintaining major balances of the economy, controlling inflation safety, public debt, government debt, foreign debt, state budget overspending. Economic growth has gradually recovered, the next quarter is higher than the previous quarter, with many breakthroughs in improving economic structure. According to the Ministry of Planning and Investment, the country's GDP growth in 2023 is*

*estimated to reach over 5%, although lower than the set target (about 6.5%), it is still more than double the world average GDP growth rate and is among the countries with the highest growth rate in the world in 2023.*

Năm 2023 là một năm khó khăn đối với hầu hết các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp bất động sản, Tập đoàn Tân Tạo cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng. Nhưng Hội đồng quản trị Tập đoàn nắm bắt được xu hướng phát triển của nền kinh tế, chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp của Nhà nước, nhanh chóng định hướng, chỉ đạo Tập đoàn tập trung cơ cấu bộ máy, thay đổi cách hành động, tận dụng tài nguyên sẵn có, phát huy các thế mạnh, tập trung thực hiện vào dự án, công trình mang lại hiệu quả ngay. Trong năm 2023, Tập đoàn Tân Tạo đã đạt được các kết quả sau:

*2023 is a difficult year for most businesses, especially real estate businesses, and Tan Tao Group cannot avoid being affected. But the Tan Tao Group's Board of General Directors grasped the development trend of the economy and the State's support policies for businesses, quickly orienting and directing the Tan Tao Group to focus on organizational structure and change its practices, take advantage of available resources, promote strengths, focus on implementing projects and works that bring immediate results. In 2023, Tan Tao Group has achieved the following results:*

## **2. Kết quả kinh doanh:**

### ***Business results:***

#### **2. 1. Tình hình thu hút đầu tư, kinh doanh và tiếp thị.**

##### ***Situation of investment attraction, business and marketing.***

Tập đoàn Tân Tạo với mảng kinh doanh cốt lõi là bất động sản công nghiệp, Tập đoàn vẫn tập trung quản lý để phát triển. Cụ thể:

Tan Tao Group, whose core business is industrial real estate, still focuses on management for development. Specifically:

- Khu Công Nghiệp Tân Tạo có 272 Doanh nghiệp hoạt động, trong đó có 33 nhà đầu tư nước ngoài. Tổng vốn đầu tư trong nước đã đăng ký là 15.209,8 tỷ VNĐ và tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký là 121,71 triệu USD, tạo việc làm cho khoảng 22.796 lao động thường xuyên.

- *Tan Tao Industrial Park has 272 operating enterprises, including 33 foreign investors. Total registered domestic investment capital is 15,209.8 billion VND and total registered foreign investment capital is 121.71 million USD, creating jobs for about 22,796 regular workers.*

- Khu công nghiệp Tân Đức thu hút hơn 207 Doanh nghiệp đang hoạt động, với tổng số vốn đầu tư đăng ký dự án đối với doanh nghiệp nước ngoài là 610,7 triệu USD, doanh nghiệp trong nước là 7.851,72 tỷ đồng Việt Nam. Với gần 300ha đất công nghiệp đã cho thuê, tỉ lệ lấp đầy gần 80%.

- *Tan Duc Industrial Park attracts more than 207 operating enterprises, with a total registered investment capital of 610.7 million USD for foreign enterprises and 7,851.72 billion VND for domestic enterprises. With nearly 300 hectares of industrial land for lease, the occupancy rate is nearly 80%.*

## 2.2. Tình hình thu hút đầu tư, kinh doanh và tiếp thị.

### *Situation of investment attraction, business and marketing.*

Trong năm 2023, Tập đoàn Tân Tạo tiếp đón hơn 210 khách hàng đến làm việc, trong đó có 160 khách hàng quan tâm đến bất động sản Công nghiệp và 50 khách hàng liên hệ thuê nhà xưởng. Đa số vẫn là khách hàng trong nước, tiếp đến là Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kong.

*In 2023, Tan Tao Group welcomes more than 210 customers to work, including 160 customers interested in Industrial real estate and 50 customers contacting to rent factories. The majority are still domestic customers, followed by Korea, Japan, China, and Hong Kong.*

Việc thuê khu công nghiệp, bán và cho thuê nhà xưởng, biệt thự, nhà phố, nhà liền kề, căn hộ, nhà ở Công nhân, Bệnh viện, trường học, suất ăn công nghiệp, dịch vụ nhà ở... được Tập đoàn chú trọng đẩy mạnh, tùy theo từng lĩnh vực hoạt động, thời điểm mà Tập đoàn có chiến lược kinh doanh phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

*Renting industrial parks, selling and leasing factories, villas, townhouses, adjacent houses, apartments, workers' houses, hospitals, schools, industrial meals, housing services... are focused on promoting by the Tan Tao Group, depending on each field of activity and time, the Tan Tao Group has a business strategy suitable for each customer.*

Tập đoàn Tân Tạo luôn quan tâm đến việc chăm sóc khách hàng – nhà đầu tư, đảm bảo cho khách hàng sự an tâm khi đầu tư tại KCN Tân Đức, song song với việc tư vấn đầu tư chi tiết, cụ thể từng hạng mục cho khách hàng, Tập đoàn còn hỗ trợ trong việc làm thủ tục cấp giấy phép ĐKKD, con dấu, mã số thuế, lập dự án, xin giấy chứng nhận đầu tư, thay đổi hoặc bổ sung nội dung giấy phép ĐKKD, CNĐT...

*Tan Tao Group is always focuses on taking care of customers - investors, ensuring customers' peace of mind when investing in Tan Duc Industrial Park, along with detailed and specific investment consulting for each item for customers, the Tan Tao Group also supports procedures for granting business registration licenses, seals, tax codes, project planning, applying for investment certificates, changing or supplementing the content of business registration licenses and investment certificates...*

## 2.3. Về công tác quản lý môi trường:

### **Regarding environmental management:**

Công tác quản lý môi trường luôn được Lãnh đạo Tập đoàn quan tâm chỉ đạo thực hiện chặt chẽ. Trong năm đã duy trì kiểm tra, nhắc nhở định kỳ hàng tháng về việc xả thải, công tác bảo vệ môi trường và theo dõi báo cáo số liệu môi trường của doanh nghiệp.

*Environmental management is always closely directed by the Tan Tao Group's leaders. During the year, monthly inspections and reminders were maintained on waste discharge, environmental protection and monitoring of the enterprise's environmental data reports.*

Trạm nước thải KCN Tân Tạo mở rộng 6000m<sup>3</sup>/ngày.đêm và trạm XLNT KCN Tân Tạo hiện hữu 4500m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tổng công suất 10500m<sup>3</sup>/ngày.đêm

*The Tan Tao Industrial Park wastewater station is expanded up to 6000m<sup>3</sup>/day.night and the existing Tan Tao Industrial Park wastewater treatment station is 4500m<sup>3</sup>/day.night, total capacity of 10500m<sup>3</sup>/day.night*

Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Tân Đức giai đoạn 1 công suất 9000m<sup>3</sup>/ngày.đêm và nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Tân Đức giai đoạn 2 công suất 4500m<sup>3</sup>/ngày.đêm được vận hành tốt đảm bảo nước thải sau xử lý luôn đạt Cột A QCVN 40:2011/BTNMT.

*Centralized wastewater treatment plant in Tan Duc Industrial Park phase 1 with capacity of 9000m<sup>3</sup>/day. night and centralized wastewater treatment plant in Tan Duc Industrial Park phase 2 with capacity of 4500m<sup>3</sup>/day. night is well operated to ensure that treated wastewater always meets Column A QCVN 40:2011/BTNMT.*

Đồng thời, Bộ phận Quản lý môi trường của Tập đoàn thường xuyên bám sát, nhắc nhở và hỗ trợ các Doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp thực hiện đúng các quy định và giữ gìn môi trường chung của Khu Công nghiệp. Hỗ trợ, giải quyết các vấn đề vướng mắc về các thủ tục môi trường của các doanh nghiệp.

*At the same time, the Tan Tao Group's Environmental Management Department regularly follows, reminds and supports Enterprises in the Industrial Park to comply with regulations and preserve the general environment of the Industrial Park, support and resolve problems related to environmental procedures of businesses.*

Ngoài ra, KCN Tân Đức tổ chức những “Ngày Thứ Bảy Xanh”, ra quân tổng dọn vệ sinh môi trường, thu gom rác tại các tuyến đường trong KCN Tân Đức nhằm kêu gọi các Doanh nghiệp cùng chung tay vì một môi trường “xanh - sạch - đẹp”, được tạo nên ý thức, trách nhiệm, chung tay góp sức của cả cộng đồng bảo vệ môi trường cho các Doanh nghiệp và KCN.

*In addition, Tan Duc Industrial Park organizes “Green Saturdays”, organizes general environmental cleaning, and trash collection on roads in Tan Duc Industrial Park to call on businesses to join hands for a better “green - clean - beautiful” environment, creating awareness, responsibility, and contributing to environmental protection for businesses and industrial parks.*

## **2.4. Về công tác Xây dựng Cơ sở hạ tầng:**

### ***Regarding Infrastructure Construction:***

#### ***\* Khu Công nghiệp Tân Tạo:***

#### ***\* Tan Tao Industrial Park :***

Tập đoàn Tân Tạo luôn chú trọng nâng cao chất lượng hạ tầng phục vụ các Doanh nghiệp, trong năm đã tiến hành nạo vét các tuyến cống nước mưa, bao gồm 873 hố ga, nạo vét vệ sinh 11 hố van ngăn thủy triều.

*Tan Tao Group always focuses on improving the quality of infrastructure to serve businesses. During the year, TTG has dredged stormwater sewer lines, including 873 manholes and 11 tidal valve pits.*

Thi công sửa chữa nhà chứa bùn trạm XLNT hiện hữu, trạm XLNT KCN Mở rộng: Làm đường bê tông từ cổng vào đến nhà chứa bùn; xây dựng nhà chứa rác thải nguy hại; Mương thoát nước thải sau khi xử lý của Trạm.

*TTG has constructed and repaired the sludge storage house of the existing wastewater treatment station and the expanded industrial park wastewater treatment station: Build concrete roads from the entrance gate to the sludge storage house, a hazardous waste storage house and a drainage ditch for wastewater after treatment at the station.*

Thi công sửa chữa cải tạo thảm nhựa các tuyến đường trong khu Tân Tạo: đường 2, đường 9, đường Trung Tâm, đường Tân Tạo..., sửa chữa bó vỉa hố ga. Hoàn thiện lại các gờ giảm tốc, và sơn phản quang gờ giảm tốc trong khu công nghiệp đạt 100%.

*TTG has performed repairs and renovations to asphalt roads in Tan Tao Industrial Park: Road 2, Road 9, Central Road, Tan Tao Road..., repairing manhole curbs. Complete the speed bumps and reflective paint on the speed bumps in the industrial park to reach 100%.*

**\* Khu Công nghiệp Tân Đức:**

***Tan Duc Industrial Park :***

Dự án Khu công nghiệp Tân Đức giai đoạn 1 (275ha) đã hoàn thiện hệ thống giao thông, đáp ứng được nhu cầu vận tải của các Doanh nghiệp.

*Tan Duc Industrial Park project Phase 1 (275ha) has completed the transportation system and met the transportation needs of businesses.*

Dự án Khu công nghiệp Tân Đức giai đoạn 2 (270ha), hoàn thành 85% cơ sở hạ tầng, việc thi công được đầu tư theo tình hình cho thuê đất để đáp ứng nhu cầu giao thông của các Doanh nghiệp và thu hút đầu tư, trong năm đã thực hiện:

*Tan Duc Industrial Park Phase 2 project (270ha) has completed 85% of the infrastructure. During the year, construction is invested according to the land lease situation to meet the traffic needs of businesses and attract investment:*

| STT<br>No. | Tên đường<br>Street names | Chiều dài<br>Length (m) | Tỉ lệ hoàn thành<br>Completion rate<br>(%) |
|------------|---------------------------|-------------------------|--------------------------------------------|
| 1          | Tân Đức/ Tan Duc          | 886,06                  | 100                                        |
| 2          | Đường 10/ Road No.10      | 942,50                  | 45                                         |
| 3          | Đường 11/Road No.11       | 2.883,30                | 85                                         |
| 4          | Đường 12/ Road No.12      | 921,90                  | 100                                        |
| 5          | Đường 14/ Road No.14      | 924                     | 90                                         |
| 6          | Đường 16/Road No.16       | 1.008,80                | 75                                         |
| 7          | Đường 15B/Road No.15B     | 2526.7                  | 100                                        |
| 8          | Đường 17/Road No.17       | 1303                    | 65                                         |
| 9          | Đường 18/Road No.18       | 1.052,18                | 90                                         |
| 10         | Đường 19/ Road No.19      | 2501.1                  | 25                                         |

|    |                                          |        |     |
|----|------------------------------------------|--------|-----|
| 11 | Đường 20B/ Road No.20B                   | 384,50 | 100 |
| 12 | Đường 22 (15A-15B)/ Road No.22 (15A-15B) | 168    | 100 |

Tập đoàn Tân Tạo tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện thi công hệ thống giao thông, nước mưa, nước thải các tuyến đường thuộc Khu A.

*Tan Tao Group continued to invest to complete traffic construction, rainwater and wastewater systems on roads in Area A.*

Triển khai thi công hệ thống giao thông đường Tân tạo B2, khuôn đường Song Hành thuộc khu E-City Tân Đức.

*Deploying construction of Tan Tao B2 road traffic system, Song Hanh road mold in Tan Duc E-City.*

Hoàn thiện và đưa vào sử dụng tuyến đường An Bình, An Khang, Thương Mại B1... Khu B1. Tiếp tục thi công hoàn thiện các tuyến đường Khang Phước, Anh Lành, Khang Lộc, An Phước...

*Complete and put An Binh, An Khang, B1 Commercial... B1 Area into use. Continue construction to complete the roads: Khang Phuoc, Anh Lanh, Khang Loc, An Phuoc...*

**\* Công tác sửa chữa Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo và các Trường học:**

***Repair work of Tan Tao Medical University Hospital and Schools:***

Trong năm 2023, Bệnh Viện Đại Học Y Tân Tạo được tập trung nâng cấp cải tạo sửa chữa: Khu Sản mở rộng; Khu tiêm chủng, khu vật lý trị liệu; Khu vực văn phòng; Khu giảng đường, phòng đọc sách; hoàn thiện 100% Trạm điện và Nhà rác.

*In 2023, Tan Tao Medical University Hospital focused on upgrading, renovating and repairing: Expanded Obstetrics Ward; Vaccination area, physical therapy area; Office area; Lecture area, reading room; 100% completed Power Station and Garbage House.*

Đại học Tân Tạo thực hiện cải tạo sửa chữa chống thấm, bảo trì các khu Tòa Levy, Gillis, Canary; hoàn thiện và đưa vào sử dụng nhà tập bóng sân Golf.

*Tan Tao University carried out renovation, repair, waterproofing and maintenance of Levy Hall, Gillis Hall, Canary Hall; Complete and put into use the golf practice area.*

Trường Mầm Non Thiên thần nhỏ: Hoàn thành thi công hệ thống cầu thang thoát hiểm; cải tạo hệ thống lớp học; cổng chào, hàng rào bảo vệ; hoàn thiện khu nhà ăn khu bếp.

*Thien Than Nho Kindergarten: Completed construction of emergency staircase system; renovated the classroom system, welcome gate, protective fence; Completed the kitchen and dining area.*

Trường TPMS: Hoàn thành thi công sân tập TDTT với hệ thống sân bãi, chiếu sáng, sân bóng đảm bảo phục vụ công tác giảng dạy, sinh hoạt vận động thể chất cho học sinh.

*Tan Tao Primary and Middle School: Completed the construction of a sports training ground with a system of yards, lighting, and a football field to ensure the service of teaching and physical activities for students.*

## 1.5. Tình hình tài chính/ tín dụng

### *Financial/credit status*

Nguyên nhân Báo cáo tài chính năm 2023 chưa được kiểm toán: Ngày 29/12/2023, Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán & Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) đột ngột gửi thông báo không thực hiện nội dung kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do không thể thu xếp được nhân sự và thời gian. Đây là trường hợp bất khả kháng, sự việc xảy ra một cách khách quan không lường trước được khi đã kết thúc năm tài chính. Công ty đang cố gắng thuyết phục làm việc với các đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 nhằm đánh giá khách quan tình hình tài chính của Công ty. Công ty Tân Tạo cũng đã có (02) văn bản báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) số 133/CV-ITACO-24 ngày 23/02/2024 và số 154/CV-ITACO-24 ngày 23/03/2024 về việc xin tạm hoãn công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và Báo cáo thường niên năm 2023.

*The 2023 financial statement has not been audited due to the following reasons: On December 29, 2023, Southern Auditing and Accounting Financial Consulting Services Co., Ltd. (AASCS) unexpectedly sent a notice that it could not perform the audit of the financial statements ending on December 31, 2023, due to its inability to arrange personnel and time. This was an unforeseen, force majeure event that occurred objectively at the end of the financial year. ITACO has been actively negotiating with auditing firms to conduct the audit of the financial statement to provide an objective assessment of the Corporation's financial status. ITACO has also submitted two reports to the State Securities Commission (SSC) and the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) under documents No. 133/CV-ITACO-24 dated February 23, 2024, and No. 154/CV-ITACO-24 dated March 23, 2024 regarding the request for a temporary postponement of the disclosure of the 2023 audited financial statements and the 2023 Annual Report.*

Trong năm 2023, đơn vị kiểm toán AASCS cũng đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và Tập đoàn Tân Tạo đã công bố thông tin theo đúng quy định.

*In 2023, AASCS conducted a review of the semi-annual financial statements, and Tan Tao Group disclosed the information in compliance with the regulations.*

Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

*ITACO ensures that the accounting records are maintained to accurately reflect ITACO's financial status, presenting a truthful and fair view at any given time, and ensures that the consolidated financial statements comply with the prevailing state regulations. Fur-*

thermore, ITACO is responsible for safeguarding its assets and implementing appropriate measures to prevent and detect fraud and other violations.

Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*ITACO commits that the consolidated financial statements provide a truthful and fair representation of ITACO's financial position as of December 31, 2023, the consolidated business performance, and the consolidated cash flow for the year 2023, in accordance with the Vietnamese accounting standards and regulations.*

| <b>Chỉ tiêu/ Index</b><br>Target/Index                                           | <b>Năm 2023/ In 2023</b><br><b>(tỷ đồng/ Bil. VNĐ)</b><br>(billion VND/Bil. VND) | <b>Năm 2022/ In 2022</b><br><b>(tỷ đồng/ Bil. VNĐ)</b><br>(billion VND/Bil. VND) |
|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| Tổng giá trị tài sản/ Total Asset                                                | 12.085                                                                           | 12.221                                                                           |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales and service provision | 576,3                                                                            | 607,8                                                                            |
| Khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deduction                                      | 9,6                                                                              | 2.153                                                                            |
| Doanh thu thuần/ Net revenue                                                     | 566,7                                                                            | (1.545)                                                                          |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business operations               | 247,5                                                                            | (217)                                                                            |
| Lợi nhuận khác/ Other profits                                                    | 10,8                                                                             | 2                                                                                |
| Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax.                                         | 258,3                                                                            | (215)                                                                            |
| Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax.                                            | 205,6                                                                            | (257)                                                                            |

Năm 2023 là một năm khó khăn đối với hầu hết các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp bất động sản trong đó Tập đoàn Tân Tạo cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng. Ngoài những khó khăn chung, Tập đoàn Tân Tạo còn phải chịu ảnh hưởng nặng nề từ những Quyết định yêu cầu mở thủ tục phá sản của Tòa án dẫn đến ngân hàng không cho vay vốn, nhiều nhà đầu tư đã ngừng đàm phán mua bán, thuê đất đai, nhà xưởng.

*The year 2023 was challenging for most businesses, especially real estate companies, including Tan Tao Group. Apart from general difficulties, Tan Tao Group was significantly impacted by court decisions mandating the initiation of bankruptcy procedures, which resulted in banks denying loans and many investors ceasing negotiations for land and factory purchases or leases.*

Theo số liệu tài chính của Công ty chưa được kiểm toán: Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2023 của Tập đoàn Tân Tạo có lãi 205,6 tỷ đồng và đã giảm lỗ 179,7% so với năm

2022. Vì năm 2022 Lợi nhuận bị lỗ là do Quyết định yêu cầu mở thủ tục phá sản của Tòa án và các nguyên nhân bất khả kháng buộc Công ty Tân Tạo phải Thanh lý Hợp đồng thuê đất dài hạn xây dựng Trung tâm Điện lực Kiên Lương số 2804/HĐKT-10 ngày 28 tháng 04 năm 2010 (Hợp đồng thay thế Hợp đồng số 2606/HĐKT-09 ngày 26 tháng 06 năm 2009 và Hợp đồng số 1511/HĐKT-09 ngày 15 tháng 11 năm 2009) và Phụ lục Hợp đồng số 2804/PLHDKT-12 ngày 17 tháng 07 năm 2012 được ký giữa Công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo (ITACO) và Công ty CP Phát triển Năng lượng Tân Tạo (TEDC) dẫn đến buộc ITACO phải **giảm trừ doanh thu 2.142.250.000.000 đồng, giảm giá vốn: 1.678.566.526.253 đồng, giảm lợi nhuận trước thuế 463.683.473.747 đồng.**

*According to the ITACO's unaudited financial data, Tan Tao Group's post-tax profit in 2023 was 205.6 billion VND, reducing the previous year's loss by 179.7%. The loss in 2022 was due to the court's decision to initiate bankruptcy procedures and unavoidable circumstances that forced Tan Tao Investment & Industry Corporation to terminate the long-term land lease contract for constructing the Kien Luong Power Center (Contract No. 2804/HĐKT-10 dated April 28, 2010, which replaced Contract No. 2606/HĐKT-09 dated June 26, 2009, and Contract No. 1511/HĐKT-09 dated November 15, 2009) and the supplementary agreement No. 2804/PLHDKT-12 dated July 17, 2012, signed between Tan Tao Investment & Industry Corporation (ITACO) and Tan Tao Energy Development Corporation (TEDC). This led ITACO to **reduce revenue by 2,142,250,000,000 VND, reduce cost of goods sold by 1,678,566,526,253 VND, and decrease pre-tax profit by 463,683,473,747 VND.***

Trong quá trình kinh doanh, Công ty Tân Tạo luôn là Doanh nghiệp kinh doanh minh bạch và đóng thuế đầy đủ. Từng được Công ty Vietnam Report phối hợp với báo Vietnamnet và tạp chí Thuế công bố: Công ty Tân Tạo đứng thứ 129 trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và xếp thứ 35 trong danh sách 200 doanh nghiệp tư nhân đóng thuế thu nhập lớn nhất 2011.

*Throughout its business operations, Tan Tao Investment & Industry Corporation has maintained transparency in its dealings and fulfilled its tax obligations comprehensively. Vietnam Report, in collaboration with Vietnamnet and Tax Magazine, previously recognized Tan Tao Investment & Industry Corporation as ranking 129th among the top 1000 corporate income taxpayers in Vietnam and 35th among the top 200 private enterprises in 2011.*

Hiện nay Công ty Tân Tạo đang làm việc giải quyết vấn đề liên quan đến khoản tiền thuê đất trả tiền 1 lần KCN Mở rộng với cơ quan thuế. Mặc dù Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM đã ban hành bản án phúc thẩm số 592/2023/HC-PT ngày 26/07/2023 quyết định hủy các thông báo thuế của Cục thuế TP.HCM và Chi Cục Thuế quận Bình Tân liên quan đến tiền thuê đất mặt nước trả tiền một lần cho cả thời gian thuê nhưng Cục thuế TP.HCM lại ban hành Thông báo nộp thuế mới số 24096/TB-CTTPHCM ngày 18/10/2023 không đúng quy trình xác định nghĩa vụ đất đai từ Sở Tài nguyên môi trường theo Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/06/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên nên Công ty Tân Tạo tiếp tục khởi kiện ra Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh theo hồ sơ thụ lý vụ án hành chính số 79/TB-TLVA ngày 26/02/2024.

*Currently, Tan Tao Investment & Industry Corporation is addressing issues related to the one-time land lease payment for the Expanded Industrial Zone with the tax authorities. Despite the Ho Chi Minh City High People's Court issuing Appellate Judgment No. 592/2023/HC-PT on July 26, 2023, which annulled the tax notices from the Ho Chi Minh City Tax Department and Binh Tan District Tax Office concerning the one-time water surface land lease payment, the Ho Chi Minh City Tax Department subsequently issued a new tax notice No.*

24096/TB-CTTPHCM on October 18, 2023. This notice did not follow the land obligation determination process as prescribed by the Joint Circular No. 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT dated June 22, 2016, of the Ministry of Finance and the Ministry of Natural Resources and Environment. Consequently, Tan Tao Investment & Industry Corporation has filed a lawsuit with the Ho Chi Minh City People's Court under the administrative case acceptance notice No. 79/TB-TLVA dated February 26, 2024.

Trong năm 2023, Tập đoàn Tân Tạo đã giải quyết thu hồi tồn đọng 95% công nợ phí duy tu của các Doanh nghiệp tại 02 Khu Công nghiệp. Còn một số Doanh nghiệp mặc dù đã có nhiều biện pháp cưỡng chế nhưng vẫn nợ khó đòi suốt nhiều năm nên Công ty Tân Tạo đã báo cáo Ban quản lý các Khu chế xuất và Khu công nghiệp TPHCM giải quyết.

*In 2023, Tan Tao Group resolved 95% of the outstanding maintenance fee receivables from businesses in two industrial parks. However, some businesses, despite numerous enforcement measures, have remained delinquent for several years. Tan Tao Investment & Industry Corporation has reported these cases to the Management Board of Ho Chi Minh City's Export Processing Zones and Industrial Parks for resolution.*

Đối với tiền thuê đất, tại KCN Tân Tạo còn khoản tiền 9 tỷ đồng chưa được thanh toán do chưa làm được Giấy CN QSDĐ để thu tiền đợt cuối. Tại KCN Tân Đức, Tập đoàn đã thực hiện thủ tục cấp Giấy CN QSDĐ cho Công ty Daiwa House và đưa vào doanh thu năm 2023 hơn 150 tỷ đồng, còn Công ty Trillions dự kiến trong năm 2024 sẽ hoàn thành thủ tục cấp Giấy CN QSDĐ và thu tiền đợt cuối hơn 10 tỷ đồng.

*Regarding land lease payments, there is an outstanding amount of 9 billion VND in Tan Tao Industrial Park due to pending issuance of land use right certificates, which is required to collect the final payment installment. In Tan Duc Industrial Park, Tan Tao Group completed the issuance of the land use right certificate for Daiwa House Company, recording over 150 billion VND in revenue for 2023. For Trillions Company, the issuance of the land use right certificate and collection of the final payment installment of over 10 billion VND is expected to be completed in 2024.*

## **1.6. Công tác nghiên cứu và phát triển dự án.**

### ***Research and project development work.***

Trong năm 2023, bên cạnh việc tiếp tục tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng các dự án đã triển khai, để chuẩn bị quỹ đất cho quá trình phát triển lâu dài, Tập đoàn Tân Tạo đã không ngừng tiến hành nghiên cứu triển khai lập Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Dự án Khu Công nghiệp Bình Hoà Nam 2 giai đoạn 1 quy mô 200ha. Mục tiêu xây dựng một khu công nghiệp hiện đại, sạch, chủ yếu bố trí các nhà máy, xí nghiệp thuộc loại ngành công nghiệp không ô nhiễm hoặc ít ô nhiễm môi trường. Các ngành nghề kêu gọi đầu tư gồm: Điện – điện tử, năng lượng sạch, thực phẩm, chế biến hóa mỹ phẩm, cơ khí chính xác, kho bãi logistics, viễn thông ...

*In 2023, in addition to continuing to focus on improving the infrastructure of implemented projects, to prepare land funds for long-term development, Tan Tao Group has continuously conducted research and implementation of construction investment and infrastructure business of Binh Hoa Nam 2 Industrial Park project, phase 1, scale of 200 hectares. The goal is to build a modern, clean industrial park, mainly arranging factories*

*and enterprises in industries with no or little environmental pollution. Industries calling for investment include: Electricity - electronics, clean energy, food, cosmetics processing, precision mechanics, warehousing logistics, telecommunications...*

Tiếp tục tiến hành điều chỉnh Quy hoạch 1/2000 hai Khu công nghiệp Tân Tạo hiện hữu và Khu công nghiệp Tân Tạo mở rộng, nhằm hoàn thiện kết cấu cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Tân Tạo đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp thuê lại đất trong Khu công nghiệp.

*Continue to adjust the Planning 1/2000 of the existing Tan Tao Industrial Park and the expanded Tan Tao Industrial Park, in order to complete the infrastructure of Tan Tao Industrial Park to meet the needs of businesses subleasing land in the Industrial Park.*

### **Công tác nghiên cứu và phát triển dự án khu vực Tân Đức:**

#### **Research and development in Tan Duc area project:**

Triển khai thực hiện dự án thành lập Trường liên cấp 1,2,3 Đặng Trần Côn.

*Implementing the project to establish Dang Tran Con Inter-level School.*

Tiếp tục thực hiện điều chỉnh quy hoạch Khu công nghiệp Tân Đức giai đoạn 2 nhằm tăng thêm phần diện tích đất công nghiệp, thu hút đầu tư của các Nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An.

*Continuing to adjust the planning of Tan Duc Industrial Park phase 2 to increase the area of industrial land, attracting investment from investors in Long An province.*

## **1.7. Công tác hành chính - Nhân sự, an ninh trật tự và công tác xã hội.**

### **Administration- Human resources, Security and Welfare & social work.**

#### **a. Công tác Hành chính – Nhân sự & An ninh trật tự**

##### **Administration - Human Resources & Security**

Trong năm 2023, Tập đoàn tiếp tục sắp xếp bộ máy quản lý, bố trí nhân sự hợp lý phù hợp với hoạt động hoạt động của từng đơn vị. Tính đến cuối năm 2023 tổng số CB-CNV là 879 người, giảm 11 người so với năm 2022.

*In 2023, the Tan Tao Group continued to arrange the management apparatus and arrange personnel appropriately in accordance with the activities of each unit. By the end of 2023, the total number of employees is 879 people, down 11 people compared to 2022.*

Công tác ANTT, PCCC được thực hiện tốt, Đội ANTT-PCCC Khu Công nghiệp duy trì các chốt trực gác và tổ chức tuần tra 24/7, đảm bảo an toàn cho KCN, không để xảy ra tình trạng cướp giật.

*Security and fire prevention is carried out well, The Industrial Park's Security and Fire-*

*fighting & Prevention Team maintains guard posts and organizes 24/7 patrols, ensuring safety for Tan Tao Industrial Park, preventing robberies.*

Đối với công tác PCCC luôn sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố cháy, lực lượng PCCC của KCN được huấn luyện, thực hành thao tác sử dụng các phương tiện, dụng cụ chữa cháy, tham gia diễn tập phương án cháy nâng cao. Đội PCCC đã phối hợp tốt với CS PCCC kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy của cơ sở và tổ chức diễn tập phương án chữa cháy. Trong năm 2023 công tác PCCC thực hiện tốt, có 08 vụ cháy có, không xảy ra các vụ cháy nổ.

*For fire prevention work, Fire Prevention Team are always ready to respond when a fire incident occurs. The Industrial Park's Firefighting & Prevention Team is trained, practices the use of firefighting equipment and tools, and participates in advanced fire drills. The Firefighting & Prevention Team coordinated well with the Fire and Rescue Police Department to inspect the facility's fire prevention work and organize firefighting drills. In 2023, fire prevention and fighting work was performed well, there was 08 fires, no explosions.*

#### **b. Công tác phúc lợi và xã hội.**

##### **Welfare and social work.**

Công ty luôn chăm lo đời sống cho CB-CNV, thực hiện đầy đủ chế độ BHXH-YT-TN, đăng ký mua Bảo hiểm tai nạn cho CB-CNV.

*ITACO always takes care of the lives of employees, fully implements the social, health and unemployment insurance regime, and registers to buy accident insurance for employees.*

Năm 2023, Tập đoàn tiếp tục duy trì hoạt động khám chữa bệnh cho toàn thể CB-CNV, nâng khẩu phần ăn, thực hiện tăng lương cho CB-CNV.

*In 2023, Tan Tao Group continued to maintain medical examination and treatment activities for all employees, increase food rations, and increase salaries for employees.*

Về công tác xã hội, Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo đã tổ chức 19 đoàn khám sức khỏe thiện nguyện ngoại viện và nội viện tại nhiều cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện Đức Hòa, nhằm thu hút sự quan tâm và tiếp cận các dịch vụ y tế cho người dân gần 1,200 người dân thuộc với tổng chi phí thiện nguyện ước tính 2 tỷ đồng.

*Regarding welfare and social work, Tan Tao Medical University Hospital organized 19 volunteer medical examination groups outdoor and in the hospital in many communities in Duc Hoa district, to attract attention and continue and access to medical services for nearly 1,200 people with a total estimated volunteer cost of 2 billions VND.*

Duy trì ủng hộ quỹ ITA từ các Công ty thành viên Tập đoàn, trong năm đã đóng góp ... đồng cho Quỹ nhằm tài trợ học bổng cho các em học sinh sinh viên hiếu học.

*Maintaining support for the ITA fund from Tan Tao Group's members, during the year the companies contributed... VND to the Fund to sponsor scholarships for studious students.*

## **II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ**

### **EVALUATION OF IMPROVEMENTS IN ORGANIZATIONAL STRUCTURE, POLICY, AND MANAGEMENT**

Đội ngũ Lãnh đạo và CB-CNV của Tân Tạo là những người làm việc tận tụy, trách nhiệm, Tập đoàn Tân Tạo tự hào có đội ngũ cán bộ nhân viên làm việc gắn bó với Tập đoàn xuyên suốt từ những ngày đầu thành lập cho đến nay. Do đó, mặc dù có nhiều thời điểm rất khó khăn như khủng hoảng kinh tế toàn cầu, đại dịch Covid nhưng Tập đoàn Tân Tạo vẫn duy trì được hoạt động và có những bước phát triển.

*Tan Tao Group's Board of Directors and employees are dedicated and responsible. Tan Tao Group is proud to have a team of employees who have worked closely with the Tan Tao Group since the early days of establishment until now. Despite many difficult times such as the global economic crisis and the Covid pandemic, Tan Tao Group still maintains operations and has developments.*

Ban Lãnh đạo Tập đoàn luôn quan tâm chỉ đạo các hoạt động tuyển dụng, chiêu mộ và đào tạo nhân tài, điều chuyển và đào tạo nhân sự phù hợp với khả năng và phát huy được hiệu quả công việc.

*Tan Tao Group's Board of Directors always pays attention to directing recruitment activities, enlisting and training talents, transferring and training personnel in accordance with their abilities and promoting work efficiency.*

Duy trì và thực hiện nghiêm túc công tác quản trị thông tin thông qua báo cáo hàng tuần và báo cáo những vấn đề đột xuất kịp thời đến Ban Tổng Giám đốc và HĐQT.

*Maintaining and seriously implementing information management through weekly reports and timely reporting of unexpected issues to the Board of General Directors and Board of Managements.*

Phân công phân nhiệm phù hợp, giao trách nhiệm cụ thể cho từng vị trí từ cấp quản lý đến nhân viên, các đơn vị thành viên của Tập đoàn phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ trong các công tác chung của Tập đoàn.

*Assigning appropriate responsibilities, assigning specific responsibilities to each position from management to staff, Tan Tao Group's member units coordinate smoothly and closely in overall work.*

Công tác quản lý điều hành, quản trị nội bộ đã phát huy được năng lực trong mỗi cá nhân, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty thành viên, Phòng/Ban chuyên môn, góp phần hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn.

*Executive management and internal administration have promoted the capacity of each individual, improving the operational efficiency of member companies and specialized departments/divisions, contributing to completing the business plan of Tan Tao Group.*

### **III. KẾ HOẠCH VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2024**

#### **PLAN AND KEY TASKS IN 2024**

Năm 2024, cùng lợi thế và kỳ vọng tăng trưởng đối với thị trường Bất động sản Công nghiệp của Việt Nam. Tập đoàn Tân Tạo sẽ tiếp tục tập trung đầu tư hoàn thiện CSHT vào KCN Tân Đức giai đoạn 2, Khu Đô thị Ecity nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đồng

thời, triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án “Xây dựng Khu Đô Thị Ecity Tân Đức”, diện tích khoảng 348ha tại xã Đức Hòa Hạ và xã Hữu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3680/QĐ-UBND ngày 16/04/2024 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An cấp.

*In 2024, with the advantages and growth expectations for Vietnam’s Industrial Real Estate market, Tan Tao Group will continue to focus on investing in completing infrastructure in Tan Duc Industrial Park phase 2, E-City Urban Area to meet customer needs. At the same time, Tan Tao Group implemented infrastructure construction of Project “Construction of Tan Duc E-City Urban Area” with an area of about 348 hectares in Duc Hoa Ha Commune and Huu Thanh Commune, Duc Hoa District, Long An Province according to the decision approving the investment policy adjustment No. 3680/QD-UBND dated April 16, 2024 issued by the People’s Committee of Long An province.*

**1. Mục tiêu và biện pháp thực hiện kế hoạch như sau:**

*Objectives and measures to implement the plan are as follows:*

**Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2024**

**Business Plan Objectives for 2024**

Đơn vị tính: Triệu đồng

*Unit: million VND*

*In million đồng*

*In million dong*

| Chỉ tiêu/ Targets                                                | Kế hoạch<br>2024/ Plan for<br>2024 |
|------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>Tổng doanh thu &amp; thu nhập/ Total revenue &amp; income</b> | <b>530</b>                         |
| Tổng chi phí/ total cost                                         | 308                                |
| Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax                          | 222                                |
| Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax                             | 178                                |

**2. Các biện pháp thực hiện**

*Implementation measures*

Để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và nguồn vốn trả nợ ngân hàng cũng như đầu tư các dự án, Công ty đưa ra các biện pháp thực hiện như sau:

*To achieve revenue and profit plans and capital to repay bank debt as well as invest in projects, ITACO proposes these following measures:*

### **a. Kế hoạch thu hút đầu tư, kinh doanh và tiếp thị**

#### ***Plan to attract investment, business and marketing***

Tập đoàn Tân Tạo sẽ tổ chức các chương trình dành cho các Doanh nghiệp tại KCN Tân Tạo và KCN Tân Đức như tổ chức hội thảo các doanh nghiệp trong KCN về triển khai các quy định pháp luật; các chương trình hội thao giao lưu, chương trình họp mặt doanh nghiệp. Các chương trình được tổ chức nhằm để đối thoại, lắng nghe nhằm phục vụ các Doanh nghiệp tốt hơn, giúp các Doanh nghiệp có thể kết nối phát triển các quan hệ đối tác kinh doanh.

*Tan Tao Group will organize programs for businesses in Tan Tao Industrial Park and Tan Duc Industrial Park such as organizing seminars for businesses in the industrial park on implementing legal regulations; sports exchange festivals and business meeting programs. Programs are organized to dialogue and listen to better serve businesses and help businesses connect and develop business partnerships.*

Thực hiện lựa chọn nhà phân phối nhằm triển khai bán thương mại Khu B1 thuộc Khu Đô thị Ecity Tân Đức.

*Selecting distributors to launch commercial sales of B1Area of E-City Tan Duc Urban Area.*

Cùng tham gia giải quyết các vấn đề phát sinh của Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động tại KCN cũng như các vấn đề có liên quan việc cấp GCNQSDĐ. Cập nhật những thông tin mới về quá trình đầu tư trong khu công nghiệp được đến gần hơn với khách hàng.

*Participate in solving problems arising from the Enterprise during operation in the Industrial Park as well as issues related to the issuance of Land Use Rights Certificates. Update new information about the investment process in industrial parks to get closer to customers.*

Phối hợp Ban Quản Lý các KCX & CN TP.HCM (HEPZA); Ban Quản lý Khu kinh tế Long An (LAEZA) hướng dẫn các nhà đầu tư mới. Thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt với các trung tâm thương mại, tư vấn đầu tư, các công ty tư vấn trong và ngoài nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM, Long An, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Cùng cố mối quan hệ với các tổ chức, hiệp hội xúc tiến thương mại, Nhật Bản, Hàn Quốc (JBAV, KOTRA, JETRO) nhằm giới thiệu thu hút khách hàng đầu tư vào KCN Tân Tạo, KCN Tân Đức và các dự án tương lai.

*Coordinate with the Ho Chi Minh City Export Processing and Industrial Zones Authority (HEPZA); Long An Economic Zone Authority (LAEZA) to guide new investors. Establish and maintain good relationships with commercial centers, investment consultants, domestic and foreign consulting companies, Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, Department of Planning and Investment of Long An Province, Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI). Strengthen relationships with trade promotion organizations and associations in Japan and Korea (JBAV, KOTRA, JETRO) to introduce and attract customers to invest in Tan Tao Industrial Park, Tan Duc Industrial Park and other future projects.*

Về hoạt động Logistic, Kho vận, Y tế, giáo dục và các dịch vụ khác, yêu cầu các công ty thành viên chuyên trách cần tập trung nghiên cứu, thích ứng tình thế nhằm đổi mới, phát huy thế mạnh đặc thù của mình để đạt được chỉ tiêu kinh doanh phát triển đề ra. Cụ thể:

*Regarding Logistics, Warehousing, Healthcare, Education and other services, specialized member companies are required to focus on research and adapt to the situation to innovate and promote their specific strengths to achieve set business development targets. Specifically:*

Đối với Công ty Itatrans: Tiếp tục mở rộng thị trường từ Tp. Hồ Chí Minh - Long An, với lợi thế KCN Tân Đức của Tập đoàn với nhiều nhà xưởng còn trống. Áp dụng mô hình kinh doanh cho thuê nhà xưởng, kết hợp dịch vụ logistic cho các cho các doanh nghiệp trong KCN.

***Tan Tao Forwarding and Warehousing Corporation:*** *Continue to expand the market from City. Ho Chi Minh to Long An with the advantage of Tan Duc Industrial Park has many vacant factories. Applying the factory rental business model, combining logistics services for businesses in industrial park.*

Đối với Công ty Taserco: nâng cao chất lượng phục vụ các dịch vụ: cung cấp suất ăn công nghiệp, phục vụ tiệc, hội nghị, xử lý rác thải, cho thuê căn hộ....nhằm đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu của các Doanh nghiệp.

***Tan Tao Services Utilization - Office and Warehousing Trade Co., Ltd:*** *improve the quality of services: providing industrial meals, serving parties, conferences, waste treatment, apartment rental... to better meet the needs of enterprises.*

***Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo:*** Tăng cường đầu tư cả về máy móc thiết bị hiện đại và chất lượng Y – Bác sĩ, nâng cấp lên 100 giường bệnh, ...nhằm nâng cao tối đa khả năng khám chữa bệnh trong địa bàn Đức Hòa, đối tượng khách hàng trung tâm là 50.000 công nhân KCN Tân Đức và các KCN lân cận.

***Tan Tao Medical University Hospital :*** *Increase investment in both modern machinery and equipment, medical and doctor quality, upgrade to 100 beds, ... to maximize medical examination and treatment capabilities in Duc Hoa District, the central customers are 50,000 workers in Tan Duc Industrial Park and neighboring industrial parks.*

***Trường Đại học Tân Tạo:*** Chỉ tiêu tuyển sinh của Trường đại học đã tăng trên 18% so với năm 2022, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, tổ chức nhiều hoạt động nhằm quảng bá hình ảnh của Trường. Với lợi thế là đơn vị thành viên của Tập đoàn Tân Tạo sẽ kết hợp cùng Công ty Tân Tạo, Công ty Tân Đức tổ chức các hoạt động kết nối với Doanh Nghiệp nhằm tạo đầu ra cho Sinh viên học tại Trường có điều kiện thực tập và làm việc ngay sau khi tốt nghiệp.

***Tan Tao University:*** *The University's enrollment target has increased by over 18% compared to 2022, continuing to promote communication activities and organize many activities to promote the image of the University. With the advantage of being a member of Tan Tao Group in conjunction with Tan Tao Investment & Industry Corporation, Tan Duc Investment Corporation to organize connection activities with businesses to create output for students studying at TTU to have the opportunity to practice and work immediately after graduation.*

## **b. Kế hoạch xây dựng cơ bản**

### **Basic construction plan**

+ Xây dựng 25.000 m<sup>2</sup> hệ thống hạ tầng giao thông, san lấp mặt bằng tổng khối

lượng ước tính 175.000 m<sup>3</sup> trong KCN Tân Đức giai đoạn 2 để thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

*Constructing 25,000 m<sup>2</sup> of traffic infrastructure, leveling an estimated total volume of 175,000 m<sup>3</sup> in Tan Duc Industrial Park Phase 2 to attract domestic and foreign investors.*

+ Hoàn thiện hạ tầng 2,2km đường Song Hành Tỉnh lộ 824 và Tỉnh lộ 830 Khu đô thị Ecity Tân Đức.

*Completing 2.2 km of infrastructure for the Song Hanh roads of Provincial Road 824 and Provincial Road 830 in Tan Duc Ecity.*

+ Hoàn thiện hạ tầng khu B1 – Ecity Tân Đức.

*Completing the infrastructure in Area B1 - Tan Duc E-City.*

+ San lấp 200.000m<sup>3</sup> khu B2 – Ecity Tân Đức.

*Leveling 200,000 m<sup>3</sup> in Area B2 - Tan Duc Ecity.*

+ Hoàn thiện 50% khối lượng hạ tầng giao thông trục chính Khu Trung Tâm Dịch Vụ – Thương Mại – Giải Trí – Phim Trường – Trường Học – Bệnh Viện Và Dân cư Đô Thị Ecity Tân Đức.

*Completing 50% of the main traffic infrastructure in the Central Service - Commercial - Entertainment - Film Studio - School - Hospital and Urban Residential Area in Tan Duc E-City.*

+ Hoàn thiện 3.500m<sup>2</sup> hạ tầng Khu dân cư Tân Đức giai đoạn 2 (khu A- Ecity Tân Đức) để bàn giao nền tái định cư.

*Completing 3,500 m<sup>2</sup> of infrastructure in Tan Duc Residential Area Phase 2 (Area A - Tan Duc Ecity) for handover of resettlement land plots.*

+ Tiếp tục hoàn thiện 23 căn biệt thự khu Hạnh phúc.

*Continuing to complete 23 villas in Hanh Phuc Area.*

### **c. Công tác tài chính kế toán**

#### ***Financial and Accounting Operations***

Bổ sung, hoàn thiện các quy trình, quy chế trong quản lý tài chính để nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát theo hướng minh bạch và hiệu quả.

*Enhance and finalize financial management processes and regulations to improve the quality of inspection and supervision, ensuring transparency and efficiency.*

Chuẩn bị các nguồn lực về vốn và tài sản, làm việc với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để vay vốn cho các dự án của Tập đoàn.

*Prepare capital and asset resources, and work with banks and financial institutions to secure funding for the Tan Tao Group's projects.*

Tập trung dòng tiền để xử lý các khoản nợ để giải chấp các tài sản đã thế chấp để chuẩn bị cho chu kỳ đầu tư mới, đồng thời tiếp tục vận dụng cơ chế chính sách để lành mạnh hóa nguồn vốn, giảm chi phí vốn.

*Focus on cash flow management to address debt repayment and release pledged assets in preparation for a new investment cycle. Simultaneously, leverage policies to streamline capital sources and reduce capital costs.*

Lập kế hoạch thu chi hàng tháng, hàng quý để chủ động cân đối nguồn vốn phục vụ cho các hoạt động thường xuyên cũng như triển khai các dự án.

*Develop monthly and quarterly revenue and expenditure plans to proactively balance funds for regular operations and project implementation.*

Tham mưu cho Ban lãnh đạo đánh giá tính hiệu quả của từng Công ty thành viên để tái cơ cấu nguồn lực, Tập trung vào ngành nghề cốt lõi và có thế mạnh để mở rộng sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển bền vững.

*Advise the Board of Management on evaluating the efficiency of each subsidiary to re-structure resources, focusing on core strengths to expand business operations and achieve sustainable development.*

Tìm kiếm, hợp tác với các tổ chức, các quỹ đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính để triển khai hoặc thoái vốn tại một số dự án nhằm đầu tư dự án kinh doanh trọng điểm như KCN Tân Đức giai đoạn 2, Khu Đô thị E.city Tân Đức, dự án tại xã Bình Hòa Nam, huyện Đức Huệ.

*Seek and collaborate with financially capable organizations and foreign investment funds to either initiate or divest from certain projects, aiming to invest in key business projects such as Tan Duc Industrial Park Phase 2, E.city Tan Duc Urban Area, projects in Binh Hoa Nam Commune, Duc Hue District.*

#### **d. Công tác nghiên cứu và phát triển dự án:**

##### **Research and Project Development Operations:**

##### **Khu công nghiệp:**

##### **Industrial park:**

Tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, bám sát tiến độ từ các Sở ngành thẩm định để được chấp nhận chủ trương đầu tư dự án Khu Công Nghiệp diện tích 414.7 ha tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, tiến độ thực hiện theo (02) giai đoạn:

*Continue to undertake investment procedures, closely following the evaluation progress by relevant departments to gain approval for the investment policy of Industrial Park project (covering 414.7 hectares) in Duc Hue District, Long An Province. The implementation timeline is structured into two phases:*

- Giai đoạn 1: Triển khai 200ha bắt đầu từ năm 2025.

*Phase 1: Deployment of 200 hectares starting in 2025.*

- Giai đoạn 2: Triển khai 214,7ha giai đoạn từ năm 2027 đến năm 2030.

*Phase 2: Deployment of 214.7 hectares from 2027 to 2030.*

Tiếp tục điều chỉnh quy hoạch và tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Tân Đức giai đoạn 2, sửa chữa và duy tu các nhà xưởng hiện hữu cũng như xây dựng thêm nhà xưởng mới để sẵn sàng cho việc thu hút nhà đầu tư, phù hợp với nhu cầu khách hàng.

*Proceed with the adjustment of planning and focus on the infrastructure development for the Tan Duc Industrial Park Phase 2. This includes repairing and maintaining existing factories as well as constructing new ones to attract investors and meet customer demands.*

### **Khu Đô thị - Dịch vụ - Giải trí:**

#### **Urban area - Service - Entertainment Area:**

Tiếp tục thực hiện xin cấp phép gia hạn tiến độ thực hiện dự án Khu Trung tâm Dịch vụ - Thương mại - Giải trí - Phim trường - Trường học và Dân cư đô thị E.City Tân Đức (gọi tắt là Khu Trung tâm - Thương mại - Dịch vụ E.city Tân Đức).

*Continuing to apply for a license to extend the implementation progress of the Central Service - Commercial - Entertainment - Film Studio - School and Urban Residential Center Tan Duc Ecity project (referred to as E.city Tan Duc Central - Trade – Service Area).*

Triển khai xây dựng Dự án “Xây dựng Khu đô thị Ecity Tân Đức” bán sản phẩm hoặc đầu tư hạ tầng kỹ thuật và chuyển nhượng cho đơn vị thứ cấp mua lại một phần hoặc toàn bộ Dự án.

*Deploying the construction of the Project “Construction of Tan Duc E-City Urban Area” selling products or investing in technical infrastructure and transferring to secondary units to buy part or all of the Project.*

### **Nhà ở xã hội:**

#### **Subsidized housing:**

Đối với các dự án Nhà ở xã hội, Công ty tiếp tục đẩy nhanh tiến độ để năm 2024 dự án nhà ở xã hội Chung cư Công nhân Tân Đức Plaza tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An được đưa vào phục vụ nhu cầu mua, thuê nhà ở xã hội của công nhân viên chức, người lao động.

*For Subsidized housing projects, ITACO continues to accelerate progress so that Subsidized housing project of Tan Duc Plaza Apartment for workers in Duc Hoa Ha commune, Duc Hoa district, Long An province will be put into operation in 2024 to serve the needs of buying and renting subsidized housing of employees and workers.*

**e. Công tác tổ chức hành chính nhân sự:**

***Human resource and administrative organization :***

Nguồn lực là một trong những yếu tố cần quan tâm hàng đầu khi muốn duy trì và phát triển hoạt động của một công ty. Tập đoàn Tân Tạo luôn hướng tới một bộ máy quản trị tinh gọn, linh hoạt và hiệu quả. Chính vì vậy, việc củng cố năng lực quản trị, kiện toàn bộ máy là một trong những chiến lược quan trọng của Công ty. Để làm được điều này HĐQT đề ra các định hướng sau:

*Resources are one of the top factors to consider when wanting to maintain and develop a company's operations. Tan Tao Group always aims for a compact, flexible and effective management apparatus. Therefore, strengthening management capacity and consolidating the whole apparatus is one of the key strategies of ITACO. To do this, the Board of Management set the following orientations:*

- Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực hiện tại. Có kế hoạch tuyển dụng nhân tài, bố trí đào tạo để phục vụ kịp thời cho thời kỳ phát triển các dự án của Tập đoàn.

*Use current human resources effectively. There are plans to recruit talents and arrange training to promptly serve the development period of the Tan Tao Group's projects.*

- Xây dựng các chính sách thu hút nhân tài. Bảo đảm thu nhập, chế độ đãi ngộ để cán bộ quản lý và cán bộ nghiệp vụ có thể toàn tâm, toàn ý phục vụ cho sự nghiệp phát triển của Tập đoàn.

*Develop policies to attract talent. Ensure income and remuneration so that managers and professional staff can wholeheartedly serve Tan Tao Group's development.*

- Tổ chức các hoạt động thi đua, phát huy tính năng động, sáng tạo để hoàn thành hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế của Tập đoàn.

*Organize emulation activities, promote dynamism and creativity to complete Tan Tao Group's economic targets.*

- Luôn tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp và thử thách, thực hiện cơ chế sàng lọc thông qua đánh giá kết quả công tác hàng năm nhằm có được một đội ngũ CB-CNV có chuyên môn, đủ năng lực tiếp cận với công nghệ mới để xây dựng nền tảng vững chắc cho Công ty phát triển hiệu quả và bền vững.

*Always create a professional and challenging working environment, implement a screening mechanism through annual performance evaluation in order to have a team of qualified staffs and employees with expertise and capacity to access new technology to build a solid foundation for ITACO to develop effectively and sustainably.*

- Bên cạnh đó tiếp tục duy trì và phát huy các nét đẹp văn hóa đã trở thành truyền thống quý báu của Tập đoàn, tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ lẫn nhau, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công việc trong toàn thể CB-CNV.

*Besides, continue to maintain and promote the cultural beauty that has become a valuable tradition of the Tan Tao Group, creating a spirit of solidarity, attachment, mutual help, a sense of discipline and responsibility at work among all employees.*

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 của Tập đoàn Tân Tạo.

*Here is the 2023 Activity Report and Action Plan for 2024 of Tan Tao Group.*

Kính chúc Quý HĐQT, Quý vị đại biểu và Quý cổ đông lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

*We wish the Board of Management, delegates and shareholders good health, success and happiness.*

Xin chân thành cảm ơn.

*Thank you very much.*



# **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

SUPERVISORY BOARD REPORT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2024  
Ho Chi Minh City, date      month      year 2024

## **BÁO CÁO REPORTON**

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024**

#### **THE RESULTS OF THE SUPERVISORY BOARD'S ACTIVITIES IN 2023 AND THE OPERATIONAL PLAN IN 2024**

*(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)*  
*(Submitted to the 2024 Annual General Shareholders' Meeting)*

**Kính thưa Đại hội đồng cổ đông,**  
**Dear General Shareholders' Meeting,**

Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo xin báo cáo trước Đại hội cổ đông (ĐHCD) kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

*The Supervisory Board of Tan Tao Investment and Industry Corporation would like to report to the General Shareholders' Meeting (GSM) on the results of the inspection and supervision of the Corporation's operations in 2023 and the operational plan in 2024 as follows:*

#### **A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023: /ACTIVITIES OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2023:**

##### **1. Tổ chức nhân sự Ban Kiểm soát: /Organization of the Supervisory Board:**

Ban Kiểm soát gồm 03 nhân sự, 1 Trưởng ban và 2 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Trưởng ban.
- Bà Lê Thị Phương Chi, Thành viên
- Bà Đinh Thị Mai, thành viên

*The Supervisory Board consists of 03 members, 1 Chairman and 2 members:*

- Ms. Nguyen Thi Ngoc Mai, Chairman.
- Ms. Le Thi Phuong Chi, Member
- Ms. Dinh Thi Mai, Member

## **2. Hoạt động của Ban Kiểm soát: /Activities of the Supervisory Board:**

Ban Kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các quy định pháp luật có liên quan. Trong năm 2023 tập trung thực hiện kiểm soát theo các nội dung chính sau:

*The Supervisory Board has performed its duties to ensure that the Corporation's operations are in compliance with the Enterprise Law, the Corporate Charter, the Internal Regulations, the Resolution of the 2023 Annual General Shareholders' Meeting, and relevant legal provisions. In 2023, the main focus areas of supervisory activities were as follows:*

- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Công ty trên cơ sở tuân thủ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty và việc thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

*Inspecting and controlling the Corporation's activities based on compliance with the Enterprise Law, the Securities Law, the Corporate Charter, and the implementation of the 2023 General Shareholders' Meeting's resolutions.*

- Giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), các Nghị quyết của HĐQT, việc chấp hành các quy định pháp luật.

*Supervising the Board of Directors (BOD) and the Board of General Management (BOM) in their compliance with the Corporate Charter, the Resolution of the General Shareholders' Meeting (GSM), the Resolutions of the BOD, and the implementation of legal regulations.*

- Xem xét và đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và hoạt động của Công ty trên cơ sở các báo cáo về hoạt động kinh doanh của Công ty do Ban Tổng Giám đốc lập và Báo cáo tài chính do công ty lập.

*Reviewing and evaluating the performance of business and operational tasks based on the business operation reports prepared by the BOM and the Financial Statements prepared by the Corporation.*

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

*Verifying the completeness, legality, and honesty of the Corporation's income*

*statements, annual and semi-annual financial statements. Reviewing contracts and transactions with related parties within the approval authority of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders, and providing recommendations on contracts and transactions that require approval from the Board of Directors or the General Shareholders' Meeting;*

- Tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm soát đánh giá kết quả của hoạt động kiểm soát qua các tháng, quý, năm.

*Organizing meetings of the Supervisory Board to evaluate the results of control activities on a monthly, quarterly, and annual basis.*

## **B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT / RESULTS OF INSPECTION AND SUPERVISION**

### **1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công ty / Results of supervising the Corporation's operations**

- Đến hết năm 2023, Ban kiểm soát chưa phát hiện vấn đề bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Công ty đã chấp hành đầy đủ và nghiêm túc quy định của Pháp luật, của Sở giao dịch chứng khoán về công bố thông tin đối với công ty cổ phần đại chúng và công ty niêm yết.

*By the end of 2023, the Supervisory Board had not detected any irregularities in the Corporation's operations. The Corporation has fully and strictly complied with the provisions of the Law, the Stock Exchange on information disclosure for public joint-stock companies and listed companies.*

- Các quy trình hoạt động của Ban điều hành Công ty đã thực hiện trên cơ sở tuân thủ theo Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành, tuân thủ các yêu cầu của hệ thống quản trị. Các Báo cáo tài chính do Ban Tổng giám đốc cung cấp đã phản ánh (trên những khía cạnh trọng yếu) một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023. Ban kiểm soát đồng ý cơ bản với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty lập.

*The operational procedures of the Corporation's Executive Board have been implemented on the basis of compliance with the Enterprise Law and current regulations, and have complied with the requirements of the governance system. The Financial Statements provided by the Board of General Management has reflected (in all material aspects) fairly and reasonably the Corporation's financial situation as of December 31, 2023. The Supervisory Board essentially agrees with the evaluations of operations and finances as presented in the Corporation's reports and the Financial Statements prepared by the Corporation.*

- Về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với Công ty niêm yết: Trong năm 2023 Công ty đã có rất nhiều văn bản, công văn giải trình và công bố thông tin với Sở giao dịch chứng khoán TP HCM, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời đã được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty đầy đủ.

*Regarding the implementation of the obligation to disclose information for listed*

*companies: In 2023, the Corporation issued numerous documents, explanatory notes, and information disclosures to the Ho Chi Minh City Stock Exchange and the State Securities Commission, which were also fully posted on the Corporation's website.*

- Về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế: Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM đã ban hành bản án số 592/2023/HC-PT ngày 26/07/2023 quyết định hủy các thông báo thuế của Cục thuế TP.HCM và Chi Cục Thuế quận Bình Tân liên quan đến tiền thuê đất mặt nước trả tiền một lần cho cả thời gian thuê nhưng Cục thuế TP.HCM lại ban hành Thông báo nộp thuế mới số 24096/TB-CTTPHCM ngày 18/10/2023 không đúng quy trình xác định nghĩa vụ đất đai từ Sở Tài nguyên môi trường theo Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/06/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên nên Công ty Tân Tạo tiếp tục khởi kiện ra Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh theo hồ sơ thụ lý vụ án hành chính số 79/TB-TLVA ngày 26/02/2024.

*Regarding the fulfillment of tax obligations: The High People's Court in Ho Chi Minh City issued Judgment No. 592/2023/HC-PT on July 26, 2023, annulling the tax announcements from the Ho Chi Minh City Tax Department and the Binh Tan District Tax Department regarding one-time payment of water surface rental for the entire lease term. However, the Ho Chi Minh City Tax Department issued a new tax payment announcement No. 24096/TB-CTTPHCM on October 18, 2023, which did not follow the correct procedure for determining land obligations from the Department of Natural Resources and Environment as per Joint Circular No. 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT dated June 22, 2016, of the Ministry of Finance and the Ministry of Natural Resources and Environment. Therefore, Tan Tao Corporation has continued to file a lawsuit with the Ho Chi Minh City People's Court according to the administrative case acceptance record No. 79/TB-TLVA dated February 26, 2024.*

- Về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: Bị ảnh hưởng từ thông tin yêu cầu mở thủ tục phá sản số 56/2018/QĐ-MTTPS ngày 25/01/2018 của toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã gây thiệt hại nặng nề cho Công ty Tân Tạo từ tháng 5/2022 đến nay dẫn đến ngân hàng không cho vay vốn, nhiều nhà đầu tư đã ngừng đàm phán mua bán, thuê đất đai, nhà xưởng, đặc biệt cổ phiếu ITA của Công ty Tân Tạo bị mất giá nghiêm trọng.

*Regarding the results of production and business activities: The information regarding the bankruptcy procedure request No. 56/2018/QĐ-MTTPS dated January 25, 2018 of the Ho Chi Minh City People's Court has severely impacted Tan Tao Corporation from May 2022 to the present. This has led to banks refusing to provide loans, many investors halting negotiations for land and factory purchases or leases, and significantly devalued ITA shares of Tan Tao Corporation.*

- Ngoài ra, trong năm 2023 Công ty cũng đã thực hiện thoái vốn đầu tư theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 đã thông qua tại Công ty CP Năng Lượng Tân Tạo 2 với giá trị đầu tư 417,7 tỷ đồng vì các nguyên nhân bất khả kháng mà Dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Kiên Lương không được triển khai suốt nhiều năm qua;

*Additionally, in 2023, the Corporation also divested its investment capital accord-*

*ing to the Resolution of the 2023 General Shareholders' Meeting approved at Tan Tao 2 Energy Corporation with an investment value of VND 417.7 billion due to force majeure reasons that prevented the implementation of the Kien Luong Thermal Power Plant project for many years;*

- Tình hình kinh tế - xã hội ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh triển vọng kinh tế thế giới trở nên khó khăn hơn khi xung đột quân sự giữa Nga-Ukraina kéo dài đã kích hoạt lạm phát trên quy mô toàn cầu kể từ cuối năm 2022; Các động lực tăng trưởng truyền thống của kinh tế thế giới như thương mại, đầu tư, sản xuất tiếp tục khó khăn. Các nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu trong nước phục hồi chậm, thiếu bền vững, tăng trưởng thấp trong khi cầu tiêu dùng còn yếu, hàng rào bảo hộ gia tăng. Đến nay, lạm phát đã có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng vẫn duy trì ở mức cao, dẫn tới xu hướng thắt chặt tiền tệ tiếp diễn ở nhiều nền kinh tế lớn, gây áp lực tỷ giá đối với đồng nội tệ, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu; làm tăng chi phí tài chính, dẫn tới nguy cơ dòng vốn chảy ra ngoài như đã thấy ở nhiều thị trường mới nổi trong khu vực. Nợ công, nợ xấu của doanh nghiệp, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro.

*The socio-economic situation in Vietnam has been challenging amidst a more difficult global economic outlook due to the prolonged military conflict between Russia and Ukraine, which has triggered global inflation since the end of 2022. Traditional growth drivers of the global economy such as trade, investment, and production continue to face difficulties. Major economies, primary trade and investment partners are recovering slowly, with low and unsustainable growth, while consumer demand remains weak and protectionist barriers are increasing. Up to this time, inflation has shown signs of cooling but remains high, leading to a continued trend of monetary tightening in many major economies, which exerts exchange rate pressures on the local currency and negatively affects export activities. This increases financial costs, leading to the risk of capital outflows as seen in many emerging markets in the region. Public debt, corporate bad debt, and financial, monetary, and real estate markets pose significant risks.*

Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các nguyên nhân trên nên Kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty đã không đạt các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

*Tan Tao Investment and Industry Corporation has been heavily affected by aforementioned factors, resulting in the corporation's 2023 business results not meeting the targets set by the 2023 Annual General Shareholders' Meeting.*

## **2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc / Results of supervising the activities of the Board of Management, Board of General Directors**

### **2.1 Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị: /Results of supervising the activities of the Board of Management:**

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định của Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT; ban hành các nghị quyết, quyết định thông qua cuộc họp trực tiếp, trực tuyến hoặc xin ý kiến bằng văn bản để thực hiện chức năng quản trị và chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các

nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và của Công ty.

*In 2023, the Board of Management (BOM) held regular meetings as stipulated by the Corporate Charter and the BOM's Operational Regulations; issued resolutions and decisions through direct meetings, online meetings, or by seeking written opinions to fulfill their governance role and direct the Executive Board in performing the production and business tasks assigned by the GSM. The resolutions and decisions of the BOM were issued in accordance with proper procedures, authority, and legal basis as prescribed by the law and the Corporation's regulations.*

- Hội đồng quản trị trong năm 2023 đã thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng sau:

*In 2023, The Board of Management discussed and decided on the following key issues:*

+ Thông qua việc điều chuyển tiền giữa Công ty với các bên liên quan từ ngày 01/02/2023 *Approved the transfer of funds between the Corporation and related parties from 01/02/2023*

+ Thông qua kế hoạch tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 *Approved the plan to organize the Annual General Shareholders' Meeting in 2023*

+ Thông qua việc miễn nhiệm ông Đặng Quang Hạnh giữ chức vụ Tổng Giám Đốc từ ngày 01/04/2023 *Approved the dismissal of Mr. Dang Quang Hanh from the position of General Director from 01/04/2023*

+ Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Phong giữ chức vụ Tổng Giám Đốc từ ngày 01/04/2023 *Approved the appointment of Mr. Nguyen Thanh Phong as General Director from 01/04/2023*

+ Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty *Approved the change of the Corporation's legal representative*

+ Thông qua phương án tăng hạn mức tín dụng vay vốn tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn *Approved the plan to increase the credit limit at the Bank for Agriculture and Rural Development*

+ Thông qua việc miễn nhiệm bà Nguyễn Thị Hoa giữ chức vụ Kế toán Trưởng từ ngày 21/06/2023 *Approved the dismissal of Ms. Nguyen Thi Hoa from the position of Chief Accountant from 21/06/2023*

+ Thông qua việc bổ nhiệm bà Bùi Thị Phương giữ chức vụ Kế toán Trưởng từ ngày 21/06/2023 *Approved the appointment of Ms. Bui Thi Phuong as Chief Accountant from 21/06/2023*

+ Thông qua việc thoái vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp

*Tân Tạo tại Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo 2 /Approved the divestment of Tan Tao Investment and Industry Corporation's stake in Tan Tao 2 Energy Corporation*

+ Thông qua các nội dung xin miễn giảm lãi vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) /*Approved the contents for requesting loan interest reduction at Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV)*

+ Thông qua việc phân công nhiệm vụ vị trí Phó Tổng Giám đốc của bà Phan Thị Hiệp /*Approved the assignment of the position of Deputy General Director to Ms. Phan Thi Hiep*

+ Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam năm 2024 /*Approved the plan for loan financing at the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development in 2024.*

- Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT phù hợp với Điều lệ của công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong năm; đồng hành, chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai hoạt động SXKD.

*The Supervisory Board evaluates that the BOM's activities were in accordance with the Corporate Charter and met the requirements for managing and directing the Corporation's operations throughout the year. The BOM promptly accompanied and directed the Board of General Directors in implementing production and business activities.*

## **2.2 Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc /Results of supervising the activities of the Board of General Directors**

- Ban Tổng giám đốc Công ty trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty, triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội cổ đông, nghị quyết và quyết định của HĐQT.

*The Board of General Directors of the Corporation (BOD) directly managed production and business activities according to the functions and duties specified in the Corporate Charter, implementing the business plans based on the resolutions of the General Shareholders' Meeting (GSM) and the Board of Management (BOM).*

- Về thực hiện các chỉ tiêu kinh tế: Các chỉ tiêu tổng doanh thu, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế năm 2023 đã không hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ thông qua, cụ thể các chỉ tiêu Tổng doanh thu; lợi nhuận trước thuế; lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 75,2%; 80,3 %; 79,9 % kế hoạch.

*Regarding the achievement of economic targets: The targets for total revenue, profit before tax, and profit after tax in 2023 did not meet the plans approved by the GSM. Specifically, total revenue, profit before tax, and profit after tax respectively reached 75.2%, 80.3%, and 79.9% of the planned targets.*

- Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý hoạt động Công ty cũng như trong các giao dịch. Ban TGD và lãnh đạo các phòng - ban chuyên môn đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông.

*The Board of General Directors (BOD) fully complied with legal regulations in managing ITACO's operations as well as transactions. The BOD and the heads of specialized departments performed their assigned functions and duties in accordance with the Corporate Charter and the resolutions of the GSM.*

- Ban TGD đã quản trị Công ty đúng thẩm quyền, các quyết định của ban TGD đều được ban hành một cách hợp pháp, kịp thời, phù hợp tình hình thực tế. Các quyết định vượt thẩm quyền đều được Ban TGD trình HĐQT xem xét và ban hành sau khi được phê duyệt.

*The BOD governed the Corporation within its authority, issuing decisions legally, timely, and appropriately according to the actual situation. Decisions beyond its authority were submitted to the BOM for consideration and issuance after approval.*

- Các Hợp đồng kinh tế của Công ty trong năm 2023 đều được giao kết đúng quy định của luật pháp, đảm bảo quyền lợi Công ty và Cổ đông.

*All economic contracts of ITACO in 2023 were concluded in accordance with legal regulations, ensuring the interests of the Corporation and its shareholders.*

- Định kỳ hằng tuần, Ban Tổng Giám đốc tổ chức họp giao ban lãnh đạo các phòng - ban chuyên môn trong Công ty, kiểm tra kết quả hoạt động, trao đổi công tác chuyên môn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công việc và triển khai kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong thời gian kế tiếp.

*On a regular weekly basis, the BOD organized meetings with leaders of specialized departments to review operational results, discuss professional matters, resolve difficulties and obstacles, and implement production and business plans for the following period.*

- Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Ban TGD Công ty trong năm tuân thủ Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và Công ty.

*The Supervisors Board evaluates that the activities of the BOD during the year adhered to the Resolutions and decisions of the GSM and the BOM, complying with the legal provisions and the Corporation's regulations.*

### **3. Về sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các quản lý khác của công ty và Cổ đông: /Regarding the coordination among the Supervisory Board, Board of Directors, Board of General Management, Other Managers, and Shareholders of the corporation**

- Ban kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của HĐQT, Ban TGD theo quy định.

*The Supervisory Board was provided with full information regarding the decisions of the BOM and the BOD as required by regulations.*

- Ban kiểm soát đã được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban TGD và đóng góp nhiều ý kiến cho công tác quản trị và điều hành Công ty.

*The Supervisory Board was invited to participate in all meetings of the BOM and the BOD, and contributed many ideas for the governance and management of the Corporation.*

- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban TGD cũng như các Phòng-Ban chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHCĐ đã giao.

*In 2023, the Supervisory Board received the cooperation and support from the BOM, the BOD, as well as specialized departments to of the tasks assigned by the GSM.*

- Về quan hệ giữa Ban kiểm soát với các cổ đông và nhóm cổ đông lớn chưa được chú trọng và cần được tiếp tục cải thiện trong thời gian tới.

*The relationship between the Supervisory Board and shareholders and major shareholder groups has not been sufficiently emphasized and still needs further improvement in the future.*

#### **4. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 /Appraisal of the 2023 Financial Statement**

##### **4.1 Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính /Preparation and audit of the financial statement**

- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty được lập theo các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

*The 2023 financial statement of the Corporation was prepared in accordance with the current Vietnamese Accounting Standards and Regulations.*

- Báo cáo tài chính năm 2023 chưa được kiểm toán với lý do: **Ngày 29/12/2023**, Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán & Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) đột ngột gửi thông báo không thực hiện nội dung kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do không thể thu xếp được nhân sự và thời gian. Đây là trường hợp bất khả kháng, sự việc xảy ra một cách khách quan không lường trước được khi đã kết thúc năm tài chính. Công ty đang cố gắng thuyết phục làm việc với các đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán BCTC nhằm đánh giá khách quan tình hình tài chính của Công ty. Công ty Tân Tạo cũng đã có (02) văn bản báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) số 133/CV-ITACO-24 ngày 23/02/2024 và số 154/CV-ITACO-24 ngày 23/03/2024 về việc xin tạm hoãn công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và Báo cáo thường niên năm 2023

*The 2023 financial statement has not been audited due to the following reasons: **On December 29, 2023**, Southern Auditing and Accounting Financial Consulting Services Co., Ltd. (AASCS) unexpectedly sent a notice that it could not perform the audit of the financial statements ending on December 31, 2023, due to its inability*

to arrange personnel and time. This was an unforeseen, force majeure event that occurred objectively at the end of the financial year. ITACO has been actively negotiating with auditing firms to conduct the audit of the financial statement to provide an objective assessment of the Corporation's financial status. ITACO has also submitted two reports to the State Securities Commission (SSC) and the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) under documents No. 133/CV-ITACO-24 dated February 23, 2024, and No. 154/CV-ITACO-24 dated March 23, 2024 regarding the request for a temporary postponement of the disclosure of the 2023 audited financial statements and the 2023 Annual Report.

- Ban kiểm soát nhận định Báo cáo tài chính năm 2023 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2023, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

*The Supervisory Board considers that the 2023 Financial Statement has fairly and reasonably reflected the financial position as of December 31, 2023, the results of operations, and cash flows during the year 2023, in accordance with Vietnamese Accounting Standards and current relevant regulations.*

#### 4.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 /Production and business results in 2023

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu trong năm 2023 theo BCTC chưa được kiểm toán như sau:

*The actual performance of the key production and business indicators in 2023, according to the unaudited financial statement, is as follows:*

| Chỉ tiêu<br><i>Indicators</i>                                                      | Đơn vị<br>tính<br><i>Unit</i> | Thực<br>hiện<br>2022<br><i>Imple-<br/>met<br/>-ation in<br/>2022</i> | Kế<br>hoạch<br>2023<br><i>Plan in<br/>2023</i> | Thực<br>hiện 2022<br><i>Implemet<br/>ation in<br/>2023</i> | Tỷ lệ %<br>tăng/giảm<br>Thực hiện<br>2023 so với<br>Kế hoạch<br>2023<br>Increased/<br>decreased<br>percentage<br>% of Imple-<br>met<br>-ation in<br>2023 com-<br>pared to<br>Plan in<br>2023 | Tỷ lệ %<br>tăng/giảm<br>Thực hiện<br>2023 so<br>với Thực<br>hiện 2022<br>Increased/<br>decreased<br>percent-<br>age % of<br>Implemet<br>ation in<br>2023 com-<br>pared to<br>Implement<br>-ation in<br>2023 |
|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Tổng doanh thu<br>và thu nhập khác<br><i>Total revenue and<br/>other income</i> | Tỷ đ.<br>Billion<br>VND       | 640,5                                                                | 774,4                                          | 582,5                                                      | -24,8%                                                                                                                                                                                       | -9,1%                                                                                                                                                                                                       |

|                                                     |                      |        |       |       |        |         |
|-----------------------------------------------------|----------------------|--------|-------|-------|--------|---------|
| 2. Lợi nhuận trước thuế<br><i>Profit before tax</i> | Tỷ đ.<br>Billion VND | -214,9 | 321,6 | 258,3 | -19,7% | -220,2% |
| 3. Lợi nhuận sau thuế<br><i>Profit after tax</i>    | Tỷ đ.<br>Billion VND | -257,8 | 257,3 | 205,6 | -20,1% | -179,7% |

Năm 2023 là một năm khó khăn đối với hầu hết các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp bất động sản trong đó Tập đoàn Tân Tạo cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng. Ngoài những khó khăn chung, Tập đoàn Tân Tạo còn phải chịu ảnh hưởng nặng nề từ những Quyết định yêu cầu mở thủ tục phá sản của Tòa án dẫn đến ngân hàng không cho vay vốn, nhiều nhà đầu tư đã ngừng đàm phán mua bán, thuê đất đai, nhà xưởng.

*The year 2023 was challenging for most businesses, particularly for real estate companies, including Tan Tao Group. In addition to the general difficulties, Tan Tao Group was also heavily affected by the Court's decisions requiring bankruptcy proceedings, leading to banks refusing to lend capital, and many investors halting negotiations for land and factory sales and leases.*

Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2023 của Tập đoàn Tân Tạo giảm 20,1% so với kế hoạch nhưng có lãi 205,6 tỷ đồng và đã giảm lỗ 179,7% so với năm 2022. Vì năm 2022 Lợi nhuận bị lỗ là do Quyết định yêu cầu mở thủ tục phá sản của Tòa án và các nguyên nhân bất khả kháng buộc Công ty Tân Tạo phải Thanh lý Hợp đồng thuê đất dài hạn xây dựng Trung tâm Điện lực Kiên Lương số 2804/HĐKT-10 ngày 28 tháng 04 năm 2010 (Hợp đồng thay thế Hợp đồng số 2606/HĐKT-09 ngày 26 tháng 06 năm 2009 và Hợp đồng số 1511/HĐKT-09 ngày 15 tháng 11 năm 2009) và Phụ lục Hợp đồng số 2804/PLHDKT-12 ngày 17 tháng 07 năm 2012 được ký giữa Công ty CP Đầu tư & Công nghiệp Tân Tạo (ITACO) và Công ty CP Phát triển Năng lượng Tân Tạo (TEDC) dẫn đến buộc ITACO phải **giảm trừ doanh thu 2.142.250.000.000 đồng, giảm giá vốn: 1.678.566.526.253 đồng, giảm lợi nhuận trước thuế 463.683.473.747 đồng.**

*Tan Tao Group reported a after-tax profit in 2023 of VND 205.6 billion, which, although decreased by 20.1% compared to the planned target, represented a significant loss reduction of 179.7% compared to 2022. In 2022, the Tan Tao Group incurred losses primarily due to the bankruptcy proceedings and other force majeure reasons that forced Tan Tao Corporation to liquidate long-term land lease contracts for the Kien Luong Power Center No. 2804/HĐKT-10 dated April 28, 2010 (replacing Contract No. 2606/HĐKT-09 dated June 26, 2009, and Contract No. 1511/HĐKT-09 dated November 15, 2009) and its Appendix No. 2804/PLHDKT-12 dated July 17, 2012, between Tan Tao Investment & Industry Corporation (ITACO) and Tan Tao Energy Development Corporation (TEDC). This resulted in **a reduction of revenue by VND 2,142.25 billion, cost of goods sold by VND 1,678.57 billion, and pre-tax profit by VND 463.68 billion.***

Nhưng với sự nỗ lực cố gắng rất lớn từ Ban lãnh đạo Tập đoàn Tân Tạo, Công ty đã hệ thống lại được bộ máy nhân sự chất lượng, quy trình quản lý tài chính hiệu quả chặt chẽ, đặc biệt Công ty đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Năng Lượng Tân Tạo 2 vì các nguyên nhân bất khả kháng mà Dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Kiên Lương không được triển khai suốt nhiều năm qua để thu hồi vốn, tài sản và triển khai vào các Dự án khả thi trong tương lai gần.

*However, with significant efforts from the Board of Management of Tan Tao Group, the Corporation has restructured its qualified personnel system, implemented effective and stringent financial management processes, and, especially, divested its investment in Tan Tao Energy Corporation 2 due to force majeure causing the prolonged stagnation of the Kien Luong Thermal Power Plant project, allowing ITACO to recover capital and assets to reinvest in more feasible projects in the near future.*

#### **4.3 Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 /The Corporation's financial status as of December 31, 2023**

Các chỉ tiêu phân tích tài chính /Financial analysis indicators

| Chỉ tiêu<br><i>Indicators</i>                                             | Đơn vị<br><i>Unit</i> | Năm 2023<br><i>Year 2023</i> | Năm 2022<br><i>Year 2022</i> |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------|------------------------------|
| <b>1.Cơ cấu tài sản /Asset structure</b>                                  |                       |                              |                              |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản<br><i>Long-term assets/ Total assets</i>   | %                     | 59,3                         | 41,3                         |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản<br><i>Short-term assets/ Total assets</i> | %                     | 40,7                         | 58,7                         |
| <b>2.Cơ cấu vốn /Capital structure</b>                                    |                       |                              |                              |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn<br><i>Liabilities/ Total capital</i>         | %                     | 14,8                         | 17,4                         |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn<br><i>Equity/ Total capital</i>           | %                     | 85,2                         | 82,6                         |
| <b>3.Khả năng thanh toán /Liquidity ratios</b>                            |                       |                              |                              |
| - Khả năng TT nợ ngắn hạn /Short-term ratio (100/310)                     | Lần<br><i>Time</i>    | 4                            | 3,6                          |
| - Khả năng TT hiện hành /Current ratio (270/300)                          | Lần<br><i>Time</i>    | 6,8                          | 5,8                          |
| - Khả năng TT nhanh /Quick ratio (100-140)/310                            | Lần<br><i>Time</i>    | 1,1                          | 1,8                          |
| <b>4.Tỷ suất sinh lời /Profitability ratio</b>                            |                       |                              |                              |

|                                                                                           |                    |       |       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------|-------|
| - Lợi nhuận TT/Doanh thu thuần<br><i>Profit before tax/Net revenue</i>                    | %                  | 45,58 | 13,91 |
| - Lợi nhuận TT/Vốn chủ sở hữu<br><i>Profit before tax/Equity</i>                          | %                  | 2,51  | -2,13 |
| <b>5. Chỉ tiêu khác /Other ratios</b>                                                     |                    |       |       |
| - Tỷ lệ TS ngắn hạn/ phải trả ngắn hạn<br><i>Short-term assets/Short-term liabilities</i> | Lần<br><i>Time</i> | 3,95  | 3,64  |
| - Tỷ lệ nợ phải trả/nguồn vốn CSH<br><i>Liabilities/Equity</i>                            | Lần<br><i>Time</i> | 0,17  | 0,21  |

#### **Đánh giá chung: /Overall appraisal**

- Cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty không thay đổi lớn so với năm 2022; Khả năng thanh toán hiện hành trong năm 2023 tăng so với năm 2022 cho thấy khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn của Công ty tốt hơn so với năm 2022. Xét về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu và vốn chủ sở hữu thì kết quả năm 2023 tốt hơn đạt 45,58% trong khi năm 2022 là 13,91%.

*The capital structure and funding sources of the Corporation did not experience significant changes compared to 2022. The current liquidity ratio in 2023 increased compared to 2022, indicating an improved ability to meet due debt obligations. Profitability ratios, both in terms of revenue and equity, also improved significantly in 2023, reaching 45.58% up from 13.91% in 2022.*

- Tỷ lệ tài sản ngắn hạn gấp 3,95 lần phải trả ngắn hạn đảm bảo Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

*The ratio of short-term assets to short-term liabilities is 3.95 times, ensuring that the Corporation has sufficient capacity to cover short-term debts.*

- Tỷ lệ nợ phải trả/ nguồn vốn chủ sở hữu là 0,17 lần. Tỷ lệ chứng tỏ Công ty có đủ vốn tự có để hoạt động.

*The debt-to-equity ratio is 0.17 times, demonstrating that ITACO has adequate equity to operate.*

#### **C. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2024 / PLAN AND ORIENTATION FOR 2024**

Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát các quy định của pháp luật và Công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát).

*The Supervisory Board will continue to perform its duties of inspection and supervision in accordance with legal regulations and the Corporation's policies (Enterprise Law; Charter of organization and operation; Company Governance Charter; Charter of Supervisory Board Operation).*

Thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát mà điều lệ Công ty đã quy định:

*Effectively performing the functions and duties of the Supervisory Board as stipulated in the Corporate Charter:*

- Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

*Supervising the rationality and legality of the management and operational activities of ITACO.*

- Kiểm tra đơn đốc tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT.

*Inspecting and urging the implementation of resolutions passed by the General Shareholders' Meeting and the Board of Management.*

- Định kỳ thẩm tra tính trung thực của báo cáo tài chính Quý, Năm.

*Periodically verifying the accuracy and integrity of quarterly and annual financial statements.*

- Tư vấn cho HĐQT, Tổng giám đốc các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Công ty.

*Providing expert advice to the Board of Management and the General Director to enhance the efficiency of capital and asset utilization.*

- Nắm bắt các cơ chế, chính sách ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, nhằm nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty, giảm thiểu rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động SXKD của Công ty.

*Staying informed of newly issued policies and mechanisms to propose necessary amendments or supplements to issues that are inappropriate, thereby improving the Corporation's internal control system and minimizing risks in the management and operation of the Corporation's production and business activities.*

- Thực hiện chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của cổ đông.

*Implementing inspection programs in specific areas and addressing urgent and ad-hoc requests from shareholders.*

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

*Performing other tasks in accordance with the functions and duties of the Supervisory Board.*

#### **D. KIẾN NGHỊ /RECOMMENDATIONS**

Qua công tác kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, Ban Kiểm soát có những kiến nghị sau:

*Through the inspection and supervision of production and business activities in*

*2023, the Supervisory Board has the following recommendations:*

- Quản lý chặt chẽ chi phí, hiệu quả và dòng tiền các công trình xây dựng và dự án đầu tư kinh doanh bất động sản.

*Strictly managing costs, efficiency, and cash flow for construction projects and real estate investment projects.*

- Tập trung công tác nghiệm thu, quyết toán các công trình; rà soát, đánh giá, phân loại công nợ và tích cực thực hiện thu hồi, nhất là các công trình có công nợ lớn, vướng pháp lý như dự án E-City Tân Đức, ....

*Focusing on the acceptance and settlement of projects; review, evaluate, classify debts, and actively implement debt collection, especially for projects with large debts and legal issues such as the E-City Tan Duc project.*

- Tiếp tục thực hiện hoàn thành việc thoái vốn các dự án không khả thi, đúng tinh thần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023. Rà soát và lập hồ sơ xin chuyển đổi quy hoạch các dự án đang triển khai, để phù hợp với nhu cầu thị trường nhằm nâng cao thanh khoản, hiệu quả.

*Continuing to complete the divestment of non-feasible projects, in accordance with the spirit of the 2023 General Shareholders' Meeting's resolutions. Reviewing and preparing dossiers for the reclassification of ongoing projects to align with market demands, thereby enhancing liquidity and efficiency.*

- Hoàn thiện thủ tục pháp lý và đẩy nhanh công tác đầu tư, kinh doanh các dự án bất động sản đang triển khai. Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án bất động sản mới.

*Completing legal procedures and expediting investment and business activities for ongoing real estate projects. Researching and seeking new real estate projects.*

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nội bộ, sắp xếp lao động hợp lý đảm bảo quản lý khoa học, hiệu quả, tối ưu chi phí, khuyến khích năng lực của CBCNV nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

*Continuing to complete the system of internal regulations and processes, rationally organizing labor to ensure scientific, efficient management, optimize costs, and encourage the capacity of employees to enhance production and business efficiency.*

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2023 của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát xin chân thành cảm ơn các Quý cổ đông, các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ công nhân viên Công ty đã phối hợp, tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ trong năm vừa qua.

*This report outlines the inspection and supervision results of the Corporation's*

*activities in 2023 by the Supervisory Board. The Supervisory Board would like to sincerely thank the esteemed Shareholders, members of the Board of Management, Executive Board, and all employees of the Corporation for their cooperation and support in enabling its duties over the past year.*

Xin trân trọng cảm ơn. /Thank you very much.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp. /Wishing the General Meeting a successful and fruitful outcome.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**ON BEHALF OF SUPERVISORY BOARD**  
**TRƯỞNG BAN**  
**CHAIRMAN**



**Nguyễn Thị Ngọc Mai**

The background of the page is a light blue gradient. In the upper half, there is a faint, stylized world map with white lines representing latitude and longitude. In the lower half, there is a faint, stylized financial candlestick chart with various colored bars (pink, green, blue, yellow) and vertical lines representing price movements.

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **Consolidated Financial Statement**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023/  
*For the year ended as at December 31, 2023*

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo/ Tan Tao Investment and Industry Corporation

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/ REPORT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (ITACO) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023/ The Board of General Directors of Tan Tao Investment and Industry Corporation (ITACO) (hereinafter called "ITACO"), presents its report and ITACO's consolidated financial statements for the year ended as at December 31, 2023.

### I. CÔNG TY/ THE COMPANY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn/ Form of ownership

Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (ITACO) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001108 đăng ký lần đầu ngày 15/07/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 11/08/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp/ Tan Tao Investment and Industry Corporation (ITACO) was established under Business Registration Certificate No. 4103001108, first registered dated July 15, 2002; amended 23th dated August 11, 2017 by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2006/ITACO's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange in accordance with License No.68/UBCK-GPNY issued by the State Securities Commission on 15 November 2006.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 9.384.636.070.000 VND/Legal capital to Business Registration Certificate: VND 9.384.636.070.000  
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023: 9.384.636.070.000 VND/Contributed capital as at December 31, 2023: VND 9.384.636.070.000

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 16 Đường số 2, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh/ The head office is located at: Lot 16, Road 2, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh/ Business fields: Xây dựng, Dịch vụ/ Construction, Services.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh/ Business lines

Phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Công ty xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; xây dựng công nghiệp, dân dụng và dịch vụ cho thuê kho bãi và kinh doanh nhà ở/ Develop industrial park and industrial park infrastructure; constructing and trading industrial parks and urban residential areas; leasing out completed infrastructure land lots; leasing out or selling the plants constructed by ITACO in industrial parks; providing logistical services in industrial parks; constructing, civil and providing forwarding and warehousing services; and trading houses.

#### 4. Cấu trúc doanh nghiệp/ Enterprise structure

| Tên/Name                                                                                                                             | Địa chỉ/Address                                                                                                                                      | Tỷ lệ<br>lợi ích/Ratio of<br>benefit     |                                     | Tỷ lệ<br>quyền biểu quyết/<br>Ratio of voting<br>power |                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------|
|                                                                                                                                      |                                                                                                                                                      | Số cuối<br>kỳ/<br>Closing<br>balance     | Số đầu<br>kỳ/<br>Opening<br>balance | Số cuối<br>kỳ/<br>Closing<br>balance                   | Số đầu<br>kỳ/<br>Opening<br>balance |
|                                                                                                                                      |                                                                                                                                                      | <b>Công ty con/Subsidiaries company:</b> |                                     |                                                        |                                     |
| Công ty TNHH Khai<br>thác Dịch vụ - Kinh<br>doanh Văn phòng và<br>Nhà xưởng Tân Tạo/<br>Tan Tao Services<br>Utilization - Office and | Lô 60A Đường số 2, KCN Tân<br>Tạo, phường Tân Tạo A, quận<br>Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh/<br>Lot 60A, Road No.2, Tan Tao<br>Industrial Park, Tan Tao A | 100,00%                                  | 100,00%                             | 100,00%                                                | 100,00%                             |

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo/ *Tan Tao Investment and Industry Corporation***

*Warehousing Co., Ltd*      *Trade Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City*

|                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                 |               |               |               |               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| <i>Công ty CP Đầu tư Tân Đức/ Tan Duc Investment Corporation</i>                                                   | <i>Lô 8 KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An/ Lot 8 Tan Duc Industrial Park, Duc Hoa Ha Commune, Duc Hoa District, Long An Province</i>                      | <i>98,50%</i> | <i>98,50%</i> | <i>98,50%</i> | <i>98,50%</i> |
| <i>Công ty CP Khai thác và Phát triển Kho vận Tân Tạo/ Tan Tao Forwarding and Warehousing Corporation</i>          | <i>Lô 21 Đường 1, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh/ Lot 21, Street 1, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City</i> | <i>94,50%</i> | <i>94,50%</i> | <i>94,50%</i> | <i>94,50%</i> |
| <i>Công ty CP Bầu trời Tân Tạo Mê Kông/ Tan Tao Mekong Sky Corporation</i>                                         | <i>Số 117-119 Pasteur, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh/ No. 117-119 Pasteur, Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City</i>                                                         | <i>51,00%</i> | <i>51,00%</i> | <i>51,00%</i> | <i>51,00%</i> |
| <i>Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Đô thị Tân Tạo Mê Kông/ Tan Tao Mekong City Investment and Trading Corporation</i> | <i>Số 4/6 Nguyễn Văn Lượng, phường 16, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh/ No. 4/6 Nguyen Van Luong, Ward 16, Go Vap District, Ho Chi Minh City</i>                                   | <i>51,00%</i> | <i>51,00%</i> | <i>51,00%</i> | <i>51,00%</i> |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo/ *Tan Tao Investment and Industry Corporation*

Công ty liên kết/ *Associates company*: Không có/ *None*

Công ty liên doanh/ *Joint ventures company*: Không có/ *None*

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc/ *Dependent accounting affiliated units having no legal status*:

Chi nhánh Công ty CP Đầu tư: Tổ 9, Khu phố Hoà Lập, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang/ *Group 9, Hoa Lap Quarter, Kien Luong town, Kien Giang province.*  
Branch of Tan Tao Investment and Industry Corporation

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG/ *OPERATING RESULTS*

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2023 lãi 205.637.666.055 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2022 lợi nhuận sau thuế lỗ 257.886.156.789 VND)/ *Profit after tax for the fiscal year ended December 31, 2023 is VND 205,637,666,055 (Profit after tax in 2022 is loss VND 257,886,156,789).*

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2023 là 568.121.583.168 VND (Tại thời điểm 31/12/2022 lợi nhuận chưa phân phối là 366.168.766.491 VND)/ *Retained earnings as at December 31, 2023 are VND 568,121,583,168 (Retained earnings as at December 31, 2022 are VND 366,168,766,491).*

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ *EVENTS SINCE THE BALANCE SHEET DATE*

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất/ *ITACO affirms that there have been no significant events occurring after December 31,2023 until the date of prepare this report, which would require adjustments or disclosures to be made in the Consolidated financial statement.*

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/ *THE BOARD OF MANAGEMENT AND GENERAL DIRECTORS, BOARD OF CONTROLLER AND LEGAL REPRESENTATIVE*

Hội đồng Quản trị/

*The Board of Management*

|             |                                                                                             |                                                           |                                                                         |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Bà/<br>Mme. | ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN<br>(a.k.a MAYA DANGELAS)/<br>DANG THI HOANG YEN<br>(a.k.a MAYA DANGELAS) | Chủ tịch/ <i>Chairwoman</i>                               |                                                                         |
| Ông/<br>Mr. | ĐẶNG QUANG HẠNH/<br>DANG QUANG HANH                                                         | Phó Chủ tịch thường trực/<br>Permanent Deputy<br>Chairman | (Bổ nhiệm ngày<br>28/04/2023)/ <i>(Appointed<br/>on April 28, 2023)</i> |
| Ông/<br>Mr. | HUỲNH HỒ/<br>HUYNH HO                                                                       | Thành viên/ <i>Member</i>                                 |                                                                         |

Ban Tổng Giám đốc/

*The Board of General Directors*

|             |                                                                                             |                                    |                                                                      |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Ông/<br>Mr. | NGUYỄN THANH PHONG/<br>NGUYEN THANH PHONG                                                   | Tổng Giám đốc/<br>General Director | (Bổ nhiệm ngày 08/06/2023)/<br><i>(Appointed on June 08, 2023)</i>   |
| Bà/<br>Mme. | ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN<br>(a.k.a MAYA DANGELAS)/<br>DANG THI HOANG YEN<br>(a.k.a MAYA DANGELAS) | Tổng Giám đốc/<br>General Director | (Miễn nhiệm ngày 08/06/2023)/<br><i>(Resigned on June 08, 2023)</i>  |
| Ông/<br>Mr. | ĐẶNG QUANG HẠNH/<br>DANG QUANG HANH                                                         | Tổng Giám đốc/<br>General Director | (Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)/<br><i>(Resigned on April 28, 2023)</i> |

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo/ *Tan Tao Investment and Industry Corporation*

Bà/ PHAN THỊ HIỆP/  
Mrs. PHAN THI HIEP

Phó Tổng Giám Đốc/  
Deputy General Director

(Điều chỉnh chức danh 30/10/2023)/  
(Title adjusted on October 30, 2023)

## **Ban Kiểm soát/**

### **The Board of Controller**

Bà/ NGUYỄN THỊ NGỌC MAI/  
Mrs. NGUYEN THI NGOC MAI  
Bà/ BUI THỊ PHƯƠNG/  
Mrs. BUI BICH PHUONG  
Bà/ LÊ THỊ PHƯƠNG CHI/  
Mrs. LE THI PHUONG CHI  
Bà/ DINH THỊ MAI/  
Mrs. DINH THI MAI

Trưởng ban/  
Chief of Controllers Board  
Trưởng ban/  
Chief of Controllers Board  
Thành viên/  
Member  
Thành viên/  
Member

(Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)/  
(Appointed on April 28, 2023)  
(Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)/  
(Resigned on April 28, 2023)  
(Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)/  
(Appointed on April 28, 2023)

## **Kế toán trưởng/**

### **Chief Accountant**

Bà/ BUI THỊ PHƯƠNG/  
Mrs. BUI THI PHUONG  
Bà/ NGUYỄN THỊ HOA/  
Mrs. NGUYEN THI HOA

(Bổ nhiệm ngày 21/06/2023)/  
(Appointed on June 21, 2023)  
(Miễn nhiệm ngày 21/06/2023)/  
(Resigned on June 21, 2023)

## **Đại diện pháp luật/**

### **Legal representative**

Ông/ NGUYỄN THANH PHONG/  
Mr. NGUYEN THANH PHONG

Tổng Giám đốc/  
General Director

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác/ *According to the list, more of above listed people has not been allowed to use the right, which entrusted in administration and management to achieve any personal interest except the interest from holding these shares.*

## **V. KIỂM TOÁN VIÊN/ AUDITOR**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty theo hợp đồng kiểm toán số 113/HĐKT-TC/2023/AASCS ngày 05/05/2023. Nhưng vào ngày 29/12/2023, Công ty kiểm toán AASCS đột ngột gửi thông báo không thực hiện nội dung kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do không thể thu xếp được nhân sự và thời gian/ *The Southern Accounting, Financial Consulting, and Auditing Services Company Limited (AASCS) was appointed to perform the audit of the Financial Statements for ITACO under Audit Contract No. 113/AUD-FA/2023/AASCS dated May 5, 2023. However, on December 29, 2023, AASCS suddenly issued a notification stating that they would not carry out the audit of the financial statements ending December 31, 2023, due to the inability to arrange personnel and time.*

Vì lý do bất khả kháng, suốt nhiều tháng nay ITACO đã nỗ lực hết sức liên hệ làm việc và thuyết phục tất cả các đơn vị kiểm toán (30 Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023) nhưng bị từ chối. Vào thời điểm này tất cả các công ty kiểm toán đều lo sợ khi chứng kiến các công ty đã thực hiện kiểm toán cho ITACO đều bị Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM cổ tình gây khó khăn và tước giấy phép hành nghề như Công ty kiểm toán AASCS (trước đây Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam cũng bị tước giấy phép hành nghề kiểm toán viên)/ *Due to insurmountable reasons, ITACO has been making utmost efforts for many months to contact and persuade all audit companies (30 audit companies approved to audit public interest entities in the securities field in 2023) but has been rejected. At this point, all audit companies are concerned when witnessing that the audit companies that have audited ITACO have had their business licenses revoked by the State Securities Commission and Ho Chi Minh City Stock Exchange deliberately causing difficulties, such as AASCS Audit Company (formerly Ernst & Young Vietnam Limited Company also had its auditor license revoked).*

# Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo/ *Tan Tao Investment and Industry Corporation*

ITACO đã có (02) văn bản báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) số 133/CV-ITACO-24 ngày 23/02/2024 và số 154/CV-ITACO-24 ngày 23/03/2024 về việc xin tạm hoãn công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 và Báo cáo thường niên năm 2023/ *ITACO has submitted (02) official letters to the State Securities Commission (SSC) and Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) numbered 133/CV-ITACO-24 dated February 23, 2024, and 154/CV-ITACO-24 dated March 23, 2024, respectively, requesting a temporary postponement of the disclosure of the audited financial statements of 2023 and the annual report of 2023.*

## **VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ *STATEMENT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS' RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau: *The Board of General Directors is responsible for the consolidated financial statements of each financial year which give a true and fair view of the state of affairs of ITACO and of its results and cash flows for the year ended as at December 31, 2023. In preparing those financial statements, the Board of General Directors is required to:*

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn; *Establish and maintain internal controls as determined necessary by the Board of Management and the Board of General Directors to ensure that the preparation and presentation of consolidated financial statements are free from material misstatement, whether due to fraud or error.*
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán; *Select suitable accounting policies and then apply them consistently;*
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng; *Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;*
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này; *Tate whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in this financial statements;*
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; *Prepare financial statements based on the going concern assumption, except in cases where it is not reasonable to assume that ITACO will continue its operations.*

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác/ *The Board of General Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclosed, with reasonable accuracy at any time, the financial position of ITACO and to ensure that the accounting records comply with the registered accounting system. It is responsible for safeguarding the assets of ITACO and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.*

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan/ *We, the Board of General Directors, confirm that the Consolidated financial statement for the year ended as at December 31, 2023; its operation results and cash flows in the year 2023 of ITACO accordance with the Vietnamese Accounting System and comply with relevant statutory requirements.*

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo/ *Tan Tao Investment and Industry Corporation***

**VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ *APPROVAL OF FINANCIAL STATEMENTS***

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (ITACO) phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023/ *We, the Board of General Directors of Tan Tao Investment and Industry Corporation (ITACO) approve our Consolidated Financial Statement for the year ended as at December 31, 2023.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024/

*Ho Chi Minh City, March 29, 2024*

**TM. Ban Tổng Giám đốc/**

***On behalf of the Board of General Directors***

**(Đã ký)**

**NGUYỄN THANH PHONG/ *NGUYEN THANH PHONG***

**Tổng giám đốc/ *General Director***

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT/ THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET  
Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ December 31, 2023

Đơn vị tính (Unit): VND

| Mã số/<br>Code | TÀI SẢN/ ASSETS                                                                    | Thuyết<br>minh/<br>Note | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023/<br>December 31, 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022/<br>December 31, 2022 |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| <b>100</b>     | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN/SHORT-TERM ASSETS</b>                                       |                         | <b>4.919.675.503.721</b>                           | <b>7.170.751.212.550</b>                           |
| <b>110</b>     | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền/ Cash and cash equivalents</b>            | <b>4</b>                | <b>50.881.231.598</b>                              | <b>17.572.686.911</b>                              |
| 111            | 1. Tiền/ Cash                                                                      |                         | 50.881.231.598                                     | 17.572.686.911                                     |
| 112            | 2. Các khoản tương đương tiền/ Cash equivalents                                    |                         | -                                                  | -                                                  |
| <b>120</b>     | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn/ Short-term investments</b>                       |                         | <b>7.000.000.000</b>                               | <b>-</b>                                           |
| 123            | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn/ Held to maturity investments                   |                         | 7.000.000.000                                      | -                                                  |
| <b>130</b>     | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn/ Short-term receivables</b>                    |                         | <b>1.272.797.361.714</b>                           | <b>3.589.785.453.289</b>                           |
| 131            | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng/ Short-term trade receivables                  | 5.1                     | 395.967.833.292                                    | 483.274.777.614                                    |
| 132            | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn/ Short-term prepayments to suppliers           | 5.2                     | 386.915.791.209                                    | 439.236.530.957                                    |
| 135            | 3. Phải thu cho vay ngắn hạn/ Short-term loan receivables                          | 6                       | 11.800.000.000                                     | 11.800.000.000                                     |
| 136            | 4. Phải thu ngắn hạn khác/ Other short-term receivables                            |                         | 1.503.461.556.206                                  | 3.686.847.189.187                                  |
| 137            | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi/ Short-term provisions for doubtful debts    | 5.1, 5.2, 6             | (1.025.347.818.993)                                | (1.031.373.044.469)                                |
| <b>140</b>     | <b>IV. Hàng tồn kho/ Inventories</b>                                               | <b>7</b>                | <b>3.586.208.307.719</b>                           | <b>3.561.284.216.029</b>                           |
| 141            | 1. Hàng tồn kho/ Inventories                                                       |                         | 3.646.601.885.404                                  | 3.621.677.793.714                                  |
| 149            | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho/ Provisions for decline in value of inventories  |                         | (60.393.577.685)                                   | (60.393.577.685)                                   |
| <b>150</b>     | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác/ Other current assets</b>                              |                         | <b>2.788.602.690</b>                               | <b>2.108.856.321</b>                               |
| 151            | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn/ Short-term prepaid expenses                         |                         | 1.442.427.258                                      | 152.126.022                                        |
| 152            | 2. Thuế GTGT được khấu trừ/ Deductible VAT                                         | 15                      | 532.177.666                                        | 68.206.946                                         |
| 153            | 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước/ Taxes and other receivables from the State |                         | 813.997.766                                        | 1.888.523.353                                      |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)/THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continue)  
Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ December 31, 2023

Đơn vị tính (Unit): VND

| Mã số/<br>Code | TÀI SẢN/ ASSETS                                                               | Thuyết<br>minh/<br>Note | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023/<br>December 31, 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022/<br>December 31, 2022 |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| <b>200</b>     | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN/ LONG-TERM ASSETS</b>                                   |                         | <b>7.164.979.967.301</b>                           | <b>5.050.665.877.043</b>                           |
| <b>210</b>     | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn/ Long-term receivables</b>                   |                         | <b>2.670.504.734.641</b>                           | <b>8.248.846.705</b>                               |
| 211            | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng/ Long-term trade receivables               | 5.1                     | -                                                  | 6.068.299.705                                      |
| 215            | 3. Phải thu về cho vay dài hạn/ Long-term loan receivables                    |                         | -                                                  | -                                                  |
| 216            | 4. Phải thu dài hạn khác/ Other long-term receivables                         | 6                       | 2.670.504.734.641                                  | 2.180.547.000                                      |
| 219            | 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi/ Long-term provisions for doubtful debts |                         | -                                                  | -                                                  |
| <b>220</b>     | <b>II. Tài sản cố định/Fixed assets</b>                                       |                         | <b>153.597.125.323</b>                             | <b>158.891.757.767</b>                             |
| 221            | 1. Tài sản cố định hữu hình/ Tangible fixed assets                            | 8                       | 135.536.549.775                                    | 139.379.793.543                                    |
| 222            | Nguyên giá/ Historical costs                                                  |                         | 265.311.914.995                                    | 258.312.644.204                                    |
| 223            | Giá trị khấu hao lũy kế/ Accumulated depreciation                             |                         | (129.775.365.220)                                  | (118.932.850.661)                                  |
| 224            | 2. Tài sản cố định thuê tài chính/ Finance lease fixed assets                 |                         | 14.413.002.623                                     | 15.833.952.472                                     |
| 225            | Nguyên giá/ Historical costs                                                  |                         | 17.972.169.717                                     | 18.712.833.534                                     |
| 226            | Giá trị hao mòn lũy kế/ Accumulated depreciation                              |                         | (3.559.167.094)                                    | (2.878.881.062)                                    |
| 227            | 3. Tài sản cố định vô hình/ Intangible fixed assets                           | 9                       | 3.647.572.925                                      | 3.678.011.752                                      |
| 228            | Nguyên giá/ Historical costs                                                  |                         | 9.485.919.497                                      | 9.485.919.497                                      |
| 229            | Giá trị hao mòn lũy kế/ Accumulated depreciation                              |                         | (5.838.346.572)                                    | (5.807.907.745)                                    |
| <b>230</b>     | <b>III. Bất động sản đầu tư/ Investment properties</b>                        | <b>10</b>               | <b>350.258.687.633</b>                             | <b>369.770.002.233</b>                             |
| 231            | 1. Nguyên giá/ Historical costs                                               |                         | 624.791.998.038                                    | 608.169.413.784                                    |
| 232            | 2. Giá trị khấu hao lũy kế/ Accumulated depreciation                          |                         | (274.533.310.405)                                  | (238.399.411.551)                                  |
| <b>240</b>     | <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn/ Long-term assets in progress</b>              |                         | <b>3.194.537.459.494</b>                           | <b>3.210.121.071.902</b>                           |
| 241            | 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn/ Long-term work in progress   | 12.1                    | 3.155.463.774.712                                  | 3.154.385.396.798                                  |
| 242            | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang/ Construction in progress                  | 12.2                    | 39.073.684.782                                     | 55.735.675.104                                     |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)/THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continue)

Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ December 31, 2023

| Đơn vị tính (Unit): VND |                                                                              |                         |                                                    |                                                    |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| Mã số/<br>Code          | TÀI SẢN/ ASSETS                                                              | Thuyết<br>minh/<br>Note | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023/<br>December 31, 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022/<br>December 31, 2022 |
| 250                     | V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn/ Long-term investments                 | 13                      | 779.352.787.690                                    | 1.288.962.481.284                                  |
| 252                     | 1. Đầu tư vào công ty liên kết/ Investments in joint ventures and associates |                         | -                                                  | -                                                  |
| 253                     | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/ Investments in equity of other entities   |                         | 943.294.133.671                                    | 1.452.352.653.961                                  |
| 254                     | 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn/ Provisions for long-term investments   |                         | (163.941.345.981)                                  | (163.390.172.677)                                  |
| 255                     | 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn/ Held to maturity investments             |                         | -                                                  | -                                                  |
| 260                     | VI. Tài sản dài hạn khác/ Other long-term assets                             |                         | 16.729.172.520                                     | 14.671.717.152                                     |
| 261                     | 1. Chi phí trả trước dài hạn/ Long-term prepaid expenses                     |                         | 16.729.172.520                                     | 14.671.717.152                                     |
| 262                     | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/ Deferred income tax assets                |                         | -                                                  | -                                                  |
| 268                     | 3. Tài sản dài hạn khác/ Other long-term assets                              |                         | -                                                  | -                                                  |
| 270                     | TỔNG CỘNG TÀI SẢN/ TOTAL ASSETS                                              |                         | 12.084.655.471.022                                 | 12.221.417.089.593                                 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)/THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continue)  
Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ December 31, 2023

Đơn vị tính (Unit): VND

| Mã số/<br>Code | NGUỒN VỐN/ SOURCES                                                            | Thuyết<br>minh/<br>Note | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023/<br>December 31, 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022/<br>December 31, 2022 |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| <b>300</b>     | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ/ LIABILITIES</b>                                            |                         | <b>1.783.039.702.180</b>                           | <b>2.125.438.986.806</b>                           |
| <b>310</b>     | <b>I. Nợ ngắn hạn/Short-term liabilities</b>                                  |                         | <b>1.245.468.309.428</b>                           | <b>1.968.322.387.948</b>                           |
| 311            | 1. Phải trả người bán ngắn hạn/Short-term trade payables                      | 14.1                    | 164.381.083.464                                    | 185.426.710.037                                    |
| 312            | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/Short-term prepayments from customers    | 14.2                    | 150.143.432.728                                    | 419.399.654.263                                    |
| 313            | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước/Taxes and other payables to government | 15                      | 52.633.027.513                                     | 62.363.228.244                                     |
| 314            | 4. Phải trả người lao động/ Payables to employees                             |                         | 1.586.845.740                                      | 1.706.170.253                                      |
| 315            | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn/Short-term accrued expenses                      | 16                      | 677.831.185.367                                    | 679.567.548.010                                    |
| 318            | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/Short-term unearned revenues             |                         | 12.498.539.072                                     | 6.813.025.552                                      |
| 319            | 7. Phải trả ngắn hạn khác/Other short-term payments                           | 17                      | 148.037.930.899                                    | 589.051.180.631                                    |
| 320            | 8. Vay ngắn hạn/ Short-term borrowings                                        | 18                      | 38.278.094.645                                     | 23.916.700.958                                     |
| 322            | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi/ Bonus and welfare fund                          |                         | 78.170.000                                         | 78.170.000                                         |
| <b>330</b>     | <b>II. Nợ dài hạn/ Long-term liabilities</b>                                  |                         | <b>537.571.392.752</b>                             | <b>157.116.598.858</b>                             |
| 333            | 1. Chi phí phải trả dài hạn/ Long-term accrued expenses                       | 16                      | -                                                  | -                                                  |
| 337            | 2. Phải trả dài hạn khác/ Other long-term payables                            | 17                      | 427.509.797.724                                    | 43.002.400.535                                     |
| 338            | 3. Vay dài hạn/ Long-term borrowings                                          | 18                      | 6.008.567.099                                      | 8.365.005.672                                      |
| 341            | 4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả/ Deferred income tax payables              |                         | 102.993.525.639                                    | 104.676.868.911                                    |
| 342            | 5. Dự phòng phải trả dài hạn/ Long-term provisions                            |                         | 1.059.502.290                                      | 1.072.323.740                                      |
| 343            | 6. Doanh thu chưa thực hiện/ Unearned revenues                                |                         | -                                                  | -                                                  |
| <b>400</b>     | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU/OWNER'S EQUITY</b>                                       |                         | <b>10.301.615.768.842</b>                          | <b>10.095.978.102.787</b>                          |
| <b>410</b>     | <b>I. Vốn chủ sở hữu/Owner's equity</b>                                       |                         | <b>10.301.615.768.842</b>                          | <b>10.095.978.102.787</b>                          |
| 411            | 1. Vốn cổ phần/ Contributed capital                                           | 19.1                    | 9.384.636.070.000                                  | 9.384.636.070.000                                  |
| 411a           | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết/ Ordinary shares with voting rights  |                         | 9.384.636.070.000                                  | 9.384.636.070.000                                  |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo/  
Tan Tao Investment and Industry Corporation

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)/THE CONSOLIDATED BALANCE SHEET (continue)  
Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ December 31, 2023

Đơn vị tính (Unit): VND

| Mã số/<br>Code | NGUỒN VỐN/ SOURCES                                                                                      | Thuyết<br>minh/<br>Note | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023/<br>December 31, 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022/<br>December 31, 2022 |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 412            | 2. Thặng dư vốn cổ phần/<br>Capital surplus                                                             | 19.1                    | 307.376.827.511                                    | 307.376.827.511                                    |
| 415            | 3. Cổ phiếu quỹ /Treasury<br>shares                                                                     | 19.1                    | (3.673.910.000)                                    | (3.673.910.000)                                    |
| 418            | 4. Quỹ đầu tư phát triển/<br>Development and investment<br>funds                                        | 19.1                    | 9.040.161.210                                      | 9.040.161.210                                      |
| 421            | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa<br>phân phối/ Undistributed profit<br>after tax                              | 19.1                    | 568.121.583.168                                    | 366.168.766.491                                    |
| 421a           | - Lợi nhuận sau thuế chưa<br>phân phối đến cuối kỳ trước/<br>Undistributed profit after tax<br>brought  |                         | 366.168.766.491                                    | 626.538.245.264                                    |
| 421b           | - Lợi nhuận sau thuế chưa<br>phân phối kỳ<br>này/Undistributed profit<br>after tax for the current year |                         | 201.952.816.677                                    | (260.369.478.773)                                  |
| 429            | 6. Lợi ích cổ đông không<br>kiểm soát/ None-Controlling<br>Interests                                    |                         | 36.115.036.953                                     | 32.430.187.575                                     |
| 440            | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN/ TOTAL<br/>SOURCES</b>                                                           |                         | <b>12.084.655.471.022</b>                          | <b>12.221.417.089.593</b>                          |

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lương Thị Hồng/  
Luong Thi Hong  
Người lập/  
Prepared by  
Ngày 29 tháng 03 năm 2024/  
March 29, 2024

Bùi Thị Phương/  
Bui Thi Phuong  
Kế toán trưởng/  
Chief Accountant

Nguyễn Thanh Phong/  
Nguyen Thanh Phong  
Tổng Giám đốc/  
General Director

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo  
*Tan Tao Investment and Industry Corporation*

B03a-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT/ THE CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**

cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ *For the accounting period ended December 31, 2023*

Đơn vị tính (Unit): VND

| Mã số/<br>Code | CHỈ TIÊU/<br>Criteria                                                                                                           | Thuyết minh/<br>Note | Năm 2023/<br>2023      | Năm 2022/<br>2022          |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------------|
| 01             | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/<br><i>Revenues from sales and services rendered</i>                                  | 20.1                 | 576.369.924.947        | 607.828.594.374            |
| 02             | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ <i>Revenue deductions</i>                                                                      | 20.1                 | 9.626.958.352          | 2.153.029.842.035          |
| 10             | 3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ <i>Net revenues from sales and services rendered</i></b>                 | 20.1                 | <b>566.742.966.595</b> | <b>(1.545.201.247.661)</b> |
| 11             | 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ <i>Costs of goods sold</i>                                                             |                      | 247.161.421.664        | (1.375.298.633.545)        |
| 20             | 5. <b>Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ/ <i>Gross revenues from sales and services rendered</i></b>                 |                      | <b>319.581.544.931</b> | <b>(169.902.614.116)</b>   |
| 21             | 6. Doanh thu hoạt động tài chính/ <i>Financial income</i>                                                                       | 20.2                 | 2.314.930.567          | 17.175.486.281             |
| 22             | 7. Chi phí tài chính/ <i>Financial expenses</i>                                                                                 | 21                   | 4.648.893.083          | (31.271.859.532)           |
| 23             | Trong đó/ <i>In which: Chi phí lãi vay/ interest expenses</i>                                                                   |                      | 3.564.478.415          | 1.118.605.685              |
| 24             | 8. Phần lỗ trong công ty liên kết/ <i>Loss from associates and joint ventures</i>                                               |                      | -                      | -                          |
| 25             |                                                                                                                                 |                      | 2.703.840.690          | 325.702.909                |
| 26             | 9. Chi phí bán hàng/ <i>Selling expenses</i>                                                                                    |                      | 67.018.410.737         | 95.265.151.619             |
| 30             | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ <i>General administration expenses</i>                                                        |                      |                        |                            |
| 31             | 11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ <i>Net profits from operating activities</i></b>                                |                      | <b>247.525.330.988</b> | <b>(217.046.122.831)</b>   |
| 32             | 12. Thu nhập khác/ <i>Other income</i>                                                                                          |                      | 13.493.567.207         | 15.559.226.591             |
| 40             | 13. Chi phí khác/ <i>Other expenses</i>                                                                                         |                      | 2.708.277.821          | 13.422.789.469             |
| 50             | 14. <b>Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i></b>                                                                                 |                      | <b>10.785.289.386</b>  | <b>2.136.437.122</b>       |
| 51             | 15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Total net profit before tax</i></b>                                                |                      | <b>258.310.620.374</b> | <b>(214.909.685.709)</b>   |
| 52             | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ <i>Current corporate income tax expenses</i>                                                   |                      | 54.356.297.591         | 40.841.618.398             |
| 60             | 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/ <i>Deferred corporate income tax expenses</i>                                                   |                      | (1.683.343.272)        | 2.134.852.682              |
| 61             | 18. <b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN/ <i>Profits after enterprise income tax</i></b>                                            |                      | <b>205.637.666.055</b> | <b>(257.886.156.789)</b>   |
| 62             | 19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát/ <i>Net profit after tax attributable to non-controlling interests</i> |                      | 3.684.849.378          | 2.483.321.984              |
| 70             | 20. Lợi nhuận thuần sau thuế của công ty mẹ/ <i>Net profit after tax attributable to the parent company</i>                     |                      | 201.952.816.677        | (260.369.478.773)          |
|                | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu/ <i>Basic earnings per share</i>                                                                   | 19.4                 | 215                    | (277)                      |

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lương Thị Hồng/  
 Luong Thi Hong  
 Người lập/  
 Prepared by  
 Ngày 29 tháng 03 năm 2024/  
 March 29, 2024

Bùi Thị Phương/  
 Bui Thi Phuong  
 Kế toán trưởng/  
 Chief Accountant

Nguyễn Thanh Phong/  
 Nguyen Thanh Phong  
 Tổng Giám đốc/  
 General Director

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT / THE CONSOLIDATED CASH FLOW  
STATEMENT

cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ For the accounting period ended December  
31, 2023

Đơn vị tính (Unit): VND

| Mã số/<br>Code | CHỈ TIÊU/ CRITERIA                                                                                                                                                                                                    | Thuyết<br>minh/Note | Cho kỳ kế toán kết<br>thúc Ngày 31 tháng<br>12 năm 2023/ For<br>the accounting<br>period ended<br>December 31, 2023 | Cho kỳ kế toán kết<br>thúc Ngày 31 tháng<br>12 năm 2022/ For<br>the accounting<br>period ended<br>December 31, 2022 |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ<br/>HOẠT ĐỘNG KINH<br/>DOANH/ CASH FLOWS<br/>FROM OPERATING<br/>ACTIVITIES</b>                                                                                                               |                     |                                                                                                                     |                                                                                                                     |
| 01             | Lợi nhuận kế toán trước<br>thuế/Profit before tax                                                                                                                                                                     |                     | 258.310.620.374                                                                                                     | (214.909.685.709)                                                                                                   |
|                | Điều chỉnh cho các khoản/<br>Adjustments for:                                                                                                                                                                         |                     |                                                                                                                     |                                                                                                                     |
| 02             | Khấu hao và hao mòn tài sản<br>cố định và bất động sản<br>đầu tư/ Depreciation of fixed<br>assets and investment<br>properties                                                                                        | 9, 10,<br>11.1      | 47.687.138.272                                                                                                      | 36.794.708.449                                                                                                      |
| 03             | Các khoản dự phòng/<br>Provisions                                                                                                                                                                                     |                     | (6.034.344.217)                                                                                                     | 33.984.677.173                                                                                                      |
| 04             | Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối<br>đoái do đánh giá lại các khoản<br>mục tiền tệ có gốc ngoại tệ/<br>Losses (gains) on exchange<br>rate differences from<br>revaluation of accounts<br>derived from foreign currencies | 21.2, 23            | (20.103.000)                                                                                                        | (1.561.168)                                                                                                         |
| 05             | Lãi từ hoạt động đầu tư/ Gains<br>on investing activities                                                                                                                                                             |                     | (2.228.359.884)                                                                                                     | (17.096.842.113)                                                                                                    |
| 06             | Chi phí lãi vay/ Interest<br>expenses                                                                                                                                                                                 | 23                  | 3.564.478.415                                                                                                       | 1.118.605.685                                                                                                       |
| 08             | Lợi nhuận từ hoạt động kinh<br>doanh trước thay đổi vốn lưu<br>động/ Operating profit before<br>changes in working capital                                                                                            |                     | 301.279.429.960                                                                                                     | (160.110.097.683)                                                                                                   |
| 09             | (Tăng) giảm các khoản phải<br>thu/ Increase (decrease) in<br>receivables                                                                                                                                              |                     | 62.760.939.906                                                                                                      | 952.827.316.531                                                                                                     |
| 10             | (Tăng) giảm hàng tồn kho/<br>Increase (decrease) in<br>inventories                                                                                                                                                    |                     | (24.924.091.690)                                                                                                    | (1.568.789.361.365)                                                                                                 |
| 11             | Tăng (giảm) các khoản<br>phải trả/ Increase (decrease) in<br>payables                                                                                                                                                 |                     | (315.261.996.287)                                                                                                   | 87.934.550.740                                                                                                      |
| 12             | Tăng chi phí trả trước/<br>Increase in prepaid expenses                                                                                                                                                               |                     | (3.347.756.604)                                                                                                     | 1.191.829.410                                                                                                       |
| 14             | Tiền lãi vay đã trả/ Interest<br>paid                                                                                                                                                                                 |                     | (2.509.726.946)                                                                                                     | (73.223.332.956)                                                                                                    |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)/ THE CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT (continue)**

cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ For the accounting period ended December 31, 2023

Đơn vị tính (Unit): VND

| Mã số/<br>Code | CHỈ TIÊU/ CRITERIA                                                                                                                                             | Thuyết<br>minh/Note | Cho kỳ kế toán kết<br>thúc Ngày 31 tháng<br>12 năm 2023/ For<br>the accounting<br>period ended<br>December 31, 2023 | Cho kỳ kế toán kết<br>thúc Ngày 31 tháng<br>12 năm 2022/ For<br>the accounting<br>period ended<br>December 31, 2022 |
|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15             | Thuế thu nhập doanh nghiệp<br>đã nộp/ Enterprise income tax<br>paid                                                                                            | 26.2                | (55.002.511.504)                                                                                                    | (58.200.978.800)                                                                                                    |
| 17             | Tiền chi khác cho hoạt động<br>kinh doanh/ Other payments<br>on operating activities                                                                           |                     | -                                                                                                                   | (5.160.490.631)                                                                                                     |
| 20             | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ<br/>hoạt động kinh doanh/ Net<br/>cash flows from operating<br/>activities</b>                                                     |                     | <b>(37.005.713.165)</b>                                                                                             | <b>(823.530.564.754)</b>                                                                                            |
|                | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ<br/>HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ/<br/>CASH FLOWS FROM<br/>INVESTING ACTIVITIES</b>                                                               |                     |                                                                                                                     |                                                                                                                     |
| 21             | Tiền chi để mua sắm, xây<br>dựng tài sản cố định và các<br>tài sản dài hạn khác/<br>Purchase or construction of<br>fixed assets and other long-<br>term assets |                     | (24.686.452.663)                                                                                                    | (21.160.461.357)                                                                                                    |
| 22             | Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và<br>các tài sản dài hạn khác/<br>Proceeds from disposals of<br>fixed assets and other long-<br>term assets                         |                     | 22.000.000                                                                                                          | 54.104.742.786                                                                                                      |
| 23             | Tiền chi cho vay, mua công<br>cụ nợ của đơn vị khác/ Loans<br>and purchase of debt<br>instruments from other<br>entities                                       |                     | 83.327.700.000                                                                                                      | (141.100.000.000)                                                                                                   |
| 24             | Tiền thu hồi cho vay/<br>Collection of loans                                                                                                                   |                     | 1.000.000.000                                                                                                       | 141.000.000.000                                                                                                     |
| 25             | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào<br>đơn vị khác/ Equity<br>investments in other entities                                                                           |                     | -                                                                                                                   | (15.308.540.000)                                                                                                    |
| 26             | Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn<br>vào đơn vị khác/ Proceeds<br>from equity investment in<br>other entities                                                       |                     | -                                                                                                                   | 678.873.045.207                                                                                                     |
| 27             | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và<br>lợi nhuận được chia/ Interest<br>and dividend received                                                                      |                     | 2.091.866.155                                                                                                       | 17.096.842.113                                                                                                      |
| 30             | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử<br/>dụng vào hoạt động đầu tư/<br/>Net cash flows from<br/>investing activities</b>                                                |                     | <b>61.755.113.492</b>                                                                                               | <b>713.505.628.749</b>                                                                                              |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo  
*Tan Tao Investment and Industry Corporation*

B03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *THE CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT (continue)*  
 cho kỳ kế toán kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ *For the accounting period ended December 31, 2023*

Đơn vị tính (Unit): VND

| Mã số/<br>Code | CHỈ TIÊU/ CRITERIA                                                                                                     | Thuyết<br>minh/Note | Cho kỳ kế toán kết<br>thúc Ngày 31<br>tháng 12 năm<br>2023/ <i>For the<br/>accounting period<br/>ended December<br/>31, 2023</i> | Cho kỳ kế toán kết<br>thúc Ngày 31<br>tháng 12 năm<br>2022/ <i>For the<br/>accounting period<br/>ended December<br/>31, 2022</i> |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ<br/>HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH/<br/>CASH FLOWS FROM<br/>FINANCIAL ACTIVITIES</b>                   |                     |                                                                                                                                  |                                                                                                                                  |
| 32             | Tiền mua lại cổ phiếu của<br>doanh nghiệp đã phát hành/<br><i>Repurchase of stock issued</i>                           |                     |                                                                                                                                  | -                                                                                                                                |
| 33             | Tiền thu từ đi vay/ <i>Proceeds<br/>from borrowings</i>                                                                | 19                  | 37.909.290.803                                                                                                                   | 20.749.885.295                                                                                                                   |
| 34             | Tiền trả nợ gốc vay/<br><i>Repayment of principal</i>                                                                  | 19                  | (25.904.335.689)                                                                                                                 | (118.699.211.933)                                                                                                                |
| 35             | Tiền chi trả nợ thuê tài chính/<br><i>Repayment of financial<br/>principal</i>                                         | 19                  | (3.445.810.754)                                                                                                                  | (6.113.671.316)                                                                                                                  |
| 40             | Lưu chuyển tiền thuần sử<br>dụng vào hoạt động tài<br>chính/ <i>Net cash flows from<br/>financial activities</i>       |                     | <b>8.559.144.360</b>                                                                                                             | <b>(104.062.997.954)</b>                                                                                                         |
| 50             | Lưu chuyển tiền và các<br>khoản tương đương tiền<br>thuần trong kỳ/ <i>Net cash<br/>flows during the fiscal year</i>   |                     | <b>33.308.544.687</b>                                                                                                            | <b>(214.087.933.959)</b>                                                                                                         |
| 60             | Tiền và các khoản tương<br>đương tiền đầu kỳ/ <i>Cash and<br/>cash equivalents at the<br/>beginning of fiscal year</i> |                     | <b>17.572.686.911</b>                                                                                                            | <b>231.659.059.702</b>                                                                                                           |
| 61             | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá<br>hối đoái quy đổi ngoại tệ/ <i>Effect<br/>of exchange rate fluctuations</i>            |                     |                                                                                                                                  | 1.561.168                                                                                                                        |
| 70             | Tiền và các khoản tương<br>đương tiền cuối kỳ/ <i>Cash and<br/>cash equivalents at the end<br/>of fiscal<br/>year</i>  | 4                   | <b>50.881.231.598</b>                                                                                                            | <b>17.572.686.911</b>                                                                                                            |

(Đã ký)

Lương Thị Hồng/  
*Luong Thi Hong*  
 Người lập/  
*Prepared by*  
 Ngày 29 tháng 03 năm 2024/  
*March 29, 2024*

(Đã ký)

Bùi Thị Phương/  
*Bui Thi Phuong*  
 Kế toán trưởng/  
*Chief Accountant*

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phong/  
*Nguyen Thanh Phong*  
 Tổng Giám đốc/  
*General Director*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT/NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**1. THÔNG TIN CÔNG TY/ITACO'S INFORMATION**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh/ *Tan Tao Investment and Industry Corporation ("ITACO") is a joint-stock company established under the Enterprise Law of Vietnam pursuant to Business Registration Certificate ("BRC") No. 4103001108 issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City ("DPI") on July 15, 2002, and subsequent amended BRCs.*

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 68/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 11 năm 2006/ *ITACO's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange under License No. 68/UBCK-GPNY issued by the State Securities Commission on November 15, 2006.*

Hoạt động chính của Công ty là phát triển khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị; cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng; cho thuê hoặc bán nhà xưởng do Tập đoàn xây dựng trong khu công nghiệp; kinh doanh các dịch vụ trong khu công nghiệp; dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông; dịch vụ giao nhận hàng hóa và dịch vụ cho thuê kho bãi; xây dựng các công trình điện đến 35 KV; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê)/ *ITACO's main activities include the development of industrial zones and industrial zone infrastructure; investment in the construction and business operations of industrial zones and urban residential areas; leasing land with developed infrastructure; leasing or selling factories constructed by Tan Tao Group in the industrial zone; providing services within the industrial zone; investment consulting services, scientific and technical consulting, and technology transfer; construction of industrial, civil, and transportation projects; logistics services and warehouse leasing; construction of electrical works up to 35 KV; and residential real estate business (construction, repair of houses for sale or lease).*

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là mười hai (12) tháng/ *ITACO's ordinary course of business is twelve (12) months.*

Công ty có trụ sở chính tại Lô 16, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *ITACO is headquartered at Lot 16, Road No. 2, Tan Tao Industrial Zone, Tan Tao Ward.*

**Cơ cấu tổ chức/ Organizational Structure**

Công ty có 5 công ty con sau đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 của Tập đoàn:/ *ITACO has the following five subsidiaries consolidated into the Tan Tao Group's consolidated financial statements as of December 31:*

- ▶ *Công ty TNHH Khai thác Dịch vụ - Kinh doanh Văn phòng và Nhà xưởng Tân Tạo ("TASERCO")/ Tan Tao Services Utilization - Office and Warehousing Trade Co., Ltd ("TASERCO").*

Công ty con này là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4104000027 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2001, và các GCNĐKKD điều chỉnh. TASERCO có trụ sở chính tại Lô 60A, Đường số 2, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TASERCO là mua, bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, nhà kho; sửa chữa

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*  
vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

nhà xưởng, văn phòng, nhà ở/ *This subsidiary is a single-member limited liability company established under the Enterprise Law of Vietnam pursuant to BRC No. 4104000027 issued by DPI of Ho Chi Minh City on September 12, 2001, and subsequent amended BRCs. TASERCO is headquartered at Lot 60A, Road No. 2, Tan Tao Industrial Zone, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam. TASERCO's main activities include purchasing, selling, and leasing residential houses, factories, offices, and warehouses; and repairing factories, offices, and houses.*

Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong công ty con này (31 tháng 12 năm 2022: 100%)/ *As of December 31, 2023, ITACO holds 100% of the equity ownership and 100% of the voting rights in this subsidiary (December 31, 2022: 100%).*

► **Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Đức ("TAD")/ *Tan Duc Investment Corporation ("TAD")***

Công ty con này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5003000109 do SKHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 27 tháng 6 năm 2005, và các GCNĐKKD điều chỉnh. TAD có trụ sở chính tại Lô 8, Khu Công Nghiệp Tân Đức, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính của TAD là đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu đô thị, bến cảng và cung cấp các dịch vụ phụ trợ; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, văn phòng, khách sạn, nhà hàng và trung tâm thương mại/ *This subsidiary is a joint-stock company established under the Enterprise Law of Vietnam pursuant to BRC No. 5003000109 issued by DPI of Long An province on June 27, 2005, and subsequent amended BRCs. TAD is headquartered at Lot 8, Tan Duc Industrial Zone, Duc Hoa Ha Commune, Duc Hoa District, Long An Province, Vietnam. TAD's main activities include investment, construction, and development of industrial zones, urban areas, ports, and provision of auxiliary services; leasing land, factories, offices, hotels, restaurants, and shopping centers.*

Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 98,5% phần vốn chủ sở hữu và 98,5% quyền biểu quyết trong công ty con này (31 tháng 12 năm 2022: 98,5%)/ *As of December 31, 2023, ITACO holds 98.5% of the equity ownership and 98.5% of the voting rights in this subsidiary (December 31, 2022: 98.5%).*

► **Công ty Cổ phần Khai thác & Phát triển Kho vận Tân Tạo ("ITATRANS")/ *Tan Tao Forwarding and Warehousing Corporation ("ITATRANS")***

Công ty con này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103000408 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 5 năm 2001, và các GCNĐKKD điều chỉnh. ITATRANS có trụ sở chính tại Lô 21, Đường 1, Khu Công Nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của ITATRANS là giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt và đường bộ; đại lý giao nhận hàng xuất nhập khẩu bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt và đường bộ; cho thuê kho bãi, dịch vụ bốc xếp, lưu trữ và đóng gói hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan/ *This subsidiary is a joint-stock company established under the Enterprise Law of Vietnam pursuant to BRC No. 4103000408 issued by DPI of Ho Chi Minh City on May 8, 2001, and subsequent amended BRCs. ITATRANS is headquartered at Lot 21, Road 1, Tan Tao Industrial Zone, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam. ITATRANS's main activities include domestic and international freight forwarding by sea, air, rail, and road; acting as an agent for freight forwarding by air, sea, rail, and road; leasing warehouses, providing loading, storage, and packaging services, and customs declaration services.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 94,5% phần vốn chủ sở hữu và 94,5% quyền biểu quyết trong công ty con này (31 tháng 12 năm 2022: 94,5%)/ As of December 31, 2023, ITACO holds 94.5% of the equity ownership and 94.5% of the voting rights in this subsidiary (December 31, 2022: 94.5%).

► *Công ty Cổ phần Bầu trời Tân Tạo Mê Kông ("MKS")/ Tan Tao Mekong Sky Corporation ("MKS")*

Công ty con này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo theo GCNĐKKD số 4103010071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh. MKS có trụ sở chính tại Lô 117-119 Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của MKS là xây dựng công trình dân dụng và cung cấp các dịch vụ/ *This subsidiary is a joint-stock company established under the Enterprise Law of Vietnam pursuant to BRC No. 4103010071 issued by DPI of Ho Chi Minh City on April 21, 2008, and subsequent amended BRCs. MKS is headquartered at Lots 117-119 Pasteur, Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam. MKS's main activities include civil construction and providing related services.*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu và 51% quyền biểu quyết trong công ty con này (31 tháng 12 năm 2022: 51%)/ As of December 31, 2023, ITACO holds 51% of the equity ownership and 51% of the voting rights in this subsidiary (December 31, 2022: 51%).

► *Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Đô Thị Tân Tạo Mê Kông ("MKC")/ Tan Tao Mekong City Investment and Trading Corporation ("MKC")*

Công ty con này là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010034 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008, và các GCNĐKKD điều chỉnh. MKC có trụ sở chính tại Số 4/6 Đường Nguyễn Văn Lương, Phường 16, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của MKC là xây dựng công trình dân dụng và cung cấp các dịch vụ/ *This subsidiary is a joint-stock company established under the Enterprise Law of Vietnam pursuant to BRC No. 4103010034 issued by DPI of Ho Chi Minh City on April 17, 2008, and subsequent amended BRCs. MKC is headquartered at 4/6 Nguyen Van Luong Street, Ward 16, Go Vap District, Ho Chi Minh City, Vietnam. MKC's main activities include civil construction and providing related services.*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 51% phần vốn chủ sở hữu và 51% quyền biểu quyết trong công ty con này (31 tháng 12 năm 2022: 51%)/ As of December 31, 2023, ITACO holds 51% of the equity ownership and 51% of the voting rights in this subsidiary (December 31, 2022: 51%).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY/ BASIS OF NOTE**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán/ Accounting standards and Accounting system**

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo/ *The consolidated financial statement of Tan Tao Group as of December 31 are presented in Vietnamese Dong ("VND") in accordance with the Vietnamese Accounting System for enterprises and Vietnamese Accounting Standard No. 27 – Financial Reporting and other Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance, including:*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ *As at December 31, 2023*

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1)/ *Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated December 31, 2001, on the issuance of four Vietnamese Accounting Standards (Phase 1);*
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2)/ *Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated December 31, 2002, on the issuance of six Vietnamese Accounting Standards (Phase 2);*
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC Ngày 31 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3)/ *Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated December 31, 2003, on the issuance of six Vietnamese Accounting Standards (Phase 3);*
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và/ *Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated February 15, 2005, on the issuance of six Vietnamese Accounting Standards (Phase 4); and*
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5)/ *Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated December 28, 2005, on the issuance of four Vietnamese Accounting Standards (Phase 5).*

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam/ *Accordingly, the accompanying consolidated financial statements and the use of this report are not intended for those who are not provided with information about the accounting procedures, principles, and practices in Vietnam and are not intended to present the financial position, operating results, and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.*

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng/ *Form of Accounting Books Applied***

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung/ *The form of accounting books applied by Tan Tao Group is the General Journal.*

**2.3 Kỳ kế toán năm/ *Accounting period***

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12/ *The Accounting period applied by Tan Tao Group for the preparation of consolidated financial statements begins on January 1 and ends on December 31.*

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán/ *Accounting currency***

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND/ *The Consolidated Financial Statement as of December 31 are prepared in the reporting currency used by Tan Tao Group, which is VND.*

**2.5 Cơ sở hợp nhất/ *Basis of Consolidation***

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 bao gồm các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày./ *The Consolidated financial statement as of December 31 include the financial statements as of December 31 of the parent company and its subsidiaries for the fiscal year ending on the same date.*

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con/ *Subsidiaries are fully consolidated from the*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

*date of acquisition, which is the date Tan Tao Group gains effective control, and continue to be consolidated until the date Tan Tao Group ceases to control the subsidiary.*

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất/ *The financial statements of the parent company and its subsidiaries used for consolidation are prepared for the same fiscal period and apply consistent accounting policies.*

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 của các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn/ *Intercompany balances as of December 31, intercompany transactions, and any unrealized gains or losses arising from these transactions are fully eliminated.*

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất/ *Non-controlling interests represent the portion of profit or loss and net assets not held by the parent company and are presented separately in the consolidated income statement as of December 31, and within equity in the consolidated balance sheet, separately from the equity of the parent company's shareholders.*

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ *Changes in the parent's ownership interest in a subsidiary that do not result in a loss of control are accounted for within retained earnings.*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU/ SUMMARY OF PRINCIPALS ACCOUNTING POLICIES**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền/ Cash and Cash Equivalents**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền/ *Cash and cash equivalents include cash on hand, bank deposits, and short-term investments with original maturities of no more than three (3) months, which are highly liquid, readily convertible to known amounts of cash, and subject to an insignificant risk of changes in value.*

**3.2 Hàng tồn kho/ Inventories**

Hàng tồn kho thể hiện hàng hóa bất động sản, chủ yếu là đất đai, nhà xưởng trong các khu công nghiệp, nhà ở, căn hộ trong các khu đô thị và các tài sản của các dự án bất động sản khác đã hoàn thành, được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được/ *Inventories represent real estate goods, primarily land, factories in industrial zones, houses, apartments in urban areas, and other real estate assets that are completed, purchased, or under construction for sale in the ordinary course of the Tan Tao Group's business. These are not intended for rental or for capital appreciation and are recorded at the lower of cost and net realizable value.*

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:/ *The cost of real estate goods includes:*

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất/ *Land use fees and land rental costs;*
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và/ *Construction costs paid to contractors; and*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác/ *Borrowing costs, consultancy fees, design costs, land clearance compensation, consultancy fees, land transfer taxes, general construction management costs, and other related costs.*

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính/ *Net realizable value is the estimated selling price of real estate goods in the ordinary course of business, based on market prices at the reporting date, discounted for the time value of money, if significant, and less estimated costs of completion and estimated selling costs.*

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó/ *The cost of sold real estate is recognized in the consolidated income statement based on the direct costs incurred to create the real estate and the allocated general costs on a per square meter basis of the respective real estate.*

### 3.3 Các khoản phải thu/ Receivables

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi/ *Receivables are presented in the consolidated financial statements at their book value, which includes receivables from customers and other receivables, net of provisions for doubtful debts.*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất/ *Provisions for doubtful debts represent the amount of receivables that the Tan Tao Group estimates to be uncollectible as of the end of the accounting period. Increases or decreases in the provision balance are recognized in the general and administrative expenses in the consolidated income statement.*

### 3.4 Tài sản cố định/ Fixed Assets

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế/ *Tangible and intangible fixed assets are presented at historical cost less accumulated depreciation and amortization.*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh/ *The historical cost of fixed assets includes the purchase price and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Costs of acquisition, upgrades, and renewals of fixed assets are capitalized, whereas maintenance and repair costs are expensed in the consolidated income statement as incurred.*

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất/ *When fixed assets are sold or disposed of, any gain or loss resulting from the sale or disposal (the difference*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*  
vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

*between the net proceeds from the sale and the carrying amount of the asset) is recognized in the consolidated income statement.*

### 3.5 Khấu hao và hao mòn/ Depreciation and Amortization

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:/ *Depreciation of tangible fixed assets and amortization of intangible fixed assets are calculated using the straight-line method over the estimated useful lives of the assets as follows:*

|                                 |                      |
|---------------------------------|----------------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc/       | 5 - 20 năm/          |
| <i>Buildings and structures</i> | <i>5 – 20 years</i>  |
| Máy móc và thiết bị/            | 4 - 10 năm/          |
| <i>Machinery and equipment</i>  | <i>4 - 10 years</i>  |
| Phương tiện vận tải/            | 5 - 10 năm/          |
| <i>Vehicles</i>                 | <i>5 - 10 years</i>  |
| Thiết bị văn phòng              | 3 - 6 năm/           |
| <i>Office equipment</i>         | <i>3 - 6 years</i>   |
| Tài sản khác                    | 5 năm/               |
| <i>Other assets</i>             | <i>5 years</i>       |
| Quyền sử dụng đất               | 20 - 47 năm/         |
| <i>Land use rights</i>          | <i>20 – 47 years</i> |

### 3.6 Bất động sản đầu tư/Investment Properties

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị/ *Investment properties are recorded at cost, including transaction costs, less accumulated depreciation. For investment properties held for capital appreciation, the Tan Tao Group does not depreciate these assets but assesses them for impairment.*

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó/ *Subsequent expenditures related to investment properties are capitalized when it is probable that future economic benefits exceeding the initially assessed standard of performance of the investment properties will flow to the Tan Tao Group.*

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:/ *Depreciation and amortization of investment properties are calculated using the straight-line method over the estimated useful lives of the properties as follows:*

|                                                      |                                   |
|------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| Quyền sử dụng đất/ <i>Land use rights</i>            | 36 - 39 năm/ <i>36 – 39 years</i> |
| Nhà cửa và nhà xưởng/ <i>Buildings and factories</i> | 20 - 37 năm/ <i>20 – 37 years</i> |

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý/ *Investment properties are derecognized from the consolidated balance sheet upon disposal or when the investment property is permanently withdrawn from use and no future economic benefits are expected from its disposal. Gains or losses arising from the sale of an investment property, which is the difference between the net proceeds and the carrying amount of the asset, are recognized in the consolidated income statement during the period of disposal.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi/ *Transfers to or from investment properties are made when there is a change in use, evidenced by ending owner-occupation, commencement of an operating lease to another party, or completion of construction or development. Transfers from investment properties to owner-occupied properties or inventories are made when there is a change in use, evidenced by the commencement of owner-occupation or commencement of development for sale. These transfers do not change the carrying amount or the cost of the property transferred.*

**3.7 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại/ Business Combinations and Goodwill**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh/ *Business combinations are accounted for using the purchase method/ The acquisition cost includes the fair value at the acquisition date of assets transferred, liabilities incurred or assumed, and equity instruments issued by the acquirer in exchange for control of the acquiree, and direct costs attributable to the business combination. Identifiable assets, liabilities, and contingent liabilities assumed in a business combination are recognized at their fair values at the acquisition date.*

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu chi phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là hai (2) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh/ *Goodwill arising from a business combination is initially recognized at cost, being the excess of the cost of the business combination over the acquirer's interest in the net fair value of the identifiable assets, liabilities, and contingent liabilities recognized. If the cost of the business combination is less than the fair value of the net assets of the subsidiary acquired, the difference is recognized directly in the consolidated income statement as of December 31, 2023. After initial recognition, goodwill is measured at cost less any accumulated amortization. Goodwill is amortized on a straight-line basis over its estimated useful life of two (2) years. The parent company periodically assesses the impairment of goodwill in the subsidiary. If there is evidence that the impairment loss on goodwill exceeds the periodic amortization amount, the impairment loss is recognized in the period it arises.*

**3.8 Các khoản đầu tư/ Investments**

**Đầu tư vào các công ty liên kết/ Investments in Associates**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư/  
*Investments in associates are accounted for using the equity method. An associate is an entity over which the Tan Tao Group has significant influence, but not control or joint control. Significant influence is typically presumed when the Tan Tao Group holds 20% or more of the voting power of the investee.*

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại (nếu có) phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 của công ty liên kết sau khi mua/  
*Under the equity method, the investment is initially recognized at cost on the consolidated balance sheet as of December 31 and subsequently adjusted to reflect the Tan Tao Group's share of the net assets of the associate after acquisition. Goodwill arising on the acquisition of an associate is included in the carrying amount of the investment. The Tan Tao Group does not amortize this goodwill but assesses it for impairment annually. The consolidated income statement as of December 31 reflects the Tan Tao Group's share of the results of operations of the associate.*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết/  
*The Tan Tao Group's share of the profit or loss of the associate after acquisition is recognized in the consolidated income statement as of December 31, and its share of post-acquisition movements in reserves is recognized in reserves. Cumulative post-acquisition movements are adjusted against the carrying amount of the investment in the associate. Dividends received or receivable from associates are deducted from the carrying amount of the investment.*

Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết/  
*The financial statements of the associates as of December 31 are prepared for the same reporting period as the Tan Tao Group's consolidated financial statements and use consistent accounting policies. Appropriate adjustments have been made in the consolidated financial statements to ensure consistency in accounting policies where necessary.*

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác/ Trading Securities and Investments in Other Entities*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc/  
*Trading securities and investments in other entities are initially recognized at cost.*

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn/ Provision for Diminution in Value of Trading Securities and Investments in Other Entities*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12/  
*Provision for diminution in value of trading securities and investments in other entities is made at the end of the accounting period in accordance with the guidelines in Circular No. 228/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)**

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

*December 7, 2009, and Circular No. 89/2013/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on June 28, 2013. Changes in the provision balance are recognized in financial expenses in the consolidated income statement as of December 31.*

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn/ Held-to-Maturity Investments**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ phát sinh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư/ *Held-to-maturity investments are initially recognized at cost. After initial recognition, these investments are measured at amortized cost. Impairment losses, if any, are recognized in the period in which they arise and directly reduce the carrying amount of the investments.*

**3.9 Chi phí đi vay/ Borrowing Costs**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn/ *Borrowing costs include interest expenses and other costs incurred directly in connection with the Tan Tao Group's borrowings.*

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó/ *These costs are expensed as incurred, except for those eligible for capitalization. Borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction, or production of a qualifying asset, which requires a substantial period of time to get ready for its intended use or sale, are capitalized as part of the cost of that asset.*

**3.10 Chi phí trả trước/ Prepaid Expenses**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này/ *Prepaid expenses comprise short-term and long-term prepaid expenses as presented on the consolidated balance sheet as of December 31. These costs are allocated over the period during which the economic benefits are expected to be derived.*

**3.11 Thuê hoạt động/ Operating Leases**

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê/ In case of the Tan Tao Group is the Lessor*

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Tập đoàn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 khi phát sinh/ *Assets subject to operating leases are recorded as investment properties on the consolidated balance sheet as of December 31. Direct costs incurred during the leasing process are recognized in the consolidated income statement as of December 31 when incurred.*

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê/ *Lease income from operating leases is recognized on a straight-line basis over the lease term in the consolidated income statement as of December 31.*

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê/ In case of the Tan Tao Group is the Lessee*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê/ *Lease payments under operating leases are recognized on a straight-line basis over the lease term in the consolidated income statement as of December 31.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước/ *Accounts Payable and Accrued Expenses***

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa/ *Accounts payable and accrued expenses are recognized for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not the Tan Tao Group has received an invoice from the supplier.*

**3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả/ *Accrued Severance Pay***

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12./ *Accrued severance pay for employees is provided at the end of each reporting period for all employees who have worked for the Tan Tao Group for more than 12 months, in accordance with the Labor Code, Social Insurance Law, and related guidance documents. The provision is based on half of the average monthly salary for each year of service up to December 31, 2008. The average monthly salary used to calculate severance pay is adjusted at the end of each reporting period to reflect the average salary of the six months preceding the reporting date. Adjustments to the provision, excluding actual payments made to employees, are recognized in the consolidated income statement as of December 31.*

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động/ *This accrued severance pay is used to compensate employees upon termination of employment in accordance with Article 48 of the Labor Code.*

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ/ *Foreign Currency Transactions***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:/ *Transactions conducted in currencies other than the Tan Tao Group's functional currency (VND) are recorded using the actual transaction exchange rates on the transaction date, following these principles:*

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và/ *Transactions generating receivables are accounted for at the buying rate of the commercial bank designated by the Tan Tao Group for customer payments.*
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch/ *Transactions generating payables are accounted for at the selling rate of the commercial bank the Tan Tao Group anticipates using for the transaction.*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại Ngày 31 tháng 12 theo nguyên tắc sau:/ *At the end of the accounting period, foreign currency monetary items are revalued at the actual exchange rate on the consolidated balance sheet date, December 31, following these principles:*

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và/ *Monetary items classified as assets are accounted for at the buying rate of the commercial bank where the Tan Tao Group regularly transacts.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ *As at December 31, 2023*

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch/ *Monetary items classified as liabilities are accounted for at the selling rate of the commercial bank where the Tan Tao Group regularly transacts.*

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12/ *All exchange rate differences are recognized in the consolidated income statement as of December 31.*

**3.15 Cổ phiếu quỹ/ *Treasury Shares***

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình/ *Equity instruments repurchased by Tan Tao Group (treasury shares) are recorded at cost and deducted from equity. The Tan Tao Group does not recognize any gains or losses from the purchase, sale, issuance, or cancellation of its own equity instruments.*

**3.16 Lãi trên mỗi cổ phiếu/ *Earnings Per Share***

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ/ *Basic earnings per share are calculated by dividing the profit or loss after tax attributable to ordinary equity holders of ITACO (after adjustments for the appropriation of reward and welfare funds) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the period.*

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông/ *Diluted earnings per share are calculated by dividing the profit or loss after tax attributable to ordinary equity holders of ITACO (after adjustments for dividends on convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the period and the weighted average number of ordinary shares that would be issued if all potential ordinary shares with dilutive effects were converted into ordinary shares.*

**3.17 Phân chia lợi nhuận/ *Profit Distribution***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam/ *Net profit after corporate income tax (excluding gains from bargain purchases) can be distributed to shareholders after approval by the General Shareholders' Meeting and after setting aside required reserves in accordance with ITACO's charter and Vietnamese regulations.*

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên/ *Tan Tao Group sets aside the following reserves from net profit after corporate income tax based on recommendations by the Board of Management and approval by shareholders at the Annual General Shareholders' Meeting::*

*Quỹ đầu tư và phát triển/ Investment and Development Fund*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn/ *This fund is allocated to support the expansion and in-depth investment activities of Tan Tao Group.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi/ Bonus and Welfare Fund*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023/ *This fund is allocated for rewarding and providing material incentives, enhancing employee welfare, and is presented as a liability on the consolidated balance sheet as of December 31, 2023.*

**3.18 Ghi nhận doanh thu/ Revenue recognition**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Revenue is recognized when it is probable that Tan Tao Group will receive economic benefits that can be reliably determined. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates and taxes. The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

*Doanh thu cho thuê đất khu công nghiệp đã phát triển cơ sở hạ tầng*

*Revenue from leasing industrial park land with developed infrastructure*

Doanh thu từ cho thuê đất khu công nghiệp đã phát triển cơ sở hạ tầng được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

Revenue from leasing industrial park land with developed infrastructure is recorded once for the entire leasing amount received in advance when the following conditions are simultaneously satisfied:

- ▶ Thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản;  
The leasing period accounts for over 90% of the useful life of the asset;
- ▶ Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;  
The lessee has no right to cancel the lease contract and the leasing company has no obligation to return the amount received in advance in any case and in any form;
- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;  
The amount of money received in advance from the leasing is not less than 90% of the total leasing amount expected to be received under the contract during the lease term and the lessee must pay the entire leasing amount within 12 months from starting time of asset lease;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Almost all risks and benefits associated with ownership (of the leased asset) have been transferred to the lessee; and
- ▶ Tập đoàn phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Tan Tao Group must be able to fully estimate the cost price of leasing activities.

*Doanh thu kinh doanh phân lô bán nền/ Revenue from sales of subdivided land*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

Doanh thu được ghi nhận khi đã chuyển giao nền đất cho khách hàng khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

Revenue is recognized when the land is transferred to the customer when the following conditions are simultaneously satisfied:

- ▶ Hợp đồng không hủy ngang; The contract is irrevocable;
- ▶ Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua; ITACO has transferred risks and benefits associated with land use rights to the customer;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Revenue is determined relatively reliably;
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất; và Identify costs related to land sale transactions; and
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tan Tao Group has obtained or will certainly obtain economic benefits from the land sale transaction.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ/ Sales from provision of services*

Doanh thu dịch vụ cung cấp được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và được xác định là giá trị thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu, thuế giá trị gia tăng và các khoản giảm giá.

Sales from service provision is recognized when the service is provided to the customer and is determined as net value after deducting discounts, value added tax and rebates.

*Doanh thu từ cho thuê hoạt động/ Revenue from operating leases*

Doanh thu từ cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Revenue from operating leases is recognized in the consolidated income statement as at December 31 on straight-line basis throughout the lease term in accordance with the provisions of the lease contract.

*Tiền lãi/ Interest*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Revenue is recognized when interest arises on an accrual basis (taking into account the income that the asset earns) unless collectability is uncertain.

*Cổ tức/ Dividend*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Revenue is recognized when Tan Tao Group's right to receive dividend payments is confirmed.

**3.19 Thuế/ Tax**

*Thuế thu nhập hiện hành/ Current income tax*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

Income tax assets and income tax liabilities for the current and prior periods are determined by the amount expected to be paid to (or recovered from) the tax authorities, based on tax rates and tax laws in effect as of the balance sheet date.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Current income tax is recognized in the consolidated income statement as at December 31, except to the extent that the income tax arises in relation to an item recorded directly in equity, in this case, current income tax is also recognized directly in equity.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tan Tao Group is only allowed to offset current income tax assets and current income tax liabilities when Tan Tao Group has a legally enforceable right to offset current income tax assets and current income tax liabilities and Tan Tao Group intends to settle current income tax liabilities and current income tax assets on a net basis.

*Thuế thu nhập hoãn lại/ Deferred income tax*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12.

Deferred income tax is determined on temporary differences the balance sheet date between the income tax base of assets and liabilities and their carrying amount for the purpose of preparing consolidated financial statements as at December 31.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Deferred income tax liabilities are recognized for all taxable temporary differences.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Deferred tax assets should be recognized for all deductible temporary differences, deductible value carried forward to unused tax losses and unused tax credits in future years, when it is probable that future taxable profits will be available to utilize unused deductible temporary differences, tax losses and tax credits

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận này.

The carrying amount of the deferred tax asset must be reviewed at the balance sheet date and the carrying amount of the deferred tax asset must be reduced to a level that ensures that it is probable that there will be sufficient taxable profit to allow the benefit of part or all of the deferred tax assets to be utilised. Previously unrecognized deferred tax assets are reassessed at the balance sheet date and are recognized to the extent that it has become probable that sufficient taxable profit will allow the unrecognized deferred tax assets to be utilized.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)**

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Deferred tax assets and deferred tax liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the assets are recovered or the liability is settled, based on tax rates and tax laws in effect as of the balance sheet date.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Deferred income taxes are recognized in the consolidated income statement as at December 31, except to the extent that the income tax arises in relation to an item recorded directly in equity, in this case, deferred income tax is also recognized directly in equity.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

Tan Tao Group is only allowed to offset deferred income tax assets and deferred income tax liabilities when Tan Tao Group has a legally enforceable right to offset current income tax assets and current income tax liabilities. These deferred income tax assets and deferred income tax liabilities relate to corporate income taxes administered by the same tax authority for the same taxable entity.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN/ CASH AND CASH EQUIVALENTS**

|                                              | Đơn vị tính (Unit): VND      |                              |
|----------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                              | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022 |
|                                              | December 31,<br>2023         | December 31,<br>2022         |
| Tiền mặt/ Cash                               | 542.309.465                  | 310.782.312                  |
| Tiền gửi ngân hàng/ Bank deposits            | 50.338.922.133               | 17.261.904.599               |
| Các khoản tương đương tiền/ Cash equivalents | -                            | -                            |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>                      | <b>50.881.231.598</b>        | <b>17.572.686.911</b>        |

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN/ RECEIVABLE FROM CUSTOMERS AND SHORT-TERM ADVANCED PAYMENTS TO SELLER**

**5.1 Phải thu khách hàng/ Receivable from customers**

|                      | Đơn vị tính (Unit): VND      |                              |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
|                      | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022 |
|                      | December 31, 2023            | December 31, 2022            |
| Ngắn hạn/ Short-term | 395.967.833.292              | 483.274.777.614              |
| Dài hạn/ Long-term   | -                            | 6.068.299.705                |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

|                                                                                   |                        |                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>                                                           | <b>395.967.833.292</b> | <b>489.343.077.319</b> |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi/ Provision for short-term doubtful receivables | (212.542.065.753)      | (221.003.521.671)      |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN/ NET VALUE</b>                                                   | <b>183.425.767.539</b> | <b>268.339.555.648</b> |
| <i>Trong đó:/ Including:</i>                                                      |                        |                        |
| Bên liên quan (Thuyết minh số 21)/ Stakeholders (Note no. 21)                     | 4.649.393.299          | 47.069.934.814         |
| Bên khác/ Others                                                                  | 391.318.439.993        | 442.273.142.505        |

**5.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn/ Short-term advanced payments to seller**

|                                                                                    | Đơn vị tính (Unit): VND   |                           |
|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                                                                    | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
| Bên liên quan (thuyết minh số 21)/ Stakeholders (Note no. 21)                      | 34.361.600.162            | 34.500.596.359            |
| Bên khác/ Others                                                                   | 352.554.191.047           | 404.735.934.598           |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>                                                            | <b>386.915.791.209</b>    | <b>439.236.530.957</b>    |
| Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi/ Provision for short-term doubtful receivables | (165.205.232.164)         | (160.033.415.639)         |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN/ NET VALUE</b>                                                    | <b>221.710.559.045</b>    | <b>279.203.115.318</b>    |

**6. PHẢI THU KHÁC/ OTHER RECEIVABLE**

|                                                                          | Đơn vị tính (Unit): VND   |                           |
|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                                                          | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022 |
|                                                                          | December 31, 2023         | December 31, 2022         |
| Ngắn hạn/ Short-term                                                     | 1.503.461.556.206         | 3.686.847.189.187         |
| Dài hạn/ Long-term                                                       | 2.670.504.734.641         | 2.180.547.000             |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>                                                  | <b>4.173.966.290.847</b>  | <b>3.689.027.736.187</b>  |
| Dự phòng phải thu khó đòi/ Provision for short-term doubtful receivables | (647.600.521.076)         | (650.336.107.159)         |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN/ NET VALUE</b>                                          | <b>3.526.365.769.771</b>  | <b>3.038.691.629.028</b>  |
| <i>Trong đó:/ Including:</i>                                             |                           |                           |
| Bên liên quan (Thuyết minh số 21)/ Stakeholders (Note no. 21)            | 3.200.709.515.650         | 1.503.241.306.943         |
| Bên khác/ Others                                                         | 973.256.775.197           | 2.185.786.429.244         |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/ *As at December 31, 2023*

## 7. HÀNG TỒN KHO/ INVENTORY

Chi tiết hàng tồn kho theo các dự án được trình bày như sau:  
 Details of inventory by project are presented as follows:

|                                        | Đơn vị tính (Unit): VND                              |                                                   |
|----------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
|                                        | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023<br>December 31,<br>2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022<br>December 31, 2022 |
| Khu E-City Tân Đức (i)                 |                                                      |                                                   |
| E-City Tan Duc                         | 2.518.270.096.450                                    | 2.540.248.211.147                                 |
| Khu Công nghiệp ("KCN") Tân Đức (i)    |                                                      |                                                   |
| Tan Duc Industrial Park (i)            | 325.286.737.779                                      | 307.588.589.240                                   |
| KCN Tân Tạo (i)                        |                                                      |                                                   |
| Tan Tao Industrial Park (i)            | 472.140.694.632                                      | 463.547.769.287                                   |
| Chung cư Tân Đức                       |                                                      |                                                   |
| Tan Duc Apartment                      | 157.538.489.695                                      | 145.812.736.742                                   |
| Khu dân cư Tân Đức                     |                                                      |                                                   |
| Tan Duc residential area               | 40.627.892.293                                       | 40.557.943.530                                    |
| Nhà xưởng tại KCN Tân Đức              |                                                      |                                                   |
| Factories in Tan Duc industrial park   | 54.173.024.411                                       | 53.987.839.226                                    |
| Dự án khác                             |                                                      |                                                   |
| Other projects                         | 78.564.950.144                                       | 69.934.704.542                                    |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>                | <b>3.646.601.885.404</b>                             | <b>3.621.677.793.714</b>                          |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho         |                                                      |                                                   |
| Provision for devaluation of inventory | (60.393.577.685)                                     | (60.393.577.685)                                  |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>                | <b>3.586.208.307.719</b>                             | <b>3.561.284.216.029</b>                          |

(i) Tập đoàn đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của các dự án này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 17).

(i) Tan Tao Group has used some land use rights of these projects as collateral for long-term loans from banks (Note no.17)

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo**  
**Tan Tao Investment and Industry Corporation**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH/ TANGIBLE FIXED ASSETS**

|                                                                     | Đơn vị tính (Unit): VND                                 |                                                      |                                              |                                           |                                 |
|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|
|                                                                     | Nhà cửa<br>và vật kiến trúc<br>Houses and<br>structures | Máy móc<br>và thiết bị<br>Machinery and<br>equipment | Phương tiện<br>vận tải<br>Transport vehicles | Thiết bị<br>văn phòng<br>Office equipment | Tài sản<br>khác<br>Other assets |
|                                                                     |                                                         |                                                      |                                              |                                           | Tổng cộng<br>Total              |
| <b>Nguyên giá:</b><br><b>Historical costs:</b>                      |                                                         |                                                      |                                              |                                           |                                 |
| Vào ngày 31 tháng 12<br>năm 2022                                    | 193.081.741.428                                         | 43.998.914.861                                       | 19.302.367.621                               | 1.858.063.874                             | 258.312.644.204                 |
| On December 31, 2022                                                |                                                         |                                                      |                                              |                                           |                                 |
| Tăng trong kỳ<br>Increase during the period                         | 2.097.340.960                                           | -                                                    | 5.789.514.884                                | 112.767.636                               | 7.999.623.480                   |
| Giảm trong kỳ<br>Decrease during the period                         | -                                                       | -                                                    | 1.000.352.689                                | -                                         | 1.000.352.689                   |
| Vào Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023                                    | 195.179.082.388                                         | 43.998.914.861                                       | 24.091.529.816                               | 1.970.831.510                             | 265.311.914.995                 |
| On December 31, 2023                                                |                                                         |                                                      |                                              |                                           |                                 |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b><br><b>Accumulated depreciation:</b> |                                                         |                                                      |                                              |                                           |                                 |
| Vào ngày 31 tháng 12<br>năm 2022                                    | (77.793.905.127)                                        | (22.768.150.578)                                     | (16.473.189.501)                             | (1.826.049.035)                           | (118.932.850.661)               |
| On December 31, 2022                                                |                                                         |                                                      |                                              |                                           |                                 |
| Khấu hao trong kỳ<br>Depreciation during the period                 | (5.695.559.558)                                         | (3.740.736.671)                                      | (2.390.572.097)                              | (15.998.922)                              | (11.842.867.248)                |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo  
*Tan Tao Investment and Industry Corporation*

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) / NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

|                                             |                      |                      |                      |                 |              |                   |
|---------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------------|--------------|-------------------|
| Giảm trong kỳ<br>Decrease during the period | -                    | -                    | 1,000,352,689        | -               | -            | 1,000,352,689     |
| Vào Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023            | (83.489.464.685<br>) | (26.508.887.249<br>) | (17.863.408.909<br>) | (1.842.047.957) | (71.556.420) | (129.775.365.220) |
| On December 31, 2023                        |                      |                      |                      |                 |              |                   |
| <b>Giá trị còn lại:<br/>Net book value:</b> |                      |                      |                      |                 |              |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12<br>năm 2022            | 115.287.836.301      | 21.230.764.283       | 2.829.178.120        | 32.014.839      | -            | 139.379.793.543   |
| On December 31, 2022                        |                      |                      |                      |                 |              |                   |
| Vào Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023            | 111.689.617.703      | 17.490.027.612       | 6.228.120.907        | 128.783.553     | -            | 135.536.549.775   |
| On December 31, 2023                        |                      |                      |                      |                 |              |                   |

Tập đoàn đã sử dụng một số nhà cửa và vật kiến trúc này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 17).  
 Tan Tao Group has used some of these houses and structures as collateral for long-term loans from banks (Note no. 17)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH/ FIXED ASSETS FINANCIAL LEASE

Đơn vị tính (Unit): VND

|                                                                     | Máy móc<br>và thiết bị<br>Machinery and<br>equipment | Phương tiện<br>vận tải<br>Transport vehicles | Tổng cộng<br>Total |
|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------|
| <b>Nguyên giá:</b><br><b>Historical costs:</b>                      |                                                      |                                              |                    |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022<br>On December 31, 2022               | -                                                    | 18.712.833.534                               | 18.712.833.534     |
| Tăng trong kỳ<br>Increase during the period                         | -                                                    | 1.396.245.273                                | 1.396.245.273      |
| Giảm trong kỳ<br>Decrease during the period                         | -                                                    | 2.136.909.090                                | 2.136.909.090      |
| Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023<br>On December 31, 2023               | -                                                    | 17.972.169.717                               | 17.972.169.717     |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b><br><b>Accumulated depreciation:</b> |                                                      |                                              |                    |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022<br>On December 31, 2022               | -                                                    | (2.878.881.062)                              | (2.878.881.062)    |
| Khấu hao trong kỳ<br>Depreciation during the period                 | -                                                    | (1.095.453.142)                              | (1.095.453.142)    |
| Giảm trong kỳ<br>Decrease during the period                         | -                                                    | 1.775.739.174                                | 1.775.739.174      |
| Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023<br>On December 31, 2023               | -                                                    | (3.559.167.094)                              | (3.559.167.094)    |
| <b>Giá trị còn lại:</b><br><b>Net book value:</b>                   |                                                      |                                              |                    |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022<br>On December 31, 2022               | -                                                    | 15.833.952.472                               | 15.833.952.472     |
| Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023<br>On December 31, 2023               | -                                                    | 14.413.002.623                               | 14.413.002.623     |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH/ INTANGIBLE FIXED ASSETS**

|                                  | Đơn vị tính (Unit): VND |                   |                 |
|----------------------------------|-------------------------|-------------------|-----------------|
|                                  | Quyền sử dụng đất       | Phần mềm máy tính | Tổng cộng       |
| <b>Nguyên giá:</b>               |                         |                   |                 |
| <b>Historical costs:</b>         |                         |                   |                 |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022    |                         |                   |                 |
| On December 31, 2022             | 5.003.802.992           | 4.482.116.505     | 9.485.919.497   |
| Tăng trong kỳ                    |                         |                   |                 |
| Increase during the period       | -                       | -                 | -               |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023    |                         |                   |                 |
| On December 31, 2023             | 5.003.802.992           | 4.482.116.505     | 9.485.919.497   |
| Trong đó:/ Including:            |                         |                   |                 |
| Đã hao mòn hết                   |                         |                   |                 |
| Completely depreciated           | -                       | 4.296.215.505     | 4.296.215.505   |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>   |                         |                   |                 |
| <b>Accumulated depreciation:</b> |                         |                   |                 |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022    |                         |                   |                 |
| On December 31, 2022             | (1.449.054.813)         | (4.358.852.932)   | (5.807.907.745) |
| Hao mòn trong kỳ                 |                         |                   |                 |
| Depreciation during the period   | (22.424.293)            | (8.014.534)       | (30.438.827)    |
| Giảm trong kỳ                    |                         |                   |                 |
| Decrease during the period       | -                       | -                 | -               |
| Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023    |                         |                   |                 |
| On December 31, 2023             | (1.471.479.106)         | (4.366.867.466)   | (5.838.346.572) |
| <b>Giá trị còn lại:</b>          |                         |                   |                 |
| <b>Net book value:</b>           |                         |                   |                 |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022    |                         |                   |                 |
| On December 31, 2022             | 3.554.748.179           | 123.263.573       | 3.678.011.752   |
| Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023    |                         |                   |                 |
| On December 31, 2023             | 3.532.323.886           | 115.249.039       | 3.647.572.925   |

Tập đoàn đã sử dụng một số quyền sử dụng đất này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 17).

Tan Tao Group has used some of these land use rights as collateral for long-term loans from banks (Note no. 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ/ INVESTMENT REAL ESTATE**

|                                                                                            | <i>Đơn vị tính (Unit): VND</i>   |                                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
|                                                                                            | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
|                                                                                            | December 31, 2023                | December 31, 2022                |
| Bất động sản đầu tư cho thuê<br>( <i>Thuyết minh số 11.1</i> )                             |                                  |                                  |
| Investment real estate for rent<br>( <i>Note no. 11.1</i> )                                | 624.791.998.038                  | 608.169.413.784                  |
| Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá<br>Investment real estate held for price increase | -                                | -                                |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>                                                                    | <b>624.791.998.038</b>           | <b>608.169.413.784</b>           |

**11.1 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ/ INVESTMENT REAL ESTATE FOR RENTAL**

|                                                                                       | <i>Đơn vị tính (Unit): VND</i> |                             |                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|-------------------|
|                                                                                       | <i>Quyền sử dụng đất</i>       | <i>Nhà cửa và nhà xưởng</i> | <i>Tổng cộng</i>  |
|                                                                                       | <i>Land use rights</i>         | <i>Houses and factories</i> | <i>Total</i>      |
| <b>Nguyên giá:</b><br><b>Historical costs:</b>                                        |                                |                             |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022<br>On December 31, 2022                                 | 102.831.605.956                | 505.337.807.828             | 608.169.413.784   |
| Tăng trong kỳ<br>Increase during the period                                           | 9.234.155.888                  | 16.743.988.884              | 25.978.144.772    |
| Giảm trong kỳ<br>Decrease during the period                                           | -                              | 9.355.560.518               | 9.355.560.518     |
| Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023<br>On December 31, 2023                                 | 112.065.761.844                | 512.726.236.194             | 624.791.998.038   |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b><br><b>Accumulated depreciation:</b>                   |                                |                             |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022<br>On December 31, 2022                                 | (33.279.413.479)               | (205.119.998.072)           | (238.399.411.551) |
| Khấu hao và hao mòn trong kỳ<br>Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023<br>On December 31, 2023 | (3.247.127.156)                | (32.886.771.698)            | (36.133.898.854)  |
|                                                                                       | (36.526.540.635)               | (238.006.769.770)           | (274.533.310.405) |
| <b>Giá trị còn lại:</b><br><b>Net book value:</b>                                     |                                |                             |                   |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022<br>On December 31, 2022                                 | 69.552.192.477                 | 300.217.809.756             | 369.770.002.233   |
| Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023<br>On December 31, 2023                                 | 75.539.221.209                 | 274.719.466.424             | 350.258.687.633   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

## 12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN/ TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN/ LONG-TERM ASSETS IN PROGRESS

### 12.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn/ Long-term unfinished production and business costs

|                                      | Đơn vị tính (Unit): VND      |                              |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                      | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022 |
|                                      | December 31, 2023            | December 31, 2022            |
| Trung tâm Nhiệt điện Kiên Lương (i)  | 2.221.360.679.532            | 2.221.360.679.532            |
| Kien Luong Thermal Power Center (i)  |                              |                              |
| Đất phát triển Khu công nghiệp       | 468.356.060.000              | 468.356.060.000              |
| Land for industrial park development |                              |                              |
| Khu vui chơi giải trí Tân Đức        | 259.494.635.995              | 259.494.635.995              |
| Tan Duc entertainment area           |                              |                              |
| Khu Đô thị Ba Hòn                    | 149.277.006.636              | 149.277.006.636              |
| Ba Hon Urban Area                    |                              |                              |
| Khu căn hộ Tân Tạo                   | 30.630.226.480               | 29.640.877.948               |
| Tan Tao apartment complex            |                              |                              |
| Dự án khác                           | 26.345.166.069               | 26.256.136.687               |
| Other projects                       |                              |                              |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>              | <b>3.155.463.774.712</b>     | <b>3.154.385.396.798</b>     |

- (i) Tập đoàn đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của dự án này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 18*).
- (i) Tan Tao Group has used some land use rights of this project as collateral for long-term loans from banks (*Note no. 18*).

### 12.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang/ Unfinished basic onstruction costs

|                         | Đơn vị tính (Unit): VND      |                              |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                         | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022 |
|                         | December 31, 2023            | December 31, 2022            |
| Chung cư công nhân      | 36.858.681.001               | 36.858.681.001               |
| Workers' apartment      |                              |                              |
| Nhà máy xử lý nước thải | -                            | -                            |
| Water treatment factory |                              |                              |
| Khác                    | 2.215.003.781                | 18.876.994.103               |
| Others                  |                              |                              |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b> | <b>39.073.684.782</b>        | <b>55.735.675.104</b>        |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN/ LONG-TERM FINANCIAL INVESTMENTS**

|                                                                            | Đơn vị tính (Unit): VND      |                              |
|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                                                            | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022 |
|                                                                            | December 31, 2023            | December 31, 2022            |
| <b>Giá gốc các khoản đầu tư</b><br><b>Original cost of investments</b>     |                              |                              |
| Đầu tư vào công ty liên kết<br>Invest in affiliated companies              | -                            | -                            |
| Đầu tư vào đơn vị khác<br>Invest in another unit                           | 943.294.133.671              | 1.452.352.653.961            |
| Trong đó:/ Including:                                                      |                              |                              |
| Công ty niêm yết (Thuyết minh số 13.1)<br>Listed companies (Note no. 13.1) | 140.000                      | 140.000                      |
| Đơn vị khác (Thuyết minh số 13.2)<br>Other units (Note no. 13.2)           | 943.293.993.671              | 1.452.352.513.961            |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>                                                    | <b>943.294.133.671</b>       | <b>1.452.352.653.961</b>     |
| Dự phòng đầu tư dài hạn<br>Provision long-term investment                  | (163.941.345.981)            | (163.390.172.677)            |
| Trong đó:/ Including:                                                      |                              |                              |
| Công ty niêm yết (Thuyết minh số 13.1)<br>Listed companies (Note no. 13.1) | -                            | -                            |
| Đơn vị khác (Thuyết minh số 13.2)<br>Other units (Note no. 13.2)           | (163.941.345.981)            | (163.390.172.677)            |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN/ NET VALUE</b>                                            | <b>779.352.787.690</b>       | <b>1.288.962.481.284</b>     |

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo**  
**Tan Tao Investment and Industry Corporation**

B09a-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)**

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**13.1 Đầu tư vào công ty niêm yết/ Investment in listed companies**

| Công ty niêm yết<br>Listed companies                                 | Tình trạng hoạt động<br>Operating status | Ngày 31 tháng 12 năm 2023<br>December 31, 2023 |                                            | Ngày 31 tháng 12 năm 2022<br>December 31, 2022 |                                            |
|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|                                                                      |                                          | Số lượng cổ phiếu<br>Number of shares          | Giá trị đầu tư VND<br>Investment value VND | Số lượng cổ phiếu<br>Number of shares          | Giá trị đầu tư VND<br>Investment value VND |
|                                                                      |                                          |                                                |                                            |                                                |                                            |
| Ngân Hàng Thương Mại Cổ phần Quốc Dân<br>National Citizen Bank       | Đang hoạt động<br>Active                 | 14                                             | 140.000                                    | 14                                             | 140.000                                    |
| Dự phòng giảm giá đầu tư<br>Provision for investment price reduction |                                          |                                                | -                                          |                                                | -                                          |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN/ NET VALUE</b>                                      |                                          |                                                | <b>140.000</b>                             |                                                | <b>140.000</b>                             |

**13.2 Đầu tư vào đơn vị khác/ Invest in other units**

| Giá gốc khoản đầu tư<br>Original cost of investment                                                    | Ngày 31 tháng 12 năm 2023<br>December 31, 2023 |                                                | Ngày 31 tháng 12 năm 2022<br>December 31, 2022 |                                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------|
|                                                                                                        | Giá trị VND<br>Value VND                       | Tỷ lệ sở hữu (%)<br>ownership ratio (%)<br>(*) | Giá trị VND<br>Value VND                       | Tỷ lệ sở hữu (%)<br>ownership ratio (%)<br>(*) |
|                                                                                                        |                                                |                                                |                                                |                                                |
| Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo<br>Tan Tao University Corporation                                      | 812.160.043.671                                | 16,18                                          | 812.160.043.671                                | 16,18                                          |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Tân Tạo 2<br>Tan Tao 2 Energy Corporation                                   | -                                              | -                                              | 417.730.820.290                                | 10,00                                          |
| Ủy thác đầu tư (**)<br>Investment Trust (**)                                                           | 14.100.000.000                                 |                                                | 14.100.000.000                                 |                                                |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Tân Tạo<br>Tan Tao Infrastructure Corporation                       | -                                              | -                                              | 91.327.700.000                                 | 1,83                                           |
| Công ty Cổ Phần Sài Gòn - Đà Lạt<br>Saigon – Dalat Joint Stock Corporation                             | 40.033.950.000                                 | 15,95                                          | 40.033.950.000                                 | 15,95                                          |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo<br>Tan Tao Medical University Hospital Joint Stock company | 38.000.000.000                                 | 19,00                                          | 38.000.000.000                                 | 19,00                                          |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

13.2 Đầu tư vào đơn vị khác (Tiếp theo)/ Invest in other units (Continue)

|                                                                                                                                        | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Ngày 31 tháng 12 năm 2022                      |                          |                                                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------|
| Giá gốc khoản đầu tư<br>Original cost of investment                                                                                    | Giá trị VND<br>Value VND  | Tỷ lệ sở hữu (%)<br>ownership ratio (%)<br>(*) | Giá trị VND<br>Value VND | Tỷ lệ sở hữu (%)<br>ownership ratio (%)<br>(*) |
| Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Nhơn Hội<br>Saigon – Nhon Hoi Industrial Park Corporation                                    | 16.000.000.000            | 16,00                                          | 16.000.000.000           | 16,00                                          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo<br>Vinatex - Tan Tao Investment Joint Stock Company                                           | 20.000.000.000            | 10,00                                          | 20.000.000.000           | 10,00                                          |
| Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí- Năng lượng Agrimeco Tân Tạo<br>Tan Tao Agrimeco Mechanics - Energy Industrial Park Corporation | 3.000.000.000             | 0,06                                           | 3.000.000.000            | 0,06                                           |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>                                                                                                                | <b>943.293.993.671</b>    |                                                | <b>1.452.352.513.961</b> |                                                |
| Dự phòng đầu tư<br>Investment reserves                                                                                                 | (163.941.345.981)         |                                                | (163.390.172.677)        |                                                |
| <b>GIÁ TRỊ THUẦN/ NET VALUE</b>                                                                                                        | <b>779.352.647.690</b>    |                                                | <b>1.288.962.341.284</b> |                                                |

(\*) Tỷ lệ sở hữu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của các công ty này.

(\*) Ownership ratio according to the Business Registration Certificate of these companies.

(\*\*) Đây là số dư khoản uỷ thác đầu tư vào các dự án công nghệ cao tại Hoa Kỳ theo các Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông các năm từ 2019 đến 2021 của ITACO, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 108/2020/BB-ĐHĐCĐ ngày 01/08/2020 và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 108/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/08/2020 của Công ty CP Đầu tư Tân Đức (công ty con của ITACO).

(\*\*) This is the balance of the investment trust in high-tech projects in the United States according to ITACO's Minutes and Resolutions of the Annual General Shareholders' Meeting from 2019 to 2021, Minutes of the Annual General Shareholders Meeting No. 108 /2020/BB-DHĐCĐ dated August 1, 2020 and Resolution of the General Shareholders' Meeting No. 108/NQ-DHĐCĐ dated August 1, 2020 of Tan Duc Investment Corporation (subsidiary of ITACO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/*As at December 31, 2023*

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN/  
 SHORT-TERM PAYABLES TO SELLER AND SHORT-TERM ADVANCED PAYMENTS TO  
 BUYERS**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn/ Short-term payables to seller**

|                               | Đơn vị tính (Unit): VND      |                              |
|-------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                               | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022 |
|                               | December 31, 2023            | December 31, 2022            |
| Bên liên quan<br>Stakeholders | -                            | -                            |
| Bên khác<br>Others            | 164.381.083.464              | 185.426.710.037              |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>       | <b>164.381.083.464</b>       | <b>185.426.710.037</b>       |

**14.2. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN/ BUYER PAYS SHORT-TERM IN ADVANCE**

|                                                                 | Đơn vị tính (Unit): VND      |                              |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                                                 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022 |
|                                                                 | December 31, 2023            | December 31, 2022            |
| Bên liên quan (Thuyết minh số 22)<br>Stakeholders (Note no. 22) | -                            | -                            |
| Bên khác<br>Others                                              | 150.143.432.728              | 419.399.654.263              |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>                                         | <b>150.143.432.728</b>       | <b>419.399.654.263</b>       |

Đây chủ yếu là các khoản tiền nhận trước không chịu lãi từ các khách hàng đối với các hợp đồng cho thuê đất mà Tập đoàn chưa bàn giao đất tại ngày kết thúc kỳ kế toán.  
 These are mainly non-interest-bearing advances from customers for land lease contracts where Tan Tao Group has not yet handed over the land at the balance sheet date.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC/ TAXES AND PAYABLES TO THE STATE**

|                            | <i>Đơn vị tính (Unit): VND</i>   |                                  |
|----------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
|                            | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
|                            | December 31, 2023                | December 31, 2022                |
| <b>Phải trả/ Payables</b>  |                                  |                                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp |                                  |                                  |
| Corporate income tax       | 38.785.644.943                   | 40.522.230.303                   |
| Thuế giá trị gia tăng      |                                  |                                  |
| Value added tax            | 10.050.160.896                   | 18.155.120.962                   |
| Thuế thu nhập cá nhân      |                                  |                                  |
| Personal income tax        | 857.310.129                      | 1.093.357.819                    |
| Thuế sử dụng đất           |                                  |                                  |
| Land use tax               | 1.697.227.590                    | 1.697.227.590                    |
| Các loại thuế khác         |                                  |                                  |
| Other kinds of tax         | 1.242.383.955                    | 895.291.570                      |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>    | <b>52.633.027.513</b>            | <b>62.363.228.244</b>            |

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ/ EXPENSES PAYABLES**

|                                                   | <i>Đơn vị tính (Unit): VND</i>   |                                  |
|---------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
|                                                   | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> |
|                                                   | December 31, 2023                | December 31, 2022                |
| <b>Ngắn hạn/ Short-term</b>                       | <b>677.831.185.367</b>           | <b>679.567.548.010</b>           |
| Chi phí xây dựng con đường dự án E-City           |                                  |                                  |
| E-City road project construction costs            | 515.861.367.288                  | 515.861.367.288                  |
| Chi phí hoàn thiện đất hoặc nhà xưởng đã cho thuê |                                  |                                  |
| Costs for completing the leased land or factory   | 94.254.782.909                   | 94.254.782.909                   |
| Chi phí lãi vay                                   |                                  |                                  |
| Interest expenses                                 | 1.017.203.083                    | 4.468.958.554                    |
| Khác                                              |                                  |                                  |
| Others                                            | 66.697.832.087                   | 64.982.439.259                   |
| <b>Dài hạn/ Long-term</b>                         | <b>-</b>                         | <b>-</b>                         |
| Chi phí lãi vay                                   |                                  |                                  |
| Interest expenses                                 | -                                | -                                |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>                           | <b>677.831.185.367</b>           | <b>679.567.548.010</b>           |

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo**  
**Tan Tao Investment and Industry Corporation**

B09a-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)**

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**17. PHẢI TRẢ KHÁC/ OTHER PAYABLES**

|                                   | Đơn vị tính (Unit): VND      |                              |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                   | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022 |
|                                   | December 31, 2023            | December 31, 2022            |
| <b>Ngắn hạn/ Short-term</b>       | <b>148.037.930.899</b>       | <b>589.051.180.631</b>       |
| Nhận tạm ứng                      | 73.515.948.294               | 22.434.475.717               |
| Receive advance                   |                              |                              |
| Lãi vay phải trả                  | -                            | 387.749.719.457              |
| Payable to lend interest          |                              |                              |
| Nhận ký quỹ, ký cược              | -                            | 1.581.124.772                |
| Receive deposits and bets         |                              |                              |
| Khác                              | 74.521.982.605               | 177.285.860.685              |
| Others                            |                              |                              |
| <b>Dài hạn/ Long-term</b>         | <b>427.509.797.724</b>       | <b>43.002.400.535</b>        |
| Nhận ký quỹ, ký cược (*)          | 39.276.802.852               | 43.002.400.535               |
| Receive deposits and bets (*)     |                              |                              |
| Lãi vay phải trả                  | 388.232.994.872              | -                            |
| Payable to lend interest          |                              |                              |
| <b>TỔNG CỘNG/ TOTAL</b>           | <b>575.547.728.623</b>       | <b>632.053.581.166</b>       |
| <i>Trong đó./ Including:</i>      |                              |                              |
| Bên khác                          | 574.372.694.403              | 611.279.105.449              |
| Others                            |                              |                              |
| Bên liên quan (Thuyết minh số 21) | 1.175.034.220                | 20.774.475.717               |
| Stakeholders (Note no. 21)        |                              |                              |

(\*) Khoản này thể hiện các khoản nhận đặt cọc từ các khách hàng của Tập đoàn theo các hợp đồng thuê đất và nhà xưởng trong khu công nghiệp.

(\*) This amount represents deposits received from Tan Tao Group's customers under land and factory in industrial parks lease contracts.

**18. VAY/ LOANS**

|                                                                                      | Đơn vị tính (Unit): VND       |                               |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                                                                                      | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023/ | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022/ |
|                                                                                      | December 31, 2023             | December 31, 2022             |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                                                                  | <b>38.278.094.645</b>         | <b>23.916.700.958</b>         |
| <b>Short-term loans</b>                                                              |                               |                               |
| Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)                                      | 34.601.645.676                | 19.709.251.989                |
| Short-term bank loans (Note no. 18.1)                                                |                               |                               |
| Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả                                                 |                               |                               |
| (Thuyết minh số 18.2)                                                                |                               |                               |
| Current portion of long-term bank loans (Note no. 18.2)                              | 273.000.000                   | 804.000.000                   |
| Vay dài hạn từ đối tượng khác đến hạn trả                                            |                               |                               |
| (Thuyết minh số 18.3)                                                                |                               |                               |
| Current portion of long-term Business entities due for payment loans (Note no. 18.3) | 3.403.448.969                 | 3.403.448.969                 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**18. VAY (tiếp theo) / LOANS (Continue)**

|                                               | Đơn vị tính (Unit): VND                            |                                                    |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
|                                               | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023/<br>December 31, 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022/<br>December 31, 2022 |
| <b>Vay dài hạn</b>                            |                                                    |                                                    |
| <b>Long-term loans</b>                        | <b>6.008.567.099</b>                               | <b>8.365.005.672</b>                               |
| Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 18.2)        |                                                    |                                                    |
| bank loans (Note no. 18.2)                    | -                                                  | 273.000.000                                        |
| Vay từ đối tượng khác (Thuyết minh số 18.3)   |                                                    |                                                    |
| Other Business entities loans (Note no. 18.3) | 6.008.567.099                                      | 8.092.005.672                                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                              |                                                    |                                                    |
| <b>TOTAL</b>                                  | <b>44.286.661.744</b>                              | <b>32.281.706.630</b>                              |

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay trong kỳ như sau:

The increasing (decreasing) of loans:

|                               | Đơn vị tính (Unit): VND |
|-------------------------------|-------------------------|
|                               | Giá trị<br>Value        |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 |                         |
| On December 31, 2022          | 32.281.706.630          |
| Tiền thu từ đi vay            |                         |
| Proceeds from borrowings      | 37.909.290.803          |
| Tiền chi trả nợ gốc vay       |                         |
| Principal loan repayment      | (25.904.335.689)        |
| Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023 |                         |
| On December 31, 2023          | 44.286.661.744          |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

18. VAY (tiếp theo)/ LOANS (continued)

18.1 VAY NGẮN HẠN TỪ NGÂN HÀNG/ SHORT-TERM BANK LOANS

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:  
Details of short-term bank loans:

| Ngân hàng<br>Bank                                                                                   | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023<br>December 31,<br>2023 | Thời hạn và<br>ngày đáo hạn<br>Term and maturity<br>date                | Lãi suất<br>Interest rate                                                                                                  | Hình thức đảm bảo<br>Loan guarantee method                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mục đích vay<br>Loan purpose                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn<br/>Bank for Agriculture and Rural Development</b> |                                                      |                                                                         |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                 |
| Khoản vay 1<br>Loan 1                                                                               | 34.601.645.676                                       | Trả nợ theo từng khế<br>uớc vay<br>Repayment for each<br>loan agreement | 11,4%/năm<br>(Lãi suất có điều chỉnh theo<br>từng giấy nhận nợ)<br>(Interest rate is adjusted<br>follow each debt receipt) | Quyền sử dụng đất 14.614,8 m <sup>2</sup> và tài<br>sản gắn liền với đất tại Khu Trung Tâm<br>2, Đường Song Hành, KCN Tân Tạo, P.<br>Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM với<br>tổng giá trị 87.900.000.000 VND<br><br>Land use right of 14,614.8 m2 and<br>assets attached Central Area 2, Song<br>Hanh Road, Tan Tao Industrial Park,<br>Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho<br>Chi Minh City with a total value of VND<br>87,900,000,000 | Bổ sung<br>nhu cầu vốn<br>lưu động<br>Supplementing<br>working capital<br>needs |
| <b>TỔNG CỘNG<br/>TOTAL</b>                                                                          | <b>34.601.645.676</b>                                |                                                                         |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                 |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo  
Tan Tao Investment and Industry Corporation

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

18.2 Vay dài hạn từ ngân hàng/ Long-term bank loans

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:  
Details of long-term bank loans:

| Ngân hàng<br>Bank                                                                                   | Ngày 31 tháng 12 năm<br>2023<br>December 31, 2023 | Thời hạn và<br>ngày đáo hạn<br>Term and maturity<br>date                                                | Lãi suất<br>Interest rate                                                                                                                                                                                                                                               | Hình thức đảm bảo<br>Loan guarantee method                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mục đích vay<br>Loan purpose                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn<br/>Bank for Agriculture and Rural Development</b> |                                                   |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                 |
| Khoản vay 1<br>Loan 1                                                                               | 273.000.000<br>VND                                | Hoàn trả hàng<br>tháng đến ngày 21<br>tháng 03 năm 2024<br>Monthly repayment<br>until March 21,<br>2024 | Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12<br>tháng trả lãi cuối kỳ bằng<br>đồng Việt Nam theo thông<br>báo của Ngân hàng +<br>3,70%/năm<br>Interest rate on 12-month<br>term deposits with interest<br>paid at the end of the term in<br>VND as announced by the<br>Bank + 3,70%/year | Quyền sử dụng đất 14.614,8 m <sup>2</sup> và tài<br>sản gắn liền với đất tại Khu Trung Tâm<br>2, Đường Song Hành, KCN Tân Tạo, P.<br>Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM<br>với tổng giá trị 87.900.000.000 VND<br>Land use right of 14,614.8 m2 and<br>assets attached Central Area 2, Song<br>Hanh Road, Tan Tao Industrial Park,<br>Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho<br>Chi Minh City with a total value of VND<br>87,900,000,000 | Bổ sung nhu<br>cầu vốn lưu<br>động<br>Supplementing<br>working capital<br>needs |

|                                                                           |                    |
|---------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>TỔNG CỘNG<br/>TOTAL</b>                                                | <b>273.000.000</b> |
| Trong đó:<br>Including:                                                   |                    |
| Vay dài hạn<br>đến hạn trả<br>Current portion of<br>long-term bank loans: | 273.000.000        |
| Vay dài hạn<br>Long-term loans                                            | -                  |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo  
*Tan Tao Investment and Industry Corporation*

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) / NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

18. VAY (tiếp theo) LOANS (continue)

18.3 Vay dài hạn từ đối tượng khác/Long-term loans from other Business entities

Chi tiết các khoản vay dài hạn đối tượng khác như sau:  
 Details of long-term other Business entities loans:

| Ngân hàng | Ngày 31 tháng 12 năm 2023 | Thời hạn và ngày đáo hạn | Lãi suất      | Hình thức đảm bảo     | Mục đích vay |
|-----------|---------------------------|--------------------------|---------------|-----------------------|--------------|
| Bank      | December 31, 2023         | Term and maturity date   | Interest rate | Loan guarantee method | Loan purpose |
|           | VND                       |                          |               |                       |              |

Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease

Chailease International Leasing Co., Ltd.

|             |               |                                                   |                                       |  |                                     |
|-------------|---------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------|--|-------------------------------------|
| Khoản vay 1 | 9.412.016.068 | Hoàn trả hàng tháng đến ngày 10 tháng 05 năm 2027 | Lãi suất (10,02% -10.20% /năm)        |  | Bổ sung nhu cầu vốn lưu động        |
| Loan 1      |               | Monthly repayment until May 10, 2027              | Interest rate (10.02% - 10.20% /year) |  | Supplementing working capital needs |

TỔNG CỘNG  
 TOTAL 9.412.016.068

Trong đó:  
 Including:

|                                          |               |
|------------------------------------------|---------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả                  | 3.403.448.969 |
| Current portion of long-term bank loans: |               |
| Vay dài hạn                              | 6.008.567.099 |
| Long-term loans                          |               |

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo**  
**Tan Tao Investment and Industry Corporation**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU/ OWNER'S EQUITY**

**19.1 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu/ Changes in owner's equity**

|                           | Vốn cổ phần       | Thặng dư<br>vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ    | Quỹ đầu tư<br>phát triển       | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Tổng cộng          |
|---------------------------|-------------------|-------------------------|-----------------|--------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|
|                           | Share capital     | Capital surplus         | Treasury shares | Development<br>investment fund | Undistributed after-<br>tax profits     | Total              |
| <b>Năm trước</b>          |                   |                         |                 |                                |                                         |                    |
| <b>Previous year</b>      |                   |                         |                 |                                |                                         |                    |
| Số đầu năm                | 9.384.636.070.000 | 307.376.827.511         | (3.673.910.000) | 9.040.161.210                  | 626.538.245.264                         | 10.323.917.393.985 |
| Opening balance           |                   |                         |                 |                                |                                         |                    |
| Lợi nhuận thuần trong năm | -                 | -                       | -               | -                              | (260.369.478.773)                       | (260.369.478.773)  |
| Net income                |                   |                         |                 |                                |                                         |                    |
| Số cuối năm               | 9.384.636.070.000 | 307.376.827.511         | (3.673.910.000) | 9.040.161.210                  | 366.168.766.491                         | 10.063.547.915.212 |
| Closing balance           |                   |                         |                 |                                |                                         |                    |
| <b>Năm nay</b>            |                   |                         |                 |                                |                                         |                    |
| <b>Current year</b>       |                   |                         |                 |                                |                                         |                    |
| Số đầu kỳ                 | 9.384.636.070.000 | 307.376.827.511         | (3.673.910.000) | 9.040.161.210                  | 366.168.766.491                         | 10.063.547.915.212 |
| Opening balance           |                   |                         |                 |                                |                                         |                    |
| Lợi nhuận thuần trong năm | -                 | -                       | -               | -                              | 201.952.816.677                         | 201.952.816.677    |
| Net income                |                   |                         |                 |                                |                                         |                    |
| Số cuối kỳ                | 9.384.636.070.000 | 307.376.827.511         | (3.673.910.000) | 9.040.161.210                  | 568.121.583.168                         | 10.265.500.731.889 |
| Closing balance           |                   |                         |                 |                                |                                         |                    |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**19.2 Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận/ *Transactions in capital with owners and distribution of dividends, profits***

|                                                                       | Đơn vị tính (Unit): VND                                                                                                   |                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                       | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023<br>For the accounting<br>period ending<br>December 31,<br>2023 | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>ngày 31 tháng 12<br>năm 2022<br>For the accounting<br>period ending<br>December 31, 2022 |
| <b>Vốn cổ phần đã phát hành</b><br><b><i>Issued share capital</i></b> |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| Số đầu kỳ<br>Opening balance                                          | 9.384.636.070.000                                                                                                         | 9.384.636.070.000                                                                                                      |
| Tăng trong kỳ<br>Increase during the period                           | -                                                                                                                         | -                                                                                                                      |
| Trong đó:<br>Including:                                               |                                                                                                                           |                                                                                                                        |
| Cổ phần phổ thông<br>Common shares                                    | -                                                                                                                         | -                                                                                                                      |
| Số cuối kỳ<br>Closing balance                                         | <b>9.384.636.070.000</b>                                                                                                  | <b>9.384.636.070.000</b>                                                                                               |

**19.3 Cổ phiếu/ *shares***

|                                                                 | Số lượng cổ phiếu<br>Quantity of shares           |                                                      |
|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|                                                                 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023<br>December 31, 2023 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022<br>December 31,<br>2022 |
| Cổ phiếu đăng ký phát hành<br>Shares for issuance               | 938.463.607                                       | 938.463.607                                          |
| Cổ phiếu đã bán ra công chúng<br>Shares were sold to the public | 938.463.607                                       | 938.463.607                                          |
| Cổ phiếu phổ thông<br>Common shares                             | 938.463.607                                       | 938.463.607                                          |
| Cổ phiếu quỹ<br>Common shares                                   | (142.032)                                         | (142.032)                                            |
| Cổ phiếu đang lưu hành<br>Outstanding shares                    | 938.321.575                                       | 938.321.575                                          |
| Cổ phiếu phổ thông<br>Common shares                             | 938.321.575                                       | 938.321.575                                          |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**19.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu/ Earning per share**

|                                                                                                                                                                                                                                  | Cho kỳ kế toán kết<br>thúc Ngày 31 tháng<br>12 năm 2023<br><i>For the accounting<br/>period ending<br/>December 31,<br/>2023</i> | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc Ngày 31<br>tháng 12 năm 2022<br><i>For the accounting<br/>period ending<br/>December 31, 2022</i> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ<br>phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)<br><i>Net profit after tax allocated to shareholders owning common<br/>shares of the holding company (VND)</i>                    | 201.952.816.677                                                                                                                  | (260.369.478.773)                                                                                                            |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao<br>gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu<br><i>Weighted average of common shares (excluding treasury<br/>shares) to calculate basic earnings per share</i> | 938.463.607                                                                                                                      | 938.463.607                                                                                                                  |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND)<br><i>Basic and diluted earnings per share (VND)</i>                                                                                                                                  | 215                                                                                                                              | (277)                                                                                                                        |

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

ITACO has no potentially dilutive shares at the end date of the accounting period.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31,2023

## 20. DOANH THU/ REVENUE

### 20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sale of goods and Service supply

|                                                                                                                                | Đơn vị tính (Unit): VND                                                                                             |                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023<br>For the accounting period<br>ending December 31, 2023 | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022<br>For the accounting<br>period ending<br>December 31, 2022 |
| <b>Doanh thu gộp/ Gross revenue</b>                                                                                            | <b>576.369.924.947</b>                                                                                              | <b>607.828.594.374</b>                                                                                                 |
| <i>Trong đó:</i>                                                                                                               |                                                                                                                     |                                                                                                                        |
| <i>Including:</i>                                                                                                              |                                                                                                                     |                                                                                                                        |
| Doanh thu cho thuê đất đã phát triển<br>cơ sở hạ tầng<br>Revenue from lease of developed<br>infrastructure land                | 269.484.301.979                                                                                                     | 295.908.434.752                                                                                                        |
| Doanh thu cho thuê hoạt động nhà<br>xưởng, kho bãi và đất<br>Revenue from lease of operating<br>factories, warehouses and land | 101.328.813.419                                                                                                     | 121.718.403.249                                                                                                        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ<br>Revenue from Service supply                                                                      | 154.717.542.352                                                                                                     | 116.790.046.555                                                                                                        |
| Doanh thu bán đất nền<br>Revenue from sale of land                                                                             | 50.839.267.197                                                                                                      | 73.411.709.818                                                                                                         |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b><br><b>Deductions from revenue</b>                                                          |                                                                                                                     |                                                                                                                        |
| Hàng bán bị trả lại:<br>Sold goods returned:                                                                                   | (9.626.958.352)                                                                                                     | (2.153.029.842.035)                                                                                                    |
| <b>TỔNG CỘNG</b><br><b>TOTAL</b>                                                                                               | <b>566.742.966.595</b>                                                                                              | <b>(1.545.201.247.661)</b>                                                                                             |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**20.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH/ FINANCIAL REVENUE**

|                                                                                                    | Đơn vị tính (Unit): VND                                                                                                    |                                                                                                                            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                    | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023<br><br>For the accounting<br>period ending December<br>31, 2023 | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022<br><br>For the accounting<br>period ending<br>December 31, 2022 |
| Lãi từ cổ tức, thanh lý các khoản đầu tư<br>Interest from dividends, liquidation of<br>investments | 2.001.725.000                                                                                                              | 15.754.239.225                                                                                                             |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay<br>Interest on deposits, loans                                          | 257.048.316                                                                                                                | 1.342.622.888                                                                                                              |
| Khác<br>Other                                                                                      | 56.157.251                                                                                                                 | 78.624.168                                                                                                                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b><br><b>TOTAL</b>                                                                   | <b>2.314.930.567</b>                                                                                                       | <b>17.175.486.281</b>                                                                                                      |

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH/ FINANCIAL EXPENSES**

|                                                                                   | Đơn vị tính (Unit): VND                                                                                                    |                                                                                                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                   | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023<br><br>For the accounting<br>period ending December<br>31, 2023 | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022<br><br>For the accounting<br>period ending<br>December 31, 2022 |
| Chi phí lãi vay<br>Interest expense                                               | 3.564.478.415                                                                                                              | 1.118.605.685                                                                                                              |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn<br>Provision for long-term financial investment | (9.118.741)                                                                                                                | (32.456.749.407)                                                                                                           |
| Dự phòng phải trả khác<br>Provision for other liabilities                         | -                                                                                                                          | -                                                                                                                          |
| Khác<br>Other                                                                     | 1.093.533.409                                                                                                              | 66.284.190                                                                                                                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b><br><b>TOTAL</b>                                                  | <b>4.648.893.083</b>                                                                                                       | <b>(31.271.859.532)</b>                                                                                                    |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo  
Tan Tao Investment and Industry Corporation

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN/ TRANSACTIONS WITH STAKEHOLDERS

The major transactions with Stakeholder during the accounting period ending on December 31, 2023, include:

| Bên liên quan<br>Stakeholders                                                                                                          | Mối quan hệ<br>Relationship                                                                   | Nghịệp vụ<br>Transaction                                        | Đơn vị tính (Unit): VND      |                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------|
|                                                                                                                                        |                                                                                               |                                                                 | Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023 | December 31, 2023 |
| Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo<br>Tan Tao University Corporation                                                                      | Cổ đông lớn/Đồng thành viên<br>quản lý chủ chốt<br>Major shareholder/Key<br>management member | Chi tạm ứng<br>Pay advance                                      |                              | 213.029.805.000   |
|                                                                                                                                        | Đồng thành viên quản lý chủ<br>chốt<br>Key management member                                  | Chi tạm ứng<br>Pay advance                                      |                              | 126.534.000.000   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông<br>Phuong<br>Investment - Construction and Development of New Orient<br>CO., LTD | Cổ đông lớn/Đồng thành viên<br>quản lý chủ chốt<br>Major shareholder/Key<br>management member | Thu hồi công nợ<br>Recover public debts                         |                              | 28.125.814.321    |
|                                                                                                                                        |                                                                                               | Chi tạm ứng<br>Pay advance                                      |                              | 60.000.000.000    |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây dựng<br>Phuong Nam<br>Southern Engineering & Informatics - Investment<br>Corporation       | Đồng thành viên quản lý chủ<br>chốt<br>Key management member                                  | Doanh thu cho thuê văn phòng<br>Revenue from leasing of offices |                              | 1.112.730.000     |
|                                                                                                                                        |                                                                                               | Nhận cung cấp dịch vụ<br>Receive service supply                 |                              | 1.223.995.410     |
|                                                                                                                                        |                                                                                               | Cán trừ công nợ<br>Clearing Debts                               |                              | 1.223.995.410     |
|                                                                                                                                        |                                                                                               | Thu hoàn tạm ứng<br>Recovery of Pay advance                     |                              | 16.200.000.000    |
|                                                                                                                                        |                                                                                               | Cung cấp dịch vụ<br>Service supply                              |                              | 156.325.000       |

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo**  
**Tan Tao Investment and Industry Corporation**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO) TRANSACTIONS WITH STAKEHOLDERS (CONTINUE)**

| <b>Bên liên quan</b><br><b>Stakeholders</b>                                                                                                 | <b>Mối quan hệ</b><br><b>Relationship</b>                 | <b>Nghiệp vụ</b><br><b>Transaction</b>                                                                                               | <b>Đơn vị tính (Unit): VND</b>               |                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------|
|                                                                                                                                             |                                                           |                                                                                                                                      | <b>Ngày 31 tháng 12</b><br><b>năm 2023</b>   | <b>December 31, 2023</b> |
| Công ty Cổ phần Truyền thông – Giải trí và Sản xuất Media Ban Mai<br>Twilight Communications – Entertainment & Media Production Corporation | Bên liên quan<br>Stakeholders                             | Chi tạm ứng<br>Pay advance                                                                                                           |                                              | 3.000.000                |
| Trường Đại học Tân Tạo<br>Tan Tao University                                                                                                | Cổ đông lớn<br>Major shareholder                          | Chi tạm ứng<br>Pay advance<br>Cung cấp dịch vụ<br>Service supply<br>Thu hồi công nợ<br>Recover public debts                          | 16.350.000.000<br>447.010.552<br>644.515.496 |                          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Đô thị Tân Tạo Mekong<br>Tan Tao-Mekong City Investment Corporation                                       | Công ty con<br>Subsidiary                                 | Chi tạm ứng<br>Pay advance                                                                                                           | 3.000.000                                    |                          |
| Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo<br>Tan Tao Energy Development Corporation                                                     | Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br>Key management member | Thu hoàn tạm ứng<br>Recovery of Pay advance                                                                                          | 167.876.500.000                              |                          |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo<br>Tan Tao Medical University Hospital Joint Stock Company                                      | Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br>Key management member | Thu hoàn tạm ứng<br>Recovery of Pay advance<br>Cung cấp dịch vụ<br>Service supply<br>Nhận cung cấp dịch vụ<br>Receive service supply | 20.300.000.000<br>711.254.000<br>54.533.000  |                          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Tân Tạo<br>TanTao Urban Development And Investment Corporation                                   | Bên liên quan<br>Stakeholders                             | Thu hoàn tạm ứng<br>Recovery of Pay advance                                                                                          | 3.500.000.000                                |                          |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo  
*Tan Tao Investment and Industry Corporation*

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)/ TRANSACTIONS WITH STAKEHOLDERS (CONTINUE)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
 As of the end of the accounting period, the receivables and payables with stakeholders as follows:

| Bên liên quan<br>Stakeholders                                                                                              | Mối quan hệ<br>Relationship                                                             | Nghiệp vụ<br>Transaction                                                                  | Đơn vị tính (Unit): VND |                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------|
|                                                                                                                            |                                                                                         |                                                                                           | Số cuối kỳ              | Closing balance |
| <b>Phải thu khách hàng</b><br><b>Receivables</b>                                                                           |                                                                                         |                                                                                           |                         |                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây Dựng Phương Nam<br>Southern Engineering & Informatics - Investment Corporation | Cổ đông lớn/Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br>Major shareholder/Key management member | Cung cấp dịch vụ<br>Service supply                                                        | 2.050.484.389           |                 |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo<br>Tan Tao Medical University Hospital Joint Stock Company                     | Bên liên quan<br>Stakeholders                                                           | Cung cấp dịch vụ<br>Service supply                                                        | 1.180.030.190           |                 |
| Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo<br>Tan Tao University Corporation                                                          | Cổ đông lớn/Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br>Major shareholder/Key management member | Cung cấp dịch vụ<br>Service supply                                                        | 1.300.942.720           |                 |
| Trường Đại học Tân Tạo<br>Tan Tao University                                                                               | Cổ đông lớn<br>Major shareholder                                                        | Cung cấp dịch vụ<br>Service supply                                                        | 117.936.000             |                 |
|                                                                                                                            |                                                                                         |                                                                                           | <b>4.649.393.299</b>    |                 |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b><br><b>Short-term prepayment to suppliers</b>                                       |                                                                                         |                                                                                           |                         |                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây Dựng Phương Nam<br>Southern Engineering & Informatics - Investment Corporation | Cổ đông lớn/Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br>Major shareholder/Key management member | Dịch vụ tư vấn và giám sát công trình<br>Consulting and construction supervision services | 34.361.600.162          |                 |
|                                                                                                                            |                                                                                         |                                                                                           | <b>34.361.600.162</b>   |                 |

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo**  
**Tan Tao Investment and Industry Corporation**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)/ TRANSACTIONS WITH STAKEHOLDERS (CONTINUE)**

| <b>Bên liên quan</b><br><b>Stakeholders</b><br><b>Phái thu khác</b><br><b>Other receivables</b>                            | <b>Mối quan hệ</b><br><b>Relationship</b>                                                     | <b>Đơn vị tính (Unit): VND</b>                 |                                             |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|                                                                                                                            |                                                                                               | <b>Nghiệp vụ</b><br><b>Transaction</b>         | <b>Số cuối kỳ</b><br><b>Closing balance</b> |
| Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo<br>Tan Tao Energy Development Corporation                                    | Đồng thành viên quản lý<br>Management member                                                  | Thu hồi khoản đầu tư<br>Recovery on investment | 1.092.497.843.408                           |
| Công ty Cổ phần Đại Học Tân Tạo<br>Tan Tao University Corporation                                                          | Cổ đông lớn/Đồng thành viên<br>quản lý chủ chốt<br>Major shareholder/Key<br>management member | Chi tạm ứng<br>Pay advance                     | 889.904.350.540                             |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tin học & Tư vấn Xây dựng Phương Nam<br>Southern Engineering & Informatics - Investment Corporation | Cổ đông lớn/Đồng thành viên<br>quản lý chủ chốt<br>Major shareholder/Key<br>management member | Chi tạm ứng<br>Pay advance                     | 160.729.503.592                             |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hạ Tầng Tân Tạo<br>Tan Tao Infrastructure Corporation                                           | Đồng thành viên quản lý<br>Management member                                                  | Cổ tức, chi tạm ứng<br>Dividends, Pay advance  | 138.472.321.854                             |
| Công ty Cổ phần Năng Lượng Tân Tạo<br>Tan Tao Energy Corporation                                                           | Đồng thành viên quản lý<br>Management member                                                  | Chi tạm ứng<br>Pay advance                     | 196.574.958.134                             |
| Trường Đại Học Tân Tạo<br>Tan Tao University                                                                               | Cổ đông lớn<br>Major shareholder                                                              | Chi tạm ứng<br>Pay advance                     | 98.167.224.332                              |
| Quỹ Ita Vi Tương Lai<br>ITA fund "for the future"                                                                          | Đồng thành viên quản lý<br>Management member                                                  | Chi tạm ứng<br>Pay advance                     | 82.259.058.500                              |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Tạo<br>Tan Tao Corporation                                                                    | Cổ đông lớn/Đồng sở hữu<br>Major shareholder/Co-owner                                         | Chi tạm ứng<br>Pay advance                     | 29.508.000.000                              |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo  
*Tan Tao Investment and Industry Corporation*

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)/ TRANSACTIONS WITH STAKEHOLDERS (CONTINUE)

| Bên liên quan<br>Stakeholders<br>Phải thu khác<br>Other receivables                                                                 | Mối quan hệ<br>Relationship                                                             | Đơn vị tính (Unit): VND    |                               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|
|                                                                                                                                     |                                                                                         | Nghiệp vụ<br>Transaction   | Số cuối kỳ<br>Closing balance |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Phát triển Tân Đông Phương<br>Investment - Construction and Development of New Orient CO., LTD    | Có đông lớn/Đồng thành viên quản lý chủ chốt<br>Major shareholder/Key management member | Chi tạm ứng<br>Pay advance | 60.000.000.000                |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y Tân Tạo<br>Tan Tao Medical University Hospital Joint Stock Company                              | Bên liên quan<br>Stakeholders                                                           | Chi tạm ứng<br>Pay advance | 10.829.135.000                |
| Công ty Cổ phần phát triển Tân Tạo<br>Tan Tao Development Corporation                                                               | Bên liên quan<br>Stakeholders                                                           | Chi tạm ứng<br>Pay advance | 20.039.300.000                |
| Công ty Cổ Phần Năng Lượng Tân Tạo 2<br>Tan Tao Energy Corporation 2                                                                | Đồng sở hữu<br>Co-owner                                                                 | Chi tạm ứng<br>Pay advance | 421.724.820.290               |
| Công ty CP Truyền thông-Giải trí & Sản xuất Media Ban Mai<br>Twilight Communications – Entertainment & Media Production Corporation | Bên liên quan<br>Stakeholders                                                           | Chi tạm ứng<br>Pay advance | 3.000.000                     |
|                                                                                                                                     |                                                                                         |                            | <b>3.200.709.515.650</b>      |

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo**  
**Tan Tao Investment and Industry Corporation**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)/ TRANSACTIONS WITH STAKEHOLDERS (continue)**

Đơn vị tính (Unit): VND

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được trình bày như sau:  
 The income of the members of the Board of management and the Board of Directors:

|                                       | Lũy kế năm 2023<br>Cumulative in 2023 |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Chi phí tiền lương<br>Salary expenses | 4.343.786.629                         |
| Thù lao<br>Remuneration               | -                                     |
|                                       | <b>4.343.786.629</b>                  |

Trong đó:  
Including:

| Họ và tên<br>Full name                        | Chức vụ<br>Position                                          | Lương<br>Salary | Thù lao<br>Remuneration |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|
| Đặng Thị Hoàng Yến<br>(a.k.a Maya Dangelas)   | Chủ tịch HĐQT<br>Chairwoman                                  | -               | -                       |
| Mme. Dang Thi Hoang Yen (a.k.a Maya Dangelas) |                                                              |                 |                         |
| Đặng Quang Hạnh                               | Phó Chủ tịch HĐQT<br>Vice- Chairman                          | 532.877.400     | -                       |
| Mr. Dang Quang Hanh                           |                                                              |                 |                         |
| Huỳnh Hồ                                      | UV HĐQT Độc lập Independent<br>Member of Board of management | 120.000.000     | -                       |
| Mr. Huynh Ho                                  |                                                              |                 |                         |
| Nguyễn Thanh Phong                            | Tổng Giám đốc<br>General Director                            | 1.036.840.900   | -                       |
| Mr. Nguyen Thanh Phong                        |                                                              |                 |                         |
| Phan Thị Hiệp                                 | Phó Tổng giám đốc<br>Deputy General Director                 | 930.483.800     | -                       |
| Ms. Phan Thi Hiep                             |                                                              |                 |                         |
| Nguyễn Thị Ngọc Mai                           | Trưởng ban Kiểm soát<br>Head of Board of Supervisors         | 491.982.899     | -                       |
| Ms. Nguyen Thi Ngoc Mai                       |                                                              |                 |                         |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo  
Tan Tao Investment and Industry Corporation

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được trình bày như sau:  
The income of the members of the Board of management and the Board of Directors:

|                                       | Lũy kế năm 2023<br>Cumulative in 2023 |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Chi phí tiền lương<br>Salary expenses | 4.343.786.629                         |
| Thù lao<br>Remuneration               | -                                     |
|                                       | <b>4.343.786.629</b>                  |

Trong đó:  
Including:

| Họ và tên<br>Full name                        | Chức vụ<br>Position                                          | Lương<br>Salary | Thù lao<br>Remuneration |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------|
| Đặng Thị Hoàng Yến<br>(a.k.a Maya Dangelas)   | Chủ tịch HĐQT<br>Chairwoman                                  | -               | -                       |
| Mme. Dang Thi Hoang Yen (a.k.a Maya Dangelas) |                                                              |                 |                         |
| Đặng Quang Hạnh<br>Mr. Dang Quang Hanh        | Phó Chủ tịch HĐQT<br>Vice- Chairman                          | 532.877.400     | -                       |
| Huỳnh Hồ<br>Mr. Huynh Ho                      | UV HĐQT Độc lập Independent<br>Member of Board of management | 120.000.000     | -                       |
| Lê Thị Phương Chi<br>Ms. Le Thi Phuong Chi    | TV BKS<br>Members of Board of Supervisors                    | 309.817.030     | -                       |
| Đinh Thị Mai<br>Ms. Dinh Thi Mai              | TV BKS<br>Members of Board of Supervisors                    | 144.000.000     | -                       |
| Bùi Thị Phương<br>Ms. Bui Thi Phuong          | Kế toán trưởng<br>Chief Accountant                           | 772.400.000     | -                       |
| Nguyễn Thị Hoa<br>Ms. Nguyen Thi Hoa          | Kế toán trưởng<br>Chief Accountant                           | 5.384.600       | -                       |

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo**  
**Tan Tao Investment and Industry Corporation**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được trình bày như sau:**  
**The income of the members of the Board of management and the Board of Directors:**

|                                       | Lũy kế năm 2023<br>Cumulative in 2023 |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Chi phí tiền lương<br>Salary expenses | 4.343.786.629                         |
| Thù lao<br>Remuneration               | -                                     |
|                                       | <b>4.343.786.629</b>                  |

**Trong đó:**  
**Including:**

| Họ và tên<br>Full name                        | Chức vụ<br>Position                                          | Lương<br>Salary      | Thù lao<br>Remuneration |
|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------|
| Đặng Thị Hoàng Yến<br>(a.k.a Maya Dangelas)   | Chủ tịch HĐQT<br>Chairwoman                                  | -                    | -                       |
| Mme. Dang Thi Hoang Yen (a.k.a Maya Dangelas) |                                                              |                      |                         |
| Đặng Quang Hạnh<br>Mr. Dang Quang Hanh        | Phó Chủ tịch HĐQT<br>Vice- Chairman                          | 532.877.400          | -                       |
| Huỳnh Hồ<br>Mr. Huynh Ho                      | UV HĐQT Độc lập Independent<br>Member of Board of management | 120.000.000          | -                       |
| <b>TỔNG CỘNG<br/>TOTAL</b>                    |                                                              | <b>4.343.786.629</b> | <b>-</b>                |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**20.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH/ FINANCIAL REVENUE**

Đơn vị tính (Unit): VND

|                                                                                                    | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023<br><br>For the accounting<br>period ending December<br>31, 2023 | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022<br><br>For the accounting<br>period ending<br>December 31, 2022 |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lãi từ cổ tức, thanh lý các khoản đầu tư<br>Interest from dividends, liquidation of<br>investments | 2.001.725.000                                                                                                              | 15.754.239.225                                                                                                             |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay<br>Interest on deposits, loans                                          | 257.048.316                                                                                                                | 1.342.622.888                                                                                                              |
| Khác<br>Other                                                                                      | 56.157.251                                                                                                                 | 78.624.168                                                                                                                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                   |                                                                                                                            |                                                                                                                            |
| <b>TOTAL</b>                                                                                       | <b>2.314.930.567</b>                                                                                                       | <b>17.175.486.281</b>                                                                                                      |

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH/ FINANCIAL EXPENSES**

Đơn vị tính (Unit): VND

|                                                                                   | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2023<br><br>For the accounting<br>period ending December<br>31, 2023 | Cho kỳ kế toán<br>kết thúc<br>Ngày 31 tháng 12<br>năm 2022<br><br>For the accounting<br>period ending<br>December 31, 2022 |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chi phí lãi vay<br>Interest expense                                               | 3.564.478.415                                                                                                              | 1.118.605.685                                                                                                              |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn<br>Provision for long-term financial investment | (9.118.741)                                                                                                                | (32.456.749.407)                                                                                                           |
| Dự phòng phải trả khác<br>Provision for other liabilities                         | -                                                                                                                          |                                                                                                                            |
| Khác<br>Other                                                                     | 1.093.533.409                                                                                                              | 66.284.190                                                                                                                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                  |                                                                                                                            |                                                                                                                            |
| <b>TOTAL</b>                                                                      | <b>4.648.893.083</b>                                                                                                       | <b>(31.271.859.532)</b>                                                                                                    |

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo**  
**Tan Tao Investment and Industry Corporation**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)  
 vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

**23. SƠ LIỆU SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC VÀ GIÁI TRÌNH CHÉNH LỆCH/ COMPARISON OF DATA WITH THE SAME PERIOD OF THE PREVIOUS YEAR AND EXPLANATION OF DIFFERENCES**

| CHỈ TIÊU<br>INDEX                                                                                           | Năm 2023<br>In 2023 | Năm 2022<br>In 2022 | Chênh lệch<br>Difference | Đơn vị tính (Unit): VND |       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|--------------------------|-------------------------|-------|
|                                                                                                             |                     |                     |                          | +/-                     | %     |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ<br>Net revenue from sale of goods and provision of services | 566.742.966.595     | (1.545.201.247.661) | 2.111.944.214.256        |                         | -137% |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp<br>Cost of goods sold and services provided                            | 247.161.421.664     | (1.375.298.633.545) | 1.622.460.055.209        |                         | -118% |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ<br>Gross profit from sales and services                       | 319.581.544.931     | (169.902.614.116)   | 489.484.159.047          |                         | -288% |
| Doanh thu hoạt động tài chính<br>Financial revenue                                                          | 2.314.930.567       | 17.175.486.281      | (14.860.555.7140)        |                         | -87%  |
| Chi phí tài chính<br>Financial expenses                                                                     | 4.648.893.083       | (31.271.859.532)    | 35.920.752.615           |                         | -115% |
| Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết<br>Share of profit (loss) in associate                                 | -                   | -                   | -                        |                         | -     |
| Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp<br>Sales & corporate management expenses                            | 69.722.251.427      | 95.590.854.528      | (25.868.603.101)         |                         | -27%  |
| Lợi nhuận khác<br>Other profits                                                                             | 10.785.289.386      | 2.136.437.122       | 8.648.852.264            |                         | 405%  |
| Tổng lợi nhuận trước thuế<br>Total profit before tax                                                        | 258.310.620.374     | (214.909.685.709)   | 473.220.306.083          |                         | -220% |
| Chi phí thuế TNDN<br>Corporate income tax expenses                                                          | 52.672.954.319      | 42.976.471.080      | 9.696.483.239            |                         | 23%   |
| Tổng lợi nhuận sau thuế<br>Total profit after tax                                                           | 205.637.666.055     | (257.886.156.789)   | 463.523.822.844          |                         | -180% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

Lợi nhuận sau thuế báo cáo hợp nhất năm 2023 đạt 205.637.666.055 đồng, năm 2022 bị lỗ 257.886.156.789 đồng. Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận năm 2022 bị lỗ do các nguyên nhân bất khả kháng như sau:

The consolidated net profit after tax in 2023 reached 205,637,666,055 VND, while in 2022, there was a loss of 257,886,156,789 VND. The reason for the loss of revenue and profit in 2022 due to the following force majeure reason:

Thông tin từ Quyết định mở thủ tục phá sản số 56/2018/QĐ-MTTPS ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 22/2022/QĐ-CD ngày 15/04/2022 quyết định chỉ định Quản tài viên quản lý, thanh lý tài sản dẫn đến ngân hàng không cho vay vốn, nhiều nhà đầu tư đã ngừng đàm phán mua bán, thuê đất đai, nhà xưởng. **Thông tin buộc mở thủ tục phá sản của Tòa án đã gây thiệt hại nặng nề cho Công ty Tân Tạo từ năm 2022 và tiếp tục gây hậu quả trong năm 2023.**

Information from the Decision to open bankruptcy procedure No. 56/2018/QĐ-MTTPS on January 25, 2018 of the Ho Chi Minh City People's Court and Decision No. 22/2022/QĐ-CD on April 15, 2022 deciding to appoint the Liquidator to manage and liquidate assets, leading to bank not lending capital, many investors have stopped negotiating to buy and sell, lease land and factories. **The information forcing the opening of bankruptcy procedure by the Court has caused serious damage to Tan Tao Investment and Industry Corporation since 2022 and continues to have consequences in 2023.**

Công ty buộc phải thanh lý hợp đồng thuê đất dài hạn xây dựng Trung tâm Điện lực Kiên Lương đối với Công ty CP Phát triển Năng lượng Tân Tạo (TEDC). Thanh lý Hợp đồng thuê đất dài hạn xây dựng Trung tâm Điện lực Kiên Lương số 2804/HĐKT-10 ngày 28/04/2010 (Hợp đồng thay thế Hợp đồng số 2606/HĐKT-09 ngày 26/06/2009 và Hợp đồng số 1511/HĐKT-09 ngày 15/11/2009) và Phụ lục Hợp đồng số 2804/PLHDKT-12 ngày 17/07/2012 được ký giữa ITACO và TEDC. Giá trị hàng bán bị trả lại là 2.142.250.000.000 đồng và giá vốn tương ứng của hàng bán bị trả lại là 1.678.566.526.253 đồng, do nguyên nhân bất khả kháng:

**ITACO was forced to liquidate the long-term land lease contract to build Kien Luong Power Center** with Tan Tao Energy Development Corporation (TEDC). Liquidation of the Long-term Land Lease Contract for the Construction of Kien Luong Power Center No. 2804/HĐKT-10 on April 28, 2010 (This contract replacing Contract No. 2606/HĐKT-09 on June 26, 2009 and Contract No. 1511/HĐKT-09 in November 15, 2009) and Appendix to Contract No. 2804/PLHDKT-12 on July 17, 2012 signed between ITACO and TEDC. The value of the returned goods was 2,142,250,000,000 VND and the corresponding cost of goods was 1,678,566,526,253 VND, due to force majeure reason:

+ Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 03 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030 thì "Dự án Kiên Lương 1 bị loại bỏ không nằm trong danh mục các dự án nguồn điện vào vận hành năm 2016 -2030"

Based on Decision No. 428/QĐ-TTg on March 18, 2016 of the Prime Minister in Decision approving the adjustment of the National Power Development Plan for the period 2011-2020 with consideration for 2030, "Kien Luong Project 1 is eliminated and not included in the list of power source projects put into operation in 2016 -2030"

+ Căn cứ văn bản số 1541/TCNL-VPTC ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Bộ Công thương – Tổng cục Năng lượng thông báo "Dự án Kiên Lương 1 không có trong danh sách các dự án sẽ vận hành trước năm 2030. Vì vậy, Tổng cục Năng lượng không có cơ sở để tiếp tục triển khai"

Based on Official Letter No. 1541/TCNL-VPTC on June 13, 2016 of the Ministry of Industry and Trade - General Department of Energy, it was announced that "Kien Luong Project 1 is not on the

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)/ *NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENT (continue)*

vào Ngày 31 tháng 12 năm 2023/As at December 31, 2023

list of projects that will operate before 2030. Therefore, the General Department of Energy has no basis to continue implementing"

Dự án Kiên Lương 1 bị Thủ tướng Chính phủ loại ra khỏi danh sách các dự án sẽ vận hành trước năm 2030 nên TEDC và ITACO không có cơ sở triển khai dự án, đây là trường hợp bất khả kháng theo hợp đồng.

The Kien Luong project 1 was removed from the list of projects to be operational before 2030 by the Prime Minister, so TEDC and ITACO have no basis to implement the project, this is a force majeure situation as a contract

**24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN/ SEGMENT REPORTING**

Mục đích của Báo cáo bộ phận cần thiết cho việc đánh giá rủi ro và lợi ích kinh tế của doanh nghiệp có nhiều ngành hàng khác nhau, có cơ sở ở nước ngoài hoặc doanh nghiệp có phạm vi hoạt động trên nhiều khu vực địa lý khác nhau. Tuy nhiên, hoạt động chính của Tập Đoàn chủ yếu liên quan đến hoạt động cho thuê lại đất đã có cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp và được thực hiện trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Tập Đoàn chỉ là một bộ phận hoạt động theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Do đó, thông tin báo cáo bộ phận không được trình bày.

The purpose of the segment report is necessary for assessing the risks and economic benefits of businesses with different business lines, with overseas locations, or businesses operating in different geographic areas. However, main activities of the TTG are mainly related to the sub-leasing of land with infrastructure in industrial parks and are carried out within the territory of Vietnam. Therefore, the Board of Directors believes that the TTG is only a segment operating in terms of business activities and geographic areas. Therefore, segment reporting is not presented.

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Lương Thị Hồng/  
*Luong Thi Hong*  
Người lập/  
*Prepared by*  
Ngày 29 tháng 03 năm 2024/  
*March 29, 2024*

Bùi Thị Phương/  
*Bui Thi Phuong*  
Kế toán trưởng/  
*Chief Accountant*

Nguyễn Thanh Phong/  
*Nguyen Thanh Phong*  
Tổng Giám đốc/  
*General Director*



**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

**DRAFT OF RESOLUTION OF ANNUAL GENERAL  
SHAREHOLDERS MEETING 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO**  
**TAN TAO INVESTMENT AND INDUSTRY CORPORATION**

**Căn cứ: /Based on:**

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

*The Enterprise Law No. 59/2020/QH14 passed by the 14th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;*

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

*The Securities Law No. 54/2019/QH14 passed by the XIV National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;*

Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo;

*The Charter and operational regulations of Tan Tao Investment and Industry Corporation;*

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo, ngày 28/06/2024;

*The Minutes of the 2024 Annual General Shareholders' Meeting of Tan Tao Investment and Industry Corporation on June 28, 2024;*

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo được tiến hành từ ... giờ ... phút đến ... giờ ..... phút ngày 28/06/2024, tại ..... Đại hội có mặt ..... đại biểu tham dự, tương ứng với số lượng cổ phần sở hữu và được ủy quyền là ..... cổ phần chiếm tỷ lệ .....% vốn điều lệ, đủ điều kiện để tổ chức đại hội theo quy định của pháp luật hiện hành. Sau hơn ..... giờ làm việc khẩn trương, đại hội tập trung nghe, thảo luận các nội dung, các văn kiện chủ yếu của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo, và thống nhất:

*The 2024 Annual General Shareholders' Meeting of Tan Tao Investment and Industry Corporation was held from ..... to ..... on June 28, 2024, at ..... with ..... delegates attending, representing ..... shares,*

accounting for ...% of the charter capital, meeting the conditions for organizing the meeting according to current legal regulations. After more than ..... hours of intensive work, the meeting listened to, discussed the main contents and documents of the 2024 Annual General Shareholders' Meeting of Tan Tao Investment and Industry Corporation, and unanimously agreed on:

**NGHỊ QUYẾT  
RESOLUTIONS**

**Nghị quyết 1**     **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THỐNG NHẤT PHÊ CHUẨN BẢO  
CẢO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023 CỦA  
CÔNG TY CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN VÌ LÝ DO BẤT KHẢ  
KHÁNG**

**Resolution 1**     **THE GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING UNANIMOUSLY  
APPROVED THE UNAUDITED BUSINESS PERFORMANCE  
REPORT FOR 2023 DUE TO FORCE MAJEURE REASONS.**

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

**Nghị quyết 2**     **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THỐNG NHẤT PHÊ CHUẨN CÁC CHỈ  
TIÊU KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2024 NHƯ SAU:**

**Resolution 2**     **THE GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING UNANIMOUSLY  
APPROVED THE BUSINESS TARGETS FOR 2024 AS FOL-  
LWS:**

**2.1**     Kế hoạch kinh doanh năm 2024: Tổng doanh thu và thu nhập 530 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 222 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 178 tỷ đồng và tỷ lệ chi trả cổ tức tùy theo tình hình hoạt động của Công ty và sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

*Business plan for 2024: Total revenue and income: VND 530 billion; Profit before tax: VND 222 billion; Profit after tax: VND 178 billion; and Dividend payout ratio will depend on the corporation's operational situation and will be decided by the Board of Management.*

## 2.2

Đại hội đồng cổ đông thống nhất phê chuẩn và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị về Kế hoạch xây dựng cơ bản:

***The General Shareholders' Meeting unanimously approved and authorized the Board of Management on the Basic Construction Plan:***

- Xây dựng 25.000 m<sup>2</sup> hệ thống hạ tầng giao thông, san lấp mặt bằng tổng khối lượng ước tính 175.000 m<sup>3</sup> trong KCN Tân Đức giai đoạn 2 để thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

*Constructing 25,000 m<sup>2</sup> of traffic infrastructure, leveling an estimated total volume of 175,000 m<sup>3</sup> in Tan Duc Industrial Park Phase 2 to attract domestic and foreign investors.*

- Hoàn thiện hạ tầng 2,2km đường Song Hành Tỉnh lộ 824 và Tỉnh lộ 830 Khu đô thị Ecity Tân Đức.

*Completing 2.2 km of infrastructure for the Song Hanh roads of Provincial Road 824 and Provincial Road 830 in Tan Duc Ecity.*

- Hoàn thiện hạ tầng khu B1 – Ecity Tân Đức

*Completing the infrastructure in Area B1 - Tan Duc Ecity.*

- San lấp 200.000m<sup>3</sup> khu B2 – Ecity Tân Đức

*Leveling 200,000 m<sup>3</sup> in Area B2 - Tan Duc Ecity.*

- Hoàn thiện 50% khối lượng hạ tầng giao thông trục chính Khu Trung Tâm Dịch Vụ – Thương Mại – Giải Trí – Phim Trường – Trường Học – Bệnh Viện Và Dân cư Đô Thị Ecity Tân Đức.

*Completing 50% of the main traffic infrastructure in the Central Service - Commercial - Entertainment - Film Studio - School - Hospital and Urban Residential Area in Tan Duc Ecity.*

- Hoàn thiện 3.500m<sup>2</sup> hạ tầng Khu dân cư Tân Đức giai đoạn 2 (khu A- Ecity Tân Đức) để bàn giao nền tái định cư.

*Completing 3,500 m<sup>2</sup> of infrastructure in Tan Duc Residential Area Phase 2 (Area A - Tan Duc Ecity) for handover of resettlement land plots.*

- Tiếp tục hoàn thiện 23 căn biệt thự khu Hạnh phúc.

*Continuing to complete 23 villas in Hanh Phuc Area.*

- Sửa chữa Block 1, 3; hoàn thiện pháp lý cụm chung cư Tân Đức Plaza đưa vào kinh doanh theo chương trình nhà ở xã hội của tỉnh Long An.

*Repairing Blocks 1 and 3; completing legal procedures for the Tan Duc Plaza apartment complex to be put into operation under the social housing program of Long An province.*

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với .... % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

**Nghị quyết 3**      **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THỐNG NHẤT PHÊ CHUẨN NGHỊ QUYẾT ĐIỀU HÀNH, QUẢN TRỊ NHƯ SAU:**

**Resolution 3**      **THE GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING UNANIMOUSLY APPROVED THE RESOLUTION ON GOVERNANCE AND MANAGEMENT AS FOLLOWS:**

**3.1**      Đại Hội Đồng Cổ Đông thống nhất phê chuẩn và Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty chủ động Thoái vốn/Tăng vốn như sau:

***The General Shareholders' Meeting unanimously approved and authorized the Board of Management to proactively divest/increase capital as follows:***

**3.1.1.** Thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt, Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí - Năng lượng Agrimeco Tân Tạo, Công ty Cổ phần Đại học Tân Tạo, Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex – Tân Tạo.

*Divesting the entire investment in Saigon – Dalat Joint Stock Corporation, Tan Tao Agrimeco Mechanics- Energy Industrial Park Corporation, and Tan Tao University Corporation, , Vinatex - Tan Tao Investment Corporation.*

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với ..... % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

**3.1.2.** Cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo và các Công ty con góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Sài Gòn – Mekong để thực hiện các Dự án Khu công Nghiệp tại Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An, Việt Nam.

*Allowing Tan Tao Investment and Industry Corporation and its subsidiaries to contribute capital to Saigon - Mekong City Investment Corporation to implement Industrial park projects in Duc Hue District, Long An Province, Vietnam.*

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với ..% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

- 3.2** Đại Hội Đồng Cổ Đông thống nhất phê chuẩn và Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty chủ động đưa ra các quyết định trong điều hành quản lý như sau:

***The General Shareholders' Meeting unanimously approved and authorized the Board of Management to make proactive decisions in management and governance as follows:***

- 3.2.1.** Chủ động triển khai thành công xây dựng Dự án “Xây dựng Khu đô thị Ecity Tân Đức” bán sản phẩm hoặc đầu tư hạ tầng kỹ thuật và chuyển nhượng cho đơn vị thứ cấp mua lại một phần hoặc toàn bộ Dự án.

*Proactively and successfully implementing the “Tan Duc Ecity Construction” Project, selling products or investing in technical infrastructure and transferring to secondary units to purchase a part or all of the project.*

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với ....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

- 3.2.2.** Chủ động tiếp tục triển khai thành công xây dựng Dự án đầu tư “Khu Trung Tâm Dịch Vụ – Thương Mại – Giải Trí – Phim Trường – Trường Học – Bệnh Viện Và Dân cư Đô Thị Ecity Tân Đức” bán sản phẩm hoặc đầu tư hạ tầng kỹ thuật và chuyển nhượng cho đơn vị thứ cấp mua lại một phần hoặc toàn bộ Dự án.

*Proactively and successfully implementing the “Service - Commercial - Entertainment - Film Studio - School - Hospital and Urban Residential Center Tan Duc Ecity” Investment Project, selling products or investing in technical infrastructure and transferring to secondary units to purchase a part or all of the project.*

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với ....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

- 3.2.3.** Cho phép dùng các Tài sản là Quyền sử dụng đất Xây dựng khu trung tâm phục vụ khu công nghiệp Tân Tạo và Dự án chung cư Tân Tạo (là dự án nhà ở xã hội) để thế chấp bổ sung hoặc bán để trả nợ cho Ngân hàng.

*Allowing the use of assets as the land use rights for building Tan Tao Industrial Park service center and Tan Tao Apartment Project (a social housing project) to secure additional collateral or sale to repay bank debts.*

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với ....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

- 3.2.4.** Thực hiện các thủ tục đầu tư của dự án Khu công nghiệp Tân Tạo - Long An (diện tích 414.7 ha) tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, tiến độ thực hiện theo (02) giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Triển khai 200ha bắt đầu từ năm 2025
- Giai đoạn 2: Triển khai 214,7ha giai đoạn từ năm 2027 đến năm 2030

*Carrying out the investment procedures for the Tan Tao - Long An Industrial Park project (414.7 hectares) in Duc Hue District, Long An Province, in the following phases:*

- *Phase 1: Implementing 200 hectares starting from 2025.*
- *Phase 2: Implementing 214.7 hectares from 2027 to 2030.*

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với ....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

**3.2.5.** Thực hiện gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư Dự án “Khu Trung Tâm Dịch Vụ – Thương Mại – Giải Trí – Phim Trường – Trường Học – Bệnh Viện Và Dân cư Đô Thị Ecity Tân Đức”.

*Extending the investment certificate for the “Service - Commercial - Entertainment - Film Studio - School - Hospital and Urban Residential Center Tan Duc Ecity” Project.*

Điều chỉnh dự án đầu tư, thay đổi, gia hạn các Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh của các dự án do Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo làm chủ đầu tư và các dự án Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo liên kết thực hiện, để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

*Adjusting the investment project, modifying and extending investment policy approval decisions; investment policy and investor approval decisions; combined investment policy and investor approval decisions; investment registration certificates/ investment certificates/ investment licenses/ business licenses for projects owned by Tan Tao Investment and Industry Corporation and joint projects of Tan Tao Investment and Industry Corporation, to ensure the interests of shareholders.*

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GMS voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

**3.2.6.** Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chuyển địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Lô 2-4-6 Đường C, Khu Công Nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

*The General Shareholders’ Meeting approved the relocation of the Corporation’s headquarters to: Lot 2-4-6, Street C, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với ....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

**Nghị quyết 4**

**Resolution 4**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THỐNG NHẤT PHÊ CHUẨN KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VỐN CHO NĂM 2024:**

***THE GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING UNANIMOUSLY APPROVED THE CAPITAL MOBILIZATION PLAN FOR 2024:***

- 4.1** Đại hội đồng cổ đông thống nhất phê chuẩn và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định giữ lại một phần hoặc hoàn toàn lợi nhuận của năm 2023 để bổ sung nguồn vốn lưu động và/hoặc nâng vốn điều lệ thay vì chi trả cổ tức.

*The General Shareholders' Meeting unanimously approved and authorized the Board of Management to decide to retain a part or all of the 2023 profits to supplement working capital and/or increase charter capital instead of paying dividends.*

- 4.2** Đại hội đồng cổ đông thống nhất phê chuẩn và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động tìm kiếm các tổ chức tài chính trong nước hoặc Quốc tế để thực hiện vay vốn hoặc phát hành trái phiếu nhằm tái cấu trúc nợ và bổ sung vốn kinh doanh cho hoạt động của Công ty.

*The General Shareholders' Meeting unanimously approved and authorized the Board of Management to proactively seek domestic or international financial institutions to obtain loans or issue bonds for debt restructuring and to supplement business capital for the Corporation's operations.*

- 4.3** Đại hội đồng cổ đông thống nhất phê chuẩn và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động tìm kiếm các đối tác trong nước và nước ngoài để thực hiện việc hợp tác triển khai các dự án của Công ty trong thời gian tới trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty.

*The General Shareholders' Meeting unanimously approved and authorized the Board of Management to proactively seek domestic and foreign partners to collaborate on implementing the Corporation's upcoming projects, ensuring the highest benefits for ITACO.*

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

**Nghị quyết 5**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG NHẤT PHÊ CHUẨN VÀ ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

**Resolution 5**

***THE GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING UNANIMOUSLY APPROVED AND AUTHORIZED THE BOARD OF MANAGEMENT:***

**- LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN TRONG NƯỚC VÀ/HOẶC CÔNG TY KIỂM TOÁN QUỐC TẾ CÓ UY TÍN TRONG DANH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CÔNG BỐ ĐỦ TIÊU CHUẨN KIỂM TOÁN CHO CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TIẾN HÀNH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 VÀ NĂM 2024 CHO CÔNG TY.**

***SELECTING A REPUTABLE DOMESTIC AND/OR INTERNATIONAL AUDITING FIRM FROM THE LIST PUBLISHED BY THE STATE SECURITIES COMMISSION, WHICH MEETS THE STANDARDS FOR AUDITING LISTED COMPANIES, TO AUDIT THE 2023 AND 2024 FINANCIAL STATEMENTS OF THE CORPORATION.***

**- TRONG TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG KHÔNG CÓ CÔNG TY KIỂM TOÁN NHƯ TRÊN TIẾN HÀNH KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 VÀ NĂM 2024 CHO CÔNG TY THÌ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN.**

***IN CASE OF FORCE MAJEURE, IF NONE OF THE ABOVE AUDITING FIRMS CAN AUDIT THE 2023 AND 2024 FINANCIAL STATEMENTS OF THE CORPORATION, THE GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING APPROVES ITACO'S UNAUDITED FINANCIAL STATEMENTS.***

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

**Nghị quyết 6**

**TRƯỜNG HỢP VÌ LÝ DO BẤT KHẢ KHÁNG KHÔNG CÓ CÔNG TY KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 VÀ NĂM 2024 CHO CÔNG TY DẪN ĐẾN CỔ PHIẾU ITA BỊ ĐÌNH CHỈ GIAO DỊCH HOẶC BỊ HỦY NIÊM YẾT THÌ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THỐNG NHẤT PHÊ CHUẨN:**

**Resolution 6**

***IN CASE OF FORCE MAJEURE, WHEN THERE IS NO AUDITING FIRM TO AUDIT THE 2023 AND 2024 FINANCIAL STATEMENTS FOR ITACO, LEADING TO ITA SHARES BEING SUSPENDED FROM TRADING OR DELISTED, THE GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING UNANIMOUSLY APPROVED ON:***  
**- ỦY QUYỀN TOÀN BỘ CHO TIẾN SĨ DANGELAS - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAY MẶT CÁC CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI, TRONG NƯỚC VÀ CÔNG TY THỰC HIỆN MỌI BIỆN PHÁP CẦN THIẾT THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ QUỐC TẾ ĐỂ YÊU CẦU BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI.**

***AUTHORIZING DR. DANGELAS - CHAIRWOMAN OF THE BOARD OF MANAGEMENT, ON BEHALF OF FOREIGN AND DOMESTIC SHAREHOLDERS AND ITACO, TO TAKE ALL NECESSARY MEASURES IN ACCORDANCE WITH VIETNAMESE AND INTERNATIONAL LAW TO CLAIM COMPENSATION FOR DAMAGES.***

**- GIẢI PHÁP KHI CỔ PHIẾU ITA BỊ HỦY NIÊM YẾT:**

***SOLUTION WHEN ITA SHARES ARE DELISTED:***

**1. CÔNG TY HAY NHÀ ĐẦU TƯ KHÁC SẼ MUA LẠI CỔ PHIẾU TRỰC TIẾP TỪ CÁC CỔ ĐÔNG NẾU CÓ NHU CẦU BÁN.**

***THE OTHER COMPANIES OR OTHER INVESTORS WILL BUY BACK SHARES DIRECTLY FROM SHAREHOLDERS IF THEY WISH TO SELL.***

**2. CÁC CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ CỔ PHIẾU SẼ ĐƯỢC BỒI THƯỜNG THEO TỶ LỆ KHI TÒA ÁN QUỐC TẾ PHÁN QUYẾT BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI.**

***SHAREHOLDERS HOLDING SHARES WILL BE COMPEN-***

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với ....% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

**Nghị quyết 7**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THỐNG NHẤT PHÊ CHUẨN VÀ ỦY QUYỀN TOÀN BỘ CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐÃ THÔNG QUA NĂM 2023 VÀ CÁC NĂM TRƯỚC CHO ĐẾN KHI HOÀN THÀNH CÁC NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT ĐÃ ĐỀ RA.**

**Resolution 7**

**THE GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING UNANIMOUSLY APPROVED AND AUTHORIZED THE BOARD OF MANAGEMENT TO CONTINUE IMPLEMENTING THE RESOLUTIONS PASSED BY THE GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING IN 2023 AND PREVIOUS YEARS UNTIL THE COMPLETION OF THE CONTENT OF THE RESOLUTIONS.**

ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với số phiếu biểu quyết tán thành ..... cổ phiếu, tương ứng với ..... % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

*The GSM voted to approve with the number of ... votes in favor, equivalent to ...% of the total voting shares at the meeting.*

Long An, ngày 28 tháng 06 năm 2024

*Long An, 28th June, 2024*

**Nơi nhận/Recipients:**

- Các cổ đông – Công bố trên Website;  
*Shareholders - Announced on the Website;*
- Các thành viên Hội đồng quản trị;  
*Members of the Board of Management;*
- Các thành viên Ban Giám đốc;  
*Members of the Board of General Directors;*
- Lưu Ban HC – TH.  
*Archived in the Administrative Office.*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
ON BEHALF OF GENERAL SHAREHOLDERS' MEETING**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRWOMAN**

**ĐẶNG THỊ HOÀNG YẾN  
(a.k.a) MAYA DANGELAS Ed.D**



## HEAD OFFICE

---

Building Lot 2-4-6, Street C, Tan Tao Industrial Park, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi minh City, Vietnam

Tel: (84 28) 37 508 235/6 - Fax: (84 28) 37 508 237

Email: [kcntantao@itagroup-vn.com](mailto:kcntantao@itagroup-vn.com)

Website: [www.itaexpress.com.vn](http://www.itaexpress.com.vn)

---